VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

cao hành kiện,
nobel văn chương năm 2000
thạch hãn ● thụy khuê ● nguyễn thanh sơn
trích văn cao hành kiện
tâm thanh, thạch hãn chuyển ngữ
đọc "cửu long cạn dòng..."
nhật tiến
từ bốn phác thảo thời gian
đến mối mơ của cuội
kịch mới của nam dao
nhà trẻ
truyện mới của thơ thơ

truyện
cao hành kiện ● thường quán ● hoàng nga
lê hữu ● phan triều hải ● nguyễn bình phương

thơ
thảo chi ● sương mai ● hà nguyên du ● sử mặc
triều hoa đại ● ngu yên ● lê thị thấm vân

175
THÁNG 11 2000

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Website:www.saigonline.com/vanhoc/ hay vanhoc.omely.org
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 175 ● tháng 11, 2000

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
THẠCH HÃN	5	vòng nguyệt quế cho người lưu vong
THUY KHUÊ	13	cao hành kiện, nobel văn chương 2000
NGUYỄN THANH SƠN	18	cao hành kiện, bóng hoa trên mặt nước
CAO HÀNH KIỆN	22	tiểu thuyết là cái quái gì?
		tâm thanh dịch
CAO HÀNH KIỆN	25	đường lên linh sơn
		thạch hãn dịch
NGUYỄN QUẢNG TUÂN	39	nhận xét về cuốn "đọc kỹ truyện kiều"
THƯỜNG QUÁN	43	ba đoản văn
THẢO CHI	47	*đi qua nhà quàng oak hill*
HOÀNG NGA	49	vĩnh biệt mùa thu
SƯƠNG MAI	56	*nàng tấm tân thời*
THƠ THƠ	57	nhà trẻ
HÀ NGUYÊN DU	73	*thuần điệu, linh y*
LÊ HỮU	74	nắng lạ
TRIỀU HOA ĐẠI	94	*trăng soi hiên cũ*
PHAN TRIỀU HẢI	96	những con đường không đến seattle
NGUYÊN	101	*gặp trăng*
NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG	102	trí nhớ suy tàn (kỳ cuối)
LÊ THỊ THẤM VÂN	118	*người con gái VN đa vàng...thời bình*
NAM DAO	119	từ bốn phác thảo thời gian
		đến mối mơ của cuội (kịch)
SỬ MẶC	144	*nhẩm mình*
NHẬT TIẾN	145	đọc tác phẩm mới của N.Thế Vinh
VĂN HỌC	152	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 2000
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2000

Thư tòa soạn
Văn Học

Số báo tháng Mười Một hằng năm luôn luôn có chủ đề là Giải Nobel Văn chương do Hàn lâm viện Thụy điển công bố đầu tháng Mười. Năm nay, một nhà văn Trung Hoa lưu vong, có quốc tịch Pháp, nhận được vinh dự cao quí này: nhà văn Cao Hành Kiện, hiện sống tại Bagnolet ngoại ô kinh thành Paris.

Sự kiện lần đầu tiên một nhà văn gốc Trung Hoa được giải Nobel, trong suốt một thế kỷ thành lập Giải Nobel Văn chương, vốn đã là một vấn đề lớn. Giải Nobel là một xác nhận giá trị do những người thẩm định lỗi lạc đáng tin cậy của Hàn lâm viện Thụy điển, điều đó không có gì cần bàn cãi. Nhưng thước đo giá trị dựa trên những tiêu chuẩn của văn hóa Tây phương, cho nên trong lịch sử một trăm năm của Giải Nobel, các nhân tài xuất chúng của những nền văn hóa khác thường bị bỏ quên, họa hoàn lâu lắm mới có những người cầm bút được các nhà khảo cứu Tây phương "khám phá" ra, bỏ công dịch tác phẩm của họ sang ngôn ngữ Tây phương, sau đó họ mới được Hàn lâm viện Thụy điển công nhận. Vòng hoa choàng lên cổ những người may mắn này thường muộn màng, và kèm theo một lời nhắn nhủ an ủi: chúng tôi vừa truy nhận anh, đồng thời cũng truy nhận cái nền văn hóa từ đó anh được un đúc, trưởng thành.Trao giải cho Cao Hành Kiện là truy nhận những giá trị của nền văn hóa lâu dời và liên tục nhất của nhân loại: văn hóa Trung Hoa.

Nhưng chính quyền Trung quốc ở Hoa lụckhông chấp nhận việc Cao Hành Kiện được đại diện cho nền văn hóa Trung Hoa để nhận giải Nobel. Do những thể nghiệm sáng tạo theo khuynh hướng hiện đại của Tây phương khi viết kịch và tiểu thuyết, Cao Hành Kiện bị chính quyền xem là kẻ mất gốc, lai căng, tác phẩm bị cấm lưu hành phổ biến, khiến ông phải tị nạn chính trị ở Pháp và trở thành công dân nước này. Trong một thông cáo

ngần ngủi, chính quyền Bắc kinh xem Cao Hành Kiện là một người Pháp, và không có gì để nói thêm.

Một câu hỏi nên đặt ra: Như thế Cao Hành Kiện là nhà văn Trung Hoa hay nhà văn Pháp?

Nếu xem ông như một nhà văn Pháp, Hàn lâm viện Thụy điển không cần phải đề cao ông như một nhà văn cách tân, vì những gì ông viết hình như đều đi theo dấu chân của những nhà cách tân ông từng say mê như Ionesco, Beckett, Brecht. Cách tân chỉ là một phương tiện để Cao Hành Kiệm khám phá những di sản và truyền thống của nền văn hóa dân tộc ông, phát biểu một cách mới mẻ số phận cá nhân nhỏ bé trong cơn bão quyền lực của đám đông trong lịch sử hiện đại của nước ông. Quốc tịch Pháp ông mang chỉ là một "chuyện chẳng đặng dừng" để ông sống còn trong cuộc đời lưu vong.

Có lẽ nếu bị buộc trả lời câu hỏi trên, Cao Hành Kiện sẽ nhận mình là "một nhà văn Trung Hoa, mang quốc tịch Pháp".

Ông không đại diện cho văn học Trung Hoa đương đại, vì không chấp nhận chủ trương xem văn học nghệ thuật là công cụ của chính trị, và chỉ có "hiện thực xã hội chủ nghĩa" là đường lối duy nhất dành cho người nghệ sĩ sáng tạo.

Ông cũng không đại diện cho nền văn học Pháp, vì mặc dù ông có cố gắng hội nhập, mặc dù ông cố gắng viết văn bằng Pháp ngữ, Cao Hành Kiện vẫn là người đứng bên lề của sinh hoạt văn chương chính mạch. Trong tiểu thuyết và kịch ông viết ra, không có thân phận người Pháp. Chỉ có thân phận dân tộc ông, tiếng khóc tiếng cười của đồng bào quê hương ông. Và ông biết lắm, nếu không có Giải Nobel, những độc giả Pháp nếu có tìm đọc ông chỉ vì tò mò muốn biết một món hàng lạ chứ khó lòng đập cùng nhịp tim với những nhân vật kịch và truyện của ông.

Cuối cùng, Cao Hành Kiện đại diện cho một tập thể nhà văn, mà do những đưa đẩy khốc liệt của lịch sử, đã phải lìa bỏ tổ quốc sống lưu vong nơi xứ lạ, và phải bắt đầu làm quen với một nếp suy nghĩ khác, một phong tục truyền thống khác. Họ là những người hoặc "mất căn cước", hoặc phải mang trên người "cả hai căn cước". Họ thường xuyên phải sống trong mâu thuẫn văn hóa, cũng như phải thường xuyên dung hòa cho được nhu cầu duy trì truyền thống để khỏi thất cước và nhu cầu cách tân để thích nghi. Di dân là một hiện tượng xã hội phổ quát của thế kỷ hai mươi. Văn hóa di dân, văn chương di dân là hệ quả tất yếu của hiện tượng xã hội ấy.

Hàn lâm viện Thụy điển trao Giải Nobel cho Cao Hành Kiện, là vinh danh thành quả sáng tạo của một nhà văn di dân. Theo chúng tôi, câu trả lời đơn giản thế thôi! *Văn Học*

Cao Hành Kiện
Nobel Văn chương 2000

Cao Hành Kiện:
Vòng nguyệt quế cho người lưu vong

Thạch Hãn

Ngày 12 tháng 10 năm 2000, Hàn lâm viện Thụy Điển công bố người được trao giải thưởng Nobel Văn chương năm 2000. Đó là một nhà văn Trung Hoa lưu vong, hiện mang quốc tịch Pháp và đã từng cư ngụ tại đó với tư cách tị nạn chính trị từ năm 1987. Ông là kịch tác gia, họa sĩ, nhà văn, nhà đạo diễn và phê bình văn học Cao Hành Kiện, năm nay 60 tuổi, hiện đang sống trong một khu chúng cư ở ngoại ô Paris.

Dáng người nhỏ thó, nhã nhặn, nụ cười hiền luôn hiện diện trên khuôn mặt trông trẻ hơn tuổi dời đến cả chục năm, nhà văn họ Cao bàng hoàng khi hay tin mình được trao giải thưởng văn chương cao quý này. Ông cho rằng mình may mắn, và tỏ ý biết ơn những người đã hết lòng ủng hộ ông. Hàn lâm viện Thụy Điển tuyên dương vì "sáng tác phẩm của ông có giá trị phổ quát, chứa đựng những cái nhìn chua chát, có biệt tài dụng ngữ, khai mở những lối đi mới cho tiểu thuyết và kịch nghệ Trung Hoa." Bản tin còn ghi tiếp: "Trong tác phẩm của Cao Hành Kiện, văn chương được tái sinh, từ sự tranh đấu của cá nhân đơn lẻ để sống qua cơn lịch sử của đại khối. Ông ta là một kẻ hoài nghi thật sáng suốt, một người không bao giờ tự nhận mình có khả năng giải thích mọi lẽ trên đời. Ông xác quyết là ông chỉ tìm thấy được tự do qua việc sáng tác."

Chào đời ngày 4 tháng 1 năm 1940 tại Giang Tây, trong một gia đình trung lưu, cha làm ngân hàng, mẹ là dào hát nghiệp dư, Cao Hành Kiện sớm nếm mùi chiến tranh lúc quân đội Nhật chiếm đóng Trung Hoa. Thuở nhỏ, ông theo học các trường nhà nước, sau đó tốt nghiệp Ngoại ngữ Học Viện Bắc Kinh năm 1962 chuyên ngành văn chương và ngôn ngữ Pháp.

Vốn đã ham chuộng văn chương nghệ thuật từ lúc còn trẻ, lại có sự hướng dẫn và khuyến khích của mẹ, Cao Hành Kiện viết văn, làm thơ, vẽ tranh, soạn kịch và học kéo vĩ cầm từ năm 17 tuổi. Sau khi tốt nghiệp đại học, ông phiên dịch nhiều vở kịch của Beckett, Ionesco, và Brecht từ tiếng Pháp sang tiếng Hoa, những kịch tác gia về sau này ảnh hưởng lớn lao lên toàn bộ sự nghiệp kịch nghệ của ông.

Cuộc Cách mạng Văn hóa do Mao Trạch Đông đề xướng đã biến ông thành một người bất hảo. Chịu chung số phận với hàng triệu người trí thức Trung Hoa khác, ông bị kiểm thảo, đấu tố, và đày đi lao cải tại các vùng nông thôn ở miền Nam và Tây Nam Trung Hoa từ năm 1966 đến 1972, lang thang hết nơi này sang nơi khác. Trước nghịch cảnh, ông biến nỗi bất hạnh của mình thành chất liệu cho những sáng tác về sau, một phần lớn kinh nghiệm sống qua thời kỳ đen tối này được ghi lại trong tiểu thuyết/tự truyện được xem là tác phẩm độc đáo nhất của ông, *Linh Sơn*, cũng như trong cuốn tiểu thuyết tiếp theo, *Thánh kinh của một cá nhân*. Sức ép của thời cuộc, cộng thêm với sự bội phản của người vợ tố cáo chồng trước các ủy ban cải cách khiến ông phải tự thiêu hủy "một rương" bản thảo, đốt hết "kilô này đến kilô khác" những sáng tác ông đã hoàn thành trong nhiều năm.

Qua được cơn đại nạn, và phải đợi đến gần cuối thập niên 1970, Cao Hành Kiện mới có lại được đời sống bình thường của một văn nghệ sĩ. Lúc này ông được phép xuất bản những sáng tác của mình, gồm kịch, truyện ngắn và tiểu luận; và được phép đi đây đi đó. Trong những năm tiếp theo, Cao trở thành một kịch tác gia hàng đầu của Trung Hoa thời hậu Mao, một nhà soạn kịch cách tân đầy hứa hẹn. Năm 1982, vở kịch đầu tiên "Tín hiệu báo động" được trình diễn tại Bắc Kinh, mở đầu cho những sinh hoạt kịch nghệ thử nghiệm sau nhiều năm vắng bóng trên sân khấu. Qua năm sau, vở kịch tiếp theo "Bến Xe" chịu ảnh hưởng của nền kịch nghệ phi lý của Âu châu lại bị chính quyền Trung Hoa lên án có "lời lẽ độc hại nhất kể từ ngày thành lập nước cộng hòa nhân dân." Từ đó, ông trở thành mục tiêu của chiến dịch bài trừ "ô nhiễm tinh thần" đả phá ảnh hưởng của nền văn minh tây phương. Đến năm 1986, khi vở kịch "Bến khác" của ông bị nhà cầm quyền cấm không cho trình diễn, ông bỏ đi ngao du bằng chân dọc theo sông Dương Tử trong vùng Tứ Xuyên suốt 10 tháng trời để tránh mọi sự hành sách ruồng bố. Năm 1987, ông sang Pháp rồi xin tị nạn chính trị tại đó. Khi biến cố Thiên An Môn xảy ra vào năm 1989, ông phản đối nhà cầm quyền Trung Hoa bằng cách trả lại thẻ đảng. Ông tham gia sinh hoạt các phong trào phản kháng và trở thành một nhân vật chống chế độ, sống lưu vong.

"Những kẻ trốn chạy" được sáng tác trong thời gian này, dùng vụ đàn áp phong trào đòi dân chủ ở Thiên An Môn làm bối cảnh, đã là giọt nước làm tràn ly. Nhà cầm quyền bắc Kinh ra lệnh cấm lưu hành hay trình diễn toàn bộ công trình sáng tác kịch nghệ và văn học của ông, đặt ông vào thành phần bất hảo đối với nhà nước.

Trong một căn chung cư ở khu Bagnolet, ngoại ô Paris, Cao Hành Kiện vừa sáng tác bằng tiếng Trung Hoa và tiếng Pháp, nhưng chuyên tâm nhiều hơn về hội họa, vì đây là kế mưu sinh. Ông chuyên vẽ tranh thủy mặc, triển lãm khắp nơi trên nước Pháp cũng như ở Âu châu. Tranh ông được nhiều người ưa chuộng vì nét giản dị và phóng khoáng của chúng, lại cống hiến cho người thưởng ngoạn một cái nhìn khác hẳn với nền hội họa của Âu châu từ trước đến giờ.

Năm 1998, ông nhập quốc tịch Pháp. Những công trình của ông được sự chú ý của văn giới cũng như chính giới Pháp nên ông được chính phủ tuyên dương với tước vị Chevalier de l'Ordre des Arts et des Lettres.

Ngoài những sáng tác kịch nghệ được trình diễn nhiều nơi trên thế giới, nhà văn họ Cao còn là tác giả của nhiều tiểu luận văn học, thơ, truyện ngắn, và đặc biệt la hai cuốn tiểu thuyết *Linh Sơn* và *Thánh Kinh của một cá nhân*.

Linh Sơn có thể xem như một cuốn tự truyện, ghi lại những kinh nghiệm tác giả thu thập được trong thời gian chịu đựng lao cải và nhất là trong 10 tháng ngao du sơn thủy vùng Tứ Xuyên dọc theo sông Dương Tử. Sử dụng kỹ thuật chuyển đổi quan điểm trong suốt cuốn sách dày hơn 500 trang (ấn bản Anh ngữ), Cao Hành Kiện cho người đọc nhìn thấy nhiều góc cạnh khác nhau của lịch sử văn hóa cũng như đời sống tinh thần của người dân Trung Hoa qua nhiều thời đại, nhiều vùng địa lý và nhiều chủng tộc. Ông tạo cho người đọc cơ hội được sống cùng, được san sẻ, những chi li của đời sống của từng bộ tộc, của từng vùng địa lý trong diện tích bao la của một nước Trung Hoa vĩ đại. Có thể nói ông là một nhà sinh thái học, nhưng ông không chỉ dừng lại ở chỗ tìm hiểu cỏ cây muông thú, mà còn đi xa hơn, ông còn tổng hợp lịch sử của các dân tộc để chiếu rọi ánh sáng vào những nơi thâm u nhất của lịch sử văn hóa và nhân chủng Trung Hoa. Người đọc sẽ gặp "tôi, anh, [bạn, ông, bà,] chị, v.v." thay phiên nhau đóng vai người thuật chuyện (narrator) để thuật sự, đặt câu hỏi, dẫn dắt người đọc một cách chậm chạp, dài hơi, nhưng lại rất thú vị, như "bạn đã nghe kể chuyện truyền kỳ," "bạn đã gặp thầy tu, phù thủy, chủ quán hay công chức," "bạn đã tìm ra nguồn sông Dũ," v.v.. Câu chuyện không vì thế trở nên thụ động, trái lại nó đưa cuốn sách lên hàng một tác phẩm nghệ thuật. Khởi viết năm 1982 và hoàn tất tháng 9 năm

1989, nguyên tác Hoa ngữ xuất bản lần đầu tiên tại Đài Loan năm 1990. Mãi cho đến gần 10 năm sau, các bản dịch Pháp và Anh ngữ mới xuất hiện , ở Pháp dưới nhan *La Montagne de l'Âme* do Liliane và Noel Dutrait dịch, xuất hiện cùng lúc với bản dịch *Le Livre d'un homme seul*, cùng dịch giả. Phiên bản Anh ngữ *Soul Mountain* do nhà HarperCollins xuất bản tháng 5 năm 2000 tại Úc, do Mabel Lee phiên dịch.

Thánh Kinh của một cá nhân lấy cuộc cách mạng văn hóa làm bối cảnh, nhân chứng của thời đại Mao Trạch Đông với những hậu quả thảm khốc của chính sách đại cải cách, là một cuốn sách viết về cuộc đời đổ vỡ của một đôi nam nữ gặp nhau trong cơn đau của hoài niệm và trong hoan lạc xác thịt. Câu chuyện xoay quanh hai người: Chàng là một người Trung Hoa được mời đến Hương Cảng trình diễn một trong những sáng tác của anh. Nàng là một cô gái trẻ, người Đức gốc Do Thái, dày vò với những nỗi đau từ lúc bị hiếp dâm hồi còn nhỏ. Hai người đã có dịp quen biết nhau nhiều năm về trước ở Trung Hoa lục địa. Tình cờ hai người gặp lại nhau tại Hương Cảng. Họ có chung những đau khổ từ hoài niệm quá khứ, họ chung chăn chiếu, đìu nhau vào niềm hoan lạc của dục tình. Nhưng nỗi cô đơn của họ thì hình như chẳng có gì làm khuây khỏa. Hai kẻ yêu nhau nhiều khi phải bỏ cuộc. Để cho người đọc nhận ra khoảng cách giữa nhân vật với những khổ đau tột cùng, cũng như làm nổi bật khuynh hướng tự tha hóa, người kể chuyện–ở đây không ai khác hơn là tác giả– không bao giờ dùng ngôi thứ nhất. Từ ngôi thứ ba qua ngôi thứ hai, người thuật chuyện lướt từ quá khứ qua hiện tại, đưa người đọc đi từ góc nhìn này sang góc nhìn khác, thấy được những nét khổ đau và nỗi cô đơn triền miên của con người.

Sinh hoạt chính của Cao Hành Kiện là sáng tác kịch và đạo diễn. Kịch của ông lần lượt xuất hiện trên nhiều sân khấu ở Âu châu và mới đây ở Hoa Kỳ, ngoài những lần trình diễn ở Trung Hoa trước khi ông bị nhà cầm quyền ra lệnh cấm. Ông chịu ảnh hưởng của Beckett và Ionesco, trường phái kịch nghệ phi lý. Vở "Bến Xe" được các nhà phê bình so sánh với "Trong khi chờ Godot" của Beckett, và được xem là vở kịch có cái nhìn tiên tri về một nước Trung Hoa hiện đại. Ông được xem như là một kịch tác gia hàng đầu của Trung Hoa hậu bán thế kỷ hai mươi, một trong số rất ít những nhà soạn kịch Trung Hoa vươn tới một thế giới rộng rãi hơn trước khi quay về với thế giới riêng của mình. Giáo Sư Âu Phàn Lê, một nhà Hoa học nổi tiếng tại Đại học Harvard cho rằng "sự liên hệ của ông đối với Trung Hoa không chỉ ở trong hoài niệm, chính trị hay lịch sử, Ông dùng tất cả những chủ đề này như những ẩn dụ, những chỉ dẫn đưa

đến một sự tìm kiếm ý nghĩa có tính cách riêng tư hơn." Toàn bộ sáng tác kịch của ông mang dấu ấn cách tân, thổi một luồng khí mới vào sinh hoạt nghệ thuật của Trung Hoa thời hiện đại. Howard Goldblatt, giáo sư văn chương Trung hoa tại Đại Học Colorado, Boulder, và là dịch giả của rất nhiều tiểu thuyết từ tiếng Hoa sang Anh ngữ, tóm gọn đóng góp của Cao Hành Kiện vào nền văn học Trung Hoa nói riêng và thế giới nói chung như sau: "Những quan tâm của ông, dù dựa trên những biến cố đã xảy ra ở Trung quốc, đã phải nhường chỗ cho những ưu tư rộng lớn hơn của nhân loại. Ông từng nói con đường duy nhất đưa ông đến tự do là việc sáng tác, cho nên khi ông viết bằng tiếng Hoa và dùng bối cảnh Trung Hoa, ông muốn được người ta xem ông như là một người sáng tác cho một lớp độc giả rộng lớn hơn."

Việc trao giải thưởng văn chương năm nay của Hàn lâm viện Thụy Điển gây nhiều tranh cãi. Lần đầu tiên trong suốt một trăm năm lịch sử của giải thưởng, một người Trung Hoa nhận được vinh dự lớn lao này. Thế nhưng, khác với sự dự đoán của nhiều người theo dõi sinh hoạt văn học nghệ thuật thế giới nói chung và Trung Hoa nói riêng, Cao Hành Kiện không phải là một trong những nhà văn có tên trong danh sách chọn lựa chung kết mà người ta thường dự đoán được ủy ban chấm giải xem xét. Tên tuổi của họ Cao chỉ mới được nhắc đến như là một ứng viên giải Nobel trong một chương trình phát thanh tại Úc ngày 5 tháng 7 năm nay, trong chương trình "Late night live" với Phillip Adams. Trong nhiều năm qua, những người Trung Hoa được xem có nhiều hy vọng đoạt giải là nhà thơ Bắc Đảo, nhà văn Ba Kim hay nhà soạn kịch Lão Xá. Ngay cả công trình sáng tác của Cao Hành Kiện cũng chưa được dịch ra Anh ngữ, ngoại trừ cuốn *Linh Sơn* (Soul Mountain) do Mabel Lee, một giáo sư văn chương Trung Hoa tại Đại Học Sydney dịch và do nhà HarperCollins xuất bản dưới nhan của Flamingo, và chỉ lưu hành tại Úc mà thôi, và vở kịch "Bến Kia" (The Other Shore). Phần lớn các bản dịch tác phẩm của ông bằng tiếng Pháp và tiếng Thụy Điển.

Quyết định của Hàn lâm viện Thụy Điển một lần nữa tạo cơ hội cho dư luận thế giới bàn tán về giá trị của sự chọn lựa. Nhiều người cho rằng đây là một quyết định có tính chính trị hơn là văn chương. Qua việc trao giải thưởng cho Cao Hành Kiện, Hàn lâm viện Thụy Điển lôi kéo sự chú ý của thế giới về Trung Hoa, nhưng lại chọn một nhân vật phản kháng chế độ như để cảnh giác nhà cầm quyền cộng sản về các biện pháp phản dân chủ và vi phạm nhân quyền của họ. Nhiều người chia sẻ cái nhìn có hậu ý chính trị, nhưng cũng có nhiều phản ứng hoan nghênh quyết định vì

họ cho rằng Cao Hành Kiện xứng đáng được trao giải.

Nhà cầm quyền Trung quốc phản ứng một cách hờ hững và lạnh nhạt. Họ xem như đây là một gáo nước lạnh tạt vào mặt, nên vô cùng bẽ bàng. Tin Cao Hành Kiện được giải không hề được loan rộng rãi trên các nhật báo. Tờ *Nhân dân Nhật báo*, cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng cộng sản Trung hoa, chỉ đăng một bản tin ngắn, dưới hàng tít "Giải thưởng Văn Chương Nobel dùng làm lợi khí chính trị," đại ý cáo buộc Hàn lâm viện dùng "giải thưởng Nobel văn chương vào mục tiêu chính trị, vì thế đã đánh mất thẩm quyền của giải về mặt văn học," như lời một viên chức lãnh đạo Hội nhà văn Trung quốc tuyên bố với Tân Hoa xã. Người lãnh đạo Hội nhà văn không được nêu tên này còn nói thêm "Trung Hoa không thiếu gì các tác phẩm văn học tầm cỡ và những nhà văn lớn, nhưng ủy ban chấm giải đã không hề biết đến."

Về phía chính quyền Hoa lục, Bộ Ngoại giao lên án ủy ban chấm giải có "hậu ý chính trị." Bản lên tiếng của Bộ không hề nhắc đến tên hay tác phẩm của người được giải. Sự chỉ trích của nhà cầm quyền ngay tức khắc tạo nên một luồng dư luận trái ngược nhau trên các mạng lưới toàn cầu (internet) của người Hoa. Có người lên tiếng cho rằng chính quyền phải lấy làm hãnh diện trước việc ông Cao được giải, trong khi người khác cho rằng việc trao giải như thế chứng tỏ thế giới rốt cuộc đã công nhận giá trị của truyền thống văn học lâu đời của Trung Hoa. Có kẻ nêu câu hỏi "Nếu *Linh Sơn* được sáng tác bằng Pháp ngữ (sic), làm sao nó lại có thể có ảnh hưởng đến văn học Trung Hoa như Hàn lâm viện đã tuyên dương. (Thật ra cuốn *Linh Sơn* được sáng tác bằng Hoa ngữ, được ông bà Liliane và Noel Dutrait dịch sang Pháp ngữ, xem thêm bài viết của Thụy Khuê trong số này.) Câu hỏi này nói lên một điều: Cao Hành Kiện không phải là một tác giả được đồng bào ông biết đến một cách rộng rãi, đến nỗi có kẻ nhầm là ông đã viết *Linh Sơn* bằng tiếng Pháp. Trong một nhà sách cao bảy tầng lầu ở Thượng Hải, một người bán hàng thốt người lên hỏi "Ông Cao nào vậy?" trong khi một khách hàng đứng cạnh tìm cách giúp, "Ông ấy là người Nhật?"

Giới trí thức Hoa lục đón nhận tin ông Cao được giải với tâm trạng buồn vui lẫn lộn. "Chúng ta phải chúc mừng ông được giải," Thuận Nghĩa, giám đốc Bảo tàng viện văn học Trung hoa hiện đại vừa mới khánh thành ở Bắc Kinh tuyên bố. Ông còn nói thêm "Giải thưởng vừa có tính kích thích, vừa khiêu khích đối với Trung Hoa. Nó khiến chúng tôi cảm thấy vô cùng bối rối, không biết nên cười hay nên khóc." Giám đốc Thuận cho rằng ủy ban chấm giải Nobel đã không am hiểu Trung Hoa, một quốc gia có nhiều tài năng và truyền thống văn học lâu dài. Nhưng ông cũng

chê trách guồng máy văn hóa nhà nước đã không quan tâm đến việc phiên dịch và xiển dương văn học của quốc gia với thế giới. Ông nói: "Chúng ta không nên trông cậy vào người ngoại quốc để họ giới thiệu văn học Trung hoa với thế giới," nhưng " ở Trung Hoa bây giờ không còn có những nhà phiên dịch lỗi lạc nữa."

Trong khi đó, Đài Loan và Hương Cảng bày tỏ nỗi vui mừng trước tin Cao Hành Kiện được giải. Tổng thống Trần Thủy Biển của Đài Loan tuyên bố: "Vòng nguyệt quế này chính là niềm kiêu hãnh của người Trung Hoa khắp nơi trên thế giới, và là một sự khuyến khích dành cho các nhà văn Trung Hoa." *Trung Hoa Thời Báo* xuất bản ở Đài Loan đi hàng tít lớn "Niềm kiêu hãnh của người Hoa khắp thế giới," trong khi *Liên Hiệp Nhật Báo* đưa tin Cao Hành Kiện duy trì liên lạc thường xuyên với những nhà văn ở Đài Loan và có lần ông đã thề sẽ không bao giờ trở lại Trung hoa lục địa khi nào còn bị áp bức. Đối với giới văn nghệ và xuất bản ở Đài Loan, Cao Hành Kiện có một mối liên hệ chặt chẽ và mật thiết. Mới đây, ông nhận lời mời của Tòa Thị Chính Đài Bắc viếng thăm thủ đô đảo quốc trong ba tháng vào khoảng cuối năm nay, với tư cách nghệ nhân thường trú trong khuôn khổ một kế hoạch phát triển văn hóa. Nhà văn họ Cao bày tỏ sự tán đương của ông đối với chính sách tự do về văn học nghệ thuật mà đảo quốc chủ xướng, và lòng biết ơn của ông đối với tầng lớp độc giả đã ủng hộ những sáng tác văn học và hội họa của ông trong thập niên qua.

Dĩ nhiên mọi phán xét lúc này vẫn còn quá sớm. Xác định một tài năng trong phạm vi văn học đòi hỏi một cái nhìn tổng thể, phóng khoáng và dài hơi. Giá trị văn học của họ Cao có đứng vững hay không, chỉ riêng vòng nguyệt quế Nobel thôi chưa đủ. Chỉ có thực tài, thực lực của chính tác giả và chân giá trị của tác phẩm mới chịu đựng nổi sự thử thách của thời gian và của lịch sử. Nhưng một điều hiển nhiên ai cũng nhận ra: vinh quang sẽ đến với bất cứ ai dem hết sức mình đóng góp vào kho tàng sáng tạo chung của nhân loại. Quốc tịch, ngôn ngữ, trường phái, hay thái độ chính trị, sẽ chẳng bao giờ là rào cản không thể vượt qua trên con đường tìm đến vinh quang. Vài năm trước đây, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam ở hải ngoại, trên diễn đàn *Văn Học*, có người đặt vấn đề ngôn ngữ và nhãn hiệu (nhà văn lưu vong/hải ngoại; tiếng Anh, tiếng Pháp hay tiếng Việt), căn cước/quốc tịch (Hoa Kỳ, Pháp, Úc, Gia nã đại, v.v hay Việt Nam) khi bàn đến tương lai của sinh hoạt văn học Việt Nam hải ngoại. Dường như câu trả lời cho câu hỏi đó đã phần nào được giải

Một bức tranh thủy mặc của Cao Hành Kiện
Tên bức tranh: *Receuillement*
In trong bản Anh ngữ *Soul Mountain* do Mabel Lee dịch
xuất bản ở Úc tháng Năm 2000

Nobel năm nay gợi ý. Và ước mong tiền lệ này sẽ là nguồn dưỡng khí mang lại sự cường tráng và tươi mát cho sinh hoạt văn học Việt Nam, ở bất cứ nơi nào trên quả địa cầu.

Thạch Hãn

Như thường lệ, một buổi lễ trao giải long trọng sẽ được tổ chức vào ngày 10 tháng 12 năm 2000 tại Stockhom, thủ đô của Thụy Điển, dưới sự chủ tọa long trọng của Vua Carl XVI Gustaf. Giải thưởng năm nay lên đến 9 triệu đồng Kronor, tương đương với 915.000 Mỹ kim.

Cao Hành Kiện, Nobel Văn chương 2000

Thụy Khuê

Ở tầng lầu thứ 18, một cao ốc bình dân mà người Pháp gọi là HLM (habitation à loyer modéré -cư xá nhà cho thuê giá hạ), tại Bagnolet, vùng ngoại ô phía đông Paris, Cao Hành Kiện, giải Nobel văn chương 2000 cư ngụ; chính xác hơn là ở cái «tour» 30 tầng, số 4, rue de la Noue, khu di dân tứ xứ. Hàng xóm của Cao Hành Kiện, về phía người Việt Nam, có cụ Đặng Văn Long, làm văn, làm thơ và vẽ, có nhà văn Kiệt Tấn ... Dĩ nhiên là họ không quen biết nhau.

Nhà thơ, nhà báo Hoàng Hưng, vừa ở Việt Nam sang, tạm trú tại nhà cụ Đặng Văn Long. Chiều ngày 12 tháng 10 tình cờ xuống đường gặp nhà báo Pháp *Le Figaro* đeo máy chụp hình. Hỏi: đi đâu? Bảo: vừa đến nhà "Prix Nobel de littérature 2000". Hoàng Hưng: Chỉ cho tôi với, tôi cũng là nhà báo! Một nhóm phóng viên khác cùng đến. Thế là đi. Tất cả lên tầng thứ 18, *tour* bên cạnh.

Nobel văn học 2000: đỏng cao, tráng kiện, xuề xòa mời tất cả vào phòng khách nhỏ, một *appartement deux pièces* (hai phòng), khiêm tốn. Ống kính báo chí và các đài truyền hình liên tục chớp. Vai chính, tóc mai vừa điểm bạc, trẻ hơn tuổi 60, bình tĩnh trả lời nhà báo và không để lộ niềm vui trên nét mặt:

"Từ tuổi thơ, tôi đã có thói quen viết không ngừng. Điều này đã đem lại cho tôi những nỗi bất hạnh khi còn ở Trung Quốc, nhưng tôi không thể ngừng viết. Ngay cả trong những lúc khó khăn nhất tôi vẫn viết "chui" và không nghĩ rằng mình sẽ có thể in được. Vì vậy tôi chẳng chờ đợi gì."

"Chẳng chờ đợi gì". Đó là niềm tin sâu xa nhất của một người vào văn học: Viết như một hành động hiện hữu.

Cao Hành Kiện sinh ngày 4/1/1940, giữa chiến tranh Hoa-Nhật tại Cam Châu, thuộc tỉnh Giang Tây (miền đông nam Trung Quốc). Cha làm

ở ngân hàng và mẹ là diễn viên. Tốt nghiệp viện ngoại ngữ Bắc Kinh, về Pháp văn. Đã dịch nhiều tác giả Pháp ra Hán văn, nhất là các nhà thơ siêu thực và tác giả kịch phi lý như Prévert, Michaux, Ponge, Perec, Ionesco, v.v...

Trong thời kỳ cách mạng văn hóa (1966-1976), Cao Hành Kiện bị đi cải tạo và phải đốt một va-li bản thảo. Mãi đến 1979, Cao mới được quyền in tác phẩm đầu tiên và được xuất ngoại đi Pháp và Ý.

Từ 1980 đến 1987, xuất hiện những truyện ngắn, tiểu luận, kịch bản của Cao trên các báo văn học ở Trung Quốc. Bài viết tựa đề "Tiểu Luận Đầu Tiên Về Kỹ Thuật Tiểu Thuyết Hiện Đại" (Premier essai sur les techniques du roman moderne - 1981) đã gây tranh luận sôi nổi.

Năm 1982, với vở kịch *Báo Động* (Signal d'alarme), một thử nghiệm đầu tiên theo truyền thống kịch Tây phương, được một số công chúng Bắc Kinh tiếp nhận, Cao đã tung ra nhận xét: "Tuyên truyền và nghệ thuật là hai điều khác nhau."

1983, *Đợi Bus* (Arrêt d'autobus), một vở kịch khác của Cao, kiểu *Đợi Godot* (En attendant Godot) của Samuel Beckett, được trình diễn ở Bắc Kinh, Cao trở thành một hiện tượng "ô nhiễm tinh thần", chạy theo phương Tây, "cần phải loại trừ". Tác phẩm được coi là "sản phẩm độc hại nhất từ khi thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc".

Năm 1986, vở kịch *Bờ Bên Kia* (L'autre rive) của Cao bị cấm, trong đó Cao lên án tập thể đè bẹp cá nhân. Cao Hành Kiện đi lang thang trong 10 tháng ở vùng Tứ Xuyên, và từ cuộc hành hương này, nẩy mầm tiểu thuyết *Linh Sơn* (La montagne de l'âme), tác phẩm chủ yếu của Cao, được dịch ra tiếng Thụy Điển, xuất bản năm 1990, dịch và xuất bản tiếng Pháp năm 1995.

Cao Hành Kiện tị nạn chính trị tại Pháp từ năm 1988. Mười năm sau, Cao mới được nhập quốc tịch Pháp. Cao Hành Kiện tiếp tục viết văn bằng Hoa ngữ, trừ một vài kịch bản viết thẳng tiếng Pháp. Kịch bản *Chạy Trốn* (La fuite) viết năm 1984 tại Pháp về biến cố Thiên An Môn đã khiến Cao bị tịch thu tài sản ở Bắc Kinh và toàn bộ tác phẩm bị cấm ở quốc nội. Các bạn khuyến khích ông viết thẳng tiếng Pháp và tác phẩm Pháp văn đầu tiên là *Bên Lề Cuộc Đời* (Au bord de la vie) được trình diễn ở festival d'Avignon. Tiếp đó là các vở *Mộng Du* (Le somnambule) và *Bốn Tứ Tấu Cho Một Cuối Tuần* (Quatre quatuors pour un week end). Những vở kịch của Cao được Lansman in tại Bỉ.

Chối bỏ lối viết "hiện thực xã hội chủ nghĩa", Cao Hành Kiện muốn tìm một lối viết hiện đại, theo kỹ thuật Tây phương, để chuyên chở tâm

hồn Trung Quốc.

Noel Dutrait, giáo sư văn học Trung Quốc ở đại học Aix en Provence và là dịch giả tác phẩm *Linh Sơn* của Cao Hành Kiện cho biết: *"Tôi gặp Cao lần đầu ở Lyon năm 1978 trong một phái đoàn nhà văn Trung Quốc. Cao là người trẻ nhất và chúng tôi đã có cảm tình với nhau ngay. Tôi gặp lại Cao ở Paris năm 1987 và khi ấy chúng tôi nói với nhau nhiều hơn về tiểu thuyết của Cao. Năm 90, tôi đề nghị sẽ dịch tác phẩm chủ yếu của Cao, cuốn* Linh Sơn, *vừa được dịch sang tiếng Thụy Điển. Lao vào một cuốn sách 700 trang mà chưa biết ai sẽ in, thật đúng là hơi điên"*.

Năm 1994, ông bà Liliane và Noel Dutrait hoàn tất tác phẩm. Đem lên Paris, tất cả các nhà xuất bản lớn ở Paris đều từ chối, họ không chịu phiêu lưu bỏ món tiền lớn vào một tác giả vô danh.

Chỉ có nhà xuất bản Aube chấp nhận. Marion Hennebert, giám đốc nhà xuất bản này (cùng với Jean Viard) than rằng: *"Biết rằng sẽ tốn 100.000 francs tiền dịch và 100.000 francs tiền in, mặc dù không đủ tiền chúng tôi cũng cứ in liều."*

Aube là một nhà xuất bản nhỏ ở miền Nam nước Pháp, gần tỉnh Aix en Provence. Aube đã in sách của Vaclav Havel ba tháng trước khi ông này đắc cử tổng thống, và cũng phát hành những tập truyện ngắn và kịch bản của Nguyễn Huy Thiệp (do Kim Lefèvre dịch) cùng với một số tác giả khác như Dương Thu Hương, Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Quang Thiều, Hồ Anh Thái v.v... Marion Hennebert có một tầm nhìn rộng rãi về «thế giới thứ ba», về những nhà văn không có chỗ đứng trên quê hương của họ, và cũng không được các nhà xuất bản lớn chú ý vì phương diện lý tài.

Linh Sơn -La Montagne de l'âme-(Aube 1995) cho đến nay, được xem như tuyệt tác của Cao Hành Kiện, là câu chuyện một người - phải chăng là chính tác giả - vai đeo ba-lô, đi bộ, xe đạp, xe đò ... để tìm một ngọn núi bí mật, kho tàng lý tưởng, nơi cất dấu chôn vùi "thế giới cát bụi".

Trên đường viễn du vào quá khứ vàng son của nền văn hóa lâu đời nhất hoàn cầu, khách du đã thấy muôn nghìn hình ảnh, dấy lên từ những truyền thuyết xa xưa và hiện đại: Từ những cửa thiên đàng đến những vùng địa ngục u tối của trần gian: cánh đồng bát ngát lúa vàng, rừng phong bạt ngàn nguyên thủy, từ những thầy mo, những vùng khỉ ho cò gáy, đến những vấn đề bảo vệ môi trường trên sông Dương Tử v.v... những nỗi nhục nhằn, tủi nhục của những cô gái bị cán bộ Đảng hãm hiếp. Tác phẩm nhào nặn một thực tại sống ngày nay trong quá khứ và tưởng tượng. Giao hòa giữa truyền thống Trung Hoa cổ điển và lối viết của thế kỷ này, mà chủ đích là đem tưởng tượng, đem những giấc mơ vào văn học, điều

mà đường lối hiện thực xã hội chủ nghĩa chối từ.

Sau *Linh Sơn*, Cao viết tự truyện *Cuốn Sách Của Một Người Cô Đơn* (Le livre d'un homme seul -Aube, 2000), một tự truyện hư cấu trữ tình giữa một người đàn ông Tầu già dặn và một cô gái Đức Do Thái trẻ. Cao muốn gửi gấm ở đây, thân phận của những con người suốt đời bị lưu đầy triệt hạ như một Cao, nam, như một Do Thái, nữ. Cao vừa viết, vừa vẽ, vừa làm dạo diễn. Hội họa là phương tiện thứ nhì để Cao diễn dạt tâm hồn Trung Quốc của mình trong tác phẩm nghệ thuật và cũng là phương tiện độ nhật của Cao trong cuộc sống chật vật của một nghệ sĩ ngoại quốc nơi kinh thành ánh sáng.

Cao cho biết: Các tác phẩm văn học (kịch và tiểu thuyết) không đem lại cho ông đồng nhuận bút nào. Các nhà xuất bản chỉ in chúng ra như một cử chỉ thiện chí để ủng hộ tôi.

Mỉa mai thay khi thấy Marion Hennebert tuyên bố đã phải trả cho dịch giả (người Pháp) cuốn *Linh Sơn* 100000 francs. Còn tác giả? Các tác giả "nhược tiểu" như Cao, như Thiệp ... đều chịu chung số phận.

Về *Cuốn Sách Của Một Người Cô Đơn*, Cao nhận định: *"Con người tạo ra lịch sử và văn hóa. Con người trước tiên. Rồi ký ức đến sau."*

Di sản chờ đợi và cần phải có, không phải là thứ ký ức bóp méo được chỉ định bởi quyền lực toàn trị, mà là ký ức thực thụ, sống động hơn và khác biệt hơn. Đó là những ký ức cá nhân và đa dạng. Cuốn sách này là chứng nhân của "tôi", giữa những chứng nhân khác. Người ta không thể hình dung được sức mạnh mà nhà cầm quyền hiện nay đè nặng trên tư tưởng con người. Ngoài chuyện kiểm duyệt vẫn còn gay gắt, sự tự kiểm duyệt mình đè nặng người trí thức Trung Hoa. Và càng ngày càng khó tránh kiểu nói lưỡi gỗ (langue de bois). Quốc gia và Cộng sản thay nhau kề đao cận cổ: Một khi mà lịch sử vẫn còn ú ớ, nói chi đến thực tế hàng ngày, thì văn học lưu vong bắt buộc và cần phải hiện diện.

"Về nước Trung Hoa, người ta đã bắt đầu tố cáo việc ăn thịt người, nhưng còn những bạo hành khốc liệt hơn vẫn nằm trong bóng tối. Giết trọn cả làng, từ ông già đến bé thơ. Đàn ông, đàn bà, trẻ con, nếu bị nghi ngờ là địa chủ hay nông dân giầu có, họ giết hết. Những gì đã xẩy ra không thể tưởng tượng được, không thể hình dung được.... Về những chuyện ấy, ngay cả cái mà người ta gọi là «văn chương hàn gắn vết thương» cũng không dả động đến.»

Phóng viên báo *Le Monde* hỏi tại sao ông tự hủy nhiều bản thảo của mình. Cao đưa hai lý do: Hoặc không hài lòng với những điều ông viết dưới áp lực, phải tự duyệt mình. Hoặc phải đốt bản thảo vì sợ bị khám

trong những thời điểm gắt gao nhất.

Hỏi: Có gì khác nhau giữa văn và vẽ? Cao cho biết: *"Ở chừng mức âm thanh. Tôi nghe. Trong văn chương tôi săn chữ như những âm. Ở họa, động tác đến tự thân thể. Tôi vẽ trong khi nghe nhạc. Rồi vung bút."*

Cao Hành Kiện được coi là nhà văn tiên phong đã đưa những khái niệm hiện đại vào văn học Trung Quốc. Báo chí Pháp sốt sắng "nhập tịch" ông là "nhà văn Pháp", ca ngợi ông là cha đẻ của dòng văn học *avant-garde* của Trung Quốc. Điều đó có thật đúng không? Khó trả lời, vì người ta biết rất ít về nền văn học này. Lỗ Tấn và Lâm Ngữ Đường xưa không lọt vào mắt xanh của Nobel. Nay, một số tên tuổi khác được nhắc đến như Bắc Đảo, Hàn Thiêu Công hay Mạc Ngôn ... Bắc Đảo cũng là một nhà văn phản kháng và cũng được dịch như Cao Hành Kiện. Một nhà báo đặt câu hỏi: Phải chăng một nhà văn Trung Quốc phải có quốc tịch Pháp mới được người ta đọc? Mà xin vào quốc tịch Pháp không dễ (trên dưới mười năm). Lại phải lận lội viết kịch bằng tiếng Pháp, lận lội trong môi trường văn nghệ Âu Châu mà không được đồng xu tác quyền nào.

Một nền văn hóa lớn như văn hóa Trung Quốc, ngày nay mới được Tây phương "chú ý" đến và trao giải Nobel đầu tiên.

Mỉa mai thay! Và cũng chẳng sướng sao! Nói như Thánh Thán.

Dù sao chăng nữa đây là bước đầu, và bước đầu nào cũng đáng quý.

Thụy Khuê
Paris, 20 tháng 10/2000

Chú thích

Với Cao Hành Kiện, Pháp thêm một "công dân" đoạt giải Nobel văn chương. Nước Pháp đứng đầu về số lượng, với 13 lần đoạt giải, sau đó là Hoa Kỳ: 10 lần. Anh: 8. Đức: 7. Ý và Thụy Điển: đồng hạng, 6. Cao Hành Kiện sẽ nhận được 9 triệu couronne Thụy Điển (tương đương 1,077 triệu Euro). Các giải Nobel được nhà bác học và thương mại Thụy Điển Alfred Nobel thành lập năm 1895, và phát giải lần đầu năm 1901.

Cao Hành Kiện - Bóng hoa trên mặt nước.

Nguyễn Thanh Sơn

Vinh quang của giải Nobel hẳn vụt đến với ông bất ngờ. Trong căn hộ khiêm nhường của ông ở Paris, những hồi chuông điện thoại réo không ngừng, các chồng điện chúc mừng cứ mỗi phút mỗi dày thêm. "Thật là bất ngờ. Bất ngờ tuyệt vời đối với tôi."

Tôi nhìn hình ảnh tươi cười của ông trên phần lớn các chương trình truyền hình quốc tế, trên trang nhất của tất cả các tờ báo hàng đầu của châu Âu, Mỹ và thầm hỏi: "Lần này, ông sẽ chạy trốn khỏi vinh quang như thế nào?"

Bởi vì, cả cuộc đời của Cao Hành Kiện là những cuộc chạy trốn. Chạy trốn khỏi những nhãn hiệu mà người ta gắn lên tên tuổi ông.

Sau khi cuốn sách đầu tiên của ông *Những khám phá sơ bộ về Nghệ thuật và Kỹ thuật của Tiểu thuyết Hiện đại* xuất bản năm 1981 ở Quảng Châu, người ta gọi ông là "người theo chủ nghĩa hiện đại". Còn sau thành công vang dội của những vở kịch như *Tín hiệu báo động, Bến xe buýt*, ông được gọi là "nhà viết kịch thể nghiệm lớn nhất Trung Hoa". Vở *Dã nhân* (1985) khiến ông được gắn mác "người theo chủ nghĩa ngây thơ", còn cuốn tiểu thuyết *Linh Sơn* của ông được gọi là "bản *odyssey* của văn học hậu hiện đại Trung quốc". Sức ép của những nhãn hiệu này lớn đến nỗi sau năm 1990, Cao Hành Kiện buộc phải viết tiểu luận *Không chủ nghĩa*, một tuyên ngôn nghệ thuật khẳng định lại điều ông đã nói, thông qua nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết *Linh Sơn*: "Anh sáng tác tiểu thuyết chỉ đơn giản vì anh không chịu nổi cô đơn, và viết chính là cách anh khiến cho mình cảm thấy thú vị. Anh không muốn rơi vào bất cứ trường phái văn chương nào, anh cố gắng bằng mọi cách trốn khỏi nó." (1)

Cao Hành Kiện sinh ngày 4 tháng 1 năm 1940 tại Quảng Châu. Ông theo học trường Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh năm 1957, chuyên ngành

tiếng Pháp và văn học. Sau khi tốt nghiệp năm 1962, trong những năm của cuộc Cách mạng Văn hóa, ông bị đưa về các công xã nhân dân và các trại cải tạo ở vùng Nam và Tây Nam Trung quốc ở tỉnh An Huy. Chịu ảnh hưởng của mẹ, một nghệ sĩ nghiệp dư, Cao Hành Kiện có niềm say mê rất sớm đối với văn học và sân khấu, và cũng sáng tác rất sớm. Những tác phẩm đầu tay của ông, "hàng cân, hàng cân bản thảo" của vài tiểu thuyết, các tiểu luận văn học và khoảng 15 vở kịch như sau này ông nhớ lại, đã bị ông đốt sạch sau khi chính vợ ông tố cáo với chính quyền rằng chồng mình lén lút sáng tác các tác phẩm phản cách mạng. Phải tới năm 1978, các tác phẩm đầu tiên của ông mới xuất hiện trên mặt báo, và sau khi Cao Hành Kiện chuyển về công tác chính thức ở Nhà Hát kịch Bắc Kinh, tài năng nhiều mặt của ông mới có điều kiện phát triển.

Cuốn sách *Những khám phá sơ bộ về Nghệ thuật và Kỹ thuật của Tiểu thuyết Hiện đại* (1981) đã lập tức gây ra những tranh luận sôi nổi tại Trung quốc về hình thức biểu hiện của tiểu thuyết. Tư tưởng táo bạo của Cao Hành KIện, trong khi đưa ông lên đỉnh cao của phong trào cải cách văn học Trung quốc, cũng đã gây những phản ứng mạnh mẽtừ những người chủ trương duy trì hình thức biểu hiện cũ của tiểu thuyết. Phản ứng bất lợi này khiến cho những thử nghiệm táo bạo của Cao Hành Kiện trên sân khấu như *Tín hiệu báo động*, *Bến xe buýt* không thể phát huy hết tiềm năng của nó. Hình thức quá mới lạ của kịch Cao Hành Kiện khiến ông bị chỉ trích là "Tây hóa", lai căng, không phù hợp với văn hóa Trung quốc.

Năm 1983, người ta chẩn đoán Cao Hành Kiện bị ung thư phổi. Ba tuần sau, qua một xét nghiệm khác, người ta lại phát hiện chẩn đoán này sai. Nhưng với Cao Hành Kiện, ba tuần lễ chờ đợi, sống đối mặt với cái chết đã thay đổi mạnh mẽ cái nhìn của ông đối với cuộc sống, với sáng tạo nghệ thuật, và có ảnh hưởng mãnh liệt với các sáng tác của ông sau này. Vứt bỏ lại sự lưng nhà hát, đồng nghiệp, sự nghiệp, chỉ với bốn trăm đồng Nhân dân tệ trong túi, ông đã làm một cuộc hành trình trên mười lam ngàn cây số dọc theo sông Dương tử, tới những vùng đất xa xôi nhất của phía Nam Trung Hoa, thăm lại những công xã nhân dân nơi ông reải qua tuổi thanh niên ở tỉnh An Huy, đi ngược mãi lên những vùng đất của các bộ tộc người Miêu, Thái, nơi những phong tục ngàn xưa, tinh thần Đạo giáo, nơi những bài dân ca và những câu chuyện truyền kỳ vẫn còn được kể lại say sưa. Năm tháng hành trình tìm về với quá khứ là tư liệu để sau này ông viết cuốn tiểu thuyết bất hủ *Linh Sơn*, một bản *odyssey* của văn học hiện đại Trung quốc, một bản tự thuật đầm say kể về hành trình một người đi tìm những gì mình bỏ quên gần hai mươi năm trước.

Năm 1987, sau khi vở kịch *Bờ bến khác* của ông không được phép

công diễn ở Trung quốc, Cao Hành Kiện rời Bắc kinh sang Pháp sinh sống. Tại đây, ông hoàn thành vở kịch *Những kẻ chạy trốn* và tiểu thuyết *Linh Sơn* (in lần đầu tiên ở Đài Loan năm 1990) cũng như cuốn *Thánh kinh của một con người* và *Giữa cái sống và cái chết*, kể những kỷ niệm của ông trong Cách mạng Văn hóa. Ông được chính phủ Pháp trao tặng danh hiệu Hiệp sĩ năm 1992. Kịch của ông thường xuyên được công diễn trên những sân khấu châu Âu. Là một họa sĩ nổi tiếng, ông đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm. Tranh thủy mặc của ông rất nổi tiếng ở Đài Loan, Hồng kông và là nguồn thu nhập chính của Cao Hành Kiện ở Pháp.

Những sáng tác của Cao Hành Kiện, trong khi "mở ra những con đường mới cho văn học và kịch nghệ Trung Hoa", như diễn từ của Ủy ban Giải thưởng Nobel ghi nhận, trước tiên là những tuyên ngôn của ông về tính độc đáo và vẻ đẹp của cái tôi sáng tạo. "Cái tôi ở trong anh cũng giống như hình ảnh được phản chiếu trong gương, như bóng hoa trên mặt nước. Anh không thể bước vào gương, anh cũng không thể múc được bóng hoa. Nhưng chỉ đơn giản ngắm nhìn trìu mến hình bóng đó, anh không bao giờ cảm thấy phải thương hại mình." (2). Để duy trì cái tôi sáng tạo, để thoát khỏi ảnh hưởng của các chủ nghĩa giáo điều trong văn học và cuộc sống, thoát khỏi đám đông, người sáng tạo - theo Cao Hành Kiện - chỉ có cách... xa chạy cao bay. Bỏ chạy để bảo tồn cái tôi, để giữ gìn năng lực sáng tạo như giữ gìn bóng hoa trên mặt nước.

Là bậc thầy về ngôn ngữ, Cao Hành Kiện tuyên bố: 'Trong ngôn ngữ, thực tại và tưởng tượng, hồi ức và suy nghĩ tất cả đều bình đẳng. Nhà văn chỉ đối diện với thực tại của ngôn ngữ, tất cả những thứ khác đều không tồn tại" (3). Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn học Pháp và văn học hiện đại phương Tây, các sáng tác của Cao Hành Kiện luôn luôn tìm kiếm những phương pháp biểu hiện hiện đại. Tiểu thuyết *Linh Sơn* của ông, với độ dài trên 562 trang và 81 chương, là một tập hợp những mẩu ghi chép, những hồi ức, những bài ca, những câu chuyện kể hoang đường của một người lữ hành cô độc. Vì quá cô độc, người lữ hành đó sáng tạo nên nhân vật "anh" để đi cùng với nhân vật "tôi" trong cuộc hành trình vào phía trong của tâm hồn. Cho nên "anh" chỉ là hình ảnh phản chiếu của "tôi", nhưng nhân vật "anh" lại sáng tạo nên nhân vật "cô ấy", và đến lượt "cô ấy" lại sáng tạo nên nhân vật "anh ấy". Tiểu thuyết được xây dựng trên những hồi ức, những câu chuyện của bốn nhân vật không tên. Chỉ là *tôi, anh, cô ấy, anh ấy*, chỉ có những cái bóng của những cái bóng, và chỉ còn những hoài niệm: "anh cần phải biết trên thế giới này có rất ít những thứ anh có thể tìm kiếm, và anh chẳng cần phải keo kiệt đến thế. Cuối cùng thì tất cả những thứ anh có thể đạt được chỉ là những kỷ niệm mơ hồ, bất

định, giống như những giấc mơ, những hồi ức không giải nghĩa được. (4)

Vượt lên trên những lời kết tội "hư vô chủ nghĩa" và "tuyệt đối hóa cái tôi", vẻ đẹp trong sáng tác Cao Hành Kiện là vẻ đẹp của một viễn cảnh mới của văn chương và sân khấu hiện đại Trung Hoa, nơi những tư tưởng cách tân về sân khấu và tiểu thuyết của Artaud, Brecht, Beckett, Kantor, Joyce gặp gỡ với ngôn ngữ ước lệ của Kinh kịch và sân khấu truyền thống Trung quốc. Sự kết hợp hài hòa của hiện đại và cổ điển đã khiến Cao Hành Kiện làm được điều mà trước ông, chưa nhà văn Trung quốc nào làm được: mang về vòng nguyệt quế vinh quang của giải Nobel văn học cuối cùng của thế kỷ.

Nguyễn Thanh Sơn
Hà nội, 20 tháng Mười 2000

(1) *Linh Sơn*, chương 72, dẫn theo Mabel Lee
"Without Politics, Gao Xingjiang on Literature Creation
(2) *Linh Sơn*, chương 58 - đd
(3) Những ghi chép từ Paris
(4) *Linh Sơn*, chương 55.

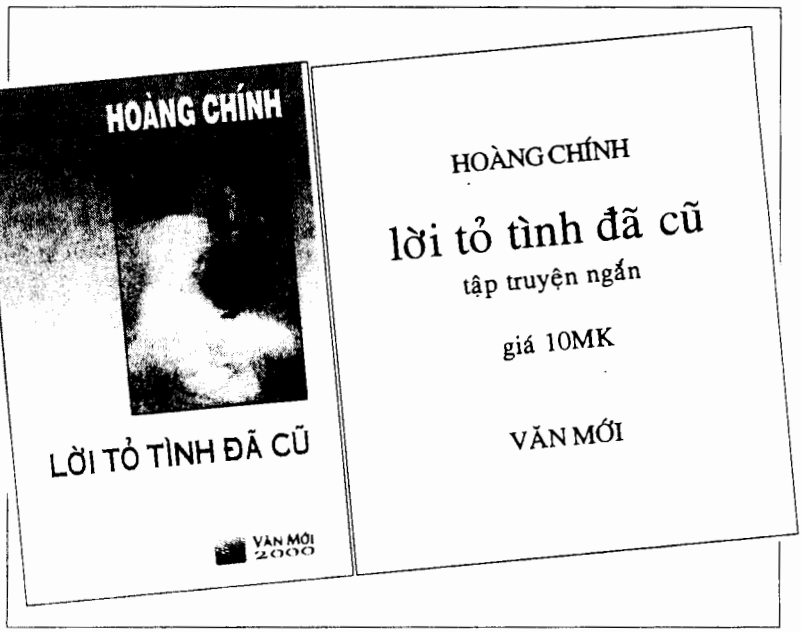

Trích văn Cao Hành Kiện
Hóa ra ông chẳng biết tiểu thuyết là cái quái gì!

Lời người dịch:

Đoạn sau đây được trích trong tiểu thuyết *La Montagne de l'Âme* (1995, Linh Sơn) của Cao Hành-Kiện, diễn lại cuộc đối thoại giữa nhà văn (*hắn*) và nhà phê bình (*Ngài*) về quan niệm và kỹ thuật viết tiểu thuyết. Tác giả đã dành mười tháng (có tài liệu nói năm tháng) để đi bộ dọc sông Dương Tử , nói chuyện với các nông dân ngoài ruộng, bô lão trong làng, sư sãi trên núi, và nạn nhân của cuộc Cách mạng Văn hóa lất lây đây đó, thâu nhặt các bài ca, vè dân gian, truyền thuyết và lời bàn tán, làm thành cuốn tiểu thuyết đồ sộ này, một loại du ký pha trộn giữa kỹ thuật kể chuyện Tầu cổ điển và kỹ thuật tiểu thuyết tân thời. Trong đoạn ngắn ngủi này ông Cao, ngoài việc nói về chất liệu và kỹ thuật, còn nói về động lực viết. Cũng như trong kịch bản "Chạy Trốn", một lời chỉ trích cay đắng cuộc đàn áp Thiên An Môn, ông Cao cho rằng ông viết để trốn chạy sự cô đơn, trống rỗng.

Phải chăng hoàn cảnh và tâm trạng đó có phần nào gần gũi với hoàn cảnh của các nhà văn Việt Nam lưu vong? Có khác chăng là còn hiếm những nhà văn Việt Nam vừa sẵn những cảm nghiệm về cuộc "trốn chạy", lại vừa có khả năng diễn đạt được bằng tiếng bản địa nơi dung thân, như ông Cao có thể diễn đạt bằng tiếng Pháp, nơi ông tới tị nạn từ năm 1987.

Người dịch cáo lỗi không có sẵn nguyên bản tiếng Pháp nên phải dịch qua bản tiếng Thụy Điển.

Tâm Thanh

"Cái này mà là tiểu thuyết à!"

"Vậy chứ là cái gì?" Hắn hỏi.

"Một cuốn tiểu thuyết phải là một câu truyện có đầu có đuôi."

Hắn nói hắn đã kể cả đống truyện, chỉ một số có kết cuộc, còn những truyện khác thì không.

"Nhưng toàn thể lại là một mớ tả pí lù, tác giả chả có tí ti ý niệm nào về việc dựng truyện."

"Tôi xin phép hỏi Ngài người ta phải dựng truyện ra sao ạ?"

"Người ta bắt đầu bằng việc nêu chủ đề, sau đó đàn dà theo dõi sự tiến triển của chủ đề, rồi cao điểm của diễn tiến và kết cuộc. Đó là nguyên tắc sơ đẳng của việc dựng tiểu thuyết."

Hắn tự hỏi không biết có thể có cách viết tiểu thuyết khác hơn là tuân theo nguyên tắc sơ đẳng đó không? Lấy truyện làm ví dụ, có truyện bắt đầu từ đầu và chấm dứt ở cuối, có truyện có đầu mà chẳng có đuôi, và có truyện chỉ có đuôi, lại cũng có truyện chỉ một khúc giữa và không hứa hẹn một hạ hồi phân giải nào, có truyện không bao giờ có thể tìm được chỗ nào để mà dứt ra, có truyện người ta có thể kể và cũng có thể bỏ không kể, có truyện không cần phải ngưng, và có truyện chẳng đưa ra cái gì cả, nhưng tất cả đều là... truyện dấy.

"Dù chọn cách nào để kể chuyện thì ít nhất cũng phải có một nhân vật chính, chứ gì? Còn một câu truyện dài thì phải có ít lắm là dăm ba nhân vật chính. Còn tiểu thuyết của ông ý hả ...?"

"Nhưng những từ *chúng nó, tôi, anh, cô ấy, anh ấy* trong sách thì sao? Chúng chẳng phải là người hay sao?"

"Đó chẳng là gì khác ngoài những nhân xưng đại danh từ khác nhau! Vì thế nếu có thay đổi đi cái cách tường thuật chỗ này một tí chỗ kia một tí, thì cũng chẳng có thể thay thế được sự mô tả nhân vật. Cho dù các đại danh từ của ông có thay thế cho những nhân vật thực thì cũng không hề lột tả được nhân vật, ngay đến một cố gắng phác ra cái bóng của họ cũng không nốt."

Hắn nói hắn không phải là một họa sĩ vẽ chân dung.

"Đúng vậy, viết tiểu thuyết không giống như vẽ chân dung, viết vẫn là hội họa bằng ngôn ngữ. Nhưng có lẽ ông không cho là những điều mà mấy cái đại danh từ của ông phát biểu ra có thể phản ảnh đúng chân tướng của con người chứ?"

Hắn nói hắn chưa từng bao giờ có ý trình bày chân tướng ai. Vả lại hắn cũng chẳng biết chính hắn có chân tướng hay không.

"Thế mà ông đòi viết tiểu thuyết! Hóa ra ông chẳng biết tiểu thuyết là

cái quái gì!"

Bấy giờ hắn hỏi thưa Ngài dám xin Ngài vui lòng định nghĩa tiểu thuyết là gì được không ạ?

Nhà Phê bình cười khinh bỉ và bỉu môi nói rít giữa hai hàm răng:

"Vậy mà ông đòi làm nhà tân thời! Ông chẳng biết gì ngoài việc học lóm các nhà văn Tây phương!"

Hắn nói cuốn tiểu thuyết này là rặt Tàu mà.

"Chẳng có cuốn truyện Tàu nào lại luộm thuộm đầu Ngô mình Sở như cuốn này! Trộn lẫn du ký với chuyện tầm phào mà ông lượm lặt ngoài đường xá, những phát biểu ngẫu hứng, những chuyện kể và truyền thuyết viển vông, ông chép lại những bài dân ca, hò hát, rồi thêm vào những huyền thoại ma quái mà ông tự bịa ra, thành một mớ hỗ lốn, rồi gọi là tiểu thuyết!"

Hắn nói rằng các pho sử địa phương từ thời Chiến Quốc, các bộ địa dư chí, các biên ký về đời sống trong các làng mạc và thành thị, các truyền kỳ mạn lục về những việc dị thường... hết thảy, từ đời xưa, được coi là tiểu thuyết cả đấy, và cho đến nay chưa có ai ấn định tiêu chuẩn phải có để thành một cuốn tiểu thuyết.

"Ông cũng gia nhập trường phái tìm về nguồn trong quá khứ rồi đấy?"

Hắn lật đật phân bua rằng những cái mũ mão đó là Quan Ngài ban cho, chứ hắn chỉ viết tiểu thuyết để khỏa lấp nỗi cô quạnh và giải sầu qua ngày tháng, chứ không bao giờ định chen chân vào làng văn chương, mà bây giờ hắn còn đang bỏ ra, và không bao giờ định viết tiểu thuyết, viết tiểu thuyết, theo hắn, là một việc làm xa xỉ, không ăn nhằm gì tới cuộc vật lộn với miếng cơm manh áo hằng ngày.

"Ông là một người theo phái hư vô!"

Hắn đáp hắn không thuộc môn phái nào cả, trong ý nghĩa đó thì phần nào có thể coi hắn là theo phái hư vô. Ngoài ra cái trống không phảng phất trong các tác phẩm của hắn thì không phải là vô hữu. Ví dụ như cái *các anh* ở trong cuốn tiểu thuyết này là một cái bóng của cái *tôi* và cái tôi sinh ra cái bóng khác là cái *nó* và nó lại in ra cái bóng nữa không có chân dung gì cả, tóm lại chỉ là một nhân xưng đại danh từ.

Nhà phê bình bực mình bỏ đi.

Cao Hành Kiện - *Linh Sơn*

Đường lên Linh Sơn*

Cao Hành Kiện

Thạch Hãn dịch

1

Chiếc xe buýt cũ càng đó là thứ xe các thành phố người ta phế thải. Sau khi ngồi lắc lư trong nó trên con đường đầy ổ gà suốt mười hai tiếng đồng hồ từ tảng sáng, bạn mới tới được huyện lỵ miền sơn cước ở miền Nam này.

Bên trong trạm xe, đầy giấy gói kem cây, bã mía vứt bừa bãi, bạn đứng đó, ba lô nặng trĩu trên lưng, tay xách thêm túi vải, nhìn quanh một chốc.

Người ta đang xuống xe hay đi qua đi lại. Đàn ông mang những chiếc túi lớn trên lưng, đàn bà tay ẵm con nít. Một dám thanh niên, chẳng mang bao bị gì trên người nên rảnh tay. Chúng thọc tay vào túi lấy hạt hướng dương cho từng hạt vào miệng, cắn rồi phun vỏ ra ngoài. Chúng cắn nghe một tiếng "cách" lớn, gỡ lấy hạt bên trong một cách tài tình rồi nhai nuốt. Lè phè, nhởn nhơ vốn là đặc tính cố hữu của vùng này. Họ là dân địa phương và đời sống ở đây đã biến họ thành những người như thế. Họ đã sinh sống ở đây trong nhiều thế hệ , bạn chẳng phải mất công tìm kiếm đâu xa. Những người bỏ làng ra đi sớm nhất, từ khi chưa có trạm xe buýt này, có lẽ cả xe buýt cũng chưa có, đều đã ra đi bằng đường sông trên những con thuyền có mui che màu đen, hay bằng đường bộ trên những chiếc xe trâu thuê của người khác, nếu không có tiền thì đi bằng chân. Ngày nay, chừng nào họ còn sức đi đây đi đó, họ lại lũ lượt kéo nhau về, ngay cả từ những nơi ở bên kia Thái bình đương, trên những cỗ xe nhà hay xe buýt to lớn có máy điều hòa nhiệt độ. Những kẻ giàu sang, những người thanh thế, và cả những kẻ không giàu sang mà cũng chẳng danh

vọng, đều vội vã quay về khi tuổi ngày càng cao. Xét cho cùng ai mà chẳng luyến lưu nơi quê cha đất tổ? Dĩ nhiên họ không có ý định trở về để sống nốt quãng đời còn lại, cho nên ai cũng thăm thú một cách nhởn nhơ. mặt mày thơ thới, nói cười ầm ĩ, không tiếc lời ca ngợi và lộ tỏ lòng ngưỡng mộ và sự quyến luyến của mình đối với vùng đất này. Ở đây, bạn bè mỗi khi gặp nhau không chỉ gật đầu chào hay bắt tay một cách nhạt nhẽo như dân ở thành phố lớn vẫn thường làm một cách vô nghĩa, mà họ réo tên rồi đấm thùm thụp lên lưng bạn. Ôm choàng lấy nhau mừng rỡ cũng là một cách chào nhau thông thường, nhưng phụ nữ thì lại không bao giờ làm thế. Bên cạnh chiếc bể nước bằng xi măng chỗ người ta chùi rửa mấy chiếc xe buýt, có hai người đàn bà trẻ nắm tay nhau trò chuyện. Đàn bà ở đây có giọng thánh thót, sắc diện dễ nhìn khiến bạn không thể nào cầm lòng mà không ngoái đầu nhìn thêm lần nữa. Người đàn bà quay lưng về phía bạn vận một chiếc khăn choàng vải hoa màu xanh. Loại khăn choàng và cách cột khăn như thế này có cách đây cũng đã nhiều đời, ngày nay ít khi nhìn thấy. Bạn đang tiến gần lại bọn họ! Chiếc khăn choàng cột thắt dưới cằm, nút thắt tạo thành hai chéo khăn chồng ngược lên. Cô ấy có khuôn mặt đẹp. Dáng dấp mảnh mai, thân hình thanh tú. Bạn đi ngang qua chỗ họ ngồi. Suốt buổi, họ nắm chặt tay nhau, cả hai đều có những đôi tay sần sùi thấm đỏ và những ngón tay khỏe mạnh. Cả hai có thể là những người đàn bà mới lấy chồng xa nay trở về thăm cha mẹ thân nhân hay bè bạn. Ở đây, từ *tức phụ* có nghĩa là con dâu, nhưng nếu đem dùng như những vùng quê ở miền Bắc để chỉ những người đàn bà mới lấy chồng thì sẽ bị người ta mắng chửi cho ngay. Mặt khác, người đàn bà có chồng thường gọi chồng mình là *lão công*, có khi là *lão công* của tôi, *lão công* của chị. Người dân ở đây phát âm với một giọng hết sức đặc biệt, mặc dù họ cũng là con cháu hậu duệ của cùng những triều vua trong truyền thuyết, cùng một nền văn hóa, cùng một chủng tộc.

Chính bạn cũng không thể giải thích được tại sao bạn lại đến nơi này. Chuyện xảy ra là bạn đang ngồi trên một chuyến xe hỏa, rồi nghe người này nhắc đến một nơi gọi là Linh Sơn. Ông ta ngồi đối diện với bạn, chiếc ca của bạn để sát với ca nước của ông ấy. Khi con tàu di chuyển, nắp đậy ca rung lên kêu lanh canh. Nếu những chiếc nắp này chỉ rung lên, rung lên rồi ngừng thì câu chuyện có lẽ đã chấm dứt ở đó. Tuy nhiên, mỗi khi bạn và ông ta định kéo hai chiếc ca ra xa để chúng thôi đánh lách cách, thì tiếng lách cách ngừng hẳn. Bạn vừa quay mặt đi, tiếng lách cách lại vang lên. Cả hai cùng phá lên cười, rồi cùng nhau kéo hai chiếc ca ra xa, bắt chuyện. Bạn hỏi ông ta đang đi đâu.

"Linh Sơn."

"Cái gì?"

"Linh Sơn, *linh* là linh hồn, *sơn* là núi."

Bạn đã đi đây đi đó, thăm thú nhiều ngọn núi nổi tiếng nhưng chưa bao giờ nghe đến tên núi này.

Người bạn ngồi đối diện nhấm mắt thiếp ngủ. Như ai khác, bạn không thể nào không tò mò và dĩ nhiên muốn biết những nơi danh thắng nào mà bạn chưa có dịp đi qua trong những chuyến du lịch của bạn. Thêm nữa, tính bạn mỗi khi làm việc gì thì làm cho đâu ra đó, nên thấy bực bội khi biết có một nơi mà bạn lại chưa hề nghe. Bạn hỏi ông ta địa điểm của núi Linh Sơn.

"Ở nguồn sông Dũ ấy," ông ấy bảo, mắt mở to.

Bạn chẳng biết sông Dũ này ở đâu, nhưng không dám hỏi mà chỉ gật đầu một cách mơ hồ, vừa có nghĩa "Tôi hiểu, cám ơn," hoặc "Ồ, tôi biết chỗ đó mà." Thái độ này làm bạn thấy thỏa mãn tính tự cao của bạn, nhưng lại không làm thỏa mãn óc tò mò. Một lúc sau, bạn hỏi ông ta làm sao đi, đường nào dẫn lên núi.

"Đi tàu hỏa đến Vũ Nghi Trấn, rồi dùng thuyền đi ngược dòng lên thượng nguồn sông Dũ."

"Ở đó thì có gì? Thắng cảnh? Chùa chiền? Di tích lịch sử?" bạn hỏi, cố giữ vẻ bình thản.

"Chỉ là nơi hoang vu chưa hề bị khai phá."

"Rừng già?"

"Dĩ nhiên rồi, nhưng đâu phải chỉ có rừng già thôi đâu."

"Thế còn người rừng?" bạn hỏi một cách đùa cợt.

Ông ta cười, nhưng giọng cười không có vẻ mỉa mai, lại càng không để lộ một tí gì khiến bạn nghĩ là ông ấy ba xạo, làm cho bạn càng thêm rối trí. Bạn phải tìm hiểu nhiều hơn về ông ấy.

"Vậy ông là một nhà sinh thái học à? Một nhà sinh vật học? Một nhà nhân chủng học? Hay một nhà khảo cổ học?"

Mỗi lần nghe bạn hỏi, ông ấy chỉ lắc đầu, rồi nói "Tôi chỉ quan tâm đến người còn đang sống mà thôi."

"À, thế ông đi nghiên cứu về phong tục dân gian? Hay ông là một nhà xã hội học? Một nhà dân tộc học? Hay là nhà báo? Hay một kẻ phiêu lưu?"

"Tôi chỉ là một tay ngang về cả mọi thứ ông vừa hỏi."

Cả hai cũng phá lên cười.

"Tôi là một tay ngang chuyên nghiệp về tất cả mọi lãnh vực đó."

Tiếng cười làm cho cả bạn lẫn ông ta cảm thấy vui. Ông đốt một điếu thuốc nhưng lại không thể nào dập tắt lửa vì mãi nói đến những điều kỳ

diệu về Linh Sơn. Sau đó, theo lời yêu cầu của bạn, ông xé bao thuốc rồi vẽ lên đó bản đồ dẫn đến Linh Sơn.

Ở miền Bắc, lúc này trời đã vào cuối thu. Thế mà ở đây cái nóng của mùa hè vẫn chưa dứt hẳn. Ngay trước lúc mặt trời lặn, cơn nóng vẫn còn, mồ hôi vẫn chảy dọc sống lưng của bạn. Bạn ra khỏi trạm xe, đi tham quan. Cạnh đó chẳng có gì, ngoại trừ một quán trọ nhỏ nằm bên kia đường. Đó là một căn nhà nhỏ xây theo kiểu xưa, mặt tiền là một quán hàng đóng bằng gỗ, lại có một tầng lầu. Ở lầu trên, sàn gỗ kêu cót két mỗi lần bước qua, nhưng tệ hơn cả là những chiếc gối và chiếu tre đầy cáu bẩn. Muốn tắm rửa, bạn phải đợi đến khi trời tối, ra khoảng sân nhỏ hẹp ở phía sau, cởi trường ra mà giội nước lên người. Đây là chỗ dừng chân của dân buôn bán hay thợ thuyền đi ngang qua làng.

Trời vẫn còn sớm, bạn có dư thì giờ đi tìm một chỗ nào khác sạch sẽ hơn. Bạn đi dọc theo con đường chính trong huyện lỵ, lưng vẫn mang chiếc ba lô, đảo mắt quan sát khu thị tứ, hy vọng sẽ bắt gặp một vài tấm biển hay bảng chỉ đường, hay cái tên "Linh Sơn," để cho bạn thấy mình đang đi đúng hướng chứ không phải bị người ta xí gạt để rồi phải thực hiện một chuyến đi xa như thế này. Bạn nhìn khắp mọi nơi nhưng chẳng tìm thấy gì. Chẳng có ai là du khách như bạn trong đám đông người xuống xe ở trạm. Dĩ nhiên, bạn cũng chẳng phải là thứ khách du lịch chính hiệu: chỉ vì cách ăn mặc của bạn, chân đi giày thể thao, lưng đeo ba lô có quai choàng qua vai, và chẳng ai khác ăn mặc giống như bạn cả. Dĩ nhiên nơi đây không phải là một trong những địa điểm để cho du khách như ông già bà lão hay các cặp vợ chồng mới cưới đến vãn cảnh. Những nơi chốn như thế thì đã bị kỹ nghệ du lịch làm biến dạng, nơi nào cũng thấy có xe lớn chở khách đậu, nhìn đâu cũng thấy bán bản đồ. Nón mũ dành cho du khách, áo thun dành cho du khách, áo lót đàn ông dành cho du khách, khăn tay dành cho du khách, có in cả địa danh lên áo, nằm đầy trong các quán hàng. Địa danh của các nơi chốn đó lại còn được người ta dùng trong tên hiệu các khách sạn "chỉ nhận ngoại tệ " dành cho ngoại kiều, các nhà trọ "dành cho người bản xứ có giấy giới thiệu," và các dưỡng viện, và dĩ nhiên còn được dùng trong bảng hiệu các nhà khách nhỏ của tư nhân cốt để giành giựt khách hàng. Bạn không hưởng thụ được gì khi đến những nơi như thế, dù cho nơi đó nằm bên triền núi ngập nắng, nơi người ta tụ họp chỉ để nhìn ngắm và chen lấn xô đẩy nhau, tăng thêm rác rưởi vào những đống vỏ dưa, vỏ trái cây, chai nước ngọt, lon, hộp, giấy bọc bánh mì và tàn thuốc lá. Không sớm thì muộn, nơi này rồi cũng sẽ nổ bùng lên như thế, nhưng bạn muốn có mặt ở đây trước khi người ta dựng lên những lều quán sạc sỡ , trước khi những nhà báo mang

máy ảnh lũ lượt ập đến, và trước khi những người có danh vọng kéo đến dựng những tấm biển mang nét thủ họa của họ. Bạn không thể không nhận rằng bạn đang hài lòng với chính mình, nhưng lòng vẫn cứ ban khoan. Ở đây chẳng thấy có dấu hiệu gì để hướng dẫn du khách cả, phải chăng bạn đã đi sai đường? Bạn chỉ dựa vào tấm bản đồ vẽ trên bao thuốc lá nằm trong túi áo bạn, nếu người đàn ông tay ngang chuyên nghiệp bạn gặp trên xe lửa kia cũng chỉ nghe nói đến nơi này mà thôi thì sao? Làm sao bạn có thể đoan chắc ông ấy không bịa chuyện? Bạn cũng chưa hề nghe thấy nơi này trong các câu chuyện du lịch, và lại cũng chưa từng thấy có ghi trong các cuốn sách hướng dẫn du lịch cập nhật nhất mà! Dĩ nhiên tìm những chỗ như Linh Đài, Linh Khâu, Linh Diêm, và ngay cả Linh Sơn trên bản đồ các tỉnh thì không khó, và bạn cũng biết rõ là tên đó có trong các sách sử và văn học cổ điển. Linh sơn xuất hiện trong các tác phẩm có từ thời cổ đại như sách *Sơn Hải Kinh Truyện*, và trong các sách địa lý hay thủy học cổ điển. Cũng chính tại Linh Sơn mà đức Phật khai ngộ cho ngài Ma ha Ca tỳ la. Bạn dâu có ngu dốt gì, vậy tại sao không dùng trí não mà suy đoán. Trước hết phải tìm cho ra Vũ Nghi Trấn như ghi trên chiếc bao thuốc lá, sau đó bạn sẽ tìm ra đường lên Linh Sơn.

Bạn trở lại trạm xe, bước vào phòng đợi. Nơi náo nhiệt nhất trong huyện lỵ giờ này đã vắng người. Cửa bán vé và cửa gởi hàng đều đã đóng chặt im ỉm từ bên trong cho nên có gõ mấy cũng chỉ vô ích. Chẳng biết hỏi nơi đâu, bạn chỉ có thể đọc tên những trạm xe ở bên trên cửa sổ bán vé: Làng Dương, Bãi Cát, Nhà máy Xi măng, Lều Cũ, Kim Mã, Hảo Vụ, Lũ thủy, Long Vịnh, Đào Hoa vực, các địa danh càng lúc càng dài ra, nhưng nơi bạn muốn đến lại không thấy đâu cả. Đây chỉ là một thị trấn nhỏ, nhưng lại có nhiều đường đến, hàng ngày có nhiều chuyến xe đi ngang. Lộ trình đông khách nhất, mỗi ngày có 5, 6 chuyến xe là Nhà Máy Xi Măng, nhưng nhất định đó không phải là một lộ trình dành cho du khách. Lộ trình ít xe nhất, ngày chỉ có một chuyến, đến một nơi xa xôi nhất: hóa ra Vũ Nghi Trấn là trạm xe cuối cùng. Cái tên này chẳng có gì đặc biệt cả, nó cũng giống như tên những nơi chốn khác, không có gì huyền hoặc về nơi đó cả. Dù vậy bạn vẫn có được cảm giác như đã lần ra được một đầu mối của một mớ bòng bong tưởng không gỡ nổi. Chưa có gì làm cho bạn thấy hưng phấn, nhưng ít ra cũng thấy nhẹ nhõm được phần nào. Ngày mai bạn phải mua vé xe, một giờ trước khi xe chuyển bánh, và kinh nghiệm cho bạn biết là mua được một chỗ ngồi trên xe buýt ở miền núi mỗi ngày một chuyến cũng là cả một chuyện giành giựt cam go, trừ khi bạn sẵn sàng lâm trận thì thôi, bằng không nên đến sớm mua vé thật sớm.

Nhưng bây giờ bạn còn dư nhiều thì giờ lắm, mặc dù chiếc ba lô trên

lưng đang làm bạn bực dọc. Lúc bạn đang thư thả nhàn du trên đường, mấy chiếc xe tải chở gỗ chạy ngang ầm ĩ, kéo còi đinh tai. Vào phố, tiếng động lại càng ầm ĩ hơn, vì có nhiều xe tải, có xe còn kéo theo rờ-moọc, chạy qua bấm còi đinh tai, các lái xe còn nhoài người ra ngoài cửa sổ đập mạnh vào hông xe để xua người bộ hành ra khỏi mặt lộ.

Những căn nhà cũ kỹ nằm hai bên đường lại được xây sát mặt lộ, tất cả đều có quán hàng đóng bằng gỗ ở phía trước. Tầng trệt dành cho việc buôn bán, tầng trên phơi đầy đồ giặt: tã lót trẻ con, áo ngực phụ nữ, quần lót có đáy đệm, vải trải giường có in hoa- như một hàng quốc kỳ bay phất phới trong tiếng động và đám bụi mù của dòng xe cộ qua lại. Mấy chiếc cột dây thép bằng xi măng lại có nhiều tấm bích chương dán ngang tầm mắt. Một tấm quảng cáo thuốc trị mùi hôi trên thân thể lôi kéo được sự chú ý của bạn: không phải vì thân thể bạn có mùi hôi nhưng vì những lời hoa mỹ và những chữ viết đặt trong ngoặc theo sau các chữ "mùi hôi trên thân thể."

Mùi hôi trên thân thể (còn được biết đến như là hương vị của những con người bất tử) là một trạng thái đáng ghê tởm phát ra một mùi hôi thối đến nôn mửa. Nó ảnh hưởng đến quan hệ xã hội và có thể làm trì hoãn việc thực hiện các biến cố trọng đại trong đời như hôn nhân. Nó gây bất lợi cho thanh niên nam nữ trong những buổi phỏng vấn tuyển dụng hay đăng lính, vì thế sẽ gây cho họ nhiều đau khổ ê chề. Bằng cách áp dụng một phương pháp trị liệu mới mẻ, chúng ta có thể tận diệt ngay tức khắc mùi hôi này với một tỉ lệ thành công đến 97.53%. Vì hoan lạc của cuộc sống và hạnh phúc của tương lai, chúng tôi hân hoan chào mừng bạn đến để tự mình chữa trị...

Sau đó, bạn đi tới một chiếc cầu đá: ở đây không có mùi hôi thối của thân thể mà lại có một cơn gió mát thoáng nhẹ. Chiếc cầu bắc ngang con sông rộng có mặt lộ trải nhựa, nhưng mấy tượng khỉ chạm khắc trên những cây cột đá đã mòn chứng tỏ chiếc cầu đã xây từ lâu đời. Bạn tựa người lên thành cầu rảo mắt nhìn quanh khu phố, nằm hai bên sông. Hai bên bờ, những mái nhà màu đen nằm chồng lên nhau như một lớp vảy cá, trải dài đến một quãng xa. Thung lũng mở rộng ra giữa hai ngọn núi, phía thượng nguồn là những đồng lúa vàng óng nằm chen lẫn với những lũy tre xanh ngắt. Nước sông xanh trong, chảy thơ thới qua các bờ cát, nhưng ở gần các trụ cầu ngăn đôi dòng nước, nó lại thẫm màu lục đậm và sâu. Vừa qua khỏi các trụ cầu, dòng nước lại ào ạt xoáy lượn làm tung bọt tráng xóa. Hai bờ cầu bằng đá cao 10 thước vẫn còn những vết bẩn do mực nước dâng cao để lại: những vết lằn màu vàng xám là của trận lụt

xảy ra vào mùa hè vừa qua. Có thể nào Sông Dũ là đây không? Phải chăng nó từ Linh Sơn chảy xuống?

Mặt trời sắp lặn, có hình chiếc đĩa màu vàng cam tràn ngập ánh sáng, nhưng không làm chói mắt. Bạn dõi mắt nhìn xa đến những đỉnh núi lớm chởm nằm chồng lên nhau trong một bầu trời mờ đục nơi hai cạnh của thung lũng giao nhau. Hình ảnh màu đen âm u đó gặm mất một phần nhỏ đường cong phía dưới của mặt trời rực ráng, lúc này dường như đang quay tròn. Mặt trời đổi sang một màu đỏ thẫm, dịu hơn, phóng tỏa những tia sáng phản chiếu vàng rực lên khúc ngoặt của dòng sông; màu xanh đen của nước hòa lẫn với ánh sáng rực rỡ của mặt trời nhấp nhô từng hồi như nhịp tim. Khi chiếc đĩa màu đỏ đứng yên trên thung lũng, rồi trở nên vô cùng êm ả, đẹp một cách tuyệt vời, lại còn có cả âm thanh. Bạn nghe những âm thanh đó, khi có khi không, nhưng lại âm vang một cách rõ ràng từ chính trong tim bạn phát tỏa ra ngoài, cho đến khi mặt trời đường như nhỏm dậy, rồi lại sầy chân ngã xuống, chìm lấp trong bóng tối của mấy ngọn núi, vương vãi những sắc màu rực rỡ khắp bầu trời. Một cơn gió chiều thổi rì rào qua tai bạn, rồi xe cộ chạy qua lại, vẫn như thường lệ kéo còi inh ỏi. Bạn đi qua cầu, thấy ở đó có một phiến đá có khắc chữ sơn mầu đỏ ghi ba chữ "Dung Ninh Kiều." Xây vào năm thứ ba dời vua Khải Nguyên dưới triều nhà Tống và được tu sửa lại năm 1962. Biển đá dựng năm 1983. Rõ ràng đó là năm đánh dấu mức khởi đầu của kỹ nghệ du lịch ở miền này.

Ở cuối cầu có hai quán ăn. Vào quán bên trái bạn ăn một chén đậu hũ, xay mịn và thơm ngon, có đủ thứ gia vị. Mấy người bán hàng rong thường hay bày bên lề đường hay trong các con hẻm; có một thời đã vắng bóng nay lại thấy xuất hiện trong khuôn khổ kinh tế gia đình. Ở quán bên phải, bạn ăn hai chiếc bánh nướng có bọc mè, lấy từ trên bếp xuống còn đang nóng hổi. Sau đó ở trong một quán khác, bạn không còn nhớ là quán nào, bạn lại ăn thêm một chén bánh nguyên tiêu ngọt đầm trong rượu nếp: viên bánh chỉ to bằng một hạt ngọc lớn. Dĩ nhiên là bạn không đến nỗi cầu kỳ sách vở về chuyện ăn uống như ông Nhị Mã lúc du ngoạn Hồ Tây, nhưng bạn trông cũng háu ăn đấy. Bạn nhẩn nha thưởng thức hương vị của những món ăn do tiền nhân ông bà để lại, tai lắng nghe những người khách trò chuyện với chủ quán. Phần lớn họ là dân địa phương, quen biết nhau. Bạn cố nhại giọng nói ngọt ngào của vùng này để tỏ ra mình là người thân thiện, bạn muốn mình giống họ. Bạn sống ở thành phố lâu ngày nên thấy mình cần có một chánh quán, một nơi để trở về, tìm kiếm lại những kỷ niệm một thời thơ ấu từ lâu đã quên lãng.

Ở phía bên này cầu, cuối cùng bạn cũng tìm ra được một nhà trọ, nằm

trên một con đường lát đá xưa cũ. Sàn gỗ đã được chùi rửa nên tạm sạch sẽ. Bạn thuê một phòng đơn, có một chiếc phản nhỏ làm giường ngủ, trên trải chiếu tre. Chiếc chăn bông màu xám trông rất đáng ngờ: hoặc là nó chưa hề được giặt giũ, hay đó là màu sắc nguyên thủy của nó. Bạn dẹp chiếc gối dính đầy dầu mỡ lót dưới chiếu tre sang một bên, và cũng may là trời nóng cho nên bạn cũng có thể dẹp luôn chiếc chăn. Việc cần làm bây giờ là cởi bỏ chiếc ba lô trên lưng, lúc này đã trở nên nặng nề, rửa sạch bụi đường, mồ hôi, cởi bỏ áo quần và nằm duỗi tay chân trên giường cho dỡ nhọc. Ở phòng bên có tiếng la lớn và cãi vã. Người ta đang đánh bài, bạn có thể nghe thấy tiếng họ nhặt các quân bài lên rồi ném chúng xuống. Chỉ có một vách gỗ ngăn cách phòng bạn với phòng bên cạnh, và qua những lỗ hổng nơi mảnh giấy người ta bít các khe hở trên thân ván, bạn có thể nhận ra được hình dạng lờ mờ của mấy người đàn ông ngực trần. Bạn cũng chưa quá mệt để có thể nằm xuống là ngủ ngay. Bạn lấy tay gõ lên vách ván, ngay tức khắc có tiếng la lớn từ phòng bên cạnh. Không phải họ la bạn đâu, mà là giữa bọn họ với nhau: bài bạc thì khi nào cũng có người được kẻ mất, người thua lại không chịu chung tiền. Họ dám đánh bạc công khai ngay trong phạm điếm, mặc dù có lệnh công an dán trên tường cấm bài bạc đĩ điếm. Bạn muốn thử xem pháp luật nghiêm minh đến đâu. Bạn mặc áo quần đi dọc hành lang đến trước cánh cửa mở hé. Tiếng gõ cửa của bạn chẳng gây được sự chú ý của ai, ở bên trong bọn họ vẫn la hét om sòm, chẳng ai nghe được tiếng gõ cửa. Bạn đẩy cửa bước vào. Bốn người đàn ông ngồi quây quần quanh chiếc giường kê ở giữa phòng cùng ngoái đầu lại nhìn bạn. Nhưng chính bạn chứ không phải bọn họ mới là người cảm thấy ngỡ ngàng. Mấy người đàn ông ai cũng có giấy dán lên mặt, trán, môi, mũi và má, trông thực xấu xì kỳ cục. Bọn họ không cười mà cứ nhìn chòng chọc vào bạn. Khi không ở đâu bạn lại xông vào phòng khiến bọn họ bực mình thấy rõ.

"Ồ, mấy anh đang chơi bài," bạn nói, cố làm ra vẻ biết lỗi.

Họ tiếp tục canh bạc. Mấy quân bài bằng giấy dài, có in chữ đỏ đen, như bài mạt chược, có Thiên Môn, có Địa Ngục. Kẻ thắng trừng phạt người thua bằng cách xé giấy dán lên một nơi nào đó trên mặt đã được định trước. Không biết đây là trò đùa để xả hơi, hay là cách họ tính tiền thua được, chỉ có những người trong canh bạc mới biết chứ người ngoài nhìn vào thì không cách gì đoán ra.

Bạn tìm cách thối lui, trở về phòng, ngả lưng xuống giường lại thấy một đám đen vây quanh chiếc đèn hình khối cầu. Hàng triệu con muỗi chờ khi đèn tắt, sà xuống tha hồ hút máu bạn. Bạn nhanh tay thả mùng, nằm trọn bên trong chiếc lưới có đỉnh nhọn, ngay bên trên là một cái vòng

bằng tre. Lâu lắm rồi nay bạn mới nằm ngủ bên dưới một chiếc võng tre như thế, và bạn cũng đã qua rồi cái tuổi có thể nằm mở mắt nhìn chòng chọc vào chiếc võng tre mà mơ mộng. Hôm nay bạn không thể biết những bất trắc gì sẽ xảy ra ngày mai. Bạn đã học hỏi qua kinh nghiệm tất cả những gì bạn cần biết. Vậy bạn còn muốn tìm kiếm gì nữa? Khi một người bước vào tuổi trung niên, phải chăng hắn nên tìm một cuộc sống bình thản và ổn định, kiếm một công việc nhẹ nhàng, một địa vị tầm thường, làm chồng, làm cha, gầy dựng một gia đình đủ sống, dành dụm chút tiền gởi ở ngân hàng rồi tháng tháng bỏ thêm vào chút đỉnh dành lúc về già, có dư ra thì để lại cho con cháu về sau.

2

Chính ở trong vùng Khương nằm ở lưng chừng núi Quỳnh Lai, ở biên giới Thanh Hải với cao nguyên Tây Tạng và bình nguyên Tứ Xuyên, tôi đã chứng kiến được vết tích của nền văn minh con người thời cổ: đó là sự thờ lửa. Lửa, kẻ đã mang lại văn minh, từ lâu đã được tổ tiên của con người ở khắp nơi tôn thờ. Lửa là vật thiêng. Ông ấy đang ngồi trước ngọn lửa, uống rượu đựng trong một cái chén. Trước khi nhấp rượu, ông thọc ngón tay vào chén rồi vẩy lên đám than hồng, mỗi lần như thế lại có một ánh lửa xanh bùng lên kêu lách tách. Chỉ có lúc đó tôi mới cảm nhận chính tôi cũng là một con người có thực.

"Rượu tôi vẩy kia là để cúng ông Táo, nhờ ông ta mà chúng ta mới có cái ăn cái uống," ông ấy nói.

Ánh sáng bập bùng của ngọn lửa chiếu sáng đôi má gầy, chiếc sống mũi cao, và lên xương gò má. Ông nói với tôi ông là người dân tộc Khương, làng Ngân Đạt dưới chân núi. Tôi không dám hỏi thẳng ông chuyện ma quỉ, nên tôi nói với ông rằng tôi đến đây để tìm hiểu dân ca miền sơn cước. Liệu có còn mấy ông thầy dạy hát dạy múa sống ở đây không? Ông nói ông là một trong những người đó. Đàn ông đàn bà ngày xưa thường tụ tập nhảy múa ca hát cho đến sáng, nhưng về sau này đã bị cấm.

"Tại sao?" Tôi quá biết nhưng vẫn hỏi. Mình lại thiếu thành thật nữa rồi đây.

"Cách mạng văn hóa. Họ cho là lời ca đồi trụy cho nên chúng tôi phải đổi sang hát những bài mang lời dạy của Mao Trạch Đông để thay thế."

"Sau này thì sao?" Tôi gặng hỏi. Thế này thì thành thói quen mất.

"Chẳng còn ai hát những bài ấy nữa. Người ta lại nhảy múa, nhưng

bọn trẻ thì lại không biết, nên tôi lại phải dạy họ múa hát."

Tôi yêu cầu ông biểu diễn. Không ngần ngại, ông đứng bật dậy, múa hát. Giọng ông trầm ấm, đài hơi, tốt giọng. Tôi chắc chắn ông ta là người dân tộc Khương cho dù công an đặc trách hộ khẩu cứ khư khư là không phải. Họ cho là bất cứ ai muốn chứng tỏ mình là người dân tộc Khương hay Tây Tạng đều là những kẻ trốn tránh luật hạn chế sinh đẻ để có được nhiều con.

Ông ta hát hết bài này đến bài khác. Ông bảo ông là một kẻ ham vui, và tôi tin ông. Mãn hạn làm ấp trưởng, ông sẽ trở lại sống cuộc đời một người miền thượng, một ông già sơn cước ham vui, chỉ tiếc là ông đã qua cái tuổi tình tứ lãng mạn.

Ông còn biết đọc thần chú, những câu chú bọn thợ săn thường đọc mỗi lần họ vào núi săn bắn. Người ta gọi đó là bùa ngải, và ông ấy không ngần ngại gì mà không sử dụng chúng. Ông thật lòng tin rằng những câu chú đó có thể khiến cho muông thú sập hố, hay xua chúng giẫm chân lên bẫy. Người ta không chỉ dùng bùa ngải để săn thú mà thôi, mà còn dùng để trả thù kẻ khác. Nạn nhân của loại bùa ngải này thường lạc lối trong núi, và không thể nào tự mình tìm được đường ra. Giống như những "bức tường ma" tôi nghe nói nhiều lúc còn nhỏ: sau một thời gian đi đêm trong núi, người ta sẽ thấy có một bức tường, một bờ vực hay một dòng sông sâu hiện ra ngay trước mặt, chặn không cho hắn đi thêm được nữa. Nếu bùa chú không được giải, chân cẳng người ta sẽ không nhúc nhích được, mà cho dù có cố bước đi, hắn cũng chỉ đứng yên một chỗ mà thôi. Phải đợi cho đến khi trời sáng mới biết là mình đã đi vòng tròn. Như thế cũng chưa sao, nguy nhất là khi bị dẫn vào ngõ cụt: đường vào cõi chết.

Ông lâm râm mấy câu thần chú. Nghe ra không có vẻ thơ thới khoan thai như khi nghe ông hát, mà lại ậm ừ na-na-ná-na-na theo một nhịp thật nhanh. Tôi không hiểu một chút gì về những lời chú đó cả, nhưng vẫn cảm được sức cuốn hút huyền hoặc của từng chữ từng lời, một không khí cực kỳ ma quái trùm phủ lên căn phòng, mà bên trong đã bẩn đen vì khói. Ánh lửa bập bùng táp lên chiếc nồi hầm trừu bằng sắt làm cho đôi mắt ông nhấp nháy. Tất cả những cảnh này trông vô cùng hiện thực.

Trong lúc bạn tìm đường lên Linh Sơn, tôi lại ngao du dọc theo sông Dương Tử, cố tìm cho ra thứ hiện thực như thế này. Tôi vừa trải qua một cơn khủng hoảng, lại còn bị bồi thêm vụ một ông bác sĩ chẩn bệnh sai bảo tôi mắc chứng ung thư phổi. Cái chết đang đùa giỡn với tôi nhưng bây giờ thì tôi đã thoát được bức tường ma, nên tôi đang yêu đời một cách kín đáo đây. Sự sống đối với tôi đã tìm lại được sự tươi mát kỳ diệu của nó. Lẽ ra tôi đã xa lánh những nơi chốn ô nhiễm như thế từ lâu, trở về sống giữa

thiên nhiên để nong có được một cuộc sống đúng nghĩa.

Ở những nơi bị ô nhiễm đó, người ta dạy cho tôi rằng cuộc đời là nguồn gốc của văn chương, rằng văn chương phải trung thành với đời sống, trung thành với một đời sống hiện thực. Lỗi lầm của tôi là tôi đã tự tha hóa với cuộc đời, đi đến chỗ quay lưng với cuộc đời hiện thực. Tuy nhiên, đời sống hiện thực lại không giống với những biểu hiện của cuộc sống. Đời sống hiện thực, hay nói một cách khác, cốt lõi căn bản của đời sống chính là tính hiện thực chứ không phải là sự biểu hiện. Tôi đã đi ngược dòng với đời sống hiện thực chỉ vì tôi đã trói cột những biểu hiện đó lại với nhau, và do đó, tôi đã không mô tả đời sống một cách chính xác, trái lại chỉ làm cho hiện thực bị méo mó thêm.

Không biết bây giờ tôi đã đi đúng đường chưa nhưng dù sao thì tôi cũng đã tự rút ra khỏi cái thế giới văn chương hỗn độn đó, và thoát ra khỏi căn phòng ngập khói thuốc lá của tôi. Sách vở chồng chất khắp nơi bên trong căn phòng vừa nặng nề vừa khó nuốt. Chúng cổ xúy đủ thứ chân lý: chân lý lịch sử, chân lý làm người. Tôi không hiểu được tại sao phải cần đến nhiều thứ chân lý như vậy, nhưng vẫn bị vướng mắc vào mạng lưới những chân lý đó, vùng vẫy chống chọi một cách vô vọng, như côn trùng dính mắc vào lưới nhện. May thay, ông bác sĩ chẩn bệnh sai bảo tôi bị ung thư phổi lại là kẻ đã cứu sống tôi. Ông ấy tính bộc trực nên khuyên tôi so sánh hai tấm phim quang tuyến tôi đã chụp hai lần khác nhau: một vùng tối mờ mờ ở bên lá phổi trái đã lan ra đến xương sườn thứ hai, tiến gần đến thành khí quản. Có giải phẫu cắt bỏ luôn cả lá phổi bên trái cũng chẳng giúp gì. Kết quả đã quá rõ ràng. Bố tôi chết vì ung thư phổi. Ông chết trong vòng ba tháng từ khi khám phá ra bệnh, và cũng chính ông bác sĩ này lần đó đã chẩn bệnh đúng. Tôi đặt lòng tin vào khả năng chuyên môn của ông, và ông lại đặt lòng tin vào khoa học. Tấm phim chụp phổi hai lần khác nhau ở hai bệnh viện khác nhau lại giống nhau như hệt, không thể nào có trục trặc kỹ thuật được. Ông lại còn viết giấy chấp thuận cho chụp thêm hình nghiêng, và phải chờ nửa tháng mới đến lượt. Chẳng có gì đáng quan ngại, chỉ chụp để thấy rõ thêm cục bướu lớn đến chừng nào. Bố tôi cũng đã chụp như thế trước khi ông chết. Kết quả chẳng có gì khác, có chụp thêm thì cũng vậy mà thôi, chẳng có gì đặc biệt. Chuyện tôi lọt qua khỏi kẻ tay của thần Chết như thế chỉ có một cách giải thích: tôi may mắn. Tôi tin tưởng vào khoa học, nhưng tôi cũng tin tưởng vào số mệnh.

Có lần tôi nhìn thấy một miếng gỗ dài chừng hơn lóng tay một nhà nhân chủng học nhặt được ở vùng Khương vào những năm 1930. Đó là một bức tượng gỗ chạm một hình người đứng lộn đầu trên hai tay. Trên đầu có dấu mực vẽ đôi mắt, mũi và miệng, trên thân người lại có ghi chữ

"thọ." Ngày trước người ta gọi tượng này là "Ngủ Thường lộn ngược." và có vẻ gì tinh ranh một cách kỳ quặc về cái tượng này. Tôi hỏi ông ấp trưởng đã hồi hưu những loại bùa như thế lúc này có còn không. Ông ta trả lời những vật như thế này được gọi là "gốc cũ." Nó theo một đứa bé sơ sinh từ khi mới lọt lòng cho đến khi chết. Khi đó, bức tượng đi theo thi hài từ nhà ra huyệt; chôn cất xong, người ta để nó lại trong rừng để cho hồn người chết trở về với thiên nhiên. Tôi yêu cầu ông kiếm cho tôi một cái để mang trong người. Ông cười rồi nói bọn thợ săn thường lấy dấu trong áo để xua đuổi hồn ma, chứ đâu có giúp gì được cho những người như tôi.

"Có ông thợ săn nào cao tuổi biết chuyện bùa phép này chịu cho tôi đi săn cùng không," tôi hỏi.

"Lão Thạch có lẽ là người tốt nhất," ông ấy nói sau một hồi suy nghĩ.

"Làm sao tôi tìm được lão?" tôi hỏi ngay.

"Lão ở lều của lão ấy."

"Lều Lão Thạch này ở đâu?"

"Đi thêm 20 lí đến Mương Mỏ Bạc, lần theo con suối cho đến chỗ tận cùng, anh sẽ tìm thấy một chiếc lều bằng đá."

"Đó là địa danh, hay ông muốn nói chiếc lều của Lão Thạch."

Ông ấy bảo đó là địa danh, rằng thật sự có một căn lều bằng đá, và Lão Thạch sống ở đó.

"Ông đưa tôi đến đó được không?" Tôi hỏi thêm.

"Lão ấy chết rồi. Lão nằm lên giường rồi chết trong giấc ngủ. Lão đã quá già, sống hơn 90 tuổi, có người còn nói ông hơn cả trăm tuổi. Nói gì thì nói, mấy ai biết rõ ông bao nhiêu tuổi."

"Con cháu ông còn sống không?" Tôi không thể không hỏi tiếp.

"Từ thời ông nội tôi, cho đến đời tôi, ông ấy sống một mình."

"Không có vợ sao?"

"Ông sống một mình ở Mương Mỏ Bạc. Ông ở trên vùng đất cao, trong căn lều đơn độc, một mình. Ô này, khẩu súng trường của ông vẫn còn treo trên tường trong lều đấy."

Tôi hỏi ông rằng ông muốn nhấn nhe gì tôi đây.

Ông bảo Lão Thạch là một tay thợ săn thiện nghệ, một thợ săn có biệt tài bùa ngải. Bây giờ không làm gì tìm được người như vậy. Ai cũng biết cây súng của ông vẫn còn treo trên tường, cây súng chưa bao giờ trật mục tiêu, nhưng chẳng ai dám bén mảng đến lấy cây súng cả.

"Tại sao?" Tôi lại càng thêm thắc mắc.

"Đường vào Mương Mỏ Bạc đã bị cắt."

"Không có đường vào sao?"

"Hết rồi. Ngày trước có người đến đào mỏ tìm bạc, một hãng buôn ở

Thành Đô thuê một toán nhân công đến đào. Về sau, khi mỏ bị cướp, ai cũng bỏ đi. Con đường lát bằng ván họ dựng lên thời đó về sau này bị bể nát hay mục rả."

"Mấy chuyện này xảy ra lúc nào?"

"Lúc ông tôi còn sống kia, hơn năm mươi năm về trước."

Có lẽ đúng đấy, xét cho cùng ông ấy cũng đã về hưu, đã trở thành lịch sử rồi,lịch sử thật sự.

"Vậy kể từ đó không ai bén mảng đến nữa sao?" Càng lúc tôi càng thấy rối rắm.

"Khó nói lắm, vã đến đó khó vô cùng."

"Chiếc lều cũng rã mục luôn sao?"

"Đá sập, chứ làm sao mục?"

"Tôi muốn nói cột kèo kia."

"Ồ, phải, phải."

Ông ấy không muốn đưa tôi đến đó, ông cũng chẳng muốn tìm cho tôi một người thợ săn, cho nên cứ dưa dãi tôi thế này.

"Thế làm sao ông biết cây súng còn treo trên tường?" Tôi hỏi, bất kể ông trả lời hay không.

"Ai cũng nói thế thì phải có người thấy chứ. Ai cũng nói Lão Thạch là một con người ngoại hạng, thân xác ông không hề bị rữa nát, thú dữ không dám lại gần. Lão nằm đó thân hình đờ ra, gầy guộc, cây súng vẫn còn treo trên tường."

"Không thể nào. Khí hậu miền núi ẩm thấp như thế thì xác thối rữa, súng ống biến thành một đống sắt rỉ," tôi cải.

"Tôi không biết. Dù sao thì người ta đã nói như thế từ nhiều năm nay." Ông không chịu nhượng bộ, khư khư giữ lấy câu chuyện của ông. Ánh lửa nhảy múa trong đôi mắt ông. Dường như tôi vừa khám phá ra vẻ xảo trá trong đôi mắt đó.

"Còn chính ông thì chưa bao giờ thấy?" tôi quyết không buông tha.

"Những ai đã nhìn thấy lão nói rằng lão giống như người đang nằm ngủ, thân thể lão gầy guộc, cây súng trường của lão treo trên tường ở phía trên đầu," ông nói tiếp một cách điềm tĩnh. "Lão có nghề bùa phép. Không phải chỉ có người mới không dám đến lấy cắp cây súng đâu, ngay cả muông thú cũng không dám bén mảng."

Người thợ săn trở thành huyền thoại. Bàn đến một sự pha trộn giữa lịch sử và truyền kỳ làm phát sinh những câu chuyện dân gian. Hiện thực chỉ hiện hữu qua kinh nghiệm, mà phải là kinh nghiệm cá nhân. Tuy nhiên, một khi kinh nghiệm đã được thuật lại, ngay cả những kinh nghiệm cá nhân, nó trở thành một tự sự. Không ai có thể kiểm chứng được hiện thực

và nó không cần kiểm chứng, việc đó chỉ nên dành cho những chuyên gia về những hiện thực của cuộc sống tranh cãi với nhau. Cái quan trọng chính là đời sống. Hiện thực là đây, lúc tôi đang ngồi bên ngọn lửa trong căn phòng này, đen đìu vì cáu bẩn và ám khói, và tôi nhìn thấy ánh lửa nhảy múa trong mắt ông. Hiện thực là chính con người tôi, hiện thực chỉ là sự cảm nhận của chính khoảnh khắc này và nó không thể nào có liên hệ gì với một kẻ khác. Điều cần nói ở đây: bên ngoài một màn sương đang bao phủ lên ngọn núi màu xanh lục trong một lớp bụi mù và tim bạn đang vọng lại tiếng nước chảy ào ạt trong dòng cuồng lưu của một con suối.

(*) tựa của người dịch.
Hai chương đầu trích trong *Soul Mountain*, bản dịch Anh Ngữ của Mabel Lee.

Tìm đọc

Phòng 111

Tập truyện

Đặng Mai Lan

Một dòng ý thức miên man trôi chảy,
tràn đầy nữ tính,
cực kỳ lãng mạn

Tựa **Nguyễn Xuân Hoàng**

Văn *xuất bản*
Văn Nghệ *tổng phát hành*
Sách dày 180 trang. Giá $US112.00

VĂN NGHỆ
P.O BOX 2301 WESTMINSTER, CA 92683
TEL: (714) 527-5761
hoặc
VĂN MAGAZINE:
P.O. BOX 611626, SAN JOSE, CA 95161, TEL (408) 263-5283

Vài nhận xét nhân đọc quyển "Đọc kỹ Truyện Kiều" của Hồng Huy

Nguyễn Quảng Tuân

Nhân dịp sang Mỹ, từ tháng Bảy đến tháng Chín năm 2000, chúng tôi đã được xem quyển *"Đọc kỹ Truyện Kiều"* cũa ông Hồng Huy biên khảo, do *Làng Văn* xuất bản lần thứ nhất tại Canada năm 1998.

Trong *Lời Nói Đầu*, soạn giả có chân thành xin bạn đọc vạch cho ông thấy những khuyết điểm của quyển sách mà theo ông "chắc là phải có".

Chúng tôi, vì đang đi du lịch, chưa có nhiều thì giờ đọc kỹ toàn tập, nên chỉ xin nói về một đoạn trong văn bản *Truyện Kiều* mà ông Hồng Huy đã đề cập tới ở trang 489 và 490.

Theo ông cho biết thì bản Lâm Nọa Phu (1) dài hơn các bản Kiều thông dụng 2 câu, tức là dài 3256 câu thay vì 3254 câu, và hai câu thêm ấy nguyên văn là:

Nét sầu khôn cưỡng, lệ tình khôn ngăn
Ra vào thui thủi chiếc thân.

Hai câu này - như ông đã căn cứ vào bài viết của Giáo sư Đàm Quang Hưng (2) - được chen vào những bản Kiều thông dụng thành một đoạn:

Sớm khuya hầu hạ dành doanh
Nét sầu khôn cưỡng, lệ tình khôn ngăn
Ra vào thui thủi chiếc thân
Tiểu thư trông mặt, xa gần hỏi tra.

Ông còn cho biết, "chép theo Giáo sư Đàm Quang Hưng như thế mới đúng vì phải như thế mới có lý."

Chúng tôi, sau khi được Giáo sư Đàm Quang Hưng tặng cho một bản sao chụp quyển *Đoạn Trường Tân Thanh* của Lâm Nọa Phu chép tay (3) lại vào năm Tự Đức Canh Ngọ (1870) thì thấy có sự sai lầm rõ rệt cần phải đính chính vì hai câu thêm kia:

Ra vào thui thủi chiếc thân
Tiểu thư trông mặt xa gần hỏi tra

không hề có trong bản nôm.

Chúng tôi xin phiên âm lại nguyên văn bản nôm của Lâm Nọa Phu như sau:

1887 *Sớm khuya hầu hạ đài doanh*
Nét sầu khôn gượng lệ tình còn nguyên
Tiểu thư trông liếc quở liền:
"Sa mày nặng mặt bởi duyên cớ gì?"
Bì tiên giao lại tức thì:
"Cậy chàng hỏi nó rằng vì làm sao?"
Sinh đà ruột héo như bào,
Nói ra chẳng tiện trông vào sao đang.
Quanh co cua lọt bò sàng
Sợ đây thương đó hai đàng chưa xong
Dưới thềm trên kỷ cùng trông
Một lời chưa mở, hai dòng đã sa
Lấy lòng giả cách hỏi tra
1900. Thân cung nàng đã trình qua một tờ.

Đoạn trên dài 14 câu đã được chép theo bản Kinh chỉ khác một vài chữ (4), nếu so sánh bản Phường thì dài hơn 2 câu.

Để các độc giả tiện so sánh và thấy rõ sự sai lầm nói trên, chúng tôi xin phiên âm lại nguyên văn bản Phường của đoạn ấy như sau:

Sớm khuya hầu hạ đài doanh
Tiểu thư chạm mặt, đè tình hỏi tra.
Lựa lời nàng mới thưa qua,
Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.
Tiểu thư hỏi lại Thúc sinh:
"Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao."
Sinh đà rát ruột như bào,
Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang.
Những e lại lụy đến nàng,
Đánh liều mới sẽ lựa đường hỏi tra.
Cúi đầu quì trước sân hoa,
Thân cung nàng mới thảo qua một tờ.
(câu 1885-câu 1896)

Như vậy ở đoạn trên bản Lâm Nọa Phu dài hơn 2 câu. Nếu tính tổng số câu của bản này thì toàn truyện dài 3258 câu chứ không phải là 3256 câu như ông Hồng Huy đã ghi nhận.

Sở dĩ số câu dài tới 3258 câu vì ở sau câu 531, bản Lâm Nọa Phu cũng chép theo bản Kinh:

Mở xem thủ bút nghiêm đường,
Nhắn rằng: "Thúc phụ xa đường mệnh chung.
Hãy còn ký táng Liêu Đông,
Cố hương khơi diễn nghìn trùng sơn khê.
Rày đưa linh thấn về quê,
Thế nào con cũng phải về hộ tang."
Đoạn này so với bản Phường cũng dài hơn 2 câu:
Đem tin thúc phụ từ đường,
Bơ vơ lữ thấn tha hương để huề.
Liêu Dương cách trở sơn khê,
Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang.
(531-534)

Bản Lâm Nọa Phu còn chép theo bản Kinh 2 câu sau đây:

Nặng lòng thương phận thơ đào,
Sẻ lòng đoái chút tuổi cao thân tàn.

cũng khác hẳn với bản Phường:

Dỗ dành khuyên giải trăm chiều,
Lửa phiền càng dập càng khêu mối phiền.
(2805-2806)

Ngoài ra bản Lâm Nọa Phu còn chép sai nhiều câu như:

Thà điều nguyệt nọ hoa kia (câu 461)
(đúng ra là: *Đừng* điều...)
Một mình đổ đến trước sau (1133)
(Đúng ra là Một *đoàn*...)
Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Sở Khanh (1232)
(Đúng ra là...*Tràng Khanh*)
Càng sôi vẻ nguyệt càng lồng màu sen (1384)
(Đúng ra là ....vẻ *ngọc*)
Còn in rạng khách Chương Đài như xưa (2278)
(Đúng ra là: *Hãy còn hàm én mày ngài*...)
Sập sè én liệng tường không (2753)
(Đúng ra là: ...*rường* không)

Chúng tôi chỉ xin nêu ra một vài thí dụ như trên để chứng tỏ những điều giới thiệu của ông Hồng Huy về quyển *Đoạn Trường Tân Thanh* mà Giáo sư Đàm Quang Huy có được là hoàn toàn thiếu chính xác.

Chúng tôi sẽ có bài nhận xét thêm về quyển Kiều nôm truyền là cổ nhất ấy để xem bản chép tay của Lâm Nọa Phu từ năm Tự Đức thứ 23

(Canh Ngọ, 1870) có phải là một bản nôm cổ thực hay không?

Nguyễn Quảng Tuân

(1) Bản nôm chép tay, ngoài bìa đề là: "Hồng sơn Liệp hộ Nguyễn Du Tố Như ông trứ. Đoạn Trường Tân Thanh. Tự Đức Canh Ngọ Trung thu hậu tứ nhật. Khoái châu Tiểu Tô Lâm Nọa Phu thư."

(2) Bài "Giải đáp một số nghi vấn trong *Truyện Kiều* qua một bản Kiều nôm cổ" của Giáo sư Đàm Quang Hưng đã được đăng trên Tạp chí *Tự Do* ở Houston (Texas) số ra tháng 11-.

(3) Bản nôm này, Giáo sư Đàm Quang Hưng đã chụp photocopy lại và trao tặng chúng tôi ngày 8-9-2000, khi chúng tôi xuống thăm Houston (Texas)

(4) Bản nôm này đã được sao chép từ một bản Kinh nên mới để nhan đề là *Đoạn Trường Tân Thanh* như bản nôm Kiều Oánh Mậu cho khắc in năm 1902.

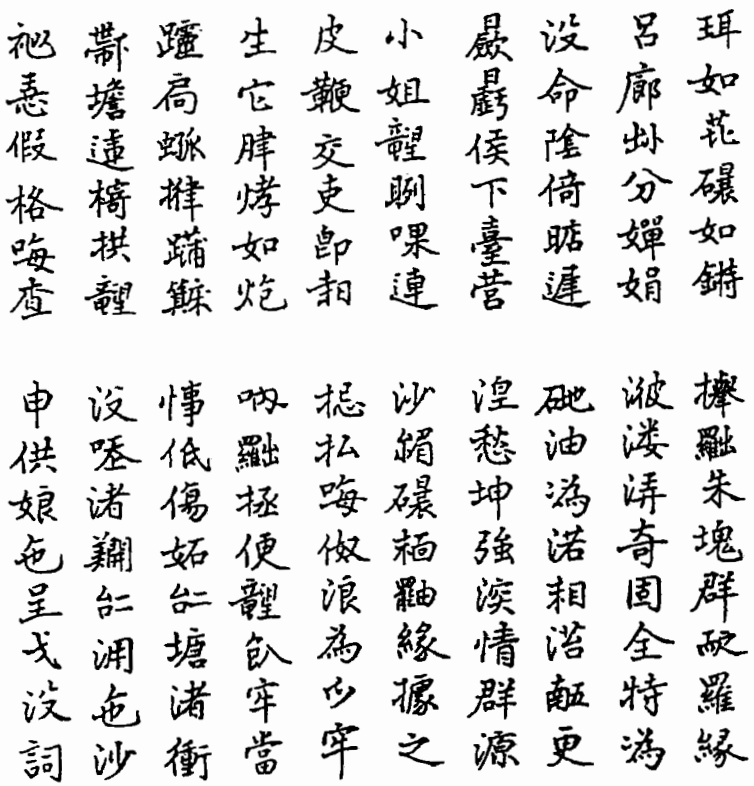

Bản *Truyện Kiều* Lâm Nọa Phu
Từ câu 1882 đến câu 1900

Đoản văn
Thường Quán

1. Căn nhà lớn thức dậy

Tôi nghĩ mình đã trải qua một đêm tối ấm cúng. Ấy là một cảm giác nóng ấm, có thực. Tôi đã cảm nghe cả những âm thanh rất xa, khi nằm trong chiếc mền dạ ấy, lớp len dạ quấn chặt bó lấy thân. Cách quấn chăn, từ khoảng cổ, hay cao hơn chút nữa, ngang dưới miệng, chạy xuống hết chân, vắt ngược lên như một chiếc túi, cho người ta cảm giác không cử động gì được, nhưng gió cũng chẳng thể luồn vào. Và như thế có là nằm dàng sau một đụn cát nổi, dưới lưng là cát, xóm làng cháy thấp dưới xa, ngoài biên giới của thị giác không đeo kiếng trợ lực, người ta vẫn có cảm giác nằm gọn như trong lòng bụng ấm một đêm trần gian. Và nếu như đó là một giấc ngủ sau một ly vang thì bất kể đêm có sương sa, người ta vẫn có thể ngủ vùi, như không cần phải thức dậy nữa. Một hai tiếng chó sủa đơn lẻ trong sâu khuất tối, hay cả nền âm cảnh làm nên từ tiếng côn trùng rì rật cũng là âm nhạc như một bài ru nào của con người (vốn thích ca hát). Tôi nằm như được ai mang đi xa, một chiếc tàu chạy tốc hành, dài mười hai toa, thỉnh thoảng một cánh tay nhấn chiếc núm cao su đen cho rúc lên một hồi còi không đâu, cốt để làm vui không gian thanh vắng, đánh rạc mấy lưới sương thấp, hay là cho một thân hoẳng nào ngơ ngác thối lui, quay đầu chạy vào khoảng trống, hơn là một mục đích gì khác. Thế mà rồi tôi đã thức dậy trong căn nhà to lớn ấy. Căn nhà mái trần dốc cao để đèn vàng rực như một nhà thờ mùa Giáng sinh, nhưng không trang trí trần thiết, không cả bàn thờ Chúa. Cả một chiếc thánh giá trơn khảnh như ở một nhà thờ Thanh giáo cũng không. Căn nhà như một trại lính, mà nếu thế thì toán quân di tản đã bỏ đi hồi nửa khuya, và vị chỉ huy là một người có trách nhiệm cao, ông đã cho dọn sạch không để lại cả một tấm hồ sơ hay một chiếc thẻ bài nào. Nhưng tôi hơi rùng mình khi thấy căn

nhà lại gần như một nhà thương, với trục hành lang chính chạy giữa hai dãy phòng nó gần như có bố trí của bệnh viện nội thương mà tôi đã từng nằm ở đó, những năm lên tám lên chín, bên cạnh mẹ tôi, bà là người bệnh chứ không phải tôi lúc ấy. Trong những căn phòng kế bên thỉnh thoảng có một tiếng gập người, tiếng thét lên, của một ai bị trùng tê-ta-nốt. Có những người thức dậy nửa đêm đi như mộng du, tóc dạt về một phía. Nhưng nếu thế thì đây cũng là một bệnh viện đã di tản. Rồi tôi nghĩ tới một nhà để lao, và dõi mắt xem từ mái trần cao, đỡ bằng những sà ngang hình tam giác, liệu có một vòng thừng bỏ sót. Nền đá phẳng được lau sạch không dấu vết gì. Không có những cửa chấn song. Hay đây là một chiếc chuồng gỗ ? Một chiếc chuồng gỗ để đèn cho con so con rạ ? Tôi sắp cho ra đời một sinh vật gì ? Mà nếu thế thì lấy gì làm thực phẩm ? ý nghĩ ấy khiến tôi thực sự tuyệt vọng.

2. Rotunda

Người đàn bà có dáng rụt rè như một thiếu phụ chưa bao giờ phải chia chung phòng với ai. Tôi nói: chị yên tâm, tôi đi suốt ngày ngoài đường, có ghé về thì chỉ cần một chỗ ghế bố là xong. Nhìn quanh không thấy bố hay giường nào cả, chỉ những chiếc tủ ăn vào vùng lõm của tường, những *cupboard* trơn, màu xám nhạt. Lối kiến trúc gọn của một nhà kiến trúc *minimalist* chắc. Tôi tính nói đùa một câu gì nhưng người đàn bà vẫn ngồi khuất trong chỗ tối, không biết chị có cho là khiếm nhã không, nên thôi, tôi xin khép chiếc cửa và đi ra ngoài. Ra khỏi cửa là một sảnh đường tròn trải thảm nhạt. Một sảnh đường nằm giữa những căn phòng xây tròn. Một *Rotunda*, như *rotunda* giữa Đại Học M, *alma mater* của tôi. (Nơi ấy cũng là nơi tôi và nhà tôi từng tới, tuổi hai mươi, đứng trước một *celebrant* của trường, nói "I do", "I do" và đeo vào tay nhau một chiếc nhẫn trơn, hôm nào xa). Tôi mở cửa bước vào căn phòng cửa sổ trổ về hướng bắc. Căn phòng có mỗi chiếc bàn gỗ, một cậu con trai, đầu húi sát gần như trọc, ngồi xoay lưng lại, trông như đứa con trai út của tôi, đứa bé mà người thầy âm nhạc đầu tiên của nó (một bà già người Pháp) vẫn đoan chắc nó có tiền kiếp tận bên Tây Tạng. Nhưng đứa con trai có vẻ chăm chú lắm với tập sách trên chiếc bàn. Nó không quay lại cho tôi còn thấy mặt. Tôi nhẹ khép cửa đi ra, hơi thắc mắc căn phòng ấy ngoài chiếc bàn, một ngọn đèn trơ, và một chậu tròn thả cá, cũng không có gì như một chiếc giường ngủ. Tôi tìm một lối ra thì lại vào một căn phòng của đám con gái mang đồng phục tím của trường nữ sinh đứa con gái của tôi đã từng theo học. Đám con gái cười đùa ngây thơ rộn rã, tôi

nhận ra một vài khuôn mặt quen, nhưng không thấy con gái của tôi đâu. Một cô bảo, Ông chờ đấy tôi sẽ đi tìm. Nhưng rồi cô học trò kia cũng không trở lại nữa. Khi bước ra khỏi căn phòng ấy tôi nghĩ tới một sân chơi và những tiếng hát của trẻ lên bốn lên năm. Một phòng rửa mặt tình cờ mở toang. Tôi bước vào tìm một chiếc ly giấy để uống nước, nhưng chỉ có một tảng đá thực lớn, thứ đá núi ai mang về, tháp vào trên một trụ đá vân trắng. Một giòng nước rịn thấm lan dần từ thân đá núi chảy xuống nhỏ giọt thật chậm và lặng lẽ vào một trũng nước dáy có những viên cuội, những hạt sạn. Bức tượng đá có sức thôi miên kỳ lạ . Tôi đã đứng đó rất lâu. Đầu không một ý nghĩ. Tôi bước ra lại sảnh đường ở giữa, cố tìm trở lại căn phòng cũ của mình để ngã lưng một chút. Cuộc hành trình trước mặt thực là dài. Nhưng mọi căn phòng đều giống hệt nha. Không có những chữ hay những con số nào trên những chiếc cửa (mà giả nếu có, tôi cũng không nhớ số phòng của mình là gì, sư lơ đễnh quả như ai đó nói đã là bản sắc của tôi). Tôi nghĩ phải đi ra tìm người quản trị nói một lời cầu cứu, thì người đàn bà đã đứng đấy. Chị nói chiếc chìa khoá ngoài ấy.

Tôi thấy theo tay chỉ một căn chòi lá, cách căn nhà tròn này cũng cả một trăm bộ, và cát cháy nóng, và tôi vẫn như khi bước vào chân trần, không giày vớ. Cát tưởng như đang bốc hơi. Buổi trưa mùa hè chói chang. Người thiếu phụ đã xoay lưng, tôi không nhớ mình đã thực nhìn rõ khuôn mặt chị.

3. Chim và Rắn

Trở về từ Việt Nam sau một chuyến hội thảo về văn hoá Úc tôi sốt nặng. Chắc là một trận cúm. Tháng Ba Hà Nội còn rớt rét nàng Bân. Tôi nhớ khoảng sân có mấy cây chuối nghiêng ngã bên Hồ Tây, đứng chụp chung một pô hình với gia đình người thi sĩ mà tôi có sống với anh mấy hôm. Hôm ấy thì vừa quá tuần 49 của anh. Trên bàn thờ chiếc ảnh mới nhất của anh có nét gì quá buồn, như cố hữu anh vẫn vậy. Nhưng đây cũng chỉ là một linh cảm hay một quyết đoán. Tôi chỉ mới sống với anh có mấy hôm. Những hôm ấy, về khuya, anh hay đọc thơ bằng một giọng trầm trầm nghe rầu muốn chết. Tôi nghĩ là anh cũng có rất nhiều máu khôi hài. Sau này đọc những tuỳ bút của anh thì rõ hơn điều ấy. Đời sống không cho người ta mấy ngày vui, mấy dịp được diễn hài. Tôi vái anh, uống một hớp rượu âm ấm, chị BT (cô giáo, vợ anh) lấy xuống từ bàn thờ. Tôi cũng được đọc ngay chính cái gì đó tôi viết ở tờ Văn Học số đặc biệt tưởng niệm anh, chị BT đặt số báo trên bàn thờ, ngay tầm anh ngó xuống là đọc được, giữa những trang giấy sổ vàng mỗi người bút bi bút máy ghi

một câu. Nhưng tôi ốm nặng. Giữa trận ốm nằm không tôi thức dậy viết bài gì về Xứ Bác...không biết đâu ra câu "Chim và rắn, một không hai". Không nhớ hết bài thơ viết trong trận sốt, hôm nay tôi đi vào sân nhà thờ Thánh Patrick bên hông phố cổ Melbourne, thấy giữa nền sân, ngay dưới thềm hiên bước vào nhà thờ, một nghệ sĩ nào tạc một cảnh Chim và Rắn. Hẳn là một nghệ sĩ thổ dân. Chim cuộn vào với rắn. Và giữa chim và rắn: một quả trứng hình thoan. Trời thực là xanh. Thứ nắng phương Nam trong vắt. Đột nhiên tôi thấy lại một cái gì mình không nhớ, đã rất lâu . Một khu nhà thờ di cư có tên là Chính Trạch, hẳn là lấy theo tên của một ngôi giáo đường đã nằm bên một mạn biển ở Quảng Bình. Khu nhà thờ di cư gần khu xóm Ga Đà Nẵng nơi tôi lúc ấy đang đi rảo quanh khám phá. Những đứa trẻ chạy ôm eo nhau, chơi rồng rắn, chúng hát : Ai khôn thì dại, ai dại thì khôn. Tôi một trẻ lên năm buổi ấy không có đạo Chúa, sống ngoài khu giáo xứ, tới nhà thờ lúc ấy cốt để xem ba bức tranh trên ba cửa vào nhà thờ. Có một bức để lại dấu ấn đậm nhất là bức Ra Khỏi Thiên Đàng. Người hoạ sĩ, vẽ phỏng theo một bức tranh Phục Hưng, đã cho Êvà ngoái lui lại nhìn vào thân cây táo, và con rắn thì thòng xuống từ thân cây có một chiếc lưỡi dài.

Đêm chiều tối xưa ấy, trên tháp chuông nhà thờ có những chiếc cánh, không rõ là dơi hay chim, và tiếng chuông mà chủ quan tôi cho là có một giọng âm u buồn. Như tiếng cầu kinh "Chúng con là kẻ có tội" rầm rì bốn năm giờ sáng có khi thức dậy tôi nghe, giữa những tiếng sóng biển xô vỡ ào ạt.

Thường Quán
Mebourne 19/10/2000

Nhà xuất bản THỜI MỚI
(Toronto, Canada)

hân hạnh giới thiệu:

* Truyện kể năm 2000 của *Bùi Ngọc Tấn*
* Lạc đạn và Mười truyện ngắn của *Trần thị NgH*
* Hợp âm trong vùng sân khuất của *Mai Ninh*

Đi qua nhà quàng oak hill

THẢO CHI

Tình cờ đi ngang qua phòng quàng
của Nguyễn Thị Hạnh

Ôi, chị một em, em một chị,
giời làm xa cách mấy con sông (*)
quê người hai đứa: Em cùng chị,
chia cách, trời ơi! Đau đớn không?

Buổi trưa trôi chậm, trời oi ả
không khí nặng hơn tảng đá chồng,
bên chiếc quan tài em khóc lả
tiếc thương người chị cõi mênh mông!

Chị trong áo trắng nằm im lặng,
hoa trắng rải đầy trắng áo quan,
không nét đỏi hờn, gương mặt lạnh,
đôi môi tím ngắt, tím màu than!

Căn phòng lạnh lẽo, im lìm quá,
lạnh buốt làn da rợn cả người,
những cọng nhang buồn phun khói lá
vẽ vòng thành những bóng ma trơi!

Một thoáng tim tôi chừng thắt lại,
lạ lùng! Tôi khóc một người đi?
Hay là tôi khóc người con gái,
khóc giọt máu đào buổi biệt ly?

Tôi chắc hôm qua em với chị
cận kề như thể lược cùng gương.
Như hình theo bóng tôi thầm nghĩ,
nay bóng mơ hình, lược nhớ gương!

Tôi chắc ngày mai trước nấm mồ,
có người con gái chít khăn sô
đặt lên bia lạnh vòng hoa trắng,
môi mím bờ môi mắt lệ mờ!

Ôi, chị một em, em một chị,
giời làm xa cách mấy con sông.
Buổi trưa như thế, buồn như thế,
chớp mắt mà ôi! Lệ chảy dòng!

(*) thơ Nguyễn Bính

Vĩnh biệt mùa thu

Hoàng Nga

Cuối cùng rồi tôi cũng ra tới Hà Nội. Bay chuyến bay vào lúc giữa trưa. Trời nóng ngột ngạt ở Sài Gòn. Tôi ra đi với những hơi thở nghẹn cứng, bức bối qua các tấm khẩu trang của cô con gái Sài Gòn bịt kín miệng, qua những đôi găng tay cao quá khuỷu mà tôi chỉ được nhìn thấy ở thành phố dưới chân rặng Alpe lúc giữa đông. Trước lúc tôi đi, nghe loang thoáng có bão cấp năm đâu đó ngoài bắc. Mẹ tôi lo thuyền lật ở Hạ Long. Con tôi bảo chỉ sợ trời sẽ mưa và sương mù làm quẩn chân tại khách sạn. Tôi cười. Sương mù thì mặc sương mù. Trời mưa tôi cũng cứ mặc trời mưa. Tôi sẽ quấn khan choàng, áo khoác mỏng lơ thơ lướt thướt ra bờ hồ đón thu.

Trước hôm lên máy bay, tôi cẩn thận chuẩn bị áo tay dài, mũ dạ mỏng cho vào va ly. Vẫn mẹ tôi, ngồi kế bên nhắc nhở, thêm đôi vớ con à. Lúc ra đến cửa, bà chị dâu cười cười, dặn dò với theo, cô phải gắng giữ da dẻ mịn màng, gắng không cho cảm cúm xâm nhập để còn sức về gặp người yêu xưa cô nhé. Rời khỏi Hà Nội, tôi sẽ còn đi thêm hơn năm trăm cây số đường chim bay để tao ngộ cố nhân. Một cuộc gặp gỡ mới chỉ nghĩ đến đã thấy hồi hộp và đầy "cá tính" rồi. Tôi dùa lại với bà chị dâu. Vậy thì em cần sương mù và trời mưa Hà Nội để làm mất ướt, tóc ướt và lòng khước say hương mùa thu.

Hà Nội mùa này, có người nói với tôi, hương cốm sẽ ngát thơm cả góc phố, đâu đó còn có hoa sữa nồng nàn như nhạc như thơ. Đoạn đường năm trăm cây số kế tiếp hẳn đã làm con người ta bồi hồi, xúc động, tưởng tượng thêm có tay ai đó làm lá sen giữ cho mình mùi hương cốm, mường tượng thêm đã có người đi cạnh bên chiều tan lớp ngày xưa, là đủ nao cả dạ; nên tôi hức lòng chờ đợi ngày được nhìn thấy trời thu trên những con phố Cổ Ngư, trên cầu Thê Húc...

Tôi mơ màng. Tôi... ảo tưởng. Nên từ trên trời, dẫu phải trải qua cơn chấn động tâm thần khởi đầu từ cái cách dáp chiếc Air-bus rùng rợn của chàng phi công có lẽ vốn chỉ quen điều khiển máy bay trực thăng; ấm một phát, chàng đã lao ngay xuống đất mà không hề tỏ bất cứ tín hiệu, hay tí chút thông báo nào để mọi người chuẩn bị tinh thần... cầu nguyện; tôi vẫn để lòng rơi lạc thiên thai. Tôi "xí xóa" mọi điều. "Xí xoá" những bực bội, những thứ gây ác cảm cho tôi -mà vì chúng, thường ngày tôi vẫn bị người chung quanh chê khó tính. Tôi "xí xoá" luôn cả chuyện các quan chức đi chung chuyến bay, những người đang nắm trong tay vận mạng kinh tế, tài chánh và nhiều thứ khác của đất nước, nhưng lại không thèm chấp hành chút yêu cầu nhỏ nhỏ của phi hành đoàn "xin tắt máy điện thoại di động để bảo vệ an toàn cho hành khách", mà cứ tỉnh bơ tai trâu í ới hết gọi cho nhân viên này lại đến nhân viên kia, rồi lại cho người nhà...

Nói chung, tôi "xí xóa" hoàn toàn, một cách hết sức... hòa hợp hòa giải dân tộc, kể cả lúc nghe con bé bật cười to, sau khi chứng kiến cảnh hàng trăm vật thọ tạo của thượng đế trong đó có tôi và nó, chưa kịp hoàn hồn bởi cú đáp đột ngột, liền phải run rẩy lắc lư hết cỡ thợ mộc khi chàng tổ trưởng tổ lái cho chiếc xế của mình chạy rùng rùng, hùng hục trên phi đạo có vẻ như chưa hề nhận được chỉ thị tráng nhựa đường; tôi vẫn cười dễ dãi, coi như không có chuyện gì xảy ra. Con bé bảo tôi, vậy mà mama cứ chê Tân Sơn Nhất dở ẹt.

Thật tôi đã chê Tân Sơn Nhất dở ẹt, chê nắng Sài Gòn dẫu có mười mươi áo lụa cũng không làm mát được mất ai trong giây lát, tôi chê trời tháng chín thành phố tôi về không sắc không hương, bởi vì tôi có một lý do hết sức chính đáng để biện minh cho mình: tôi đang chờ đợi mùa thu Hà Nội. Tôi chờ ngọn gió heo may làm lòng tôi dịu xuống. Tôi chờ cơn mưa mỏng mảnh, chờ chiều không buông nắng, chờ đi giữa lòng Hà thành ba mươi sáu phố phường của chàng Nguyễn Bính, của Thạch Lam. Và thật tình, tôi đã chờ đợi với tất cả lòng thành của mình.

Tôi đã chờ. Vậy mà, hỡi ơi, Hà Nội vào thu! Tôi có biết đâu Hà Nội vào thu, vẫn hừng hực cái nắng cuồng điên, nhức nhối. Vẫn nóng bức đến ngỡ ngàng như sa mạc lúc tôi đứng ở sân bay Nội Bài, lặng người nghe những hạt mồ hôi rịn ra trên từng kẽ chân lông, trên từng thớ da thịt. Tôi đã chờ nên tôi bàng hoàng. Nên tôi ngỡ ngàng nhìn quanh không biết mình đã được đem đến nơi mình muốn đến hay chưa. Đến cả khi ngồi thu mình trên chiếc xe mini bus gắn máy lạnh, đưa mắt ngó ra ngoài, tôi vẫn cứ để lòng "hy vọng" mình chưa đi đâu ra khỏi Sài Gòn.

Tôi đã chờ đợi, nên mãi cho đến lúc nghe hướng dẫn viên đoàn du lịch léo nhéo đâu đó gần chỗ ngồi của tài xế, xin mọi người vài phút chú

ý, mới giật mình bừng tỉnh cơn mơ. Tôi mở trừng mắt, gióng tai nghe cái giọng như giọng thuyết minh phim. Giọng trả bài. Xe của chúng ta đang chạy qua đê Yên Phụ, con đê lớn nhất nước. Bên dưới là sông Hồng, quanh năm nước đỏ. Phù sa đưa về từ con sông này hàng bao nhiêu năm nay vẫn nuôi sống được cả triệu con người... Tôi ngó lên. Hướng dẫn bất gặp ánh mắt tôi, đột ngột ngừng lại. Ơi chị ơi, nhờ chị dịch hộ lại cho những người ngồi cạnh. Tôi đảo mắt ngó qua con. Con bé nhăn mặt. Nhưng cuối cùng, đâu muốn hay không, rồi cũng phải thay mẹ làm nghĩa vụ thông dịch bất đắc dĩ. Hướng dẫn kiên nhẫn chờ. Dăm ba phút sau, khi nghe con bé đã thật sự không còn thỉnh thoảng buông ra vài câu nhát gừng nữa, hướng dẫn mới tiếp tục bài thuyết minh của mình. Cổ hướng dẫn, gân lớn gân bé nổi lên như trùn đất. Cái micro rè, không cho phép làm nhức đầu hành khách, nhưng coi bộ hướng dẫn không chấp nê gì những điều lẻ tẻ. Giọng kim của hướng dẫn vẫn sôi nổi, vẫn hồ hởi. Vẫn gào lên một cách vô cùng hăng hái. Đến đâu rồi? À, à, đến con đê. Con đê này của chúng ta ngày trước chỉ được đắp bằng đất, sau chính phủ mới cho chỉ thị xây dựng lại... Năm ngoái có lệnh giải tỏa những ngôi nhà lấn chiếm bờ đê. Nhiều căn hộ đã phải phá hủy đi hoàn toàn. Đây là công trình của cả nước và nhân dân cùng làm.

Tôi ngó ra ngoài. Con sông bên dưới mắt tôi đỏ quạch. Xe chạy qua cầu. Từ đưng không hiểu sao trong đầu tôi, dã chẳng hề có một tí chút lịch sử nào chạy qua, mà cứ lẩn quẩn mãi ở cái tên... Dũng Long Biên. Thiệt là kỳ cục! Thiệt là cứ y như một thứ vô văn hóa nào đó đang học đòi đi tham quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh. Tôi ngó đông ngó tây. Hướng dẫn lại oang oang hãnh diện. Từ lâu rồi, đã có lịnh của trung ương, rằng cứ hễ khi nào lũ dâng lên cao quá, mực nước ngăn ở con đê này vượt lên trên giới hạn cho phép, thì sẽ được tháo về các vùng chung quanh. "Trên" đã nhất quyết không bao giờ để cho Hà Nội bị ngập.

Đến đoạn này, đang lơ mơ với... Dũng Long Biên, vừa mới giật mình nhận ra hướng dẫn trình bày điều gì, chưa kịp nghĩ đến phản ứng của chính mình, tôi đã nghe ở phía dưới, một thằng bé, chắc thuộc loại vớ vẩn hơn cả... tôi, chồm lên hỏi lớn, đó là những vùng nào hả anh. Hướng dẫn đột ngột ngưng giọng thao thao, quay xuống nhìn thằng bé, tay quơ vài vòng trong không, hăng hái trả lời. Là các vùng phụ cận. Các tỉnh gần nơi đây.

Thằng bé trong đoàn, khi ra đi mới chỉ vừa xong tiểu học, lúc về, là sinh viên điện toán năm thứ hai trường đại học nào đó ở California, hình như không "tiếp thị" nổi chuyện quê nhà, nên bằng một nỗi thắc mắc tràn trề trên mặt, mày cau lại khó chịu, tiếp tục nhằng nhì hỏi. Sao vậy anh, bộ

người dân ở những vùng đó giàu có và chống lũ giỏi lắm hay sao mà trung ương quyết định sẽ cho họ ngập vậy. Hướng dẫn ngay từ lúc mới lên xe, khoe có ba bằng đại học, có vẻ hết sức tự tin về sự thông minh uyên bác của chính mình, đã nhìn thằng bé một cách rất ngoạn mục, đáp, không, họ cũng dâu có hay ho gì, nhưng nếu để ngập Hà Nội thì thiệt hại sẽ lên đến hàng tỷ đồng.

À, thì ra là vậy! Thằng bé kêu lên. Bằng một giọng bàng hoàng nhưng không kém phần kinh ngạc. Tôi cũng kinh ngạc vì sự quyết định mang tính cách... gọn gàng của trung ương, và sự chấp hành một cách quá sức dễ dãi và anh dũng của nhân dân vùng phụ cận Hà Nội; nên bỗng sực nhớ đến một câu kinh thánh, được hiểu theo nghĩa đen, "nhưng kẻ nào không có, thì cũng cất luôn điều họ đã có nữa". Cậu thanh niên mặt mũi khôi ngô tuấn tú ngồi bên phải tôi, bỗng đứng quay sang nhìn tôi, mỉm cười. Cứ như thể cậu đã đoán biết, thấu dáo hết tất cả các điều tôi đang suy nghĩ. Cậu hát, á, có bác Hồ dời em được ấm no. Tôi phì cười. Nhớ đến chuyện dân chúng Úc biểu tình phản đối chính phủ cách đây gần chục năm, về việc họ thà sống trong tình trạng kinh tế túng hụt, an sinh xã hội không cao, còn hơn khai quật mỏ Uranium vùng Northern Territory. Hướng dẫn đoàn thấy tôi coi bộ phân tâm, chia trí dữ, lại nhắc, chị ơi, dịch hộ cho em!

Chỉ non ba tiếng đồng hồ ở Hà Nội, tôi đã nhận ra rằng những ngày đi tham Thăng Long thành của tôi sẽ dính cứng vào với... trung ương Đảng. Xe chạy về hướng hồ Trúc Bạch. Xuống xe, tham quan. Cái hồ, trong mắt tôi, nhỏ xíu. Làng mạc xa xa phía bên kia. Không biết xui cho tôi hay xui cho Hà Nội, mà tôi đang định cư ở một vùng, được mệnh danh ngũ hồ, là nơi tất cả những lâu đài thành quách được xây dựng từ thiên niên kỷ thứ hai, quang cảnh chung quanh thơ mộng còn hơn cả tranh vẽ, phần khác chả hiểu hướng dẫn được dào tạo kiểu gì mà cứ dứt khoát quang cảnh đất nước ta đẹp nhất thế giới, khiến mớ tình cảm vốn đã bị sứt mẻ bởi cú choáng mùa thu trước đó của tôi, càng lúc càng bị hướng về phía... âm cực. Hướng dẫn quơ tay lòng vòng, kể chuyện nàng công chúa bị đày, lập nên làng lụa bên kia hồ. Rồi thêm. Nhưng chuyện quan trọng hơn đã xảy ra ở hồ này là Giôn Xơn, một tên phi công Mỹ đã bị nhân dân ta bắn rơi, sau đó bị đưa về giam ở Hỏa Lò. Đứng ngay bên cạnh tôi, thằng bé vớ vẩn lại thắc mắc, có thiệt là Johnson không, và hồi đó mình bắn máy bay của ông ấy bằng súng gì vậy. Tôi phì cười quay lại dòm. Hướng dẫn chiếu tướng tôi. Chị dịch hộ nhá. Tôi gật đầu, loay hoay tìm chữ kể câu chuyện nàng công chúa. Kể chưa xong, người đứng gần tôi nhất, hỏi chừng nào cái vụ tham quan chấm dứt để được về khách sạn tắm táp. Ôi,

trong cuộc đời xa xứ, kể ra cũng phải có một lúc nào đó, ở một nơi chốn nào đó, con người ta sung sướng nhận ra rằng ngôn ngữ bất đồng thật là tuyệt diệu, thật vô cùng hữu lý! Nên đã bằng tất cả sự chân thành và lòng hoan hỉ có được, tôi bắt ngay chuyện với người bạn Đức đồng hành, hăng hái "dịch" đủ thứ chuyện trời nước, xăng dầu lên giá, nghiệp đoàn xe tải đình công, tiền Euro tụt cầu vồng ở Âu châu...

Ở chỗ tôi định cư có nhiều hồ. Hà Nội cũng nhiều hồ. Chúng tôi rời Trúc Bạch về hồ Tây đứng ngó giòng nước đục ngầu, thỉnh thoảng lềnh bềnh vài dúm bao nylon, và giấy bẩn. Dọc bờ, người ta bày bán đủ thứ nhang đèn, hoa quả. Có khi lấn cả lên mép lề cỏ. Chùa Trấn Quốc nằm nơi đây. Hướng dẫn giải thích ngày trước chùa ở nơi khác, gần sông Hồng, và đã được xây dựng lại từ đời vua Lý (?), với gỗ và gạch đá được đem về từ chùa cũ. Tôi gật đầu dịch đúng những điều đã nghe. Lúc nãy ở hai bên hông chùa, tôi chỉ tỉ mỉ đọc bảng chỉ dẫn lối vào ra, bảng nghiêm cấm ăn mặc hở hang, và bảng ghi công trạng của bác và đảng cho phép trùng tu, gìn giữ chùa, nhưng quên không xem bảng công trình xây dựng để kiểm tra trình độ của hướng dẫn.

Chùa Trấn Quốc, hệt như các chùa Ngọc Sơn, chùa Thiên Quang, đền Trấn Vũ, hay đền vua Đinh, vua Lý ở Ninh Bình... mà sau này chúng tôi được tới, mặc dầu làm cho khách du lịch cỡ muốn chẻ sợi tóc làm tư như tôi hết sức thất vọng vì lối kiến trúc không có gì đặc sắc, cứ na ná như các ngôi đình, ngôi chùa không được kể vào hạng di tích lịch sử tôi đã nhìn thấy ở miền trung, miền nam; điều còn làm tôi bỡ ngỡ hơn, kinh hãi hơn, là phải chạm mắt trên các ngọn đèn chùm pha lê của Đông Âu, Tây Âu treo lung tung trong chánh điện, trước sau chùa. Mặt chùa Trấn Quốc hướng ra phía hồ, sân trước sân sau đều khoảng khoát, mát rượi. Nhưng hương khói, giấy vàng mã cứ kể như đã được đốt mù mịt trời đất. Người chết nào được thân nhân đưa về đây qui y, có thể nói sẽ không bao giờ lâm cảnh thiếu trước hụt sau, hoặc quỷ sứ có... tham nhũng, hối lộ, cũng thừa tiền, thừa xe Cup, xe Dream để chạy việc!

Và không biết có phải vì sự thành kính vượt bực này hay chăng, mà bầu không khí bên trong chánh điện rất ư là nóng bức. Mồ hôi cứ tuôn ra đầm đìa như tắm ngay vừa lúc ngập ngừng chân trong chân ngoài ở ngưỡng cửa (nên tín nữ Hà Nội đi chùa thường mặc váy đầm ngắn cho... mát?). Hướng dẫn bảo cây bồ đề trồng trước sân chùa là do đức Đại La Lạt Ma tặng cho "bác" vào đầu thập niên sáu mươi với giọng vô cùng thành kính nghiêng mình. May hồn cho tôi, vậy mà tôi định kể "hù" thiên hạ, cây bồ đề có số tuổi cao bằng tuổi chùa. Hướng dẫn khoe thêm kiến thức, nói về phật học. Lại nhờ dịch. Tôi hỏi có ai trong đoàn muốn nghe không. Đám

du khách trẻ khoác tay tỏ dấu hiệu chối từ, hớn hở chạy tới chạy lui chụp hình các bà các cô đang xì xụp lễ lạy. Hướng dẫn thấy vậy, bèn chuyển "tông", chỉ cho tôi thấy một lối đi nhỏ, chếch về phía tay trái cây bồ đề, hướng xuống bờ hồ, nơi cỏ cây rạp mình xơ xác, giới thiệu đó là địa điểm gặp gỡ của nhiều cặp thanh niên nam nữ vào những ngày mùng một, ngày rằm!

Đứng ngay trong sân chùa Trấn Quốc, không cần phải để ý kỹ, cũng có thể nghe được rất rõ những tài năng karaoke, ca sĩ dỏm và ca sĩ thiệt đua nhau gào "anh ơi, em không thể yêu anh", át hoàn toàn tiếng chuông, tiếng mõ. Sát nách chùa là cái nhà hàng nổi, nghe nói chuyên bán đồ hải sản. Kể ra thì cũng tiện. Dân không ăn chay, khi có dịp yếm thắm lên chùa vào những ngày rằm, ngày Phật đản..., đã vừa được lễ lạy, vừa được hái lộc, xin phước từ các chư thánh, lại vừa chẳng phải mất công bôn ba đi tìm một chỗ "thế vì".

Tham quan chùa Trấn Quốc, còn có nhiều điều bắt tôi phải nhớ. Con tôi đã nhìn thấy ở nơi đây một ông sư trẻ, đẹp trai, tướng tá cao lớn phông độ như lực sĩ điền kinh, tuổi đời có lẽ vừa chớm ba mươi, tóc hẳn nhiên đã xuống, giới chắc cũng đã rành rẽ ba mươi sáu câu, qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng (?); nhưng kiểu cách ăn mặc chừng có vẻ hơi khác thường, quần nâu nòng, áo... may ô mỏng đính, chấp tay đi ra đi vào quan sát các thiện nam tín nữ và khách du lịch một cách hết sức... tò mò. Con bé bèn cự tôi, sao mama nói vào đây không được phép ăn mặc hở hang. Trước đó, nó bảo cứ thấy... mặc cảm tội lỗi vì cái áo sát nách của mình, sau khi đã bị tôi bắt đọc cho hết bảng nghiêm cấm!

Long rong thêm một vòng hồ, rồi một vài đền chùa nữa, lũ chúng tôi từ chối đi thăm xác chết, cuối cùng được thả về phố hàng Đường sớm hơn dự tính ba mươi phút. Tôi nói với con bé đây là ba mươi sáu phố phường, khu phố cổ của Hà Nội. Vài bước, là ra đến chợ Đồng Xuân. Thằng bé vớ vẩn lần này ngồi gần chỗ tôi, quay lại đố bạn, từ lề phố bên này qua phố bên kia, đo được mấy... gang tay. Hướng dẫn ngắt lời, giới thiệu đó là nơi nhộn nhịp, buôn bán sầm uất nhất của thủ đô. Tôi hăm he ngày mai sẽ đi tìm hàng bún chả lá xương xông ngon nhất chợ Đồng Xuân.

Ở gần sát chợ, cái sung sướng nhất cuộc đời là mỗi sáng, chúng tôi không bị bắt buộc phải ăn trứng rán với bánh mì... toast mềm oãi xương sống, cộng thêm dăm cục bơ hay mứt lai căng như ở các khách sạn khác, mà có thể chén phở gà, bún riêu, do nhân viên phục vụ chạy ra đầu chợ mua. Khách cắc cớ hơn, đòi ăn cả xôi hay bánh cuốn nữa cũng được. Cốm gánh ỳ xèo trước cửa khách sạn. Nhưng chen vai sát cánh với bún ốc, bún thang, nên lá sen, hương cốm có lẽ chỉ còn ở trong... thơ của Nguyên Sa.

Nguyên Sa.

Tạm trú ngay trên một con phố của ba mươi sáu phố phường Hà Nội, tối tối, tôi lẽo đẽo theo con bé và bạn bè của nó, ra hồ Hoàn Kiếm ngồi ngó trời ngó đất để khỏi phí công lận lội. Cà phê nhà thủy tạ ở nơi này, bán cả Spaghetti. Nhưng ngoại trừ... bia, Heineken, Tiger hay Sài Gòn, thức uống dở chưa từng thấy trên đời, mà giá cả lại hết sức đúng sách lược, có thể trả đũa được mối căm thù bọn thực dân đế quốc và tay sai đã và đang vơ vét tài nguyên của dân tộc bằng những con số hoàn toàn ở... trên trời. Dân tình đến cái quán này, tóc vàng khè và nâu đỏ. Bảng giá tiền, dĩ nhiên, "song ngữ", đồng và đô la. Dân đâu đen, nếu không nói tiếng Nhật, Đại Hàn, và Trung Hoa, cũng không phải dân từ nơi xa xứ về thăm cố hương, hẳn sẽ nói cái thứ tiếng mà Trần Trọng Kim đã ra sức kêu gọi "tiếng quốc ngữ, chữ nước ta, con cái nhà đều phải học", nhưng có điều nghe chừng rất lạ tai. Cái thứ âm hưởng chừng rất sặc mùi... con ông cháu cha, và có lẽ đo có quá nhiều tiếng đệm, hơn là tiếng thực!

Vài ngày ở Hà Nội, đến lúc ấy, thì gần như tôi đã quên phéng hết tất cả những gì đã được đọc trong sách vở. Những cơn mơ màng về một vùng trời mà thuở đất nước còn chia cắt được mớm từ các bậc đàn anh đàn chị văn nghệ, đã cơ hồ rơi tõm xuống một giòng nước nào đó. Mất hút. Vụn vỡ.

Đêm đêm, tận đến hai ba giờ sáng, bịt tai bằng hai cục bông gòn, chận thêm lên đầu một cái gối, mà vẫn ngủ không được vì tiếng còi xe quanh những con phố Hàng Đường, Hàng Mã..., tôi nằm tương tư căn nhà yên tĩnh của mẹ ở Sài Gòn, thỉnh thoảng bên ngoài chỉ vẳng lên tiếng chó sủa, tiếng lốc cốc rao mì. Tôi nhớ tới chàng thanh niên thất tình của Nguyễn Bính, Hà Nội ba mươi sáu phố phường. *Lòng chàng đã đứt một tơ vương. Chàng qua chiều ấy qua chiều khác. Ô, có một người đi giữa đám tang...* Tôi nghĩ ra cảnh mình cũng đang tống tiễn cơn lãng mạn về bên kia thế giới mà bùi ngùi. Không lẽ tôi phải nói. Vĩnh biệt Hà Nội. Vĩnh biệt mùa thu, hương cốm. Vĩnh biệt giấc mơ của cả một thời thơ ấu và mới lớn mà tôi đã cưu mang canh cánh bên mình bao nhiêu năm.

Hoàng Nga

Nàng Tấm tân thời

SƯƠNG MAI

**Cảm hứng khi đọc Ngày Xưa Cô Tấm của Lê Minh Hà Mến tặng LMH.*

Không là con khác cha, khác mẹ
Sao lại Tấm Cám chị em?
Ta buồn lòng dỗ giấc qua đêm
Rồi mộng mị trong tận cùng mộng mị
Chính tiếng khóc làm giật mình tỉnh dậy
Chiếc gối nằm đã ướt đẫm niềm đau.

Trái tim còn nhức nhối trong chiêm bao
Khi tỉnh giấc vẫn thấy còn đau buốt
Khóc làm sao cho nỗi sầu biến mất?
Khóc làm sao cho cây thị trổ hoa
Để trái thị kia rụng vào bị bà già...

Rồi miếng trầu têm cánh phượng đãi người xa
Cho Hoàng tử chợt nhận ra...nàng Tấm
Chuyện đời xưa...
Ôi sao mà đắm thắm!
Kết cuộc nào cũng có hậu về sau.

Chuyện đời nay...
Có ai biết đâu nào?
Ôi nàng Tấm tân thời
Cũng dắm mình trong biển thương đau
Nhưng...
Biết bao giờ mới chui vào trái thị?

Nhà trẻ

Thơ Thơ

Khách hàng đặc biệt

Xế trưa ở nhà trẻ, những đứa bé chơi ngoài sân, trong những vũng cát nóng. Mặt trời nấp sau đỉnh cây cọ, tỏa ánh sáng thành một mặt phẳng cắt ngang sân trường. Những con bọ bay lờn vờn quanh mớ đồ chơi rải rác gần cầu tuột và xích đu. Vòng đu quay rán kéo thêm vài vòng xoay lừ đừ uể oải cuối cùng. Gió biển giờ này không đủ sức thổi tới đây. Nắng ngợp trời, nắng bốc lên hừng hực từ cát. Hai thằng bé phá nhất trường bị phạt ngồi trên băng ghế hướng về phía mặt trời rực lửa, hình phạt dành cho tội đánh lộn và liệng cát vào mặt đối thủ. Các cô giáo và bà hiệu trưởng đi vòng vòng quanh sân trông chừng bọn trẻ.

Lynn để ý theo dõi Clive, đoán xem nó sẽ làm những gì. Giờ chơi của Clive luôn luôn diễn ra theo một trình tự cố định, một thời khóa biểu vô cùng chính xác nó tự đặt ra và thi hành một cách rất nguyên tắc, không chấp nhận một sự thay đổi hay xáo trộn nào. Bắt đầu là xích đu, nó ngồi bâng quơ chờ một đứa nào đi ngang đẩy mạnh một phát vào lưng. Mỗi lần chiếc đu bổng lên cao thì mặt nó sáng lên, nó sẽ cười một mình rất lâu cho đến khi chuyển động đong đưa ngừng hẳn. Rồi nó sẽ đi tìm Lynn, nắm tay cô kéo về phía cầu tuột, nó cần cô đỡ nó lên thang gỗ, nơi có chiếc cầu tuột cao và dốc nhất. Nhưng nó không tuột xuống, nó cứ đứng ở cái chòi cao nghếch mặt hứng những làn gió thoảng, miên man ngắm một ảo ảnh nào đó trên không. Bây giờ nó đứng đó, riêng tư, tách biệt - như bận rộn với những tư tưởng thầm kín. Chung quanh nó là những vật cản vô hình, cản ngăn lại tất cả âm thanh hình ảnh bên ngoài. Người ta nhìn thấy nó, nhưng không thể vào trong, không cách nào vượt khỏi, ngay cả đập vỡ bức tường vô hình bằng một tiếng quát nạt hoặc một hành động vô cùng

thô bạo.

Cuối cùng thì nó cũng tuột xuống, đi tìm Lynn, kéo cô lại cái đĩa quay *merry-go-round*. Cô chỉ là một công cụ đẩy cái đĩa quay vòng vòng, khi nó đã trôi vào chuyển động xoay tròn thì nó quên cô ngay. Lynn bậm môi đẩy thật mạnh cho cái đĩa quay tít, Clive bấu lấy thanh sắt theo bản năng, cái cười mê dại dán chặt vào khuôn mặt hớn hở. Lynn đẩy như thế khoảng vài lần, vài đứa trẻ khác đến bu quanh:"Để em đẩy cho". Chúng bám vào rìa đĩa, vừa đẩy vừa chạy theo đà quay mỗi lúc một nhanh, rồi nhảy phóc lên đĩa lúc này đã xoay tít như chong chóng.

Bây giờ nó nằm xoài trên lối đi, áp tai vào nền xi-măng nghe ngóng. Lynn đã làm thử như vậy một lần, để hiểu tại sao Clive thích nằm như thế. Có những âm thanh chìm sâu bên dưới mặt sân, độ cộng hưởng dội lên rung rần rần như chiếc ghế *massage* bằng diện, liên miên bất tận như một dòng xe đi xuyên vào người rồi luồn trở lại vào lòng đất.

Bà hiệu trưởng nhìn ra cổng, vừa lúc chiếc Mercedes đen trờ tới đậu ngoài hàng rào. Trong xe một người đàn bà đang nói chuyện bằng điện thoại cầm tay. Bà vội bảo Lynn:

"Cô đã thay tã cho Clive chưa. Mẹ nó đến kia kìa".

Lynn mệt mỏi:

"Chưa. Đâu đã đến giờ thay tã. Mẹ nó đến đón sớm quá".

Bà hối: "Thế thì thay ngay đi. Rồi lau mặt mũi, rửa tay cho nó nữa".

Lynn nghĩ thầm: "Giả dối. Nó lê lết đất cát cả ngày thì chẳng sao".

Cô gọi: "Clive, đứng dậy đi".

Clive như không nghe gì. Nó vẫn nằm xấp, tai áp xuống sân nghe ngóng những âm thanh từ lòng đất. Lynn sốt ruột:

"Đi thay tã mau rồi về với mẹ. Mẹ đến rồi kìa".

Cô nắm tay nó kéo lên. Nó kêu vài tiếng vô nghĩa, bấu cứng cổ tay Lynn kéo cô xuống. Cô xốc nách, nhấc bổng Clive dậy. Hai tay kềm cứng quanh bụng nó. Đôi chân nó dạp dá loạn trên không, thỉnh thoảng lại quật ngược vào đầu gối Lynn làm cô nhăn mặt.

Đặt Clive lên bàn thay tã, Lynn thở dốc. Nó quá khổ so với cái bàn, hai cẳng chân thòng cả ra ngoài. Kéo quần nó xuống, một thứ mùi đặc biệt của Clive bốc lên."Lại ị nữa. Sao mà ị lắm thế.", Lynn lầm rầm trong đầu. Cô nghe loáng thoáng tiếng mẹ Clive ngoài văn phòng, nói chuyện với bà hiệu trưởng.

Lynn ra tủ lấy găng cao su. Cái hộp trống không. Khốn nạn, cô đã xài cái chót sau giờ ngủ trưa của lũ trẻ. Đã nhắc bà hiệu trưởng mang thêm bao tay cao su từ mấy ngày nay, bà trợn mắt: "Sao mau hết thế! Tôi mới mang một mớ tuần trước mà." Lynn nhẫn nại: "Tôi phải thay tã cho bẩy

đứa. Mỗi đứa bốn lần một ngày. Chưa kể đang có dịch cúm tiêu chảy, con nít đi ngoài hai ba lần hơn, có xài hà tiện lắm cũng phải hai mươi cái bao tay từ sáng đến chiều". Cô xòe tay cho bà coi: "Tay tôi khô nứt hết trơn. Chùi tay không dễ nhiễm trùng lắm". Bà gật đầu: "Tôi hiểu. Nhưng cô, và cô Kara chỉ nên dùng bao tay khi trẻ con đi ngoài. Lau chùi nước tiểu đâu có sao. Mỗi lần chùi cứt chỉ nên dùng một cái. Tay nào phải dụng chạm thì bao tay đó thôi. Tay kia các cô nhấc dùi, gỡ tã, lót tã đâu cần đến bao tay".

Một hộp bao tay cao su chỉ vài đồng bạc. Mỗi lần bà chỉ mang lưng nửa hộp. Bà cứ nói: "Tôi không có tiền. Tôi có giấu đâu", làm Lynn phát ngượng như thể cô đang xin xỏ. Phân Clive lỏng, trào ra hai bên rìa tã, phọt lên tận thắt lưng. Cô muốn xoay Clive nằm nghiêng nhưng nó nhất định phải nằm ngửa để nghịch những quả cầu xanh đỏ lủng lẳng trước mặt. Lynn bấu chặt vai nó, ấy mạnh vào tường. Nó hự lên uất ức. Lynn tì cùi chỏ ngay trên cột sống - đấy là yếu huyệt - nó sẽ không dám cưỡng lại vì càng dẫy dụa càng đau thêm. Cô lau chùi thật nhanh trước khi nó kịp đở chứng. Dù cẩn thận nhưng phân cũng đã dây vào tay cô, mùi thối hoắc làm cô buồn mửa. Cả ngày nay chỉ tối tăm mặt mũi trong việc thay tã và chùi rửa, giờ này Lynn không còn khả năng và tỉnh táo để đối phó nữa. Có những ngày cô cạn kiệt tình thương, cạn kiệt lòng nhân từ, cạn kiệt sự kiên nhẫn. Chỉ có nỗi chán chường, bất mãn, và chua chát - chúng bột phát không sao kiềm chế được. Lynn lấy khăn ướt lau sơ mặt, rửa kỹ hai bàn tay nó nhớp nháp. Cô thay cho nó cái áo sạch theo đúng ý bà hiệu trưởng. Suốt ngày lũ con nít có dơ dáy mấy bà cũng chẳng quan tâm, nhưng vào giờ phụ huynh đến đón thì bà muốn chúng phải sạch sẽ tươm tất như lúc mới vào trường.

Bà đang nói chuyện với mẹ của Clive ngoài cổng. Mẹ Clive mặc quần áo sang trọng và nhã nhặn, đẹp như người mẫu thời trang. Clive rất giống mẹ, nó nổi bật giữa đám trẻ nhờ nước da trắng muốt và vẻ quý phái của mẹ nó. Bà gốc Đức, sang đây thầu xây cất. Nhà họ ở biển, có người làm, có người giữ em. Vì vậy mẹ Clive là khách quý của bà hiệu trưởng. Bà đóng tiền học sòng phẳng, trả cả tiền ăn dù Clive chỉ ăn có mỗi món nui mang từ nhà. Bà hay quà cáp, và luôn đứng đầu danh sách gây quỹ của trường. Đó là một loại phụ huynh lý tưởng đối với cái trường nghèo và cũ kỹ này. Những phụ huynh khác thuộc giới lao động, làm những công việc vất vả, thường phải gửi con vào trường từ sáu rưỡi sáng, nhiều hôm đến giờ đóng cửa trường vẫn chưa thấy họ đến đón con về. Bà hiệu trưởng cứ phải nhắc họ đóng đủ thứ tiền, nhất là tiền "sau giờ học", tức là tiền phạt vì đến đón con trễ. Bà vẫn thầm ước có nhiều khách hàng như mẹ Clive, nhưng cũng không quên là trường của bà sống được nhờ số đông nhà

nghèo kia. Dân sang, có tiền đâu có muốn gửi con ở cái trường này.

Thấy mẹ, Clive chạy ù đến, ôm cứng một bên đùi, tay níu chặt vạt áo của mẹ, mắt còn rướm lệ. Bà hiệu trưởng tỏ vẻ ân cần:

"Clive khóc à. Tại sao lại khóc thế?

Lynn nhìn mẹ Clive, cười thản nhiên:

"Clive nghe tiếng bà ngoài này nên không chịu cho tôi thay tã đó mà".

Mẹ Clive gật đầu, mắt nhìn nó trìu mến và lo âu:

"Hôm nay cháu có chịu ăn gì không?

"Cháu ăn hơn nửa chỗ nui. Uống hết bình nước trái cây".

Bà hiệu trưởng ra dáng lo ngại:

"Ngày nào Clive cũng chỉ ăn nui thôi à. Có thể tập cho nó ăn nhiều đồ khác không. Đồ đông lạnh đâu có đủ chất bổ dưỡng".

Mẹ Clive lắc đầu:

"Tôi thử đủ cách, tôi nấu, tôi mua, tôi dỗ dành, tôi để cho cháu thật đói. Nhưng nó vẫn nhất định không ăn gì khác ngoài cái món đó".

Bà hiệu trưởng mỉm cười, Lynn hiểu bà nghĩ gì trong đầu, nếu Clive vào tay bà thì cuối cùng cái gì nó cũng phải ăn.

Mẹ Clive thở dài:

"Tôi chỉ ước gì cháu nói được. Không biết vào trường đặc biệt người ta có tập cho cháu nói không nhỉ?

Bà hiệu trưởng vội vã:

"Ở đây tôi cũng tập đấy chứ.Hôm rồi Clive nói được vài tiếng như "không", "có", "ăn". Mình phải kiên nhẫn. Trẻ con mỗi đứa phát triển một cách riêng. Mình không thể áp dụng một công thức chung cho tất cả được".

"Nhưng Clive gần năm tuổi rồi, ít ra nó cũng phải nói trọn câu chứ?

Bà hiệu trưởng xua tay, cố thuyết phục:

"Không phải. Có thể là ở nhà bà nói tiếng Đức, ông nhà nói chuyện với ông bà nội dùng tiếng Nga, vú em người Mễ, rồi đến trường lại nghe tiếng Anh. Thế là nó bị ngợp. Cháu tôi cũng thế, ở nhà tiếng Tây Ban Nha, tiếng Phi Luật Tân, đi học thì tiếng Anh. Bốn tuổi nó mới bắt đầu nói, nhưng khi đã biết nói là nó nói được ba thứ tiếng".

Lynn cười thầm, diễn theo kiểu của bà thì rồi Clive sẽ biết bốn ngoại ngữ, nó hoàn toàn bình thường, thậm chí có thể trở thành một thiên tài nếu cứ tiếp tục ở lại cái trường này.

"Bà cứ tin tôi đi, cháu không bị *autism** đâu. Nó được cưng quá nên hơi khó tính thôi. Nó làm biếng nói vì hễ nó cần gì là đã có người lo cho ngay rồi. Nên nó thấy không cần phải nói nữa".

Luôn luôn câu chuyện kết thúc bằng một câu tương tự thế. Mẹ Clive cần có người trấn an, cách nói của bà hiệu trưởng làm bà lạc quan hơn. Ở những nơi khác người ta từ chối thẳng thừng: "Bà nên tìm trường đặc biệt cho cháu, đây chỉ là một trường mẫu giáo bình thường". Họ làm trái tim người mẹ xót xa. Chỉ có chỗ này là Clive không bị xua đuổi. Bà hy vọng trong môi trường bình thường với những đứa trẻ bình thường thì Clive sẽ khá hơn, một ngày nào đó nó sẽ nói, sẽ gọi "mẹ ơi, mẹ ơi", sẽ có bạn bè, sẽ giống như mọi đứa trẻ khác.

Nhìn thấy Clive ngáp, mắt lờ đờ, bà vội hỏi:

"Hôm nay cháu có ngủ trưa không?

Bà hiệu trưởng nhìn cô Lynn, lúc chúng ngủ là giờ bà đi ăn trưa ở ngoài, một mình Lynn trông mấy chục đứa trẻ. Lynn lắc đầu, cô nghĩ thầm " Bà thừa biết là nó chỉ ngủ khi có bà". Bà có tài làm trẻ con sợ mà không cần to tiếng quát nạt. Khi cần đe dọa một đứa trẻ, bà chỉ việc đí mặt thật sát, mắt trừng trừng, nói thật nhỏ đủ cho mình nó nghe. Nó sẽ dúm người lại như một con giun.

Cô giáo hay người làm công

Clive là đứa học trò ngoại lệ. Ngày đầu vào học nó đã dám cắn tay Kara, rồi lại húc đầu vào bụng bà hiệu trưởng. Chưa bao giờ Lynn thấy bà hiệu trưởng giận dữ dễ sợ như thế. Mặt bà tím căm: "Để đó cho tôi. Tôi phải trị nó. Tất cả cứ ngồi đấy, một mình tôi trị nó đủ rồi!". Bà túm gáy nó lôi xềnh xệch vào phòng ngủ. Nó quơ quào thảm thiết, đôi mắt lồi ra phẫn nộ và kinh ngạc - có lẽ đây là lần đầu nó bị đối xử tàn tệ như thế. Bà bẻ cứng hai cánh tay nó rồi kéo đi băng băng: "Không được làm như thế, biết chưa. Không được cắn, muốn cắn hả, bà nhốt vào đây xem còn muốn cắn nữa không!". Ngoài này các cô giáo và đám học trò xanh mặt, nghe tiếng khóc ngất vẳng từng hồi qua mấy lớp cửa đóng kín. Lynn lấy đá đắp lên chỗ cắn trên tay Kara, cô hồi hộp vì tiếng khóc mỗi lúc một ngặt nghèo hơn. Cô bảo Kara: "Để tôi vào xem sao".

Cô dừng lại ở ngưỡng cửa.

Phòng ngủ tối bưng, cô nhận ra bà nhưng không thấy Clive đâu. Phải mấy giây sau cô mới nhìn ra nó ngồi ở góc phòng, cánh tay trói ngược vào lưng ghế. Bà nhử nhử tay trước mặt nó: "Cắn đi. Thử cắn đi". Mắt nó long tròng, nó chồm tới như con chó táp, kéo lết cái ghế theo sau. Cái ghế đổ úp lên lưng làm nó gần ngã nhoài, may bà hiệu trưởng đỡ kịp. Bà cứ dử cho nó cắn, rồi tát vào miệng nó: "Cắn này, cắn này, cắn này". Mỗi lần nó định cạp tay bà thì bà lại vả mồm nó: "Cho chừa nhé. Giỏi cắn nữa đi.

Mày dám cắn bà thì bà phải dạy cho mày chừa".

Thấy Lynn vào bà ngừng tay, sắc mặt trở lại vẻ điềm đạm và uy nghi, thần thái toát ra làm người khác phải kính nể: "Phải làm thế nó mới biết sợ. Nó mà cắn trẻ con trong trường thì phiền lắm. Tôi chỉ vỗ nhẹ vào miệng nó thôi, không đau đâu. Dọa cho nó sợ ấy mà! Thôi cô dẫn nó đi rửa mặt hộ tôi, rồi cho nó vào giường nằm ngủ."

Dần dà Clive có khá ra, chịu vào nề nếp hơn một chút. Nhưng nó sẽ mãi mãi là đứa trẻ không bình thường, cô biết là bà hiệu trưởng cũng biết điều đó. Nhưng bà không bao giờ chịu xác nhận cả, bà tìm mọi lý do để biện minh cho thái độ của Clive: "Nó chưa chịu nói chứ không phải không biết nói, có thể vì thính giác kém nên ảnh hưởng đến cách phát âm. Phải cho nó đi thử thính lực đi". Bà không bao giờ than phiền về Clive với mẹ nó cả, bà bảo: "Tại nó được nuông chiều quen, không ai dám trái ý nên thành ra nhõng nhẽo - có thể nó sẽ hư nếu cứ chiều nó mãi, nhưng đầu nó thì hoàn toàn bình thường. Vâng, hoàn toàn bình thường. Có nó trong lớp cũng vui, cô cứ đưa đồ chơi cho nó chơi là xong, đâu phải dạy dỗ gì".

Sự thực không phải đơn giản vậy, Lynn bị nó chi phối đến độ không thể tập trung vào việc dạy. Cô phải theo dõi nó, rình rập nó, sợ nó nghịch bậy, chơi những trò nguy hiểm, hoặc gây nguy hiểm cho bọn trẻ. Có những lúc cô cảm thấy sự tồn tại của nó làm những đứa khác bị thiệt thòi, nó chiếm trọn thời giờ và sự quan tâm đáng lẽ phải chia đồng đều cho tất cả. Những lúc đó cô không muốn, và cũng không thèm chiều ý nó nữa. Điều đó làm nó bất mãn và thương tổn ghê gớm. Cách phản đối của nó làm người khác khó chịu tột độ. Cái lối khóc thét của nó khuấy động thần kinh Lynn, tiếng rít gào chói tai như tiếng còi cảnh sát, khoan xoáy vào óc. Tất cả ý chí, năng lực của nó tập trung vào những hành động cụ thể và hủy hoại. Nó lăn lộn, vật vã. Nó nện đầu vào tường, đập trán xuống gạch. Những cảm xúc mãnh liệt nhất bung ra, vung vãi khắp nơi.

Điều này xảy ra mỗi ngày, tạo ảnh hưởng vô cùng tiêu cực, hành động của nó kéo theo một chuỗi hành động tương ứng của cô. Nó la - cô cũng la theo. Nó bạo động - cô muốn làm một điều gì đó bạo động hơn, hoang dã hơn thế nữa. Mỗi lần Lynn tìm cách kiềm chế cơn giận thì cảnh tượng của buổi trưa đó lại hiện lên trong đầu - bà hiệu trưởng trừng phạt nó như cách người ta thuần phục một con thú hoang. Cảnh tượng đó làm cô khiếp sợ, nó như hạt giống hoang dầy cám dỗ. Và một ước muốn nhói lên trong lòng cô, cô cũng muốn được làm như thế, trút hết những đồn nén bằng hành động thực thể như thế, giải quyết sự tàn bạo trong đầu bằng cách ném tung tóe vào một đối tượng như thế. Sự chịu đựng, dịu ngọt, khoan dung, nhân hậu... chỉ còn là thói quen nghề nghiệp. Mặt sau

của nó là những ý tưởng tàn bạo. Cô càng cố xua đi, nó càng bám chặt hơn, dai dẳng hơn, quyết liệt hơn.

Thật ra cũng không hẳn là Lynn ghét Clive. Nhiều lúc cô thấy thương, thấy tội nó vô cùng. Cô tự nhủ - nó không có lỗi gì, trời sinh nó ra như vậy. Và nếu Lynn có nổi giận quá trớn với nó, cô nghĩ cũng không phải lỗi của mình, bởi cô không được đào tạo và cũng không bao giờ muốn làm việc với những đứa bé tật nguyền. Bà hiệu trưởng phải chịu trách nhiệm trong chuyện này. Lynn bị một cú *shock* mạnh lúc mới bắt đầu làm ở đây. Bà hiệu trưởng làm cô thất vọng. Bà mướn cô giáo như mướn vú em, chỉ cần biết thay tã và quát nạt, cốt sao trẻ con không hỗn láo và bị thương tích để cha mẹ chúng khỏi rầy rà. Cô giáo không đủ khả năng dạy cũng không sao, bà sẽ biến cô thành người coi trẻ với phong cách một cai tù. Bà nghĩ mình không đòi hỏi nhiều ở những cô giáo nên chỉ trả lương họ nhỉnh hơn mức tối thiểu chút đỉnh - tất nhiên là sái qui định của học khu. Bà chỉ thuê người làm vệ sinh hai lần một tuần, trong khi tiêu chuẩn vệ sinh của nhà trẻ đòi hỏi phải vệ sinh mỗi ngày. Vách tường nhà vệ sinh dây dớt những bệt cứt khô vì trẻ con sau khi đi cầu thích quệt những ngón tay dính phân lên đó cho tiện việc. Thảm sờn lủng nhiều chỗ, bà không bao giờ kêu người giặt thảm vì sợ tốn tiền. Trẻ con thì hàng ngày vẫn nằm ngồi lê la trên thảm, bày đồ chơi sách vở trên thảm, rồi thỉnh thoảng đái ỉa ngay đó.

Các cô giáo phải lau bụi lớp học, nhưng trong phòng ngủ bụi đóng đầy khắp nơi. Nước tiểu của những đứa nhỏ, kể cả phân và nước ói mửa thấm vào lớp bố, lớp *nylon* của giường. Dạo mới vào trường, Lynn phải cách ngày chùi lại nhà cầu sau giờ dạy. Rồi cô phải mang mấy chục cái giường ra sân, xịt nước chà xà phòng kỹ lưỡng. Cô chùi rửa vào cuối tuần, làm không công vì bà hiệu trưởng không chịu trả tiền ngoài giờ. Bà chỉ cần vồn vã khen cô vài câu, rồi than thở "Tuần tới lại thêm hai đứa nữa nghỉ học. Thức ăn bây giờ tốn kém hơn trước nhiều, Lynn à". Thế là bà thoát nạn. Lynn hiểu ngay ngụ ý của bà - tất cả tại cô thôi, cô chịu dơ không được thì cô tự nguyện làm, bà có yêu cầu cô làm những việc đó đâu.

Sau hai năm, bây giờ thì cô khôn ngoan ra, và thiện chí thì vơi đi. Thật sự cô quá mệt, một mình cô trông mười hai đứa, vừa dạy dỗ, vừa cho ăn, vừa canh chừng không cho chúng đánh lộn hoặc nghịch phá, lại vừa thay tã, chùi đít, tập cho chúng tự đi cầu một mình. Nhiều lần cô yêu cầu có thêm một phụ giáo lo chuyện vệ sinh để cô chỉ tập trung vào việc dạy. Bà từ chối: "Tiêu chuẩn tiểu bang là một cô giữ mười hai học trò. Khi nào quá số đó thì tôi sẽ tìm người phụ cô ngay". Lynn khinh bà lắm, cái tỷ lệ

một trên mười hai đó chỉ nên áp dụng cho trẻ con năm tuổi trở lên. Đằng này bà tham tiền; chưa đủ hai tuổi, chưa bỏ tã, chưa bỏ bú bình bà cũng nhận bừa; rồi dồn hết vào lớp Lynn. Nhiều lúc bực bội cô đã định tìm chỗ khác, mỗi ngày đến trường với tư tưởng tạm bợ "mình sẽ không ở đây lâu, mình sẽ nghỉ bất cứ lúc nào mình muốn, thử chờ vài tuần nữa xem có khá hơn không...". Cứ thế, sức chịu đựng của cô tăng dần mà cô không hay biết. Nhưng bà thì biết, bà nhận cả một đứa bị *autism* là Clive - tuần đầu cô phản đối dữ lắm, nhưng rồi cũng xong. Bà suy luận rất hóm hỉnh: khi Lynn đã quen chịu đựng Clive, trong tương lai bà có thể nhận thêm hai ba Clive nữa, nếu có, càng nhiều càng tốt.

Lớp học của Lynn

Cứ thế, Lynn cố cứu vãn một điều gì đó, một lý tưởng rất mơ hồ nhưng cần thiết. Cô bỏ công sức ra để giữ cho ngôi trường còn là một nơi chốn xứng đáng, để việc cô làm không chỉ là một cái nghề đổi lấy đồng lương khiêm tốn. Lớp học trông vui và thoáng. Hai cái bàn hình lục giác có thể tách ra thành những phần nhỏ nhiều hình thể như tam giác, chữ nhật, hình thoi...Một tấm bảng thật to choán gần hết bức tường, trưng bày những tác phẩm thủ công của lũ trẻ theo chủ đề từng tháng. Chúng cắt, dán, và xếp giấy theo kiểu Nhật. Chúng vẽ màu nước; gắn giấy kim tuyến, vải ren, và *confetti* tùy hứng. Những tác phẩm của chúng trông vừa ngây thơ vừa nghệ sĩ, nhìn kỹ thì hơi cẩu thả và lem nhem. Lynn rất tự hào vì tấm bảng này. Tháng trước nó là một nông trại màu đỏ tươi viền hàng rào sơn trắng, đầy đủ gia súc có tên trong bài hát "Trang trại của già Mac Donald". Bây giờ nó là biển cả, mỗi ngày bọn trẻ lại thả thêm vào đó những sinh vật biết bơi lội. Thoạt bước vào phòng, người ta sẽ ngỡ ngàng vì màn nước xanh dịu trên tường - như một khung cửa mở vào lòng biển - với những nhánh rong biếc loăn xoăn chằng chịt quanh những tảng san hô. Lũ trẻ vẫn tưởng tượng lớp học nằm dưới đáy biển, có chiếc tàu ngầm nằm trên cát vàng, chúng thò tay ra ngoài vốc một nắm cát, múc một xô nước, thả cần câu những con cua...mang tất cả những trò chơi của biển và tuổi nhỏ vào trong lớp.

Dưới tấm bảng là nơi Lynn hay ngồi kể chuyện, những lúc cuối ngày. Một cái kệ toàn sách Lynn mua và mang đến, cô không muốn dùng mớ sách của trường trông tơi tả và nhàu nhò như báo rách. Sách của cô mới, chọn lọc,hình ảnh đẹp. Cạnh đó là một tủ gỗ nhỏ có khóa, trong đó cô để cây đàn *autoharp , xylophones*, bộ nhạc cụ gõ và những đồ nghề kể chuyện. Có khoảng ba chục con búp bê múa rối bằng vải cô tự khâu tay làm lấy,

chúng là những nhân vật trong truyện, trong những bài hát mẫu giáo ngộ nghĩnh. Chúng mượn giọng của cô để nói chuyện với nhau, nói chuyện với bọn trẻ con. Khi Lynn nói bằng ngôn ngữ của chúng, cô là một con người duyên dáng khả ái, con người ấy làm chính cô phải ngạc nhiên. Đó chính là mẫu người cô ái mộ, tìm mọi cách để được giống như thế, rồi đánh mất, rồi bất chợt xuất hiện, hết sức dễ thương, rồi lại biến đi.

Cuối phòng là một bục cao như sân khấu, có ba bực thang dẫn lên. Sân khấu bày biện như một căn nhà nhỏ một phòng. Bàn ghế để ngồi ăn, bếp lò để chúng chơi nấu nướng, và tủ lạnh đầy ắp thức ăn giả bằng nhựa cùng những lon đồ hộp đã khui. Có tủ quần áo, một cái nôi cho búp bê nằm. Ngay sát sân khấu, nằm dưới bực thang là *garage*, một chiếc xe hơi dậu ở đó. Những bé gái loay hoay bày thức ăn la liệt trên bàn, lũ con trai ngồi sẵn chờ ăn. Đối thoại thường sẽ diễn ra theo những sinh hoạt gia đình, đại khái "mẹ" sẽ bảo "bố":

"Ăn xong bố phải dọn dẹp để mẹ cho *baby* uống sữa".

"Bố" ngần ngại: "Nhưng mà bố phải xem tivi. Rồi bố phải sửa xe nữa".

"Mẹ" gọi điện thoại cho vài người trong khi cả nhà ăn. Xong "mẹ" đặt em bé vào xe đẩy, khoác áo choàng, soi gương một tí:

"Mẹ phải đi *baby shower* bây giờ. Bố coi chừng trẻ con nhé".

"Bố" vừa nói vừa ăn: "Xe sửa xong rồi. Để bố chở mẹ đi".

"Mẹ" lại lấy *baby* từ xe đẩy ra, đặt vào *carseat*, rồi cả nhà lên xe. "Bố" vừa lái xe chăm chú, vừa lơ đãng trả lời "mẹ" . Họ ngừng lại ở một trạm xăng, một cửa tiệm để mua quà. Xong tất cả lại lên xe đi dự tiệc.

Trò chơi tưởng tượng và những đoạn kịch có thể diễn ra rất lâu. Hôm nay chúng khoác những trang phục đặc biệt trong tủ áo, và trang phục này sẽ quyết định vai trò của chúng. Lynn có một cái áo đầm ren trắng đã cũ, cô sửa cho nhỏ lại, lên gấu một chút, thế là nó thành ra áo cưới. Bọn con gái tranh nhau mặc thử. Đám cưới hôm nay khá trịnh trọng, cô dâu tha thướt trong lớp voan dài, tay cầm bó hoa giấy. Chú rể đơn giản hơn, khoác tạm cái *jacket* ngắn cụt tay và đeo nơ ca-rô ở cổ. Xe hoa vẫn là chiếc xe hơi nhựa nối thêm vài chiếc ghế nhỏ phía sau. Chúng ngồi ăn tiệc, có trứng gà ốpla, bánh mì, gà nướng và bắp, thêm một ít *chips* khoai tây. Ăn uống giả được một lát thì đâm ra đói bụng, chúng nhì nhèo:

"Cô Lynn ơi, em đói."

"Cô Lynn ơi, em muốn ăn được không?"

Lynn bảo chúng:

"Các em mới vừa ăn *snack* xong mà".

Chúng nhao nhao phản đối. Lynn biết là chúng đói thật, vì bữa *snack* là của trường cho, không thể nào đủ no được. Cả đồ ăn lẫn thức uống đều rất hạn chế. Bữa *snack* hồi nãy là một cái *muffin* bằng nắm tay chia ra làm mười hai lát - mười hai đứa trẻ chung nhau một cái bánh, nhai một miếng là hết. Bà hiệu trưởng keo kiệt nhưng không ý thức được điều đó. Bà keo kiệt một cách tự nhiên, không hổ thẹn. Bà thích cái tỷ lệ "một trên mười hai" lắm. Lynn mỉa mai nghĩ mình cũng giống như cái bánh đó, cắt thật mỏng đến độ gần vỡ vụn. Nhiệt tình của cô mỗi ngày đứng trước thử thách của một nhát dao. Cô chỉ có một trái tim, và một sự chịu đựng. Tất cả đang tiêu hao dần. Cô cảm nhận sự xuống cấp tinh thần của chính mình. Nó đến ngấm ngầm như sự thẩm thấu của thời gian, câm lặng bào mòn tất cả.

Cửa sổ của những đứa trẻ

Những cánh cửa thật không còn nữa. Đã từ lâu người ta khóa bít những cửa sổ để ngăn mùi cứt mèo chua loét từ ngoài bốc vào. Mèo hoang ỉa bậy trên cát, dọc theo chân tường, dọc theo hàng rào. Không thể nào xua đuổi chúng được. Bây giờ thì phải chấp nhận rằng phía sau lớp học là địa phận của mèo. Vì vậy những bức tranh trên tường được trình bày như những cửa sổ mở tung ra ngoài trời. Những khung cửa giả trở thành nguồn sáng, thổi vào lớp khí trời và gió mát. Những đứa trẻ hít thở không khí thoáng đãng, nhận ánh nắng mặt trời từ đó. Mỗi cửa sổ mang tên một đứa trẻ. Mỗi đứa trẻ có một cửa sổ riêng phản ảnh tâm hồn của nó. Khi làm chung những cánh cửa với học trò, Lynn hay hỏi:

"Nhà em có nhiều cửa sổ không, ngoài cửa sổ có gì?

"Cửa có mở không, có màn cửa không, gió có bay vào không, làm sao nhìn thấy gió?

"Cửa sổ có trông ra vườn không, có nhìn thấy trời xanh không, có nghe tiếng chim hót không...?

"Em có muốn mang cửa sổ trong nhà đến lớp học không?

Thường thì chúng nói có, gật đầu lia lịa và mắt sáng long lanh như đang thấy một điều kỳ diệu. Thế là lớp học có vài khung cửa rất nên thơ. Cửa sổ *Mưa của Amy* chẳng hạn, những chiếc dù nhỏ tươi tắn lơ lửng trên nóc thành phố, bay nhảy trên các mái nhà và tàng cây đẫm nước. Phía đối diện là hai cửa sổ *Ngày* và *Đêm*. Cửa sổ *Ngày* có những đứa bé chạy chơi ngoài công viên xanh dưới một mặt trời tròn tỏa ra những tia nắng màu cam. Cửa sổ *Đêm* là một dòng sông đen nổi lềnh bềnh những vì sao bạc, cây dọc bờ sông đâm đầu vào nước thành những khối bóng lộn ngược, mặt trăng lủng lẳng trên không, tròn trĩnh và nặng nề như một quả cầu

trắng đục.

Cũng có khi chúng trả lời không. Không có vườn, không cây cỏ hoa lá, không cả nắng gió, "Cửa sổ của em xấu lắm", "Cửa sổ có nhiều rác lắm" hoặc "Ngoài cửa sổ chỉ có tường, toàn là tường thôi", hoặc "Mẹ không cho em mở cửa sổ bao giờ. Mẹ nói nguy hiểm lắm".

Những câu trả lời đó làm cô cảm thấy rất buồn, chẳng lẽ thế giới của chúng chỉ là như thế, nông cạn, giới hạn, nghi kỵ, và rác rưởi...

"Vậy thì cửa sổ như thế nào mới là đẹp? Cửa sổ đẹp phảicó những gì?

"Em muốn nhìn thấy gì ngoài cửa sổ?

"Cửa sổ giúp cho em nhìn thấy phải không? Cửa sổ làm cho mát phải không, đỡ ngộp thở phải không?

"Mình làm một cánh cửa thật đẹp để em đem về láp vào trong nhà nhé?

Và chúng được quyền chọn cho mình một khung cửa khác đúng như mơ ước. Cửa sổ của Mikey nhìn sang một tiệm kem, tất cả những loại cà-rem nó thích đều có ở trên quầy, trên bàn, thậm chí cả trên tường. Có những cửa sổ nhìn ra tiệm bán *pizza*, cửa hàng đồ chơi, và Disneyland. Có những cánh cửa nhìn vào cổ tích, có những cánh cửa mở vào thế giới hoạt họa- Mickey Mouse chơi với Teletubbies và Pokémon.

Chỉ có một cánh cửa nhìn vào mất mát. Cánh cửa của Ashley. Một ngôi nhà mái ngói đỏ, những cụm hoa hồng, một con đường nhỏ vòng vèo. Một người đàn ông, một người đàn bà dắt một đứa bé đi dạo. Đứa bé là Ashley nắm tay bố mẹ đi về phía ngôi nhà của nó. Nó luôn luôn nhìn thấy hình ảnh đó, đầu óc non nớt ghi nhớ từng chi tiết về một ký ức linh động và hạnh phúc. Lynn đã cố gắng thuyết phục nó: "Ashley vẽ nhà bà ngoại đi, có hồ bơi, có cầu tuột, có xích đu, có cả con mèo nhỏ nữa. Mình làm cánh cửa khác đi, đẹp hơn. Được không?

Nó lắc đầu, cương quyết:

"Không. Em không thích nhà bà ngoại. Em thích nhà của bố mẹ, có bố mẹ ở trong đó. Em muốn nhìn thấy bố mẹ.".

Bà ngoại Ashley bảo Lynn cứ chiều nó, rồi nó sẽ quên đi, bố mẹ nó mới chết hơn một năm mà. Lynn hy vọng bà ta nói đúng, nhưng vẫn lo lắng. Cô không muốn nó chỉ nhìn vào cánh cửa của quá khứ, như một vết thương để mở, không bao giờ lành. Nhưng đó là điều nó muốn, quyền của nó. Nó chỉ muốn nhìn thấy bố mẹ. Không ai nỡ từ chối một đứa bé điều đó. Trừ định mệnh.

Những lỗ đen trên tường

Nhà trẻ trong giờ nghỉ trưa. Ghế bố xếp thành ba dãy, ngổn ngang chăn gối và những con thú nhồi bông. Nhạc văng vẳng từ một góc phòng, những giai điệu đều đều ru ngủ. Lynn ngồi bệt trên thảm, tựa lưng vào tường, lọt giữa hai cái ghế bố. Bàn tay cô uể oải vỗ nhẹ lưng của hai đứa bé, cố dỗ cho chúng ngủ. Kara ngồi đầu dãy, cạnh giường Clive, chằm chằm canh chừng. Hễ Clive định nhổm dậy thì cô lại ấn nó nằm xuống, nó thòng chân xuống đất thì cô tóm cẳng dần lên giường. Cô kê ngón tay ngay miệng: "Suỵt! Suỵt!Suuuuỵt!" khe khẽ nghe như tiếng người dụ rắn. Clive thỉnh thoảng cười sặc sụa. Giọng cười làm Lynn nổi gai khắp người. Đã nhiều lần nó làm cả phòng thức giấc. Dỗ cho chúng ngủ là cả một công trình, tay Lynn đã mỏi nhừ vì phải xoa mười mấy cái lưng. Chỉ cần vài ba đứa quấy là hỏng hết mọi sự.

Bà hiệu trưởng ngả người lắc lư theo điệu nhún của chiếc ghế ngựa. Quanh bà là giường của những đứa lớn và ưa quậy trong giờ ngủ. Nhưng có mặt bà thì chúng hóa ra rất ngoan, nằm sấp im thin thít, chẳng cần ai xoa lưng hay vuốt tóc. Sự hiện diện của bà như một phép lạ, biến trẻ hư thành những thiên thần. Chúng nằm chán rồi ngủ khò, ít ra thì ngủ cũng thích thú hơn là nằm như tượng dưới ánh mắt đe dọa của bà.

Jeff và Kayla đã ngủ say, Lynn gỡ nhẹ bình sữa khỏi tay Kayla, đắp lại chăn cho nó. Bà hiệu trưởng nhìn Lynn, cô gật đầu ra dấu bảo hai người cứ đi đi. Tuần này đến phiên Lynn trực giờ nghỉ trưa từ 12 giờ đến 2 giờ rưỡi. Bà hiệu trưởng đưa cô cái điện thoại cầm tay, xỉa vào mặt Clive:"Nhắm mắt lại, phải ngủ nghe chưa!", rồi cười với Lynn:"Thôi tôi đi một lát, có gì cần cứ gọi *pager* cho tôi nhé".

Bà vừa ra khỏi cửa là Clive ngồi hẳn dậy. Lynn thử bắt nó nằm vài lần nữa nhưng vô hiệu. Cô nhìn ra ngoài văn phòng, không còn một ai nữa. Cô đứng dậy, dẫn Clive sang phòng vệ sinh bên cạnh, đặt nó ngồi vào bàn cầu: "Clive phải tập đi ở đây nghe không. Lớn rồi, không được mặc tã nữa". Nó cứ ngơ ngơ - không bao giờ nhìn vào mắt cô. Rồi đột ngột nó vùng dậy, kêu ré những âm thanh vô nghĩa. Cô hoảng hồn bịt miệng Clive, nắm hai vai ấn nó xuống. Nó phản ứng dữ hơn, đá trúng một cú vào xương cẳng Lynn. Cô tóm chân nó, khóa chéo lại, rít qua kẽ răng:"Thôi ngay. Ngồi đây cho đến khi mày đi ị". Cái đau thấu xương làm cô trở nên độc ác. Cô muốn làm nó khóc nên vận sức nhéo mạnh đôi má nó, nhay nhay mãi cho đến khi mặt nó đỏ au lên và nước mắt trào ra.

Rồi cô hối hận vì đã quá tay. Cô bỏ ra ngoài kiếm quần lót khác cho nó. Clive chạy theo lao vào người cô. Nó tấn công bằng đầu, húc mạnh vào bụng dưới của Lynn. Cô nổi da gà, phản xạ tự nhiên khi đứng trước nguy hiểm bị chó cắn. Nó cắn thật, hai tay cấu vào đùi Lynn, miệng gầm

gừ. Cô tìm cách gỡ hai tay nó, rồi vặn ngược ra sau lưng. Vẫn để hai cánh tay bẻ quặt như thế, Lynn đẩy nó sát góc tường. Cô nhất quyết phải làm nó sợ. Nửa thân dưới của cô đè lên làm nó bị tê liệt. Cô ôm siết nó, lắc thật mạnh đến độ tóc nó dựng ngược lên. Cô vừa lắc vừa nhớ đến khẩu hiệu treo ở trên tường "Đừng bao giờ lắc một đứa trẻ ". Cô tiếp tục lắc và tiếp tục nghĩ: "Đừng bao giờ lắc một đứa trẻ, đừng bao giờ lắc một đứa nhỏ, đừng bao giờ, đừng bao giờ, đừng bao giờ,...". Đầu óc cô tỉnh táo lạ thường, cô vừa lẩm nhẩm như vậy vừa đo lường cơn giận dữ của mình.

Cơn giận nguôi dần. Nhưng cảm giác bị cấn dưới bụng trở nên rõ rệt và lan rộng hơn, nhộn nhạo khác lạ. Loại xúc cảm này cô vẫn chờ đợi ở một người đàn ông mà không bao giờ đạt được. Tim cô đập đồn dập. Ý nghĩ mình đã đến rất gần - gần lắm rồi làm cô vừa hứng khởi, vừa sợ sệt. Cô tìm cách chống chọi với những ham muốn. Nhưng ý tưởng đó đã chạy khắp cùng cơ thể như dòng điện - châm chích nung chảy da thịt. Cô muốn đẩy nó ra, nhưng không tự chủ được, người nó vẫn dính sát người cô. Nó đã trở thành thỏi nam châm ma quái. Sức hút bí ẩn từ một ngõ ngách tam tối làm cô run rẩy kích thích. Ngay lúc đó, ấn tượng rằng đôi mắt nó quá xanh, càng xanh hơn trong bóng tối làm cô muốn uống, muốn nút, muốn hút cạn kiệt tất cả chất thủy tinh long lanh trong đó. Cô ấn nhẹ tay quanh con ngươi, vuốt ve như đang chơi búp bê. Những giọt nước từ đó ứa ra: nó khóc! Lần đầu tiên cô thấy nó khóc lặng như thế, không thành tiếng, chỉ có trồng mắt lồi ra khiếp đảm. Nhưng không thể ngừng được nữa... Cô nghiến răng kẹp nó vào người , khao khát, vồ xé, tàn bạo. Khớp xương nó kêu rang rắc trong cánh tay cô. Cô ngừng lại, nghe ngóng- rồi lại tiếp tục, không biết mình sẽ đi đến đâu.

Lúc Lynn buông nó ra, người cô lạnh toát, kiệt lực như sắp chết. Trái tim căng ứ máu, máu cứ cuồn cuộn bơm vào mà không có lối ra. Trái tim biến thành một quả tạ khổng lồ, động tới tấp trên ngực làm những khớp xương đau như bị gãy dập. Những sợi thần kinh hai bên thái dương co-thắt-dựt-xé-băm-chém, tiếng kêu như búa gõ vào sọ. Lynn hoàn toàn mất ý thức. Cô chỉ biết ôm ngực, thở gấp gáp, tựa như trong phòng không còn dưỡng khí nữa.

Một lúc nào đó, cô nghe thấy tiếng nhạc vọng lại từ bên phòng ngủ. Cô giựt mình, thì ra cuộn băng nãy giờ vẫn chạy nhưng âm thanh không lọt vào tai cô. Clive đang nằm co quắp trên thảm, dáng nằm trông như bị lạnh. Cô láng nghe tiếng nó thở, yên tâm vì cửa phòng vẫn đóng, trẻ con vẫn ngủ, buổi trưa vẫn còn dài, hai người kia còn lâu mới quay về trường. Cô muốn lấy một tấm chăn đắp cho nó, nhưng đôi chân vẫn còn run lập cập. "Nếu có người vào mình phải nói là mình trúng gió", và cô nghĩ

thêm: "Nếu được nằm một chút chắc sẽ dỡ". Cuối cùng cô nằm lăn ra thảm thật. Đến lúc đó cô mới hiểu mình có thể bất tỉnh bất cứ lúc nào. Cô thấy trần nhà cứ cao dần lên. Trong trạng thái bồng bềnh có lúc cô tưởng mình đang nằm trong thang máy, trôi tuột xuống những tầng lầu bên dưới.

Căn phòng nhòa đi. Những góc cạnh nối tường với trần nhà cong vẹo, lớp học hóa ra cái hộp bị bóp mẹp. Những vệt tối lao chao trên vách như trò đùa bóng đuổi. Những bức tranh chợt nhợt nhạt như phim ảnh cũ, rồi vô hình, vô màu, rồi mỏng tanh, ánh sáng đi xuyên qua được tan nhoà vào tường. Những bức vách thật đằng sau từ từ phơi bày, loang lổ những lỗ hổng, trống hoác, đen ngòm, lở lói. Cô căng mắt nhìn trừng trừng: Kìa, chúng nó - những lỗ đen, những thứ cô tưởng đã che lấp được. Bây giờ chúng chậm chạp nuốt chửng những khung cửa gia. Những cửa sổ cuối cùng đã chìm mất vào lớp tường, ngập lún trong đó. Không còn gì nữa.

Ngày cuối

Mẹ Clive bắt đầu lo lắng vì nó, lối an ủi lý giải của bà hiệu trưởng không còn tác dụng nữa. Hơn một năm trời, nó không tiến bộ chút nào. Bây giờ lại càng tệ hơn. Mỗi ngày mang nó đến trường là cả một cực hình, nó phản kháng như một con thú hoang dại. Bà hiệu trưởng, dù rất muốn giữ Clive, cuối cùng cũng phải than phiền là nó đánh và cắn nhiều đứa bé khác trong trường. Bà đành giới thiệu cho mẹ Clive một trung tâm đặc biệt chuyên nghiên cứu trẻ em bị chứng *autism*. Sau vài lần trắc nghiệm, họ nhận Clive vào trong chương trình.

Hôm nay là ngày cuối cùng của Clive ở nhà trẻ Barney. Mọi người cư xử đặc biệt với nó. Bà hiệu trưởng bắt lũ trẻ phải nhường Clive bất cứ món đồ nào nó muốn. Kara không bắt nó ngủ trưa. Nó được tha hồ nghịch nước và chơi ngoài sân, bà cắt Lynn đi theo trông chừng nó. Bà còn cho nó chơi cả *computer*, thứ mà trước nay chỉ dành cho những đứa lớn và thông minh nhất trường. Ai nấy đều dịu ngọt và ân cần. Nếu Clive có trí nhớ tốt thì đấy sẽ là một dấu chấm tuyệt vời để kết thúc.

Bà hiệu trưởng ôm Clive vào lòng, nhéo má nó, cù vào cổ nó:

"Phải ngoan nghe chưa. Sang trường mới phải biết nghe lời cô giáo, không được cắn bậy nữa, nghe không? "

Clive rụt cổ, cười ngây ngô. Mắt vẫn cứ đâu đâu. Bà nhìn nó, rớm nước mắt: "Đẹp trai thế này, tội nghiệp!". Bà lại xoa đầu nó,thở dài.

Rồi bà nhắc Lynn:

"Cô coi những món gì của Clive thì xếp vào một cái bao để chiều mẹ

nó mang đi".

Lynn đáp: "Xong cả rồi".

Cô đưa cái túi xách cho bà:

"Bà giữ để lát đưa cho mẹ nó".

Bà mở túi ra kiểm:

"Chăn, gối, trải giường, quần áo, tã, đồ chơi. Vâng, tốt lắm, cảm ơn cô. Nhiều người lúc con thôi học không chịu dọn đồ về ngay, rồi cả tuần sau lại, đòi thứ này thứ kia. Tôi lấy đâu ra mà trả cho họ."

Để Clive ngồi với bà, Lynn trở về lớp học. Cô lấy mấy tờ giấy cứng đủ màu, đóng thành một cuốn sách mỏng, bấm lỗ, xỏ ruy-băng thắt một cuộn nơ ngoài bìa sách. Xong cô gọi từng đứa lại, bảo: "Clive thôi không học ở đây nữa. Mình làm chung một tấm thiệp tặng Clive. Em có muốn vẽ hình gì, hay viết gì cho Clive không?"

Chúng vẽ hoa, ngôi sao, xe hơi, khủng long...., rồi nắn nót tên mình. Nét bút nguệch ngoạc, cái tên to gấp mấy lần hình vẽ. Nhưng đứa bé quá chưa biết vẽ thì nhúng những ngón tay nhỏ xíu vào sơn rồi in dấu tay lên giấy. Lynn ghi tên chúng nho nhỏ bên cạnh đó.

Ngoài bìa cô thận trọng dùng keo trộn giấy vụn màu bạc nắn nót những dòng lấp lánh:

TẶNG CLIVE YÊU QUÝ

NHÀ TRẺ BARNEY

Cô muốn viết vài dòng - như với những đứa thôi học khác - nhưng lại nghĩ: "Vô ích, biết Clive rồi có đọc được không". Ý nghĩ này dã cứu cô, bởi cô không biết phải viết gì. Nhớ ra Clive thích thú vật, cô gỡ hình con chó trên cửa sổ của nó, dán vào trang cuối. Mỗi ngày nó đều miết những ngón tay trên tấm hình này, tìm cách bóc ra. Lật lại từng trang, cô nghĩ thế là đủ. Cô cẩn thận xếp cuốn sách vào *backpack* của Clive. Cô vừa đóng dây kéo lại, vừa khóc. Cô nghĩ: "Thế là hết. Không cách nào cứu chuộc được. Nó sẽ theo ám mình, cho đến chết".

Clive đi rồi nhưng mảnh cửa của nó vẫn còn đó, chỉ là một cái khung rỗng mở ra một khoảng không vô vọng. Trong những khung cửa còn lại, ánh sáng đã tắt hẳn. Lớp học trở thành một nhà ngục làm linh hồn Lynn ngộp thở. Cô xin nghỉ dạy rất đột ngột, chỉ cho bà hiệu trưởng một tuần để tìm người thế. Bà vội vàng đăng quảng cáo trên báo. Có mỗi một người nộp đơn, bằng lòng những điều kiện của bà, sẵn sàng nhận việc ngay. Bà gọi đến chỗ dạy trước của cô ta để tìm hiểu. Thông tin nhận được không mấy khả quan - cả khả năng dạy, tính tình, cũng như tác phong làm việc đều dưới trung bình. Bà nắn nỉ Lynn:

"Cô chờ tôi tìm người khá hơn hãy nghỉ được không?".

Lynn ngần ngừ:

"Tôi chỉ làm thêm mười ngày nữa là cùng. Nếu bà tăng tiền lương thì sẽ có nhiều người giỏi đến ngay".

Gần hết hạn vẫn chẳng ai gọi đến. Bà đâm oán Lynn, cô nghỉ ngang lại còn làm khó bà. Học khu xuống kiểm tra thấy hơn ba mươi đứa trẻ mà chỉ có bà với Kara trông thì họ sẽ phạt cả nghìn đồng. Cuối cùng thì bà cũng đành nhận cô giáo mới, sau khi có kết quả lăn tay của cảnh sát tiểu bang. Bà chép miệng: "Thôi dạy dở cũng chẳng sao, miễn trước nay không làm bậy trẻ con là được rồi."

Lynn để lại tất cả sách vở, dụng cụ dạy học cho trường - kể cả những con búp bê và những cây đàn. Cô làm bà ngạc nhiên và cảm động. Bà không biết rằng cô đã mang đi nhiều thứ lắm - tất cả những lỗ đen ở trên tường.

Thơ Thơ

(*) *Autism:* Có hai tiếng tương đương là *bệnh tự tỏa* (Từ điển tâm lý của G.S. Nguyễn Khắc Viện) hoặc *bệnh tự hướng* (Từ điển Oxford Anh-Hoa). Đó là một căn bệnh về phát triển tâm thần liên hệ đến rối loạn não bộ, dẫn đến rối loạn về thể chất, ngôn ngữ và quan hệ xã hội. Triệu chứng gồm những phản ứng bất thường đối với cảm giác, trong quan hệ với người, vật, và những sự kiện chung quanh.

PHÁT HÀNH
Tháng 10 - 2000
Sách dày 650 trang
với nhiều hình ảnh.
Giá 25 MK

Liên lạc
Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
PO.BOX 2301,
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 934 – 8574.
Email: vannghe@pacbell.net

thơ hà nguyên du

thuần điệu

(với luân vũ & đoàn văn nghệ lạc hồng)

cả vũ trụ
có chung cùng
vũ điệu
điệu nhân sinh
gieo gặt
đơn thuần
đỉnh kích cảm
trên đối chiếu
tính giới
vực thăng hoa
trong điểm lửa
phực phừng

hạt tinh tụ
lăn vào em
thánh thót
ta khai sinh ta
giống một
đời hai
thơ huyết tự
bật đèn
soi bóng tối
phàm tha nhân
chính hệ
xác thân này!

linh y

khối ung nhọt
vỡ bung
đầy nhớp nhúa
tên tội đồ
còn rực áo quan
đi
trụ sinh cũ
lờn quen
như kháng thể
và ơi Trời!
xin giáng
vị linh y
những phóng trục
chạm mạch nguồn
tông tổ
bốn ngàn năm
ai giật cuốn
phăng đi?
và quốc thể
mặt mày lem luốc
rỗ
ta bệnh tình

em cũng bớt sân si...

Nắng lạ

Lê Hữu

người nằm ngủ thấy gì
thấy rất nhiều nắng lạ
Bùi Giáng

Lúc Phương và tôi bước ra khỏi bóng tối của rạp hát thì bên ngoài nắng đã lên cao. Nắng chói chang làm tôi lóa mắt. Phương khẽ nhăn mặt, mở xắc tay lấy kính mát đeo vào. Khuôn mặt Phương với đôi mắt đấu sau cặp kính đen bí ẩn trông khác lạ và ngỗ ngộ, tựa khuôn mặt cô người mẫu trong một tạp chí thời trang nào đó. Tôi nói với Phương vậy. Nàng mỉm cười, khóe miệng hơi nhếch lên, trông lại càng giống. Chúng tôi đi bộ dọc theo hè phố. Nắng loang trên vỉa hè, tràn lan trên mặt đường, chấp chới trên những ngọn cây, soi rọi trên các vách *building*. Nắng ngập tràn, giống như cảnh cuối kết thúc bộ phim. Màn ảnh sáng lên. Một khoảng trời ngập nắng và hoa phượng đỏ. Nắng rực rỡ, hoa phượng đỏ rực rỡ. Cô gái trong tà áo trắng mềm mại chạy tung tăng giữa đôi cỏ rộng dưới muôn ngàn tia nắng lung linh chiếu rọi qua những tàn cây. Ống kính người đạo diễn dừng lại khá lâu ở nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt cô gái. Cuối cùng cũng đã có được chút ánh nắng soi rọi xuống những mảnh đời rách nát, những phận người hèn mọn. Một lối kết thúc cổ điển. Phim có vẻ thiếu ánh sáng và nhịp độ phim chậm chạp khiến tôi buồn ngủ. Người đạo diễn có chủ ý sử dụng những màu sắc tối trong suốt chiều dài cuốn phim để mô tả những cảnh đời tăm tối. Phương hỏi tôi nghĩ sao về cuốn phim. "Cảnh đẹp," tôi tìm được một câu khen. Phương cười, "Xem phim mà chỉ có khen cảnh đẹp thôi thì đâu có hiểu gì phim." Tôi cũng cười theo. Thực tình tôi cũng chẳng hiểu gì lắm vì có xem được bao nhiêu đâu. Ngồi trong rạp, suốt từ đầu tới cuối phim tôi chỉ ôm riết lấy Phương, ngả đầu vào vai nàng, lim dim ngủ, và màn ảnh sáng lên đánh thức tôi dậy cũng là lúc

cuốn phim vừa kết thúc cho tôi kịp nhìn thấy một khoảng trời ngập nắng.

"Tại sao lại gọi là *'ba mùa'* nhỉ?" Phương hỏi.

"Chắc là cầm lọng cọng sao đó nên đánh rớt đâu mất một mùa xuân."

Phương cười, gật gật đầu khen tôi trả lời hay. Lâu lâu nàng cũng khen tôi được vài tiếng. Tôi không nói Phương biết câu ấy đâu phải của tôi mà của ông thi sĩ nào đó. *Năm ngón tay có bốn mùa trái đất. Chúng tôi cầm rơi mất một mùa xuân.* Tôi khẽ nắm lấy bàn tay Phương, những ngón tay chúng tôi đan xiết vào nhau. Bao năm rồi tôi mới gặp lại bàn tay ấy. Bao nhiêu là nước chảy qua cầu, bao nhiêu là tang thương dâu bể. Vẫn lòng bàn tay mềm mại, vẫn những ngón tay như tháp bút, nay lại thấy có thêm những gân xanh lờ mờ. Những bàn tay không biết nói dối, dẫu nhan sắc có khéo che đậy. Chúng tôi thật rủi ro đã làm rơi rớt không ít những mùa xuân ở dọc đường. Liệu trong lần gặp gỡ nhau đây hai đứa tôi có vớt vát lại được chút gì, như cô gái trong phim sau cùng rồi cũng tìm lại được chút nắng xuân ở cuối đường, cho đủ bốn mùa. Liệu những mất mát rồi sẽ được đền bù, hay là sau cơn mưa, trời lại... bão. Những cơn bão cuồng nộ tàn phá, vùi dập, cuốn phăng đi tất cả. Tôi nghĩ và cười một mình. Phương hỏi cười gì vậy. Tôi nói đang nhớ tới một tuồng cải lương cảm động.

"Không phải *Thuyền Ra Cửa Biển chứ?*"

"Không, tuồng cũ. *Áo Cưới Trước Cổng Chùa.*"

"Đang nói chuyện phim ảnh lại nói qua chuyện cải lương," Phương nói. "Có ăn nhập gì nhau đâu."

"Có chứ em," tôi nói. "Cái gọi là 'phim Việt nam' chẳng qua chỉ là một sự pha trộn giữa cải lương và kịch, quay ở ngoài trời thay vì ở sân khấu, xong lồng vô tí nhạc, rồi đem chiếu cho bà con xem."

"Anh chê diễn viên điện ảnh Việt nam?" Phương hỏi.

"Đâu dám chê, nhưng mà điễn xuất cứ như là... đóng phim vậy. Nửa Tây nửa Tàu, xem cứ thấy sường sượng, nhất là những màn yêu đương, cởi quần cởi áo. Phải quên cái ống kính đi thì mới truyền cảm xúc cho khán giả được."

Cặp kính đen không cho thấy phần phát biểu ý kiến của tôi có được sự đồng tình nào của Phương. Nàng chỉ nói:

"Anh nói giống ông chồng em. Ổng ghét phim Việt Nam. Chẳng thà coi phim Ấn độ dễ chịu hơn, ổng nói vậy... Còn phim này thì sao?"

"Có bớt sượng hơn," tôi nói, "nhưng vẫn thấy giả tạo. Chuyện phim mà cứ như chuyện... xi-nê thì làm sao mà thuyết phục được khán giả. Trên đời này làm gì có nổi một tay xích-lô vừa đẹp trai vừa hào hiệp lại vừa cù lần như vậy."

"Có mấy bà Mỹ khóc, mắt đỏ hoe đó, anh không thấy sao?"

"Vì họ là người Mỹ," tôi nói. "Họ chưa thấy những cái đó bao giờ. Người Việt mình thì quen quá rồi. Nhiều cảnh đời còn thê thảm hơn thế nhiều."

Phương lặng thinh. Khác với hồi xưa, mỗi khi hai đứa bất đồng ý kiến về một chuyện gì là nàng cãi phăng phăng tới cùng, bất kể đúng sai phải trái, bất chấp chân lý sự thật, cho đến lúc đối phương là tôi phải im lặng vì quá mệt mỏi thì nàng đi tới kết luận gọn gàng: im lặng là đồng tình. Cứ như vậy thì tôi luôn luôn là kẻ thua cuộc... Chúng tôi đi ngang một góc phố nhộn nhịp. Nhiều người đứng xếp hàng trước một quầy bán kem. Phương bỗng nói:

"Chờ em một chút."

Không đợi tôi trả lời, nàng bước nhanh về phía quầy kem, đứng nối đuôi dãy người xếp hàng một. Tôi đốt một điếu thuốc, đứng nhìn trời đất vẩn vơ. Phương vẫn có những cái bất ngờ, đột ngột như vậy mà ngày xưa tôi thường gọi là "mưa nắng bất thường, rất khó mà dự báo thời tiết". Giống như những cơn mưa Saigon, những cơn mưa bất chợt, vội vàng, không có gì báo trước. Còn mưa ở đây thì lại khác, mưa đều đều mưa dài dài, mưa hoài không biết chán, mưa như không biết mệt. Mưa suốt tuần lễ đầu tôi ở đây. Mưa ngay từ phút đầu đặt chân xuống phi trường. Thành phố đón tôi bằng những cơn mưa đầm đề... Tôi không hiểu được tại sao Phương lại về sống ở chốn này? Và tôi nữa, tại sao tôi lại có mặt nơi đây?

Thành phố này có một đại lý cho công ty lắp ráp máy điện toán mà tôi hiện đang làm việc, và họ cần người phụ giúp để giải quyết một vài khó khăn nào đó trong công việc quản lý. Khi được hỏi ý kiến có bằng lòng tình nguyện lên đây làm việc trong thời gian ngắn, tôi đã nghĩ đến Phương. Một người bạn ở Cali nói cho tôi biết Phương hiện đang ở thành phố này, anh ta còn cho tôi số điện thoại của nàng. Tôi đã có những phút do dự. Tôi muốn gặp lại Phương để làm gì? Để bày tỏ sự hối tiếc, để chuộc lại những lỗi lầm. Để còn được trông thấy nàng một lần nữa, để nói được với nàng một đôi câu gì đó rồi... lặng lẽ ra đi? Tôi đâu có còn ở tuổi mới biết yêu, và cũng đã đi quá xa thời lãng mạn. Liệu có còn chút gì gọi là tình yêu giữa tôi và nàng. Phương đã có gia đình, tôi cũng vậy. Chẳng biết gia đình nào thực sự ấm êm hơn. Có lúc tôi đã nghĩ, chỉ cần biết được rằng nàng đang có hạnh phúc, tôi sẽ yên lòng và bỏ đi ngay. Còn nếu không, thì sao? Tôi đâu có làm được chuyện gì. Vậy thì tại sao cần phải gặp nàng? Tôi cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn và không có câu trả lời nào, nhưng tôi biết một điều là tôi vẫn còn yêu Phương. Sau cùng có lẽ chính là Thư, vợ tôi, đã đẩy tôi đến quyết định hợp lý và lại hợp tình trong lúc tôi còn đang phân vân, do dự: "Thì anh cứ đi thử một chuyến xem sao. Được trả thêm

tiền, lại có chỗ ăn chỗ ở đàng hoàng, tội gì không đi. Có mất mát gì đâu."

Đúng vậy, *có mất mát gì đâu*, sao tôi lại không *thử một chuyến xem sao*. Như vậy không phải là tôi đã đến đây vì Phương sao. Tôi đâu có yêu thích công việc đến mức bỏ nhà bỏ cửa đến một thành phố xa lạ để đánh vật với giàn *computer* thổ tả này. Qua tuần lễ đầu bận túi bụi, những lúc đêm xuống, ngồi một mình bên chiếc điện thoại là lúc tôi nghĩ đến Phương nhiều nhất. Mấy lần tôi tính gọi cho nàng nhưng rồi lại ngần ngừ. Tôi nhấc ống điện thoại lên rồi lại bỏ xuống. Tôi phân vân, dằn đo không biết phải nói câu gì đầu tiên với nàng, hay với người đàn ông xa lạ đó (nếu nghe một giọng đàn ông trả lời). Và tôi lại có cảm giác ngượng ngập, sượng sùng như là đang toan tính, âm mưu một chuyện gì đó không được đứng đắn, không mấy lương thiện. Có lúc tôi tự nhủ thôi hãy từ bỏ ý định ấy, thôi hãy quên đi quên đi, thế nhưng ý nghĩ Phương hiện đang ở một nơi nào đó thật gần gũi quanh đây khiến lòng tôi cứ xốn xang, bứt rứt. Sau cùng, đến một lúc nào đó không còn tự chủ được nữa, ngón tay tôi tự động bấm những con số, và tôi hồi hộp chờ đợi. Tôi nghe những tiếng chuông reo mãi, reo mãi, và không ai nhấc điện thoại. Tôi gọi lại ngày hôm sau, hôm sau nữa, rồi hôm sau nữa. Vẫn không ai trả lời. Tôi hoang mang không rõ là nhà vắng chủ, đã dọn đi nơi khác, hay số điện thoại không còn được sử dụng. Chẳng lẽ cứ gọi hoài. Cho đến một buổi chiều, thử lại một lần chót với không chút hy vọng, tôi nghe tiếng nhấc điện thoại. *"Hello?"* giọng một phụ nữ. Tôi im lặng, lắng tai chờ nghe thêm lần nữa để biết chắc có phải là Phương. *"Hello, who's calling?"* giọng phụ nữ hỏi một lần nữa. Tôi tin đúng là giọng nàng. Cái giọng lảnh lót như tiếng chim ấy, đâu có để gì lầm được, dầu cho nàng có nói tiếngà... Nga đi nữa tôi vẫn cứ nhận ra được như thường. *"Excuse me, can I speak to Phuong?"* tôi hỏi. Tiếng trả lời Phương đây. Tim tôi thắt lại. "Nhận ra được tiếng ai đây không?" tôi hỏi chậm rãi bằng tiếng Việt. Phương có vẻ xúc động (tôi đoán chừng vậy), vài giây im lặng, rồi nàng trả lời làm sao quên được. Nàng hỏi tôi hiện đang ở đâu, tôi nói địa chỉ và chỉ hơn một tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đã ở trong vòng tay nhau.

Phương trách tôi đã không gọi cho nàng sớm hơn, rồi nàng lại nói nếu có gọi cũng chẳng gặp được vì nàng mới từ Florida về. Phương có thay đổi, nhưng không nhiều lắm, và chắc chắn là tôi vẫn còn nhận ra được nàng nếu có gặp nhau bất ngờ ở bất cứ đường phố nào trên đất Mỹ. Dầu không còn những nét mảnh mai thời con gái, thân hình có đầy đà hơn, đỏ da thắm thịt hơn, kiểu tóc khác, lối trang điểm cũng khác, nhưng vẫn cứ đôi mắt ấy, nụ cười ấy, giọng nói ấy, và nhất là vẫn còn những nét gợi cảm, vẫn là Phương của tôi một thời nào xa lắc. Phương khẽ đẩy lùi

tôi, quan sát tôi từ đầu tới chân, nói "anh thay đổi nhiều quá". Tôi nói "khi muốn tránh chữ 'già' người ta hay dùng chữ 'thay đổi'". Phương cười, "Em cũng già vậy." "Phụ nữ đến một tuổi nào đó cứ hay nói mình già để được nghe người khác cải chính dùm," tôi nói thế. "Vậy là em già thật rồi," Phương nói, ra vẻ thất vọng. Định cải chính dùm nàng thì chợt nhớ điều gì, tôi nhẹ nhàng gỡ những ngón tay Phương, hỏi một câu ngớ ngẩn: "Chồng em đâu?" Phương nói, "Ổng đứng ngoài chờ em." Rồi ngó bộ mặt tôi có lẽ tức cười sao đó, nàng cười lớn: "Đùa chút thôi, làm gì mà nghệch mặt ra vậy." Phương nói chuyện vợ chồng nàng ly dị nhau từ hơn một năm nay nghe giống như là chuyện "trời hôm nay mưa nhiều hay rất nắng", và tôi cũng làm ra vẻ như là không chú ý gì đến chuyện đó lắm.

Phương trở ra với hai cây kem trên tay, đưa tôi một. Trông nàng thè lưỡi liếm cây kem rất ngon lành. Phương nhắc đến tên một tiệm kem quen thuộc ở Saigon, nơi chúng tôi thường ghé vào sau khi ở rạp chiếu bóng ra. Những ly kem đủ mầu và những muỗng kem mát lạnh đến tê cả lưỡi tan trong miệng giữa cái nóng oi ả của thành phố. Phương nói bây giờ nàng không thể nào tìm lại được cảm giác ấy nữa. Chúng tôi đi về phía parking. Phương hỏi khi mở cửa xe:

"Anh muốn đi đâu bây giờ?"

"Tùy em thôi, đất đâu theo đó. Đi bất cứ nơi nào tổ quốc cần."

"Câu đó là của Việt cộng, anh học được ở đâu vậy?"

"Ở trong tù."

"Tội nghiệp anh. Ở tù thì đâu có gì vui, phải không?" Phương hỏi khi nổ máy xe.

"Tàm tạm, cũng có nhiều cái hay," tôi nói. "Mỗi người đều nên ở tù qua một lần cho biết, miễn đừng ở lâu quá."

"Khi đó chắc là anh đâu có nhớ em."

"Nhớ em có mà chết sớm. Anh tập được tính quên. Có quên mới sống nổi. Nhiều người sống được tới mười năm, hai mươi năm ở trong tù là nhờ vậy."

"Rồi sau đó anh làm gì?" Phương lại hỏi.

"Thì qua đây kiếm em."

"Xạo. Vợ con rồi còn kiếm gì nữa."

"Em lấy chồng rồi thì cũng phải cho anh lấy vợ chứ."

"Em đang ở một mình, anh không thấy sao?"

"Không nên," tôi nói. "Đàn bà ở một mình không tốt, Chúa nói vậy."

"Xạo nữa. Anh đọc sách nào vậy, tân ước hay cựu ước? Em chỉ nghe Chúa nói là đàn ông ở một mình không tốt, vì vậy mới có thêm bà Eve."

"Thua em," tôi cười trừ. "Đàn ông đàn bà gì cũng rứa, cũng đều

không nên ở một mình."

"Ai chịu ở với em?"

Tôi kịp ngăn lại được tiếng "Anh" vừa đinh thốt ra. Phương im lặng, làm ra vẻ chăm chú lái xe. Kể cũng khá thú vị được một phụ nữ quyến rũ vừa là tài xế vừa là hướng dẫn viên du lịch đánh xe đưa đi dạo chơi đây đó. Xe qua những đường phố chính đây người qua lại. Phương nói ở đây lâu lâu có được một ngày nắng là dân thành phố mừng lắm, đổ cả ra đường.

"Anh có thấy là nắng ở đây đẹp hơn nắng ở những nơi khác không?"

Nghe Phương hỏi tôi mới thực sự để ý đến mầu vàng của nắng. Quả là so với những nơi tôi đã đi qua, mầu nắng ở đây có tươi hơn, vàng hơn, rực rỡ hơn, khiến cảnh trí thiên nhiên được phủ lên một mầu vàng tươi thắm của đất trời như bức tranh phong cảnh sinh động, và con người dễ có cảm giác ấm áp sau những ngày mưa lạnh lẽo.

"Nắng lên rồi, nắng lên rồi, đẹp bao mái tóc xanh người ơi..."

"Anh nói gì?"

"Không, anh hát."

"Yêu đời quá ta. Hát tiếp đi."

"Thành phố của em buồn quá," tôi nói, "mưa não nề. Lâu thật lâu mới có một ngày nắng. Giá mà không gặp được em thì anh cũng đành phải bỏ về thôi. Nắng có đẹp cách mấy cũng chịu."

Tôi thấy môi Phương điểm một nụ cười. Sau hơn hai tuần lễ thực tình tôi vẫn chưa làm quen được với thành phố lạ lùng này. Những dãy phố có nét gì từa tựa San Francisco, nơi tôi đã sống và làm việc gần trọn một mùa hè, nhưng lại có vẻ hiền hòa hơn. Tôi hầu như không có lấy một người quen nào ở đây ngoài một hai tên bạn phất phơ không lấy gì làm thân thiết lắm nên cũng chẳng muốn liên lạc. Hai tay vòng ra phía sau gáy, tôi liếc nhìn khuôn mặt lặng yên của Phương đang hướng thẳng về phía trước, chiếc cằm nhỏ xinh xắn hơi ngước lên, đôi mắt dấu sau cặp kính đen vẫn như mang một vẻ gì bí ẩn, một bàn tay hờ hững đặt trên vô-lăng.

"Người Việt ở đây gọi nơi này là 'cao nguyên tình xanh'," Phương nói.

"Xanh với đỏ, bày đặt. Mấy anh Việt nam là cứ hay chế ra tên này tên kia."

"Cái tên làm em nhớ tới mấy câu thơ của anh hồi xưa..." Phương nói tiếp, làm như không nghe tôi nói gì.

"Thiệt chơi?" tôi hỏi, có hơi quê quê. "Đọc nghe cho vui."

"Em nhớ được có hai câu cuối... *Hỏi em tình có còn xanh. Khi về sân trại nhìn quanh quất buồn.*"

Kể cũng cảm động, nàng vẫn còn nhớ được mấy câu thơ tình lẩm cẩm mà ngay đến tác giả cũng chẳng buồn nhớ, vì có hay ho gì đâu. Bài thơ làm đâu hồi mới vô lính, thuở còn yêu người yêu đời, còn mơ mơ mộng mộng. Tôi dám tặng cho nàng bài thơ đó lắm. Tặng thứ gì nữa tôi còn dám huống chi bài thơ rẻ tiền. Đúng ra thì tôi tặng lung tung chứ đâu có riêng cho một mình nàng. Những người đẹp kia thì lại quá đỗi vô tình, và cũng chẳng có chút tâm hồn văn nghệ nào để mà yêu thơ yêu nhạc, yêu trăng yêu sao, yêu mầu tím yêu mầu vàng như Phương.

"Anh còn làm thơ chứ?" Phương hỏi, giọng chế diễu.

"Hết rồi. Từ ngày em lấy chồng."

"Nói nghe cảm động. Vợ anh đẹp không?"

"Cũng gần bằng em."

"Anh có hạnh phúc không?"

"Thỉnh thoảng."

"Vợ anh có hay ghen?"

"Thỉnh thoảng."

"Anh có ngoại tình khi nào chưa?"

"Th... Thôi đủ rồi em. Trả lời mệt quá."

Phương mỉm cười, không nói thêm gì nữa. Xe chạy thật chậm ngang qua một công viên. Những tàn cây xanh mát, những ghế đá, những pho tượng câm lặng, những dàn bồ câu hiền lành, những nghệ sĩ ôm đàn hát dạo, những gã *homeless* cuộn mình ngủ vùi, những cặp tình nhân nằm trên cỏ. Những công viên ở Mỹ đều giống nhau, đều mang một vẻ đẹp thanh bình, êm ả. Tôi khẽ nhắm mắt, lắng nghe điệu nhạc trong xe, hát theo, *"Hai năm tình lộn xộn, hai đứa cùng hư hao..."*

"Hai đứa mình lộn xộn thiệt," Phương nói.

"Anh đói bụng. Kiếm cái gì ăn."

"Có một tiệm cơm Việt nam ngon lắm ở trong khu phố người Việt cũng tên là Little Saigon, anh có muốn đi ăn không?"

"Muốn."

Chạy lòng vòng một hồi, Phương lại đổi ý:

"Giờ này mà ăn trưa thì hơi sớm, mà ăn sáng thì hơi muộn. Hay là mình mua cái gì về ăn. Chỗ này bán thức ăn cũng được lắm. Anh chịu không?"

Vừa nghe "chịu" một cái là Phương tấp xe vô lề liền. Ngày xưa mỗi lần muốn tôi làm điều gì theo ý nàng, Phương cũng hay hỏi "anh chịu không" như vậy. Có điều hồi đó tôi đâu có biết nhường nhịn với lại chiều chuộng đàn bà con gái như bây giờ cho nên đâu có trả lời "chịu" dễ dàng vậy.

"Chỗ này không có *parking*," Phương bước xuống, dặn dò. "Em để đèn *emergency*. Anh cứ ngồi trong xe, đọc báo. Cảnh sát có hỏi thì nói vợ tôi ra liền bây giờ. OK?"

"OK."

Tôi thấy có mấy người đậu xe gần đấy cũng để đèn chớp chớp như vậy, chắc là cũng vô tiệm đó. Cầm tờ báo chợ tiếng Việt, tôi đọc lướt qua. Không có gì đặc biệt. Những trang quảng cáo các cơ sở làm ăn buôn bán của người Việt, hội đoàn này đả kích hội đoàn kia, biểu tình treo cờ treo quạt, phát giác một hai Việt cộng nằm vùng. Đâu cũng vậy... Tôi bỏ tờ báo xuống. Phương bước ra với những túi xách trên tay.

"Xong. Về nhà cái đã rồi tính."

Tôi không rõ Phương nói "tính" là tính chuyện gì. Nàng nói như thể còn nhiều chuyện phải làm lắm. Tôi cũng không rõ nàng có chương trình đặc biệt gì tiếp theo vụ kéo tôi đi xem phim sáng nay. Dù sao thì tôi cũng chẳng thắc mắc lo nghĩ chi cả, tới đâu thì tới, miễn có nàng bên cạnh. Tôi thả trôi tôi dập dềnh bên cạnh nàng và tận hưởng cảm giác thoải mái, dễ chịu trong những ngày này.

"Nhà nào?" tôi hỏi.

"Nhà em, chứ không lẽ nhà anh."

"Nhà anh thì cũng được chứ có sao đâu." Ý tôi muốn nói đến căn apartment mà công ty thuê cho tôi ở tạm từ hôm lên đây.

"Em đâu có điên," Phương nói, "theo anh về nhà cho vợ anh lột da em à."

"Đừng nói vậy tội nghiệp vợ anh. Bà ấy hiền khô, đâu có như em."

Phương lặng im, rồi từ từ quay đầu sang tôi. Tôi tưởng nhìn thấy được đuôi mắt sắc như dao của nàng sau cặp kính đen. Lát sau Phương nói:

"Anh có vẻ tiến bộ hơn trước nhiều. Nói biết nghe lời. Vợ chồng anh chắc ít khi nào cãi nhau."

"Anh học được kinh nghiệm: đừng bao giờ cãi cọ với đàn bà. Chỉ thiệt thòi."

Tôi nghĩ là Phương hiểu được câu nói ấy.

"Vì vậy mà em nói cái gì anh cũng đồng ý?"

"Anh đồng ý cả những điều em sắp sửa nói."

Cặp kính đen lại từ từ quay sang tôi.

"Chồng em thì khác," Phương nói. "Ổng chỉ chờ em nói câu gì đó để nói một câu ngược lại."

"Tại sao hai người chia tay?" tôi hỏi.

"Tại vì những cái khác nhau như vậy."

"Thử ví dụ?"

"Em thích mưa, ổng thích nắng."

Phương có vẻ không muốn nói nhiều về người chồng của nàng. Thì thôi vậy, tôi cũng chẳng nên thắc mắc tìm hiểu vì vụ này xét ra đâu có dính dấp gì tới tôi, nhất là khi anh chồng đã nhẹ nhàng khăn gói bước ra khỏi đời nàng.

"Hồi trước anh cũng thích nắng, bây giờ anh thích mưa," tôi nói.

"Thôi đủ rồi."

Chúng tôi tiếp tục nói qua nói lại với nhau những câu chuyện không đầu không đuôi, chẳng chuyện gì ra chuyện gì như vậy. Xe ra khỏi thành phố. Có một lúc nào đó chúng tôi ngồi bên nhau thật yên lặng như là không còn chuyện gì để nói với nhau nữa. Tôi nhớ là trong những ngày trước đây tôi đã có sắp đặt trong đầu những điều để nói với Phương khi gặp lại nàng. Vậy mà giờ đây, bên cạnh nàng, tôi lại chẳng còn nhớ bất cứ một điều gì, hay là những điều ấy đã không còn thích hợp, không còn cần thiết nữa. Khi hết chuyện nói, tôi hướng tầm mắt ra ngoài cửa xe dõi theo những ngọn thông xanh mướt chạy dài trên những sườn đồi thoai thoải. Bên tôi, Phương vẫn ngồi yên lặng. Tôi không thể đọc được những ý nghĩ có trong đầu nàng lúc đó.

Khi tôi nói với Phương là ngôi nhà này rộng quá, ở làm sao cho hết, cho tôi thuê bớt một phòng để thỉnh thoảng tôi lên đây có nơi tá túc, Phương nói ý kiến hay nhưng hơi muộn, nhà sắp bán rồi. Tôi tưởng nàng nói dùa, cho đến lúc tiếng chuông điện thoại reo, Phương trả lời vắn tắt, rồi quay sang tôi:

"Họ xin cái hẹn đến xem nhà."

Tôi khen phòng khách đẹp, bầy biện trang trí mỹ thuật. Phương cho biết ngôi nhà là tài sản chung của hai vợ chồng, đã thuộc về nàng sau khi hoàn lại anh chồng một khoản tiền. Tiếng chuông điệyn thoại kế tiếp trong lúc Phương đang bày thức ăn ra bàn là của hai đứa con gái đang nghỉ hè nơi gia đình người chị của nàng ở Florida gọi lên. Phương cho tôi biết nàng đang nhờ bà chị tìm mua giúp căn nhà ở Florida để dọn về đấy. Nàng cũng được hứa hẹn có một việc làm tốt nơi ấy sau khi vừa bỏ một cái job ở đây. Phương nói nàng không muốn rời bỏ nơi này, nhưng ngôi nhà giờ đây chỉ gợi cho nàng những kỷ niệm buồn. Nàng cần thay đổi cuộc sống. Muốn có cuộc sống mới người ta phải sống trong một khung cảnh mới. Dù sao tôi nghĩ Phương đã có những năm sống hạnh phúc.

"Anh xem còn thiếu thứ gì không?" Phương nhìn qua một lượt bàn ăn, hỏi.

"Tại sao không cắt ít bông hồng ngoài vườn, em vẫn thích hoa hồng

mà."

"Ý kiến hay," Phương nói. "Anh làm việc đó đi trong lúc em đi tìm cái lọ cắm hoa."

Lát sau Phương lại hỏi còn gì nữa không.

"Nên có thêm vài ngọn nến. Tắt bớt một ngọn đèn."

"Có màu mè không? Em không thích mùi nến, nhưng cũng OK."

Tôi ngồi vào bàn ăn, nhìn những ngón tay Phương thắp lên những ngọn nến trắng.

"Lịch sự, ấm cúng," tôi nói. "Không đòi hỏi gì nữa. Thế này là ấm no hạnh phúc quá rồi."

"Xong chưa?" Phương hỏi, thổi tắt que diêm. "Hoa lá cành đây đủ. Sẵn sàng thỏa mãn mọi yêu cầu của khách hàng."

"Cám ơn. Một chút âm nhạc nữa thì tuyệt."

"Có ngay thôi."

Phương ngồi phía đối diện, hai tay chống cằm, và chúng tôi nhìn nhau qua ánh nến rưng rưng. Tôi thấy môi Phương phác một nụ cười, khóe miệng hơi nhếch lên, và tôi cũng thấy một giọt nước lặng lẽ ứa ra nơi khóe mắt nàng. Thật khó mà hiểu được tận cùng ý nghĩa của giọt nước mắt đó. Vui sướng, buồn rầu, tiếc thương, hờn tủi... Những ngọn nến chập chờn, lung linh trước mắt tôi cũng nhòa đi trong giây phút ấy. *Đừng nhìn em nữa anh ơi, hoa xuân đã phai rồi, hương trinh đã tàn rồi..., nước mắt đã không vơi, môi run đã quên cười. Kiếp nào có yêu nhau, thì xin tìm đến mai sau...* Hiểu được tại sao, tôi với tay lấy chiếc remote control, tắt đi giọng hát điệu nhạc rền rĩ ấy.

"Quên một thứ," tôi nói, đứng dậy. "Mới thấy chai *champagne* đâu đây."

Cầm chai rượu Phương đưa, tôi lắc lắc. Đã lâu lắm tôi không cầm đến chai champagne vì chẳng có chuyện chi để ăn mừng. Sau một tiếng nổ nhỏ, rượu tràn ra như suối. Rượu và bọt bắn văng cả vào áo tôi, vào tóc Phương. Phương vội nghiêng đầu tránh, đứng bật dậy. Chiếc ghế đổ xuống sau lưng và nàng loạng choạng muốn ngã theo. Tôi vội chồm tới đỡ lấy Phương, tay kia vẫn giơ cao chai *champagne*, và rượu vẫn tiếp tục chảy tràn xuống đầu hai đứa tôi. Thêm một chiếc ghế nữa đổ xuống. Chúng tôi ôm nhau cười nghiêng ngửa, cười sặc sụa, cười thỏa thích như hai đứa trẻ. Dứt tiếng cười, tôi quay nhìn Phương, Phương nhìn tôi, chúng tôi nhìn nhau trong vài giây im lặng. Khuôn mặt Phương thật sát, hai mắt mở lớn. Đôi mắt Phương khi ấy thật lạ. Sau cùng, tôi đã nhìn ra Phương, nhìn ra đôi mắt ấy, nhìn thấy được cả tôi trong đó nữa. Tôi khẽ cúi xuống liếm láp những giọt rượu còn đọng trên má Phương, và trong lúc ngực nàng vẫn

còn đang phập phồng sau trận cười ngả nghiêng ấy, môi chúng tôi gắn chặt vào nhau trong chiếc hôn dài tưởng như đến vô tận...

"Anh phải thay áo thôi," Phương nói.

"Không cần," tôi lắc đầu, cởi mấy hột nút, phanh ngực áo.

Phương đã lau khô tóc. Chúng tôi ngồi lại vào bàn.

"Trân trọng kính mời," tôi nói, tay nâng ly rượu. "Nhân dịp kỷ niệm... 'mười năm tình cũ'. Xin chúc mừng!"

"Phải hơn chứ, có mười năm thôi sao," Phương nói, tay cũng nâng ly.

"Thế thì... muôn năm tình cũ vậy," tôi nói bừa. "Tình càng lâu càng nồng, rượu càng lâu càng quý, thứ nào cũng dễ say cả. Cụng ly một cái coi."

Hai chiếc ly chạm nhau kêu lanh canh. Tôi thấy mắt Phương lấp lánh niềm vui.

Chúng tôi ăn ít, thức ăn còn đầy trên bàn. Phương nói vậy mà kêu đói.

"Đúng là quả đất tròn," tôi nói một câu cũ mèm.

"Nhưng mà quay chậm quá, giá mà nhanh hơn chút nữa thì mọi chuyện không đến nỗi lỡ làng."

Trong giọng nói đùa của Phương, tôi nghe ra có chút ngậm ngùi. Như là những câu chuyện của chúng tôi, ngay trong những phút vui vẫn có nhuốm chút gì buồn bã.

Vào một lúc nào đó cuối bữa ăn, chúng tôi cùng ngồi ôn chuyện cũ. Phương nhắc đến những tên tuổi, những khuôn mặt bạn bè của cả hai đứa, những người còn sống những kẻ đã chết, những người chúng tôi yêu và ghét. Trí nhớ của Phương vẫn còn khá tốt, ít ra cũng hơn tôi, khi nàng nhắc lại những kỷ niệm riêng tư giữa nàng và tôi của những ngày tháng năm xa lơ xa lắc. Những lần hẹn hò, những nơi chốn gặp gỡ, những bài nhạc cũ chúng tôi đã cùng nghe mà không còn nhớ tên, những cuốn phim hay chúng tôi đã cùng xem và đã quên mất tên người diễn viên chính, những câu chuyện tình cảm động chúng tôi đã cùng đọc mà không còn nhớ rõ được đoạn kết. Và cả đến những kỷ niệm không mấy êm đềm, những lần hục hặc, những lúc gây gổ, những trận cãi cọ thường xuyên giữa hai đứa đến có khi không còn muốn nhìn mặt nhau nữa. Phương nói:

"Hai đứa mình mà lấy nhau hồi đó chắc sống với nhau được chừng sáu tháng."

"Không nên lạc quan quá."

"Anh với em cũng như mưa với nắng," Phương cười, "chẳng bao giờ gặp được nhau cả."

"Có chứ em," tôi nói, "đôi lúc, nhưng mà ngắn ngủi."

Ngồi bên nhau, chúng tôi cùng đánh thức, lay gọi kỷ niệm dậy... Rồi chúng tôi cũng nói đến những biến cố khốc liệt, những đổi thay lớn lao đến tận cùng của đất nước như là những thảm họa, những cơn bão dữ dội, những trận lụt kinh khiếp đã cuốn phăng tất cả, cuốn phăng chúng tôi đi, cuốn phăng biết bao nhiêu số phận mà chúng tôi chỉ là những cọng rơm, Phương nói, chỉ là những cọng rơm thật nhỏ nhoi, vụn vặt và tầm thường, chẳng có cách gì cưỡng lại được. Và tôi cũng đồng ý với Phương là sau hết, còn ngồi lại được với nhau đây, chúng tôi dù sao vẫn còn là những kẻ may mắn. Có lúc tôi nghe Phương nói đến một cái gì đó thật huyền hoặc giống như là số kiếp, giống như là bàn tay của định mệnh. "Không phải là ngẫu nhiên," Phương nói, "mà mọi chuyện đều được sắp đặt từ trước," khiến chúng tôi gặp nhau, rồi yêu nhau nhưng lại không thể đến được với nhau, và rồi cũng định mệnh ấy lại xui khiến chúng tôi gặp lại nhau đây, ở một góc trời xa thẳm nơi xứ người, sau khi những cơn bão những trận lụt đã đi qua, sau khi mọi chuyện đã an bài.

Tôi thực tình không tin tưởng lắm ở những chuyện duyên kiếp, số phận như là Phương nói. Mọi chuyện thành bại ở đời này, kể cả yêu nhau mà không lấy được nhau, đều là tại... mình, chứ chẳng phải tại trời tại đất chi cả, tôi vẫn nghĩ vậy. Tuy nhiên, trong giây phút này, tôi đâu cần biết tới chuyện đúng sai, phải trái, tôi chỉ muốn yên lặng nghe Phương nói, chỉ muốn được nghe lại giọng nói ngọt ngào và êm dịu rất đỗi quen thuộc ấy. Giọng nói ấy xa tôi đã bao năm và mai đây biết có khi nào tôi còn nghe lại được. Dẫu cho Phương có nói điều gì khác ý tôi thì cũng không hề chi, tôi đâu có dại dột lần nữa để nói ngược lại những điều nàng nghĩ. Làm sao tôi có thể quên được chúng tôi đã xa nhau sau một trận cãi vã dữ dội về một chuyện bây giờ nghĩ lại không có gì đáng để mà cãi vã. Tôi thật ngu dại. Ngày ấy tôi vẫn tự cho mình là khôn ngoan nhưng thực ra tôi chỉ là chú bé khù khờ và kém hiểu biết về tình yêu. "Cô nào điên lắm mới lấy anh," Phương nói thế, và tôi đọc trong mắt nàng sự căm hận. Sau đó có một khoảng thời gian thật là dài tôi đã sống trong nỗi ray rứt ân hận, có lúc tôi đã nghĩ rằng tôi không thể nào sống mà thiếu nàng được. Vậy mà không hiểu sao tôi vẫn cứ gan lì, vẫn không chịu tìm tới Phương để nói một lời xin lỗi, có thể vì tôi vẫn cứ nhớ câu nói chua cay và tia mắt căm hận ấy. Tôi tin là nàng thù ghét tôi thực sự. Để tìm chút an ủi và quên được nàng, tôi đã phải chạy theo một cô gái khác, nhưng việc đó không giúp gì được cho tôi, vì đó không phải là tình yêu, và cô gái đó không phải là Phương. Rồi cơn bão năm bảy mươi lăm ập tới, trong lúc tôi còn đang nằm bẹp trong tù để gặm nhấm nỗi buồn rầu tủi nhục của kẻ thất trận, và kiểm điểm những mất mát thua thiệt của đời mình thì Phương và gia đình đã

vượt thoát được đến Mỹ. Ít năm sau đó, một người bạn tôi ở Mỹ cho biết Phương đã có gia đình. Cũng may mà sau cùng tôi còn được Thư, cô gái có một tấm lòng, đã đến trong thời kỳ đen tối nhất của đời tôi, đã mang về lại cho tôi một niềm tin yêu mới, sau khi tôi đã mất hết tất cả mọi thứ, và sau khi đã hiểu được tình yêu là gì.

Về phía Phương, từ lúc gặp lại nàng đến nay, tôi cũng có cảm tưởng dường như nàng cũng có ý đền bù lại cho tôi phần nào những mất mát thiệt thòi tôi đã phải gánh chịu. Chúng tôi cố gắng gượng nhẹ với nhau, vỗ về nhau qua từng ánh mắt nhìn, qua từng cử chỉ từng lời nói thật dịu dàng, như những con thú bị thương cần đến những vuốt ve, xoa dịu, dù biết cũng chẳng được bao lâu, dù biết cũng muộn màng. Chúng tôi đã mất nhau bao năm. Chúng tôi đã đi qua hết tuổi thanh xuân của đời mình. Làm sao chúng tôi có thể đẩy ngược lại chiếc bánh xe nặng nề của thời gian đã lăn đi mấy vòng. Chúng tôi như những cánh chim đã bay một vòng bay quá dài qua hết một mùa bão tuyết.

Phương nói nàng có một món quà đặc biệt cho tôi và bảo tôi thử đoán xem là gì. Đến lúc tôi chịu thua thì nàng mang ra đặt lên bàn một chiếc bánh kem. Tôi không hiểu chiếc bánh đó có ý nghĩa gì nhưng tôi nói nếu Phương nghĩ hôm nay là sinh nhật của tôi thì giữa tôi và nàng chắc phải có một người lầm lẫn. Phương mỉm cười, mở hộp bánh và hàng chữ tôi trông thấy không phải chúc mừng sinh nhật mà là những con số ghi năm tháng chúng tôi đã xa nhau. Tôi không thể nhớ để biết chắc được là những con số đó có chính xác hay không, nhưng chiếc bánh đặc biệt đó đã thực sự làm tôi cảm động, cũng như là buổi sáng nay ở trên xe, lúc nàng đọc lại cho tôi nghe những câu thơ cũ kỹ đó. Những ngọn nến đã thổi tắt lại một lần nữa được thắp lên trên chiếc bánh kem có những nét vẽ tượng hình chiếc bánh xe của thời gian. Phương và tôi không ai muốn cắt chiếc bánh ấy. Chúng tôi đồng ý để dành vì còn muốn nhìn ngắm nó. Qua ánh nến lung linh, huyền ảo trên chiếc bánh kem ngộ nghĩnh ấy, tôi thấy đôi má Phương hồng hơn, ánh mắt nàng cũng long lanh hơn, tình tứ hơn. Ánh mắt ấy nhìn tôi còn mang ý nghĩa gì khác hơn lời mời gọi quyến rũ mà tất nhiên là tôi không thể nào không đáp ứng được. Tôi khẽ bước lại phía sau Phương, vòng hai cánh tay ôm lưng nàng, và chúng tôi cùng cúi xuống thổi tắt những ngọn nến. Khi Phương ngước lên mỉm cười, môi chúng tôi lại gắn chặt vào nhau một lần nữa, và lễ kỷ niệm "mười năm tình cũ" của chúng tôi lại vẫn được tiếp tục cử hành trọng thể, chỉ có khác một điều là sau đó đã được lặng lẽ dời tới địa điểm thích hợp và thuận lợi hơn, nghĩa là từ phòng ăn chuyển sang phòng ngủ.

Tôi chỉ thực sự bắt đầu để ý tới vệt nắng đó sau khi chúng tôi đã

buông nhau ra, nằm yên lặng bên nhau một lúc lâu. Chúng tôi đã hết chuyện nói, hay chỉ muốn lặng im để tận hưởng cảm giác no đủ tràn trề. Phương nằm nghiêng, gối đầu lên ngực tôi, mắt khép hờ, lim dim như con mèo lười biếng. Vệt nắng chỉ bằng cây thước kẻ, xuyên qua bức mành cửa sổ ở cạnh giường, vắt ngang người Phương. Điều khiến tôi ngạc nhiên và chú ý là vệt nắng ấy dường như không ở yên một chỗ mà di động nhẹ nhàng trên thân thể Phương. Tôi hiểu ra tại sao sau khi quan sát một lúc. Phương đã quên không kéo sát khung kính cửa sổ, hay nàng cố ý để vậy cho thoáng gió, và những làn gió nhẹ bên ngoài lay động bức mành làm vệt nắng di động, mơn men đi lần từ bụng lên ngực lên vai lên cổ như mơn trớn, vuốt ve da thịt nàng. Vệt nắng bò tới đâu, khoảng da thịt chỗ đó sáng lên màu vàng óng, soi rõ cả những sợi lông mịn trên lưng, những chân tóc trên gáy nàng. Có lúc Phương phải xoay mặt hướng khác, hay úp mặt lên ngực tôi để tránh vệt nắng ấy. Không muốn phải theo dõi mãi tia nắng nghịch ngợm ấy, tôi chuyển hướng nhìn sang hai chiếc khung ảnh ở đầu giường. Tấm thứ nhất chụp hai đứa con gái của Phương đứng giữa cánh đồng hoa *tulip* bạt ngàn phơi mình trong nắng sớm, trông như tấm thảm khổng lồ nhiều màu sắc rực rỡ trải dài đến tận cuối chân trời. Hai bé gái có miệng cười và đôi mắt rất giống mẹ. Tôi chú ý bức ảnh thứ hai hơn, tấm ảnh màu được phóng lớn. Với tay lấy chiếc khung ảnh, đưa ngang tầm mắt, tôi ngắm nghía một lúc.

"Bức ảnh này đẹp đây," tôi nói với Phương.

Phương chỉ ậm ừ. Ảnh chụp cảnh đồi thông vào buổi chiều. Những ngọn cây thưa thớt. Màu nắng vàng rực trải dài trên thảm cỏ dưới chân đồi. Góc trái ảnh là một thiếu nữ, dáng đứng nghiêng, không nhìn rõ mặt, chỉ thấy được tấm lưng mềm mại, bờ vai thon và mái tóc xõa. Khuôn mặt thiếu nữ hơi ngước lên, trông về phía đồi cao. Gió làm tóc nàng bay, và những vạt nắng yếu ớt còn sót lại từ một mặt trời ở sườn đồi phía xa chiếu xuyên qua những tán lá, những ngọn thông, soi rọi một bên vai và mái tóc người thiếu nữ. Những lọn tóc bay trong gió chiều óng ánh màu vàng nhạt. Thiếu nữ trong ảnh là Phương, tôi biết chắc, dù chỉ thấy được một vài đường nét.

"Tấm ảnh đó chụp từ lâu lắm rồi," Phương mở mắt, xoay người lại, nói. "Nó có một cái tên."

Tôi hỏi tên gì. Phương nói "Chiều Vàng". Người chụp ảnh đó là chồng nàng, và ông ta đặt cho nó tên ấy. Nàng hỏi tôi thấy tấm ảnh có gì đặc biệt. Tôi chịu không nghĩ ra. Phương nói chồng nàng rất mê ảnh. Cứ hôm nào trời nắng là anh chàng vác máy ảnh ra chụp lia lịa. Ảnh nào cũng phải có nắng.

"Một tấm ảnh mà không có nắng như biển không tiếng sóng, như rừng không tiếng chim, như ngôi nhà không người ở, như chai bia không ướp lạnh..." Phương nói một hơi.

"Như gì nữa?" tôi cười, hỏi.

"Em chỉ nhớ chừng đó. Ổng nói vậy."

Vừa phải thôi, tôi nghĩ, chụp ban đêm thì lấy đâu ra nắng. Tôi nhìn lại tấm ảnh, quả có rất nhiều nắng. Rừng với biển mà thiếu tiếng chim với lại tiếng sóng thì không biết thế nào, chứ bia mà không ướp lạnh thì đúng là chán thật. Tôi khẽ nâng đầu Phương đặt trên chiếc gối, ngồi dậy.

"Anh đi đâu vậy?" Phương hỏi.

"Nghe em nói thèm chai bia quá."

"Trong tủ lạnh," Phương nói. "Cho em một ly luôn."

Tôi rót ly bia, cắt miếng bánh, đặt lên chiếc khay nhỏ, mang vào cho Phương. Nàng nói cám ơn, nhưng vẫn không ngồi dậy. Chúng tôi chia nhau miếng bánh. Vệt nắng bây giờ nằm dưới chân Phương. Bức ảnh "Chiều Vàng" nằm úp trên gối. Tôi nói Phương đọc tôi nghe hàng chữ nhỏ sau lưng khung ảnh.

"Anh không giữ trong tay một kho tàng..."

"...hay một danh vọng nào cả," tôi tiếp lời Phương, "Anh chỉ giữ hình ảnh một buổi chiều khi nắng vàng nhuộm mái tóc em."

"Sao anh biết?" Phương hỏi, ngạc nhiên.

"Đó là lời đề tựa cho một bản nhạc cũ," tôi nói. "Người viết lời tựa đó là một nhà đạo diễn phim. Bản nhạc tên 'Hình Ảnh Một Buổi Chiều'. Cả hai, người nhạc sĩ và người đạo diễn phim đều đã chết."

Phương im lặng, nhìn lên trần nhà, khuôn mặt thoáng nét đăm chiêu. Tôi không biết nàng nghĩ gì trong đầu. Người đàn ông nói thế và ông ta đã bỏ đi. Còn lại người đàn bà trong ngôi nhà cũ, vẫn giữ tấm ảnh đó. Tôi chắc là ông ta vẫn chưa hết yêu người trong ảnh. Họ đã có với nhau những đứa con. Họ đã có những năm sống hạnh phúc. Họ đã có bên nhau những buổi chiều vàng. Rồi về sau thế nào? Làm sao mà họ lại xa nhau? Người đàn ông ấy bây giờ ở đâu?

Thư vẫn điện thoại cho tôi cách một đôi ngày, thường là vào buổi tối. Có lúc nàng hỏi thăm tình hình công việc của tôi, có lúc bảo tôi kể chuyện lạ thành phố cho nàng nghe. Những hôm đầu tôi chỉ kể toàn chuyện mưa cho nàng ngán. Mưa dầm dề, mưa rả rích, mưa sụt sùi. Bầu trời xám ngắt, cứ bước ra đường là thấy mưa. Biểu tượng của thành phố là chiếc dù, tôi nói. Đàn ông đàn bà, già trẻ lớn bé gì ra đường cũng đều cắp theo cây dù, cũng đều che dù đi dưới mưa trông rất ngộ, giống như là vũ khúc múa dù

trình diễn trên sân khấu vậy. Những chiếc dù đủ kiểu, đủ mầu sắc rất vui mắt. Thư hỏi mưa thì cũng phải có mùa chứ, chẳng lẽ mưa quanh năm suốt tháng sao. Tôi nói chắc vậy, đã gọi là thành phố mưa mà. Những chuyện nàng hay hỏi lại là những chuyện tôi ít quan tâm, đại khái là khí hậu nóng lạnh ra sao, cảnh tượng phố xá thế nào, có đông người Việt không, có chợ búa thức ăn Việt nam không, có gặp ai quen không... Tôi nói có gặp cô bồ cũ, hai chiếc dù đụng nhau dưới cơn mưa thành phố, sau đó hai đứa che chung một chiếc dù cho tiện. Rồi sao nữa, Thư hỏi. Tôi nói rồi cũng phải chia tay mỗi người mỗi ngả thôi, đâu có đưa em về dưới mưa hoài được. Thư cười khúc khích, nói tình cũ không rủ cũng đến, đâu có mà chia tay dễ dàng vậy. Rồi nàng kể chuyện nhà cho tôi nghe, thằng con trai tôi cứ hỏi mẹ chừng nào bố về. Thằng bé mới lên *middle school*, tuần rồi đi học về khoe mẹ con mới có girl friend làm nàng hết hồn. Tôi nói phải để ý, cần chuyện trò, giải thích khéo léo cho nó hiểu girl friend là sao và đừng cho nó xem tivi nhiều quá.

Thực ra thì thành phố còn nhiều thứ khác nữa chứ đâu phải chỉ có những cơn "mưa dầm dề đường trơn ướt tiêu điều" như là tôi nói với Thư. Đó là những vườn hoa kỳ ảo mà Phương và tôi đã phải đáp những chuyến phà, đi mãi đi mãi mới tới được nơi ấy để ngỡ như mình lạc vào vườn địa đàng nơi trần thế. Đó còn là ngọn núi bốn mùa tuyết phủ trắng xóa, từ xa thật xa chỉ nhìn thấy mờ mờ sương phủ như tranh thủy mạc mà Phương cùng tôi đã chạy xe men theo những con đường dốc vòng vèo dẫn lên mãi tới gần đỉnh núi đó. Chúng tôi đứng ôm nhau giữa cảnh thiên nhiên núi đồi lồng lộng, và cùng phóng tầm mắt nhìn xuống chân núi dưới xa để thấy mình nhỏ nhoi biết chừng nào giữa bao la vô cùng tận của đất trời. Chúng mình chỉ là những cọng rơm, tôi nhớ Phương nói, những cọng rơm thật nhỏ bé, vặt vãnh và tầm thường mà cơn gió vô tình nào cũng có thể cuốn bay đi được.

Một ngày sau buổi đi chơi núi Mount Rainier ấy, Phương nói nàng phải tạm xa thành phố ít hôm. Người chị vừa từ Florida gọi lên cho biết đã tìm được căn nhà đúng như ý nàng muốn và nàng cần có mặt để xúc tiến một vài thủ tục. Phương nói sẽ *phone* cho tôi và trở lên ngay sau khi hoàn tất những việc cần thiết, phần còn lại có thể nhờ bà chị lo liệu. Đưa tôi chiếc chìa khóa nhà, nàng nói: "Anh giữ lấy, em còn chiếc nữa. Thỉnh thoảng ghé vào xem chừng nhà, *take care* mấy chậu kiểng giùm em, rồi lúc về em trả công cho." Nàng cười cười và còn nháy mắt với tôi nữa.

Phương chỉ gọi cho tôi có một lần trong lúc tôi đi vắng. Mấy câu vắn tắt trong cái *message*: "Mọi chuyện tốt đẹp. Nhớ anh. Rán giữ sức khỏe. Có gì em sẽ tin thêm." Vậy thôi. Phương đã vắng mặt ở thành phố này

hơn một tuần lễ. Ý nghĩ nàng đã ở bên tôi những ngày vừa qua và rồi bây giờ lại xa tôi làm lòng tôi se lại. Được cấp tạm chiếc xe trong thời gian ở đây, cứ hết giờ làm việc là tôi lại đánh xe chạy lòng vòng cho qua hết một ngày. Thường thì tôi gửi xe ở một nơi nào đó, đón một chiếc *bus* vào thành phố. Nơi xe ngừng có khi là một thư viện, một viện bảo tàng, một rạp hát, một công viên. Có lần chẳng biết đi đâu, tôi ngồi mãi trên xe *bus* cho đến lúc mọi người xuống hết và người tài xế đứng tuổi đến bên lịch sự nói: "Trạm chót, thưa ông." Tôi vội bước xuống khi trời còn đang mưa, đi loanh quanh một hồi mới nhớ ra đã bỏ lại chiếc dù trên xe *bus*. Có hôm tôi ngồi ở một góc thư viện thành phố, cầm cuốn sách trên tay mà không đọc gì cả, chỉ nhìn ra ngoài trời qua những ô kính xem mọi người đi lại trên đường và thành phố co ro dưới cơn mưa lạnh lẽo. Rồi tôi trông thấy một phụ nữ Á đông che dù đi trong mưa có mái tóc, dáng người từa tựa như Phương, nhất là bước đi khoan thai, thong thả, không lúp xúp dưới mưa, khuôn mặt hơi ngước lên, nhìn thẳng về phía trước. Tôi bước ra, đi theo người phụ nữ ấy một quãng, dù biết không phải là Phương. Thiếu nữ dừng lại trước một ngã tư, đốt một điếu thuốc, chờ xe ngừng để băng qua đường. Tôi cũng dừng lại châm điếu thuốc ở một chỗ khuất gió, và khi ấy chợt nhớ ra lại bỏ quên chiếc dù trong thư viện. Tôi không muốn quay lại, vẫn cứ đi tiếp để xem thử có được chút cảm giác thú vị nào của kẻ một mình lang thang dưới mưa như từng đọc ở những trang tiểu thuyết lãng mạn, nhưng không cảm thấy gì cả, ngoài sự ướt át và lạnh lẽo.

Một chiều nắng ấm tôi đi vào công viên, nơi có lần Phương lái xe chầm chậm ngang qua đó. Vẫn những kẻ homeless nằm cuộn mình trên ghế đá, vẫn những chú bồ câu lững thững đi dạo, vẫn những đôi tình nhân nằm trên cỏ. Cảm thấy đói bụng, tôi ngồi xuống chiếc ghế đá, lấy ổ bánh mì quên ăn trong sở hồi trưa ra nhai ngấu nghiến. Vài chú bồ câu lại gần, nghếch mỏ nhìn. Tôi bẻ vụn một mẩu bánh, rải xuống chia phần cho chúng, rồi tiếp tục nhai. Bên trái tôi là pho tượng người đàn ông khỏa thân, quỳ một chân, tay giương cung chuẩn bị bắn đi một mũi tên. Tôi không hiểu ý nghĩa bức tượng đó. Ăn xong, tôi đứng dậy, đi về phía dám đông trước mặt. Một ban nhạc hát dạo gồm cô gái và hai chàng thanh niên da đen. Một chàng phùng miệng thổi loại kèn gì đó, phát ra những âm thanh nghèn nghẹn, trong lúc cô gái chơi *guitar*, hát phụ họa ca sĩ chính là một anh chàng dáng vẻ bụi đời, râu ria xồm xoàm, vừa ôm đàn vừa hát. Những người nghe tụ tập xung quanh. Có một lúc chàng ta vừa hát vừa ngước lên trời, đôi mắt nhắm nghiền, vẻ mặt sầu thảm. Chắc là một bài tình buồn. Tôi nghe loáng thoáng một hai câu. *"Tôi sẽ về lại để yêu em thêm một lần nữa..."* Một lần đã đủ mệt rồi, còn đòi thêm lần nào nữa, tôi

tự hỏi. Làm sao mà tôi có thể yêu Phương thêm lần nữa được. Và Phương, nàng có yêu tôi không? Nàng vẫn còn yêu tôi đấy chứ? Tôi bỗng thấy mình thật ngớ ngẩn. Tôi đã già chưa, tôi đã đi qua suốt những chặng đường nào để tới đây. Từ chú bé ngớ ngẩn, đến chàng trai mới lớn vừa biết yêu, và rồi tới lúc này, sau khi đã bay hết một vòng bay quá dài để đáp xuống được nơi đây, tôi trở lại là chú bé ngớ ngẩn đến tội nghiệp... Một vài người bước tới bỏ mấy đồng bạc lẻ vào chiếc giỏ mây. Tôi bắt chước làm theo, rồi bỏ đi. Tôi bỗng nhớ Phương hơn bao giờ, nhớ khuôn mặt lặng yên với đôi mắt dấu sau cặp kính đen bí ẩn, khóe miệng cười hơi nhếch lên.

Công việc của tôi ở đây kết thúc sớm hơn tôi tưởng. Họ nói tôi có thể về lại tuần tới. Có lẽ sự có mặt của tôi cũng chẳng mang lại lợi lộc gì nhiều cho họ. Đúng ra thì tôi vẫn có thể ở nán lại ít hôm, nhưng để làm gì, chỉ để gặp lại Phương sao. Có níu kéo gì thêm nữa cũng chỉ là sự cố gắng vô ích. Phương và tôi đã không đi chung được một đường. Chúng tôi đã chia tay nhau từ lâu lắm rồi và bây giờ chúng tôi lại sắp sửa chia tay nhau. Thế nào rồi chúng tôi cũng đến phải chia tay nhau thôi. Không hôm nay thì ngày mai, không tuần này thì tuần sau, không tháng này thì tháng tới. Mọi chuyện sẽ phải kết thúc như vậy, không thể khác hơn. Chúng tôi còn chuyện gì để nói với nhau nữa. Không phải là trước đây tôi đã từng mong gặp được Phương để chỉ nói với nàng một đôi câu đó sao. Tôi còn muốn gì hơn nữa chứ. Tôi đâu có mang lại được gì cho nàng. Những ngày vui vừa qua còn lại được gì ngoài nỗi dằn vặt, giày vò. Quả là có thứ hạnh phúc buồn bã đến như vậy sao. Không, đó không phải là hạnh phúc. Đó chỉ là chút nắng lạ hửng lên sau những cơn mưa đầm đề. Những vũng nước mưa vẫn còn đọng lại đó, chờ đón những cơn mưa tiếp theo. Tôi biết chắc rằng từ đây cho đến cuối đời, chúng tôi không còn ý định tìm gặp lại nhau. Chúng tôi sẽ cố gắng quên nhau, và chắc sẽ làm được điều này như đã có một khoảng thời gian thật dài trong đời sống chúng tôi tưởng rằng đã quên nhau rồi, tưởng rằng sẽ không bao giờ còn trông thấy nhau lần nữa.

Không phải Phương mà là Thư, gọi lên cho tôi vào chiều cuối tuần. Thư hỏi trời còn mưa không anh. Tôi nói hết rồi, cũng phải có lúc tạnh thôi, mưa miết chịu gì nổi. Nàng hỏi tiếp hôm nay anh tính đi đâu, làm gì. Tôi nói thì cũng một ngày như mọi ngày, lang thang ngoài đường như anh chàng thất tình vậy. "Thế thì chán chết," Thư nói. "Thôi về lại cho rồi anh à." Tôi nói OK, về thì về. Nghe giọng nàng có vẻ như ân hận đã xúi tôi lên đây. Trước giờ nàng vẫn cho tôi là thuộc dạng người dễ chịu, nói

sao nghe vậy, bảo đi thì đi, kêu về thì về. Tôi nghĩ khi về lại, chắc tôi cũng khó tìm được chuyện gì vui vui để kể cho nàng. Sau khi gác điện thoại, tôi khóa cửa, nổ máy xe, tìm đến nhà Phương.

Tấm ảnh không có nắng như ngôi nhà không có người ở. Quả như lời Phương nói, căn nhà mới lạnh lẽo, trống trải làm sao. Mọi vật mọi thứ im lìm, vắng ngắt. Những chậu kiểng vẫn còn tươi tốt. Tôi mở tủ lạnh, thấy chiếc bánh kem vẫn còn ở đó. Những mẩu nến thừa còn nằm trên nóc tủ lạnh. Tôi lấy chai bia, ngửa cổ nốc một ngụm, ngừng một chút, nốc thêm ngụm nữa cạn chai. Bước vào phòng ngủ Phương, tôi nằm vật xuống giường trong một cảm giác mệt mỏi, cố gắng không suy nghĩ gì cả. Chỉ một chai bia mà đầu óc tôi đã thấy váng vất, nặng nề. Hai mắt nhắm lại, tôi mơ màng trông thấy Phương và hai đứa con nàng dạo chơi trên bờ biển nào đó ở Florida. Tôi nghe thấy tiếng cười trong vắt của nàng lẫn trong tiếng sóng lúc nô đùa cùng các con. Nàng đã quên tôi rồi. Tôi thấy bọt biển trắng xóa tràn lên bờ, quấn lấy đôi chân trần của nàng, và tiếng sóng biển vỗ mãi vào bờ dội lên những âm thanh rì rào buồn bã như câu hát chàng nghệ sĩ lang thang trong công viên một chiều nào. *Tôi sẽ về lại để yêu em thêm lần nữa*... Tôi nghe lại âm thanh nghèn nghẹn của tiếng kèn. Tôi thấy lại vẻ mặt sầu thảm, đôi mắt nhắm nghiền của chàng ca sĩ da đen ấy. Tiếng sóng rì rào và đôi mắt nhắm nghiền đó đưa tôi vào giấc ngủ chập chờn. Rồi người đàn ông đó bỗng từ đâu xuất hiện, chận Phương lại trên bãi biển. Tôi không thấy rõ mặt người đàn ông, ông ta đứng trước mặt Phương, giữ chặt cánh tay nàng, khẩn khoản nói những lời gì đó để ngăn chận nàng đừng mua căn nhà ấy nữa. Ông ta nói sẽ đưa nàng về lại ngôi nhà cũ. Tôi thấy Phương lắc lắc đầu liên tiếp, rồi vùng vẫy, la hét. "Không, không, trời ơi." Tóc Phương xổ ra, trùm lấp mặt nàng. Tiếng sóng biển vỗ lớn hơn, sóng xô mạnh vào bờ, quấn lấy chân hai người như muốn kéo cả hai xuống biển. Người đàn ông vẫn tiếp tục nói lớn hơn, cố làm át tiếng sóng. Hai người giằng co, rồi Phương vùng ra được và bỏ chạy. Người đàn ông đuổi theo, đuổi theo trên cát. Tôi nghe tiếng người đàn ông gọi tên nàng, rồi tiếng sóng biển cũng gọi tên nàng, nhưng tôi không phân biệt được tiếng người đàn ông và tiếng sóng biển. Tôi cầu mong cho nàng chạy thoát.

Rồi tôi lại thấy Phương lạc vào cánh rừng đầy hoa phượng đỏ, có tôi đứng đợi nàng ở đó. Phương bây giờ trong chiếc áo dài trắng, đôi mắt đấu sau cặp kính đen. Tôi khẽ đến bên Phương, nhẹ nhàng gỡ cặp kính ra cho nàng nhìn thấy nắng rực rỡ, hoa phượng đỏ rực rỡ. Phương quay nhìn tôi, nụ cười rạng rỡ, rồi nàng bỏ chạy, và chúng tôi chờn vờn đuổi bắt nhau trong khu rừng đầy nắng và hoa phượng đỏ, hệt như cảnh cuối trong một

khúc phim quay chậm mà chúng tôi đã cùng xem với nhau tháng trước. Những cánh phượng rơi rơi, rắc đầy trên thảm cỏ. Chạy mãi theo nàng cho đến lúc tôi mệt quá phải ngồi bệt xuống cỏ thở dốc. Nắng nhảy nhót, nắng lung linh, nắng chấp chới trên những ngọn cây, nắng chiếu rọi xuống mặt tôi. Nắng lóa mắt làm tôi không nhìn thấy Phương đâu nữa. Chúng tôi đã lạc mất nhau rồi. Chỉ còn nắng và nắng... Tôi mở mắt, không có Phương bên cạnh. Vệt nắng quái ác đó rọi đúng vào mắt tôi nhức nhối, khó chịu. Lấy chiếc gối úp lên mặt, tôi cố nhớ lại chuyện gì đã xảy ra. Chẳng có chuyện gì cả. Tôi đã ngủ được một giấc. Ném chiếc gối xuống chân, tôi ngồi nhổm dậy, cúi nhìn vệt nắng lung linh trên nệm giường. Vệt nắng cho tôi biết buổi chiều đang trôi qua chầm chậm ngoài kia, và tôi như cũng đang trôi chầm chậm trong một cảm giác bập bềnh. Tôi nghe như có tiếng chuông điện thoại vào lúc ấy. Một hồi chuông nữa tiếp theo. Sao lại có tiếng chuông điện thoại lúc này. Phương biết tôi ở đây sao. Tôi chụp vội lấy ống nghe. Tiếng người đàn ông Mỹ, giọng lịch sự, hỏi lúc nào có thể đến xem nhà. Tôi nói xin vui lòng gọi lại vào lúc khác. Lúc khác là lúc nào, ông ta hỏi. Lúc nào mà chẳng được, tôi trả lời, có thể là ngày mai, ngày mốt, tuần sau, tháng tới. Rồi sẽ có một lúc. Chắc là ông ta không hiểu tôi nói gì, nhưng mặc kệ. Tôi cũng vậy, cũng đâu có hiểu gì. Tôi chờ nghe tiếng ông ấy cúp điện thoại, rồi gác máy. Khi đó tôi nhìn thấy tên tôi trên mẩu giấy nhỏ bên dưới chiếc điện thoại. Một cái *note* của Phương. Tôi cầm lên, đọc. Nét chữ mềm mại: "Cám ơn anh đã cho em những ngày nắng ấm. Bỏ chiếc chìa khóa vào thùng thư cho em nếu anh không cần đến nữa. Ngày anh rời thành phố chắc trời không mưa đâu. Chịu khó giữ gìn sức khỏe, nghe lời em..." Chữ Ph. ký tắt quen thuộc.

Tôi trở ra phòng ngoài, mở tủ lạnh. Không còn chai bia nào. Chiếc bánh kem vẫn nằm đó.

Tắt ngọn đèn phòng khách, tôi mở cửa bước ra ngoài, rồi đóng cửa, xoay một vòng chìa khóa. Thọc tay vào túi áo, tôi lấy ra gói thuốc không còn điếu nào. Cầm bao thuốc rỗng trong tay, tôi đứng nhìn trời đất bâng quơ. Nắng đã dịu. Vườn hồng trước sân nhà Phương nở những bông đỏ thẫm, có những bông phơn phớt màu vàng nhạt, là màu nàng vẫn yêu thích. Gió lay nhè nhẹ những cành hồng. Chiều xuống êm đềm quá. Tôi đứng im một lúc, đưa mắt nhìn cảnh vật lặng lờ, tưởng chừng như nghe được tiếng gió lướt thướt chạy trên sườn đồi phía xa.

Thả chiếc chìa khóa vào thùng thư, tôi nghe một tiếng động nhỏ.

Lê Hữu

Trăng soi hiên cũ

TRIỀU HOA ĐẠI

gửi Vũ Đức Thanh và gia đình

cháy đi rừng thua năm cũ
những hoa, lá quấn chân người
về đây tìm ngày thơ dại
thấy đời lẩn quất. đâu nơi

cháy đi thêm. rừng xào xạc
chỗ ngồi như có giấc mơ
chiều về đi quanh tảng đá
mà nghe như sóng xô bờ

cháy thêm mùa thu phía trước
căn nhà có kỷ niệm xưa
trăng soi mỗi đêm hiên cũ
phiền không tình lại chẳng vừa

dợi hoài dợi hủy tiếng ve
gió đưa tiếng diều xa, khuất
không dưng bước bước chân xưa
chạm lên thềm nhà mù mịt

khi không bỗng nhu quên hết
nắng, mưa mù tít góc trời
có thêm một dòng sông nữa
đầu ngày bỗng lại thương ai?

rực lên cháy luôn ngọn cỏ
mùa thu tháng chín của người
ta đi nhặt từng chiếc lá
như là thấy những sao rơi

cháy đi khu rừng năm cũ
trong ta cũng lửa rực trời
để trưa, chiều về cùng tối
tiếng dời va chạm quanh ai?

ngủ đi thôi mà chiều. Cũ
con chim bay ngang. kêu hoang
vẫy tay lòng riêng một cõi
quặn đau thiếp lại phụ chàng

ngang dây khúc sông khuất nắng
cháy thêm. Rừng cũ lòng ta
mùa này thiên thu chắc ngủ
công phu một tiếng chuông chùa

Những con đường không đến Seattle

Phan Triều Hải

Mọi thứ ở đây chỉ có một màu. Màu xám. Công nhân xây dựng mặc áo phản quang đang im lặng làm việc dưới tầng ngầm sân bay, giữa những chiếc cột lớn loang lổ thép và xi măng. Chúng tôi đi chầm chậm ngang qua họ, không nghe thấy tiếng xe của mình, chỉ nghe tiếng rì rì nho nhỏ, không rõ là âm thanh của những chiếc máy sưởi gắn dọc theo tường hay tiếng hơi thở đùng đục dưới những chiếc nón bảo hộ trơn tuột kia. Tất cả mơ hồ như những hình người lòa nhòa phía bên ngoài cửa kính xe mịt mờ hơi nước.

Mưa rơi rả rích, và chắc chắn sẽ còn tiếp tục rả rích như thế trong những ngày tới. Mây xám cuồn cuộn trên đầu ùn ùn kéo về phía đất liền hết lớp này đến lớp khác, nhiều đến nỗi có cảm giác rồi đến hết năm cũng không cạn mây được. Tôi đang ở sát bờ đông của Thái Bình Dương, chỉ chừng một quãng chạy xe ngắn nữa thì đến bờ biển Oregon. Đứng ở bờ biển đó nếu nhìn ngút mắt qua hết cái đại dương mênh mông không núi non nào cản trở tầm nhìn, (một chuyện hoang tưởng bởi chỉ cần bay bằng Boeing 747 cũng mất hơn nửa ngày trời), thì tôi sẽ gặp được bờ biển thân thuộc của đất nước mình. Chính xác như thế. Bởi cái bờ biển cong cong nơi mà vào những ngày hè, ngày lễ tháng Tư tháng Năm, mọi người vẫn thích đáp xe lửa đi suốt đêm để được vùng vẫy, hay thả người trôi lều phều ngắm san hô ngoài chân mấy hòn đảo con con, chính là bờ tây của cái đại dương đang phả hơi nước ngập ngụa cái thành phố buồn tẻ tôi đang ghé ngang đây. Rốt cuộc thì chuyện đã trở nên đơn giản quá chừng, đã thu hẹp lại trong lòng một bàn tay, ngắn gọn như thể một quãng đường dài năm phút đi xe máy từ nhà đến sở làm và ngược lại.

Tôi bảo:

- Nếu chỉ nghĩ thôi thì rất đơn giản, nhưng thực tế là một chuyện

khác. Bởi ví như anh muốn đến một bờ của đại dương, anh phải làm hộ chiếu, phải có thị thực nhập cảnh, phải khai báo ở mỗi nơi anh đi qua. (Quyền lực đôi khi chỉ thể hiện đơn giản ở những cánh cửa nhỏ, hay có nơi chỉ là những thanh gạt bằng *inox* lạnh lẽo màu sáng choang). Ở bờ tây, anh phải khai có đem theo văn hóa phẩm đồi trụy phản động gì không, phim ảnh thì được tạm giữ, tốt xấu sẽ được phân định sau. Còn ở bờ đông thì người ta sẽ hỏi cái gì trong túi của anh thế, trái cây khô hay tươi, anh đem vào đây thứ thực phẩm nào. Vâng, hiểu theo khoảng cách địa lý thì đơn giản lắm, chỉ việc đem dây ra mà đo, nhưng có những khoảng cách khác không đo lường được. Bởi thế, người mới không là chim.

Xe chạy chậm rãi trên con đường đẫm nước. Hai bên đường là nhà thấp dèn dẹt, lạnh lẽo. Những ngôi nhà làm từ những container chứa hàng cũ, đứng lún trong cỏ dại, những dòng chữ điện màu đỏ chạy ngoằn ngoèo bên ngoài, xa xa nhìn nhòe nhoẹt như mực viết lên tờ giấy ẩm.

Keith nói:

- Nếu chạy thẳng mãi con đường này, chúng ta sẽ đến Seattle.

Nước mưa chảy trên những hộp thư dáng tổ chim bồ câu đứng một chân bên đường làm thẫm lên những vệt sơn vằn vện màu vỏ trứng. Keith nhìn chăm chú về phía trước, bắp tay cuồn cuộn. Tôi nhớ bàn tay Mi nhỏ xíu, mảnh dẻ như một chiếc lá non với những ngón tay mềm. Ai cũng bảo, đó là số sướng. Muốn biết chắc trong tương lai có sướng thật hay không thì phải nhìn thêm gót chân, (tôi phải mất gần cả năm trời mới nhìn được gót chân Mi), gót chân nhỏ, mịn, mà không nứt nẻ gì là yêu cầu tối thiểu. Nhưng với Mi thì khác, nàng viết cho tôi: Đây là dịp để cho anh đi khắp nơi mà anh muốn. Anh phải đi thật nhiều, và thư kết thúc rất con gái: Sướng nhé! Cái thư ấy giờ đang nằm trong túi áo của tôi đây, nấp dưới năm tầng bảy lớp những áo khác bởi tôi không quen được với kiểu lạnh ẩm này, cứ cóng lên như những ngày tháng Chạp mưa phùn Hà Nội.

Keith hỏi:

- Anh đã xem Mất ngủ ở Seattle chưa? Ít ra một con phố lát đá đọng nước, hay một chiếc ghế gỗ dài ven đường ở đó có thể cho anh một chút tình cảm nào đó, khác với nơi đây.

Đó quả là một gợi ý hấp dẫn, bởi vừa bước xuống sân bay tôi đã thấy thất vọng với Oregon rồi. Đất Mỹ mà còn có một nơi như vậy sao, buồn bã quá chừng. Chỉ nhìn cái màu xam xám này thôi cũng đủ biết những ngày tới sẽ buồn như thế nào. Vả lại, đây cũng là một dịp để tôi kiểm chứng xem đời thường trong cái phim ấy thật đến đâu, dịu dàng đến đâu, để tôi có thể kể với mọi người rằng tôi đã từng đi trên những vỉa hè sạch

bong và im lặng của Seattle, đã từng ngồi chiếc ghế nơi Meg ghé ngang qua trong chuyến đi tìm cuộc tình định mệnh của mình. Và trên hết, với thêm một nơi đến ấy, tôi sẽ làm thêm được một điều cho mơ ước của Mi, (chi tiết dặn dò nằm trong lá thư dưới áo), cho bạn bè tôi, (những người lúc nào cũng dặn: Đi nhớ chụp hình. Về nhớ kể chuyện, nghe!). Nếu bây giờ tôi nói, Ừ, ta đi đi, thì không ngần ngại gì Keith sẽ cho xe lao về phía trước, bởi ở đây, nối nơi này với nơi kia thẳng tắp một con đường.

Keith nói:

- Thật ra, quan trọng hơn cả chính là cảm giác thực hiện được điều ta muốn. Ví như anh không thích nơi này tôi sẽ đưa anh đến nơi khác, không thích Seattle thì sẽ đi tiếp đến thành phố khác xa hơn nữa. Đôi khi, không vui không buồn, tôi vẫn thích ngồi vào xe và đi mãi như vậy, không phải vì nhu cầu biết thêm một nơi mà vì cảm giác choáng ngợp rằng, con đường ấy kéo dài vô tận, nhưng nếu muốn, tôi sẽ tự đi hết cái vô tận ấy.

- Ờ, thì tôi cũng từng nghĩ về một cảm giác như thế khi đi từ bờ đông sang bờ tây, khi đi xuyên ngang miền trung nước Mỹ. Tôi đã đi thật nhiều. Tôi đi máy bay, tôi đi xe, tôi đi bộ. Thậm chí còn đôi ba ngày còn lại, tôi cũng tìm cách ghé ngang đây tham lam cóp nhặt thêm một nơi chốn để rồi phát hiện ra có một Oregon như thế ở miền tây bắc, heo hút, ảm đạm. Trong khi Keith nói, tôi nhìn qua cửa. Cảnh vật lặng lẽ bên ngoài khiến tôi như mềm nhũn ra. Tôi quá mệt mỏi vì những chuyến đi dài rồi chăng? Hay tôi đã quá mong muốn về nhà? Cái nhịp điệu đột nhiên chùng xuống lúc này khiến tôi nhận ra rằng dường như những ngày vừa qua tôi đang cắm cúi thực hiện cái điều tôi nghĩ là ước muốn của nhiều người, trước khi có đủ thời gian cho chính tôi thật sự mơ ước về nó. Tôi tóm lấy từng cơ hội, vội vàng và manh mún, (đã là cơ hội thì không thể sắp đặt trước sau được), chứ không phải làm cái công việc mua sắm với phong thái thong dong của người có tiền trong tay.

Keith vẫn đang lái xe về phía Bắc. Con đường dài hun hút trôi tuột về sau, lướt thướt như một dòng sông. Lúc này mùa đông đã bắt đầu được hai tuần. Cây hai bên đường xơ xác, vừa trụi lá vừa ướt át. Thỉnh thoảng vài ngôi nhà nhỏ xuất hiện rồi mất hút, không một bóng người. Mây từ phía đại dương vẫn ùn ùn thổi ngang trên đầu. Mưa trên con đường thẳng tắp này và hẳn cũng đang mưa trên dãy núi cao kia. Chúng tôi đang đi dần vào vùng núi đồi. Tôi chợt nhớ một người bạn chỉ quen biết qua điện thoại nhưng hầu như năm nào cũng có dịp trò chuyện vài lần. Anh ta nói địa chỉ nơi anh ta ở đơn giản là Thị trấn Núi Đèo, Hải Phòng. Tôi chưa từng đến đó, không biết trong thị trấn ấy có những con đường ngoằn ngoèo vắt ngang qua đồi núi giống nơi đây không, nhưng đó thật sự là một cái tên

thơ mộng.

- Chúng ta quay về. Tôi bảo với Keith. Nếu tôi đến được Seattle, tôi sẽ muốn đến thị trấn kế tiếp cách đó năm dặm, rồi đến Vancouver, rồi cứ như thế mãi, xa hơn nữa. Anh không thể suốt ngày ngồi lái xe cho tôi, mà tôi thì không biết tôi đang làm gì, đến một nơi, hay chỉ để thỏa mãn rằng tôi đang muốn và tôi đang đến. Thật ra, trong tôi lúc này cả hai thứ đó đều không có.

Ở nhà giờ này Mi đang ngủ ngon. Sáng mai khi thức dậy nàng sẽ theo con đường thẳng tắp và lớn nhất của Sài Gòn để đến sở làm, tất cả mất mười bảy phút. Tất nhiên, có những lúc chậm hơn thế bởi phố sá ngay càng đông đúc và lúc nào cũng sẵn sàng tắc nghẽn với một xe bánh mì đẩy dạo bên đường hay một chiếc xe rác nặng nề xoay trở với công việc chưa kịp làm xong. Mi luôn mơ ước về những cuộc đi xa, (lá thư đầy những chi tiết dặn dò lại cộm lên), nhưng thật ra chưa bao giờ nàng nghĩ đến việc đi xa hơn một chút, khoảng ba mươi phút chẳng hạn, để băng qua một cây cầu ra đến ngoại ô thành phố, nơi có không khí trong lành hơn, cây lá xanh tươi hơn. Không lúc nào Mi nghĩ đến việc đi thêm một lúc nữa, ra khỏi con đường mỗi ngày, cũng như những người khác, tất cả chỉ có một nghĩa vụ lớn là sống đúng giờ. Đi và về. Tôi hoàn toàn không có lỗi gì nếu không đến được Seattle.

Keith quay sang nói, giọng tình cảm:

- Đôi điều không làm được ấy sẽ giúp ta sống vui hơn. Nếu không thể đi xa, anh vẫn hy vọng về sự bao la mà anh chưa biết đến. Còn nếu anh đã biết đến sự bao la ấy có giới hạn như thế nào, liệu có còn thèm muốn nữa không.

Và thế là chúng tôi quay lại với ngoại ô của Portland, vẫn những con đường ướt, vẫn những ngôi nhà một tầng hình hộp màu xám nay đã thẫm màu trong đêm tối mênh mông của miền tây bắc. Những dòng chữ điện đỏ nhòe nhoẹt. *Dancers. Restaurant. Parking. Motel.* Tất cả chậm rãi mọc lên, rồi lui dần về phía sau, từng thứ một, im lìm, lạnh lẽo, ướt át. Mùa này đêm xuống nhanh. Vẫn mưa. Chúng tôi tìm một quán ăn nhỏ nằm lọt thỏm trong một bãi đậu xe lớn rào sơ sài bằng kẽm gai, nhưng không có một chiếc xe nào ghé lại. Một quán Philippines. Bên trong, bàn ghế gỗ tróc lên những lớp vỏ màu nâu thẫm và cửa kính dày đọng nước thành dòng. Người phụ nữ chủ quán, tóc đen nhánh, hơi xuềnh xoàng và khó đoán tuổi, lịch sự lùi lại đứng im lặng sau quầy.

Keith hỏi:

- Rồi anh sẽ tiếc vì không đến Seattle?

Tôi hướng về Keith, một nửa khuôn mặt của anh chìm trong bóng tối:

- Một ngày nào đó tôi sẽ đến.

Keith nói:

- Nếu anh nghĩ sẽ đến, thì việc sẽ diễn ra như thế.

Trong chiếc ghế bành bọc bằng vải nỉ cũ kỹ đặt ở góc nhà, một đứa bé con nằm lọt thỏm, hai chân quấn trong chiếc chăn mỏng, hai tay nhỏ xíu đặt sấp lên nhau đỡ lấy chiếc cằm bụ bẫm, mắt nhìn tư lự mơ màng ra phía cửa. Đôi mắt nó trầm lặng và buồn dẫu tôi chắc rằng nó chưa thể biết buồn là gì, bởi nó còn bé quá, chỉ mới chừng năm tuổi. Thỉnh thoảng, đứa bé đưa mắt về phía chúng tôi, ánh mắt không nói lên điều gì cả, chỉ to tròn, đen láy, ươn ướt như mắt con Lem, con chó con ở nhà mà tôi rất yêu quý dù đám lông trắng dài của nó thường xuyên vón cục như sữa bột. Đứa bé vẫn im lìm bất động như thế suốt bữa ăn, trong khi mưa ngoài trời cứ rả rích với cùng nhịp điệu không đổi từ sáng đến giờ. Nếu trời cứ mưa mãi như thế này đến hết ngày mai, hết ngày kia, mưa hết năm này cho đến sang năm khác, thì đứa trẻ ấy sẽ lớn lên ra sao, sẽ đi về đâu nhỉ? Nó sẽ sống một đời sống lu mờ giữa bao nhiêu cuộc đời khác, hay sẽ trở thành một tay chơi nhạc rock, một nhà thơ? Tôi không biết. Bây giờ tôi thấy tôi sẽ không biết gì hết. Ngay khi tôi bước qua cửa ra về, đứa bé sẽ ở lại, sẽ nằm im lìm như thế ít nhất cho đến hết những ngày vô tư lự này. Và trong hiểu biết còn lại của tôi, mãi mãi đó vẫn là một đứa bé nằm trong ghế bành. Mãi mãi như thế. Nhiều năm sau nữa, nếu tôi vẫn còn nghĩ về Seattle, có thể tôi sẽ đến được thật, nhưng với đứa bé này thì tôi không bao giờ gặp lại, cho dù tôi muốn biết tường tận số phận nó biết bao. Nó sẽ lưu lạc đâu đó, nó sẽ lẫn vào đám đông. Đứa bé khác với Seattle, đó là một cuộc đời. Nơi chốn thì ở lại để chờ đợi, nhưng một cuộc đời thì không.

Người phụ nữ chủ quán hỏi chúng tôi ăn có ngon miệng không. Tôi gật đầu. Trên tường, tờ lịch đã bị xé vội đến ngày mai, ngày Hai Mươi Mốt tháng Mười Một. Sau hai ngày nữa, ngày Hai Mươi Ba tháng Mười Một, tôi sẽ đi làm, sẽ đi lại trên con đường quen thuộc, sẽ sống một đời sống khác cách đây nửa vòng trái đất, song hành với bao nhiêu cuộc đời khác xuất hiện lặng lẽ và biến mất lặng lẽ nơi này, nơi kia. Bên ngoài trời đen và sâu thăm thẳm, đó là bầu trời mà tất cả mọi người đang cùng chia sẻ, cũng như cùng chiasẻ những lần nước xuống, những lần nước lên, những lần trăng tròn, những lần trăng khuyết. Mọi người cùng sống và cùng chia sẻ với nhau bao nhiêu điều, nhưng tôi vẫn thấy có cái gì đó xa cách, không hẳn chỉ vì một tiếng gọi từ bờ đông đại đương này không đến được với bờ tây của chính nó, mà là một điều khác, một điều gì đó thật mơ hồ nhưng mệnh hệ như thể liên quan đến số phận của mỗi con người. Bên trong, Keith chậm rãi đi về phía góc phòng, xoa đầu đứa trẻ với bàn tay to

Gặp Trăng

NGU YÊN

Trăng đổ xuống hơi thở
Đêm cực kỳ thanh tao
Tôi hít vào mất trí khôn chỉ còn cảm giác
Lênh bênh xác nhập vào hồn
Thoải mái tự hỏi sao lâu rồi không thoải mái

Năm bảy tuổi trăng tròn
Gặp lại trăng tròn ta nhăn nheo
Mê vật mất trăng chưa muộn
Đêm nay nhiều vật chỉ còn trăng
Trăng sáng nhờ người thấy
Mai mất trăng bóng ta theo trăng
Trăng đón ở đầu dốc
Xa lộ dâm thẳng vào
Xe run run bay bổng
Ta chết có được thế này không?

Hỏi rồi trăng đổ mồ hôi
Có cây nào khô mà chưa xanh?
- Có. Cây giả và cây chưa trồng.

SanJose, California. 15-07-2000

lớn đen nhẻm của anh. Bà mẹ người Philippines nhìn theo mỉm cười. Keith bảo:

- Trông nó dễ thương quá. Cứ như một chú chim non bị ướt hết cánh rồi.

Phan Triều Hải
7-1999

Trí nhớ suy tàn

Nguyễn Bình Phương

(tiếp theo kỳ trước)

Từ ngày có Quẩy bếp trở nên gọn gàng sạch sẽ như chưa bao giờ sử dụng nấu nướng. Nồi và bát đĩa được lau chùi kỹ lưỡng tỉ mẩn, không một lớp mỡ nhờn bám lên gạch men hay tủ bếp. Những lọ đựng gia vị xếp đều cạnh nhau, ở rìa ngoài, bên trong là nước mắm, dầu rán, sau đó mới tới lọ dấm và các thứ chai lọ khác.

- Mày có vẻ hợp chuyện bếp núc nhỉ.

Nghe em khen, Quẩy cười khấn khởi:

- Nhà cháu ở quê mà có những thứ thế này, cháu lau cả ngày được.

Quẩy béo lên trông thấy, má đầy, cổ và cánh tay tròn trịa, vai xuôi, tóc mượt hơn đen hơn nhưng giọng nói vẫn không thay đổi, lờ lợ như nước máy. Với đà này chẳng lâu nữa, cánh đàn ông sẽ xúm đến ve vãn. Loại mộc mạc quê mùa như Quẩy dễ làm cho những người đàn ông đứng tuổi thích.

- Ở quê đã có thằng nào mê mày chưa?

Câu hỏi hơi tò mò nhưng người chủ thì bao giờ cũng có quyền.

- Cháu chả biết.

Giọng vô tư, ề à không ảnh hưởng đến động tác lau bếp.

Mười lăm tuổi như Quẩy bây giờ em đã cảm nhận được cái nhìn khác lạ của gã đàn ông mắt lé bán đồ điện cũ ở nhà đối diện. Sau đó còn nhiều ánh mắt, nhiều thái độ, nhiều cử chỉ, lời nói của bọn con trai cùng phố. Mười bảy tuổi, lần đầu tiên một người con trai bước vào giấc mơ của em, cả hai đều ngượng ngập, kẻ bước vào và người bị bước vào. Ba năm sau giấc mơ mới tiến tới nụ hôn đầu tiên và người hôn khác xa kẻ trong mơ.

- Cháu thích ngửi mùi ga này lắm cô ạ.

Quẩy vừa nói vừa lau tay bằng chiếc khăn cũ, tay nọ vò tay kia qua

lớp bông vải đã trơ lì.

Bầu trời ngoài ban công như một con cá khổng lồ với những lớp mây nhỏ trắng xếp liên tiếp lên nhau. Nhớ Vũ và mặt hồ. Nhớ chiếc cần câu trúc thờ ơ vươn dài trên bầu trời in dưới đáy nước. Vẫn giữ cái cảm giác bầu trời soi bóng gần gũi hơn bầu trời trên đầu.

Cầm cuốn sách Vũ mua tặng lật tới chỗ đánh dấu.

Những ý nghĩ bay lên chập chờn đèn lồng đỏ.

Giật mình như gặp người quen và một trời đèn lồng đỏ trôi về lênh đênh rập rờn với tiếng gọi thảng thốt chới với của ai đó, không phải mình, không phải Vũ, không phải Tuấn. Tiếng gọi chìm đắm trong ánh đèn lồng đỏ trong veo, vô tận.

Bắt đầu từ đêm hoa đăng xa xôi ấy, đèn lồng đỏ đi khắp Hà Thành, đậu rải rác trong các nhà hàng, lơ lửng ngoài cửa sổ quán cà phê, đung đưa nhè nhẹ trên những cành cây gầy guộc trụi lá. Mỗi chiếc đèn chứa một khuôn mặt thần tiên xa lạ.

Căng thẳng hơn hai tiếng đồng hồ cho đến phút thứ chín mươi ba bàn thắng thứ hai được mở mới xì hơi. Tỷ số hai một với cú ngược dòng ngoạn mục của những cầu thủ châu Âu trẻ tóc vàng. Thần tượng của em có đường chuyền cực đẹp cho đồng đội sau đó là cú đệm bóng làm cả thế giới bàng hoàng. Mái tóc vàng tung lên như bờm sư tử với cái miệng há to đầy nam tính.

Vinh quang là tiếng thét đột ngột vang vọng.

Trái bóng nằm gọn trong khung thành, giữa những sợi lưới trắng lùng nhùng, như một ngôi sao băng mệt mỏi, một giấc ngủ day dứt không cưỡng được, một quả trứng nhện khổng lồ.

Lồng ngực đỡ tức thở hơn, chân tay lỏng lẻo, mắt mờ đi. Em cố gắng bình tĩnh trở về phòng. Nếu trận này đội tuyển của em thua, Vũ sẽ là người gánh chịu hậu quả. Dù sao vẫn còn cái gì đó trọn vẹn cho cả hai.

Thành bị tai nạn xe máy chết ngay tại chỗ.

Đó là một cậu con trai cao ráo sáng sủa, không nề hà bất cứ công việc gì. Chưa kịp yêu ai và chưa được ai yêu. Gia đình xin đưa Thành về quê chôn cất.

Cơ quan thuê một chuyến xe ca đi viếng. Ngồi sát cửa sổ, cạnh Hoài, lòng dạ nao nao như say. Nhắm mắt, trong tiếng xe ì ì đều đặn, hình dung Thành nằm trên một dòng sông toàn hoa trắng trôi du dương thanh thản về thế giới ngập tràn sương khói. ở đó có thể Thành gặp bà già độc thân, hai người sẽ không nhắc tới bất kỳ ai đang ngồi trên chuyến xe này. Những

người chết sẽ sống không sa đoạ.

"Con bướm" bắt đầu ọ ẹ trong cổ, lát sau nó thò đầu ra ngoài để nôn.

- Khổ, em say xe thế này, tý nữa bay rất khó.

Hoài đùa cay độc. Xe rẽ vào con đường nhỏ hai bên trồng nhãn san sát. Nghe tiếng khóc trước khi thấy ngôi nhà ba gian lợp ngói.

Người chết nằm trong quan tài bày giữa nhà, trở nên xa lạ ghê rợn với khói hương tiếng khóc và tiếng trống.

Xôn xao một tin mới, chị gái Thành sinh cháu đúng vào giờ Thành chết, hai cậu cháu giống nhau như lột. Đám ma phủ bầu không khí thần bí, tất cả những người đến viếng đều đi lại rón rén kín đáo như sợ bị hồn người chết nhập vào. Cánh con gái cơ quan kéo nhau sang nhà bên cạnh xem mặt cháu Thành. Hoài rủ nhưng em không đi, đứng dưới gốc hồng xiêm ở đầu hồi nhà cùng "Hai mươi bảy vết thương" và "Con bướm". Thờ ơ quan sát hoạt động của những người trong gia đình Thành. Tất cả đều đen xạm, gầy, rắn rỏi, tất cả đều đi dép lê để thò ra những ngón chân dài móng tím bầm.

Bố người chết là một ông già nhỏ thó, da nâu nhăn nheo, đi lại thất thần, ai hỏi gì cũng lắc đầu.

Em cố gắng nhưng không thể hình dung nổi sự thống nhất giữa Thành và cái xác trong quan tài. Có một khoảng trống vô biên giữa người đã chết với kỷ niệm. "Con bướm" uốn éo:

- Bây giờ mình vẫn chóng mặt. Eo ơi ghê quá. Tý nữa về thì chết.

- Bắt xe ôm mà về.

Câu nói của em có vẻ hằn gắt. "Con bướm" ngồi thụp xuống nhổ nước bọt khan. "Hai mươi bảy vết thương" bật lửa châm thuốc hút, mặt tư lự.

- Nó còn trẻ quá!

Tiếng "Hai mươi bảy vết thương" trầm đục.

- Cháu cũng nghĩ thế.

Em lí nhí đáp.

- Chúng mày cố mà sống cho cẩn thận, không thì phí lắm.

"Hai mươi bảy vết thương" bỏ đi chỗ khác.

Hoài quay về ghé tai em thì thào:

- Giống quá em ạ, giống phát sợ lên ấy.

Người chết chôn ở bãi tha ma của làng cách nhà không xa. Quan tài hạ xuống huyệt, đất hất rào rào như trận mưa bọc trong hộp nhựa.

Chết là khép lại vĩnh viễn những nỗi sợ hãi.

Nước mắt trào ra, trượt nhanh xuống gò má, đọng lại ở đó như những lọ thuỷ tinh mỏng. Chỉ thấy mờ mờ hai ba bóng người bò lê lết tuyệt vọng

trên miệng huyệt và lởn vởn quẩng không khí xám nhạt, méo mó chẳng chịu tan biến.

Ra về, không ngoái lại nhưng vẫn thấy sau lưng mình một cái gò nhô cao phủ đầy hoa trắng. Hoa hồng, hoa loa kèn, hoa huệ và hoa sen.

Một dám mây trắng bồng bềnh hạ xuống bãi tha ma của làng.

Một vòng tay khổng lồ nhô lên khỏi mặt đất, ôm ấp một cuộc đời chưa trọn vẹn.

Một cậu con trai không mang theo trí nhớ vì không cần phải nhớ.

- Em sẽ đi xa một chuyến.

Nói và nhìn thẳng vào mắt Vũ thấy trong tròng mắt nhỏ có những hàng cây bị uốn cong chênh vênh như sắp đổ rạp xuống.

- Đi đâu?

Vũ hỏi, trán nhăn lại làm đôi lông mày xô vào nhau như hai chiếc xe máy đấu đầu với tốc độ lớn.

- Chỉ biết em đi là được, anh hỏi để làm gì?

Vũ chồm lên:

- Anh không có quyền biết à?

Em lắc đầu:

- Không.

Im lặng. Vũ sấp sửa chìm đắm nhưng ngay lập tức vùng vẫy cố ngoi lên:

- Sáng nay qua phố Bà Triệu, anh thấy ông điên vẫn ở đấy.

Vũ cầm tay em, cảm giác mát mẻ lan toả khắp người. Em nhìn xuống hai bàn tay đang nắm lấy nhau, tay nâu của Vũ, tay trắng của em.

- Em thấy sợ...

Câu nói dừng lại ngang chừng và biến thành tiếng thở nhè nhẹ. Vũ hướng cái nhìn ra cửa, ánh mắt không tập trung.

- Anh đang nghĩ gì thế?

Em hỏi nhỏ. Vũ cười:

- Nghĩ về em.

- Nghĩ như thế nào?

- Chưa kịp nghĩ thì em hỏi nên không nghĩ nữa.

- Anh khôn lắm!

- Em đi phía Bắc hay phía Nam?

Vũ đột ngột quay lại chủ đề cũ. Em hất cằm về phía Vũ:

- Không nói.

Nắng chiếu qua những mắt phên hàng trăm vệt sáng nhỏ, thẳng. Mặt nước hất lên những vòng tròn lan toả rập rờn. Ngồi trong lều câu như ngồi

giữa quả cầu treo trên sân khấu.

Vũ chuyển chỗ, xoay sang ngồi sau lưng em. Vũ ôm gọn em trong lòng mình. Một cái gáy trắng thon thả nổi bật trước nền xanh rêu của mặt hồ. Hai vành tai nhỏ mát, khấu khỉnh và lạ lùng như hai thai nhi. Vòng ôm của Vũ xiết lại. Vũ muốn làm tình với em, cơ thể Vũ không ý tứ không kìm nén, nhiệt độ tăng lên quá mức bình thường. Em biết điều đó. Tay Vũ đi qua cổ áo em, dừng lại ở ngực bên trái, nơi trái tim đang thức dậy và đập cửa. Cảm giác mềm mại sống động như đặt cả bàn tay xoè rộng xuống mặt nước.

- Anh làm gì đấy?

Em hỏi, cười khe khẽ, tinh quái.

- Chẳng làm gì cả.

- Bỏ ra đi.

- Không bỏ. Vật nào chỗ nào để nguyên chỗ đó.

Giọng Vũ cao vút, sảng khoái.

Em cựa mình, hơi ngoái đầu lại, má em chạm vào má Vũ, hai mắt kề sát nhau trở thành hai vùng tối mờ. Mỗi người có một vùng tối mờ, ở đó kỷ niệm và sự dịu dàng yên ngủ no nê.

Bên kia hồ một người đàn ông xách cần câu đi giữa nắng, bóng ông ta luôn húc vào những thân cây bạch đàn nhỏ. Người đàn ông đi khập khiễng nhàn tản. Với dáng đi ấy, thật chậm, thật kiên nhẫn, không rẽ vào bất cứ đâu, ông ta sẽ tới được mùa thu.

- Nếu ngày nào đó em thuộc hẳn về anh thì anh sẽ làm gì?

Đó là lời thì thầm yêu thương, mơ màng. Những ngón tay Vũ dừng lại, giọng vừa trang nghiêm vừa xa xôi:

- Anh sẽ làm tình với em, sau đó chúng mình không ngủ mà nằm thi tưởng tượng. Rồi ai sẽ hơn ai?

Em vòng tay ra sau lưng Vũ kéo về phía mình, cử chỉ này làm Vũ xúc động vì ngày đầu em còn lảng tránh cả những nụ hôn.

- Trước khi đi, em sẽ chiêu đãi anh một bữa bún bung ở phố Tạ Hiện. Quán ấy làm rất ngon.

Vũ tỳ cằm lên vai em, mắt nhìn xuống. Qua cổ áo căng rộng bởi các ngón tay, ngực hiện lên hai khối trắng như hai khuôn mặt sinh đôi đang ngủ, tinh khiết, gợi cảm.

Hình như người đàn ông đã bước vào mùa thu, nơi ông ta vừa đi qua chỉ còn những cơn gió lơ đãng. Không một chiếc máy bay cất cánh hay trở về. Không một đoàn tàu chạy qua.

Sự im ắng chứa đựng trong nó biết bao bí mật mà Vũ không biết:

- Địa điểm của chuyến đi.

- Ngày sinh nhật.

- Những buổi tối không gặp nhau.

- ý nghĩ về Vũ...

Thì tưởng tượng. Rồi ai sẽ hơn ai.Câu nói tràn trề hình ảnh, nó làm hiện ra một thế giới khác với những ngôi sao di chuyển lộn xộn, những giọng nói ngân nga thấm đẫm sắc màu, những chuyến xe điện cổ lỗ leng keng chạy trên đường ray thuỷ tinh bắc dọc theo bầu trời.

Điện thoại ra ga đặt vé.

Phóng xe đến chỗ "Chủ hiệu cầm đồ" mà không cần báo trước. "Chủ hiệu cầm đồ" đang đếm tiền cùng hai thanh niên, đếm thoăn thoắt, dứt khoát, xỉa xuống mặt bàn như xỉa quân bài. Liếc nhìn em "Chủ hiệu cầm đồ" không dừng tay, chỉ hất đầu vào bên trong ra hiệu ngồi chờ. Tờ năm mươi nghìn cuối cùng rời khỏi tay trái, tay phải "Chủ hiệu cầm đồ" đã quơ gọn đống tiền trên bàn, gõ ngang gõ dọc hai cái rồi quấn chiếc dây nịt ngang bó tiền, đẩy nhanh về phía hai tay thanh niên:

- Chín triệu, chậm một ngày thêm hai trăm.

Tay thanh niên mặc áo phông cho tiền vào túi quần, cười lộ ra hàm răng vàng ố:

- Em quá đáng bỏ mẹ. Đi mày.

Cả hai sồng sộc bước ra. "Chủ hiệu cầm đồ" quay sang em, mặt chùng xuống:

- Thế nào, có gì mới không?

Em nhìn chiếc xe máy dựng ở góc cửa hàng, lắc đầu:

- Vẫn thế. Chúng nó đặt con này à?

- Ừ!

"Chủ hiệu cầm đồ" mặc bộ quần áo màu xanh rộng thùng thình, tay đeo chiếc lắc vàng to, đầy dặn chạm hoa văn hình tam giác.

- "Thằng trí thức" của mày thế nào rồi?

Em hỏi, xoay chiếc quạt về phía mình. "Chủ hiệu cầm đồ" phẩy tay:

- Cho đi rồi.

- Sao thế?

Em sửng sốt.

- Nó ích kỷ quá, cái gì cũng chỉ vun vào thân. Tao nghĩ sau này nó sẽ không dạy được con cái nên cho đi luôn. Kể cũng buồn. Bọn con trai bây giờ thế nào ấy, có vấn đề cả một lượt. Nhỏ nhen, tham, hay dựa dẫm...

Càng về cuối những câu nói càng nhỏ đi, buồn hơn, giận dỗi và chán nản. "Chủ hiệu cầm đồ" cắn môi rồi ngẩng cao đầu, đứng dậy giới thiệu cho em những thứ mà thiên hạ đem đặt. To nhất là xe máy, nhỏ nhất là

nhẫn và hoa tai.

- Có chiếc nhẫn rất độc đáo, tao sẽ cho mày xem. Tao muốn nó lỡ hẹn để lấy luôn.

"Chủ hiệu cầm đồ" lấy trong két ra một chiếc hộp nhỏ bằng gấm đỏ, trong hộp có chiếc nhẫn đính viên kim cương to bằng hạt ngô mài theo hình lục lăng.

- Mày nhìn kỹ vào mặt kim cương mà xem, lạ lắm.

Lời giới thiệu của "Chủ hiệu cầm đồ" trang trọng hồi hộp. Em nhìn kỹ thấy bên trong những lớp sáng chồng chéo của viên kim cương có một vệt đỏ nhạt hình lá tre. Một con mắt đỏ tinh sảo, đặc phương Đông.

- Con này ở Hàng Bún, giấu chồng cầm đồ để cứu bồ. Hình như thằng ấy chết đề.

"Chủ hiệu cầm đồ" ướm chiếc nhẫn vào ngón áp út của mình sau đó xoè trước mặt em.

- Đẹp, nhưng tao thấy nó không bình thường.

Em nhận xét thận trọng, chân thành. "Chủ hiệu cầm đồ" cười:

- Thế tao mới thích. Hình như nó hợp với tao thì phải, cứ đeo vào là thấy khoẻ ra mày ạ.

Một chiếc nhẫn dành cho người độc thân, với một con mắt đỏ ẩn sau bao nhiêu lớp ánh sáng. Giá như người đàn bà áo vàng đeo nó có lẽ sẽ hợp hơn. Bất giác nhìn lại chiếc nhẫn trắng trên tay mình. Tuấn đã trao cho em trong ánh nến chập chờn vào cái đêm cả thành phố mất điện.

- Một mình mày quản cửa hàng này thì vất vả quá. Sao không kiếm thêm người để nó đỡ cho?

Em xoay cốc nước trên tay, nói lảng sang chuyện khác.

- Chưa tìm được ai cả. Thuê người ngoài thì không yên tâm. Mày nhìn thì biết, sểnh một thứ là phá sản như chơi.

"Chủ hiệu cầm đồ" nhìn em, thân mật, chia sẻ, nét mệt mỏi xuất hiện hai bên khoé mắt. Điện thoại đổ chuông, "Chủ hiệu cầm đồ" nhấc lên nghe, sau đó nói lạnh lùng: "Được, nhưng phải nhanh lên đấy" rồi đặt máy xuống.

- Mày thì sao?

Câu hỏi đột ngột của "Chủ hiệu cầm đồ" làm em lúng túng:

- Tao bị kẹt giữa hai người.

"Chủ hiệu cầm đồ" đặt nhẫn vào két, quay lại chỗ ngồi:

- Một thằng mới nữa à?

- ừ, tao muốn tránh nhưng không được. Kể ra cũng đáng yêu...

- Hay nhỉ, số mày lắm thằng chết nhỉ. Thế bây giờ tính sao?

- Chẳng biết, giá như hai người chập làm một thì tốt.

- Tham!

"Chủ hiệu cầm đồ" cười, nhìn ra ngoài đường. Những người đi bộ trên vỉa hè di chuyển chậm trên cái nền xe máy lao vun vút dưới lòng đường.

- Tao sắp đi nghỉ vài ngày.

Nói không phải để thông báo mà để tự kiểm nghiệm, nhắc nhở chính mình.

- Tao cũng muốn đi nhưng không ai trông cửa hàng cả.

Giọng "Chủ hiệu cầm đồ" khàn khàn. Lòng dạ em nôn nao như đang ngồi trên máy bay, mang nỗi sợ của Vũ trong lồng ngực. Tất nhiên sẽ được bù lại bằng lòng kiêu hãnh khi những lớp mây trắng dát kín dưới chân mình.

Hạnh phúc thật hiếm hoi. "Thằng trí thức" bị trả về trạng thái đói kém vất vưởng trước đó. Một con kiến phải rời bỏ miếng bánh ga tô, nhưng còn biết bao kẻ vẫn đi lại trên đường phố với vẻ mặt toan tính kiếm tìm.

Cửa hàng tối sầm lại. Nón, gậy, hai ống chân tong teo và cái áo cộc tay chắn sừng sững giữa cửa. Một ông ăn xin, đôi tay run run, giọng nói thều thào lí nhí. "Chủ hiệu cầm đồ" thả vào tay ông ta tờ năm trăm nhàu nát. Cái khối sộc sệch lổn nhổn ấy rời đi và ánh sáng lại ùa vào.

- Nhiều lúc tao thấy chán quá mày ạ.

"Chủ hiệu cầm đồ" đay mặt vào trong. Em đặt tay lên vai "Chủ hiệu cầm đồ". Cứ chỉ ấy làm thời gian sống lại. Trở về đứa bạn gái nhút nhát cần được che chở, trở về những mặt bàn gỗ rây mực loang lổ, những cuốn vở bé nhỏ với các ý nghĩ tinh khiết. Thời ấy "Chủ hiệu cầm đồ" còn mang bím tóc đỏ quạch, đôi mắt nhìn xuống không buồn, không mơ mộng, mặc cảm. Bây giờ đôi mắt cũng nhìn xuống, đẹp hơn xưa, ẩn chứa nhiều hơn xưa.

Sự im lặng giữa hai người con gái trong khối âm thanh rối ren của Hà Thành giống như một tờ giấy mỏng manh nằm trên mép ban công, nó bị đe doạ bởi chiếc quạt cây đang chạy kình kịch ở góc cửa hàng.

Chia tay "Chủ hiệu cầm đồ" với tâm trạng nhạt nhoà như đôi mắt đầm mưa. Và thật khó nói cho rạch ròi bất cứ điều gì trong những ngày chuyển mùa.

Quẩy dính sốt, nằm bẹp dí trên giường với sự lo lắng bấn loạn. Môi Quẩy tái mét, nhão ra tuồng như sắp sửa chẩy tan cùng toàn bộ khuôn mặt. Cơn sốt của nước, không phải của lửa.

Từ dưng hốt hoảng nghĩ nếu Quẩy bị liệt, nếu nó chết tại đây, ngay

lúc này, không ai lên nhận về.

- Cháu không chết được đâu cô ạ. Cháu chỉ hơi mệt một tí tì tị thôi.

Quẩy nói đáp lại ý nghĩ của em.

- Mày ăn cháo cá không, tao nấu cho?

Quẩy lắc đầu, trông nó như một bông hoa bằng lăng, rúm ró nhớt nhát.

- Cháu chẳng muốn về quê đâu, cháu chỉ thích được ở đây với cô, với bà thôi cô ạ.

Giọng điệu nỉ non ngang ngang của Quẩy làm em cay sống mũi. Đó là ý nghĩ thật được nói ra trong nỗi sợ và nỗi cô đơn của kẻ ốm xa nhà. Quẩy cố gắng mon men ngồi dậy, nó hỏi em về tất cả những gì mà nó quan tâm, từ hàng ăn, mỹ phẩm, siêu thị cho đến từng ngõ phố. Đành ngồi xuống chiều lòng Quẩy, chiều lòng một kẻ đang ốm. Kể với Quẩy những gì mình cảm được, biết được, như một cuộc tổng ôn lần cuối, lại như truyền hết kinh nghiệm, vốn sống cho nó.

Phố Hàng Chuối có một khu nhà lạnh lẽo u ám, những người sống ở đấy vật vờ như cái bóng và luôn nghèo rớt.

ở đoạn giữa phố Hàng Bồ bất cứ lúc nào đi qua cũng ngửi thấy mùi thơm ngọt mặc dù không ai nấu mật.

Hàng Mã sặc sỡ huyền ảo, Hàng Thùng ồn ào, Hàng Đồng bóng bẩy, Mã Mây ảo não, Hàng Tre rậm rạp, Hàng Vôi nhạt nhẽo, Cầu Gỗ tối tăm, Hàng Bông đất đỏ.

Có những ngóc ngách điên loạn ở Hàng Buồm nơi cánh hoạ sĩ thất thế tụ nhau lại sau đó biến mất dần trong khói thuốc phiện lảo đảo.

- Còn Hàng Ngang, Hàng Đào?

Quẩy sốt ruột cắt ngang lời em.

- Hai phố ấy cũ rồi, chỉ còn cái mẽ thôi. Nó là mồi nhử dân ở các tỉnh lẻ về, mày hiểu không?

Em bĩu môi nói, Quẩy miễn cưỡng gật đầu.

Một quán thịt ngan đông khách hàng chục năm nay, bốn mẹ con người bán hàng có giọng nói khàn khàn, dáng đi bệnh bạch y như ngan.

- Bị ám mày biết chưa. Giống như những ông thịt chó ấy mà, đi đâu cũng bị chó sủa.

Nói cho Quẩy nhưng bản thân mình không mấy tin vì không trực tiếp chứng kiến. Theo đà, câu chuyện trượt sang chủ đề bóng đá với tên các câu lạc bộ, các danh thủ và những giải lớn đang diễn ra. Em nói du dương mê mải, còn Quẩy nghe vì sự say mê của em hơn là vì nội dung. Sau đó Quẩy kết luận, giọng mỏi mệt nhưng thán phục:

- Khiếp, cô giỏi y như con trai ấy.

Quẩy không biết rằng sau tất cả những gì nó thấy, em còn là một người con gái khác, dễ dàng bị cuốn vào vòng mê hoặc của cảm giác. Ngang bướng, tỉnh táo nhưng đôi khi rơi nước mắt vì những chuyện không đâu.

- Tao sắp đi xa đấy!

Em thẫn thờ nói hai tay bấu chặt đầu gối. Quẩy nằm thiêm thiếp bỗng giật mình:

- Cô đi lâu không?

- Chẳng biết, khi nào chán thì về.

Quẩy quay mặt đi giấu vẻ gì đó:

- Hà Nội vui như thế này, cô còn đi đâu nữa!

Câu nói vừa giận dỗi lo lắng, vừa tò mò.

Lòng dạ mềm lại nhưng vé đã đặt, cơn gió đã bắt đầu thổi, sẽ tung bay như một tờ giấy mỏng manh. Một tờ giấy đã viết bao nhiêu chữ khó hiểu.

Căn hộ của bà già độc thân vẫn đóng kín, đồ đạc bị khuôn lại trong bóng tối. Đỉnh tháp truyền hình vẫn đỏ. Cây ớt ra thêm ba quả màu trắng và con mèo chưa thấy đi qua để quệt đuôi vào đó.

Trở trời.

Đang nắng, đột nhiên dịu đi và sương mù đổn từ sông Hồng vào làm thành phố mờ ảo bập bềnh như một cánh bèo. Dễ đến hàng trăm năm Hà Thành mới có một ngày lạ lùng như thế này. Vội vã rời cơ quan đi cho thoả ao ước.

Tìm Huyền nhưng không gặp, lòng vòng qua vài phố, bị lạc trong sương đi đâu cũng chỉ thấy thấp thoáng những hàng cây, vài ba cửa hiệu lập lờ, những bóng người trôi qua biến mất, lại đột ngột hiện ra, cho đến khi gặp cánh cửa quen thuộc thì dừng lại. Nhà Vũ.

- Em bị lạc...

Hổn hển nói, ngoái lại phía sau như sợ ai đó đang đuổi theo. Vũ mở to mắt ngạc nhiên nhưng trấn tĩnh ngay:

- Vào nhà đi, trông mặt em tái xanh rồi kia kìa.

Vũ dồn xe dắt vào dựng sát bức tường có những dây leo xanh loáng ướt vì sương. Không khí ấm cúng của căn phòng làm em khó xử, ngồi lại thì sẽ xảy đến những chuyện chưa muốn, rủ Vũ đi chơi lại càng vô lý vì bản thân mình cũng mong được ở riêng với Vũ.

Trông Vũ vừa mừng rỡ vừa lúng túng, áo may ô làm lộ ra đôi tay dài, gầy với vết đồng hồ trắng khứa ngang cổ tay trái. Nhạc đã mở sẵn, cảm tưởng như có một bầu trời cao rộng vô hình ngự trong căn phòng nhỏ gần

hai chục mét vuông. Bức tranh thời Phục Hưng vẽ hai người đàn ông Hy Lạp vẫn ở tư thế hơi nghiêng như mọi khi.

- Em uống nước đi.

Vũ đặt chiếc cốc thuỷ tinh cao vút lên bàn, đẩy về phía em sau đó đứng dậy. Có một chút lúng túng ngập ngừng chen giữa hai người, đẩy cái bầu trời vô hình lùi sâu vào sự quên lãng.

- Đứng dậy anh bảo!

Vũ nói giọng lạc đi.

- Để làm gì cơ?

Em hỏi lại nhưng vẫn đứng lên, đối diện với Vũ hơi thở cố gắng kìm nén. Vũ ôm ghì lấy em, hôn cuồng nhiệt lên tóc, má, cổ, tai sau đó dừng lại đẩy em lùi xa để ngắm rồi kéo sát vào tiếp tục hôn.

- Anh cứ như lên đồng ấy, làm em mệt.

Vũ thì thào:

- Hơn cả lên đồng. Anh yêu em, chắc chắn là không ai yêu em bằng anh.

- Anh làm em sợ.

Tiếng em nghèn nghẹn vì hạnh phúc.

- Anh cũng sợ chính anh.

Rồi chỉ còn lại bầu trời vô hình tràn ngập hơi thở với những đôi cánh xanh nhạt rập rờn cố gắng nâng da thịt bay lên. Mang máng trong đầu một sắc vàng không rõ của hoa diệp hay hoa hồng. ý nghĩ về chuyến đi trở lại và hốt hoảng ước bản nhạc đừng bao giờ hết, cứ dìu dặt chầm chậm dắt nhau tới xứ sở lành hiền trong trẻo nào đó, xứ sở được soi sáng bởi ánh vàng toả ra từ những bông diệp. Vũ nói nhỏ, giọng trở thành nhạc, hoà tan cùng trần nhà, bàn, cốc thuỷ tinh, những cuốn sách bí ẩn, con dao chuôi nhựa vàng, lọ gốm, con nghê gỗ nâu đỏ, bàn cạo râu và bóng tối sôi sục trong tủ đựng quần áo.

Còn một chút của thực tại, đó là tóc.

Tuấn ở xa hơn quá vãng, trong một góc khuất êm ái không phiền nhiễu.

Vũ đang chiếu sáng em cùng với nhạc.

Có lẽ giờ này người ta đã mang vé đến và chẳng thể ngăn được những chuyến tàu. Đi xa với tốc độ nhanh đều mê mải, khám phá bí mật của chính cơ thể mình. Một trong hai người là con tàu, kẻ còn lại làm hành khách. Cũng có thể cả hai là con tàu và chuyến tàu ấy vắng vẻ lạnh lẽo như thân xác một bóng ma...

Ngoài kia sương mù cuồn cuộn.

Không phải lần đầu tiên nên không có những giọt nước mắt hối lỗi,

chỉ từ từ xoay nghiêng, kéo áo lên che ngực. Vũ chống tay nhổm nửa người lên nhìn em, cái nhìn trìu mến, đắm đuối.

Cùng với dòng chảy ấm áp đang lan toả khắp cơ thể, cùng ánh mắt đắm đuối không suy kiệt của Vũ, tất cả bỗng nhiên sống động chân thực.

Vũ đã đi vào em bằng cách riêng của Vũ.

- Em làm sao thế?

Vũ lo lắng hỏi khi thấy vai em rung lên.

- Chẳng sao cả... Hơi là lạ thôi.

Nói rồi thu mình nhỏ lại trong tư thế một thai nhi. Nếu ở hồ câu, em sẽ rời xa Vũ, nhưng đây là một căn phòng kín đáo, không chân trời, không bóng nước.

"Anh chẳng câu được gì đâu"

"Sắp được một con"

Vang vọng chấp chới trong đầu cùng với sự lắng lại dần dần của những gì vừa bị khuấy lên.

- Em về đây.

Cầm chiếc túi da đen khoác lên vai, liếc qua gương kiểm tra đầu tóc.

- Anh bảo này.

Giọng Vũ trầm trầm.

- Gì cơ?

Vũ nhíu mắt, những vết nhăn xô lại trên trán và lúc đó Vũ già đi kinh khủng:

- Anh cứ hẹn trước, dù thế nào đi nữa thì đúng vào đêm một nghìn năm Thăng Long chúng mình sẽ tìm nhau để cùng đạo chơi nhá.

- Có điệu vợi quá không anh?

Em hỏi, hơi sững lại. Vũ lắc đầu:

- Không.

Thật xa xôi.

Rời khỏi nhà Vũ sau cái nhìn lạ lùng khó hiểu.

Không hề có cuộc thi trí tưởng tượng, không cả đêm để thức trắng cùng nhau.

Đường phố quang đãng, sương mù đã tan, chỉ vài ba đám nhỏ còn sót lại trên vòm lá như những ý nghĩ lãng mạn rơi rớt.

Qua phố Bà Triệu nhìn cây điệp như vĩnh biệt, như tạ lỗi, như kiêu hãnh vì sự chiến thắng. Gốc điệp trống trải. Một điều gì đã đến mang đi cả người đàn ông điên lẫn những xác hoa trong lúc sương mù bao phủ toàn Hà Thành.

Hoài đến muộn, lê từng bước mỏi mệt lên cầu thang, một vết tím nổi

lên ở gò má trái giống như quả mận bọc trong túi ni lông mỏng.

- Chị bị ngã.

Hoài nói chậm, ủ ê.

- Lâu chưa?

- Chiều qua, khoảng bốn giờ lúc ấy sương mù đầy quá, chị chả nhìn thấy gì. Mai đi à?

-Vâng.

Đáp nhỏ nhẹ như người có lỗi. Bốn giờ chiều qua đang ở nhà Vũ. Hoài ngồi vào bàn làm việc ngay, lưng hơi còng xuống, mười ngón tay khô gầy run run loạng quạng trên bàn phím.

- Chuyện của ông này chán ghê cơ, câu cú dài dòng, nhạt nhẽo, đã thế lại ngoặc ra ngoặc vào rối cả mắt.

Hoài than văn hơn là càu nhàu. Tay nhà văn mặt nhàu nhĩ xám xịt, tóc xơ cứng, môi ưỡn cong, diêu toa, nói chuyện hay liếc trộm, mắt toàn lòng trắng. Theo "Con bướm" tiết lộ tay này hay đi gây gổ chọc ghẹo người bên cạnh "chú mình bảo ngày xưa lão ấy là lính pháo, máy bay bay đến là ôm đầu chui xuống hầm, lần nào cũng bị túm cổ lôi lên. Thế mà bây giờ cũng giở mặt đi viết văn để tự khen mình". Lúc ấy Hoài đã vặc lại: "Đấy là em nghe chú em nói, biết đâu lại không phải như thế". Bây giờ chính Hoài lại khó chịu với kẻ mình đã bảo vệ.

Cái bầu trời màu cỏ úa trước mặt em in thấp thoáng ngọn đèn trên góc phòng, giống như một mặt trời nhỏ bé, xa lạ, sắp sửa rụng xuống.

- Chị chả đánh nữa đâu. Chữ xấu quá.

Hoài vùng vằng đứng dậy. Đó là lần đầu tiên em thấy Hoài nổi cáu vì bản thảo.

- Mấy giờ tàu chạy?

Hoài hỏi.

- Bẩy giờ.

Em đáp không dừng tay.

- Cuốn sách em bảo hôm nọ đâu, cho chị mượn đọc.

- ở ngăn kéo ấy, chị mở ra mà lấy.

Thấy tiếc vì có ý định mang theo cuốn sách đó. Vậy là "tóc ngắn mắt buồn" sẽ ở lại, ở lại cả "Những ý nghĩ bay lên chập chờn đèn lồng đỏ".

Tự nhiên muốn thời gian dừng lại mãi mãi, muốn giông bão, muốn kẻ nào đó đặt mìn phá hỏng tất cả các đường ray.

- Đi lâu không?

Tiếng Hoài lẩy bẩy.

- Chưa biết.

Em dừng tay một lúc lâu sau đó mới trả lời.

- Chị thấy hơi lạ...

Hoài buông lửng câu nói với bao nhiêu ngụ ý phía sau. Em không đáp lại, chỉ chầm chậm đưa cốc nước lên miệng như người bệnh uống thuốc đắng. Mắt nhìn thấy thuỷ tinh long lanh sóng sánh rồi mọi thứ bỗng nhoà đi, chẳng hiểu do mình thiếu máu hay do cốc nước bị rung mạnh.

Điện thoại đổ chuông. Đón ống nghe từ tay Hoài, áp xiết vào tai hy vọng nghe tiếng Vũ nhưng giọng Huyền vang lên lảnh lói báo tin đã tìm được một bác sĩ thuộc loại "cực kỳ". "Không cần mày phải lo nữa, bà ấy rất giỏi. Bà ấy chuyên lo cho những ca đẻ khó mà thuộc loại khá giả mày ạ. Bà ấy bảo đảm sau khi đẻ xong người tao sẽ y nguyên, không nhăn bụng chẩy người tý nào...".

Huyền cười giòn tan, kiêu kỳ, tự tin. Với tiếng cười ấy, với đôi mắt to đen lông mi cong vút với làn môi đầy hình trái tim, Huyền đã từng lung lạc được bao nhiêu đàn ông. "Tối mai đến ăn cơm với vợ chồng tao nhá". Huyền nói trong cơn phấn kích. "ừ, tao đến". Em đáp, thờ ơ đặt máy xuống và thấy Hoài kinh ngạc nhìn mình.

Lòng dạ trống trải bâng khuâng. Vũ không điện đến. Phong không điện đến. Nhìn lại chỗ ngồi làm việc của mình lần cuối như nhìn tảng đá ven đường, đuới bóng râm, rồi quyết định nhanh chóng:

- Em về trước đây.

Hoài rùng mình, tay rời khỏi cuốn sách làm nó rơi tuột xuống chân. Rơi xuống cả thế giới đèn lồng đỏ mênh mông huyền bí.

- Có gì chị thu dọn cho em nhé!

- ừ, cứ đi đi... Đi rồi về sớm nhé.

Hoài nhìn lảng ra ngoài cửa nói nhẹ, giọng xa vời, không hy vọng, như cánh chim bồ câu bay trên nóc phố, cuối tầm mắt.

ở sân nghe tiếng quân cờ đập chan chát vọng ra từ phòng làm việc của "Hai mươi bẩy vết thương". Không một ai bước ra để mà chào, cả quân trắng lẫn quân đỏ. Ông thường trực mặt câu cạu đang lau bộ bàn ghế long chân. "Con bướm" nghiêng đầu bên điện thoại, tóc đổ sang bên làm thành cái cánh đen óng mượt.

Rời khỏi cơ quan êm ái nhẹ nhàng như đám mây trôi qua đầu cuộc sống lam lũ mê mải.

Hoài nhỏ bé ở lại trong phòng, trong im lặng lưu cữu, càng nhỏ bé hơn nữa so với bên ngoài phố phường.

Đi thong thả dọc dãy phố trồng toàn xà cừ, không một cây điệp vàng, không đường lượn mềm mại, không chỗ dừng chân. Một đường phố mang tính xua đuổi.

Đột nhiên thấy mình trong suốt đi xuyên qua tất cả mà chẳng va

chạm.

Trong giấc ngủ trưa người đàn bà áo vàng lại đến, tư thế ngồi không thay đổi, nhìn rõ nét hơn với hai quầng mắt hơi ngả màu nâu héo. Người đàn bà áo vàng nói, đôi môi rung rung như cánh hoa trước gió, không nghe rõ tiếng nhưng vẫn biết đó là những lời buộc tội cay nghiệt. Các ngón tay bám một lớp phấn vàng mỏng, xoa tới đâu không khí ở đấy vẩn lên phấp phỏng căng thẳng. Người đàn bà áo vàng đang lấn át, nếu em không tỉnh táo sẽ bị bà ta đánh tráo linh hồn ngay lập tức. "Dù gì mình vẫn phải là mình, vẫn phải là gái Hà Thành, hơi lạnh lùng, hơi mơ màng, sống trên tất cả những gì từ nơi khác đến".

Em sửa lại tư thế, bắt đầu cuộc nói chuyện nghiêm túc về loại cây nào đó nở hoa vàng ở phố Bà Triệu. Phải nói thật nhanh vì trí nhớ đang suy tàn ghê gớm, đang héo đi, đổ gục xuống và tan ra. "Hoa ấy không quyến rũ, nó chỉ thực sự đẹp khi rụng xuống trong những làn mưa nhè nhẹ lất phất đủ làm hè phố thẫm lại. Mà hè phố phải thật rộng, thật vắng vẻ. Tóm lại đó là một ảo ảnh hoang vu và cần phải...". ý nghĩ bị bỏ lửng không kịp truyền sang người đàn bà áo vàng vì thời gian đã cạn, trí nhớ đã suy tàn.

Người đàn bà áo vàng đang tan dần, từng bộ phận, từng lớp, từng chi tiết bị xoá nhoà không cứu vãn được. Sau cái chớp mắt bàng hoàng, chỉ kịp thấy nét mặt cuối cùng của người đàn bà áo vàng còn sót lại trên nền không khí trong veo, một nét mặt day dứt mỏng mảnh như khói nhang. Không phải đất tụt hẫng xuống để lộ ra bầu trời như lần trước, mà chỉ có những âm thanh náo loạn nhưng thầm thì chồng chéo lên nhau.

Một giấc mơ cuối cùng lấp đầy giấc ngủ trưa giữa lòng Hà Thành.

Trước khi lên xích lô, ngoái lại nói nhỏ với Quẩy:

- Tao mà không về, mọi thứ cho mày dùng hết.

Quẩy sững lại, mặt bệch ra:

- Cô nói gở thế.

- Gở gì, thật đấy!

Sau lời khẳng định của em, một niềm hy vọng tràn ngập trên mặt Quẩy, nó lí nhí:

- Cháu chỉ xin bộ màu ghi xám của cô thôi.

Người đạp xích lô đẩy xe lấy đà hai ba bước dài sau đó nhẩy phốc lên yên và đạp. Khá lâu không ngồi xích lô, giờ cảm thấy hơi xúc động như đó là lần cuối. Quẩy đứng nhìn theo, hai tay khoanh trước ngực, động tác em hay làm mỗi khi gặp vấn đề quan trọng.

Trong nắng chiều dọc đường, thấp thoáng sau các tán cây, những

ngôi nhà theo kiến trúc của Pháp hiện ra với màu vôi vàng, mái ngói nâu đen và khung gỗ ở đầu hồi sơn xanh hình thang. ở những đầu hồi ấy có vô số tổ chim sẻ.

Xích lô kẽo kẹt di chậm cùng với chiều, chậm tới mức lạc lõng giữa dòng xe máy, xe ô tô đang lao vùn vụt.

Trả tiền xe, tìm quán phở, vừa ăn vừa nghĩ mai này sẽ rất nhớ Hà Nội với mùi thơm ngầy ngậy của những dãy hàng ăn.

Thành phố lên đèn.

Ngoái nhìn đường Trần Hưng Đạo thấy một dòng sông lấp lánh sáng, nếu ngược lên đầu nguồn, rẽ trái sẽ gặp cây diệp vàng đứng chờ mưa.

Ai đó giống Vũ vừa phóng xe qua và sực nhớ ra ràng nếu có đi chơi với nhau thì cũng phải chờ dợi rất lâu nữa. Chờ dợi bước sang một thời gian khác, lạ lẫm mênh mông chưa bị dày xéo tô vẽ.

Bẩy giờ ba phút tàu rời ga.

Qua cửa sổ, Hà Thành như một giấc mộng càng lúc càng rời xa. Ngả người ra sau, đầu vô tình tựa lên ba đường lượn song song do hành khách nghịch ngợm nào đó vạch thẳng vào lưng ghế. Nhắm mắt dù không buồn ngủ, hình dung Quẩy trong chiếc áo màu ghi xám mỉm cười bước từ cầu thang xuống, dáng vẻ tự tin, yểu điệu...

HẾT

Đã phát hành khắp nơi

Đứng Dưới Trời Đổ Nát

Thơ

Phan Xuân Sinh

Bìa, phụ bản, phổ nhạc Nguyễn Trọng Khôi

Phụ bản Đinh Cường, Vũ Đức Thanh

Phổ nhạc Nguyễn Tất Vịnh

Văn *xuất bản*

Bìa cứng. giấy đặc biệt

Giá 12 MK

Liên lạc NHÀ XUẤT BẢN VĂN

P.O. BOX 611626, SAN JOSE CA 95161 TEL: (408) 263-5283

Người con gái VN da vàng. Thời bình

LÊ THỊ THẤM VÂN

"Chơi nhẩy lò cò nghe Sáu!" Chị Năm rủ.
"Chơi ô làng không Sáu?" Con Thuận sát nhà qua rủ.
"Chơi thế với em nha chị Sáu." Con Tám Út rủ
"Tụi mình chơi bán hàng....." Em rủ
Sao cứ đến trong giấc mơ.
.....
Giữa bị thịt độ cứng căng của quả bóng
ợ đầy hơi chua
tóc em ông túm giật liên hồi
.....
hàm răng em sao chỉ muốn nhai nát chùm khế héo nắng.
Giữa hai cánh tay, cặp dùi không còn một cọng lông
nhưng um khét mùi cỏ cháy
ông quắp lấy em
gọn bâng như ông nội bế em đặt vào giường thuở em
lên năm lên bẩy mỗi khi ham chơi ngủ quên ngoài sân trước
.....
em cố, nhưng sao không thể buông được hơi thở hắt của mình.
Giữa người đàn ông đến từ một nơi nào xa xôi lắm
cát ở đó có trắng như màu da của ông?
mặt trời ở đó có đỏ như màu tóc của ông?
nước biển ở đó có xanh như màu mắt của ông?
nhưng sao tiếng rên của ông cũng giống như mọi người
đàn ông khác khi nằm phủ đè trên tấm thân em
.....
hai tròng mắt em vẫn mở. "Trời chắc là sắp mưa..."
em nói thầm với tấm phên mỏng, thưa che chắn căn nhà thổ,
trên đất Phnom Penh

** tựa đề bản nhạc của Trịnh Công Sơn*

Từ bốn phác bản thời gian đến mối mơ của Cuội

Nam Dao

Vấn đề đặt ra không phải là chiều thứ tư phẳng hay cong. Không phải là tính co thắt hay khả năng đảo ngược của những quá trình động trong sinh học hay vật lý. Lại càng không phải là đi lùng thời gian đã mất, và đến cuối đoạn đời, hóa ra thấy thứ thời gian tìm lại được của một Proust viễn mơ trong căn phòng tối tăm, cửa đóng, rèm rủ với mùi ẩm mốc của trí nhớ và những giấc mộng mị liên miên.

Vì gọi là phác bản thời gian, tôi tránh đào sâu tìm hiểu cái chiều thứ tư này, chỉ xin đề cập đến những con người nhỏ bé trong cái không gian đó. Vâng, họ rất nhỏ bé. Nhưng thiếu họ, tôi không biết làm sao đo được thời gian, ít ra là qua cái vở kịch này tôi mang ra giúp vui cho quí vị. Trên sân khấu ba chiều hạn hẹp của tôi, những con người đó gồm có bốn, hai nam, hai nữ. Thế là âm dương có vẻ cân bằng mặc dầu những nhân vật này cùng sống cái thuở trời đất nổi cơn gió bụi khiến cả mày râu lẫn má hồng đều nhiều nỗi truân chuyên. Họ là :

Gái 1 (G 1, có tên là Thược, lớn nhất bọn).
Gái 2 (G 2, còn gọi là Lụa, nhỏ hơn Thược hai tuổi).
Trai 1 (T 1, đẻ thiếu tháng, khó nuôi, tên tục là thằng Mống vì có thành ngữ khôn sống mống chết, lớn hơn Lụa một tuổi).
Trai 2 (T 2, khai sinh đề Vũ Anh Hùng, nhỏ nhất, kém Mống hai tuổi)

Dĩ nhiên, chúng đẻ ra và lớn lên đần với thời gian. Lớn như vậy, rồi không thể lớn hơn nữa, ở tuổi thành niên. Sau đó chúng chỉ có thể còm xuống, nhỏ

lại, chắc chắn ở phần thể xác là ít nhất. Và rồi thì gần đất xa trời, ai cũng đoán được kết cuộc, thậm chí kể cả những kẻ dãng trí. Thậm chí kể cả chị Hằng và chú Cuội, hai nhân vật phụ, bó buộc có mặt vì không gian cho vở kịch là những đêm trăng.

Nhân đây, xin nhắc lại chuyện dân gian về chú Cuội. Thuở còn thơ, tôi được nghe bà tôi kể. Khi đầu hai thứ tóc, tôi đọc lại chuyện chú Cuội đã thành văn (Nguyễn Đổng Chi, Kho tàng truyện Cổ Tích Việt Nam, tập 2, trang 141-152, NXB Văn Nghệ Tp Hồ Chí Minh). Cuội nói dối đến độ có thành ngữ dối như Cuội thì bà tôi và ông Chi đều nhất trí. Nhưng về nhân vật, mức độ bi hài cũng như thành quả của Cuội thì mỗi người mỗi khác.

Theo bà tôi kể, Cuội dối cha dối mẹ, mổ lợn rồi chôn đuôi, lừa phú hộ ra cổng để lấy thưởng, đánh cắp ngựa của quan và sau Ông Trời (dĩ nhiên ai cũng có một Ông riêng cho mình) trói vào cây đa hỏi tội. Cuội vẫn chối, và dối Trời nên Trời phạt, khiến cây đa và chú Cuội bay lên cung Trăng. Cái vệt đen trên mặt trăng là cây đa, còn chú Cuội thì nhỏ quá mắt trần không thấy được. Khốn nỗi là, cũng theo dân gian, trên cung trăng có chị Hằng. Và Hằng Nga lại tuyệt sắc. Thế là Hằng Nga có bầu có bạn. Và theo tôi, thế thì Trời có hành phạt gì Cuội đâu. Cũng theo tôi, khi đã lớn, có lẽ thế là Trời thưởng Cuội một cuộc sống đời đời kiếp kiếp với người đẹp. Vì vậy nên dân gian đâu có ai sợ nói dối! Lạy hương hồn bà, chuyện bà kể là răn con đừng nói dối nhưng cái gọi là hình phạt của Trời sao mà lại có vẻ êm ái vô cùng !

Xin bắt sang văn bản của ông Nguyễn Đổng Chi. Cuội mồ côi, ở với chú thím, cũng mổ lợn rồi chôn đuôi, cũng lừa phú hộ ra cổng để lấy thưởng. Nhưng đến đây thì câu chuyện Cuội mang tính bi hài kịch ở mức độ ghê hơn. Chú thím bực quá bỏ Cuội vào rọ định mang dìm sông. Cuội lừa một anh hủi, bảo xuống nước là chữa lành bệnh, và anh ta vào rọ để rồi bị chú thím Cuội dìm chết. Xong, Cuội gặp một ông quan. Ông này vì tham nên cũng bị Cuội lừa, lấy cân đai và cưỡi ngựa về nhà. Chú thím của Cuội sững sờ, Cuội bảo ông bà đợi dưới cõi âm, đi lên đi xuống dễ hơn mua vé đi xe lửa Thống Nhất. Chú thím lại bị lừa, Cuội bỏ cả hai vào rọ và mang ra sông dìm trả thù. Ghê thật! Thế là Cuội cướp trọn cơ ngơi của chú thím, ăn chơi hủ hóa, cái kiểu mã đáo thành công thì nay phải hưởng thụ. Muốn thế, không có gì quí hơnàquyền lực. Thêm một bước, với tinh thần sáng tạo, Cuội tìm ra cách lừa Vua rồi tiếm ngôi. Ông Chi, người tôi đã gặp và có lòng quí mến, cho Cuội làm Vua và chấm hết truyện, nhưng cẩn thận chú lại là ghi theo lời kể một người Hà Tĩnh (?). Văn bản của ông được dịch ra tiếng Tiệp bởi Honzak, Mullerova và Marie Zakova, rồi được bà Marie-Josée Lamorlette chuyển ngữ sang tiếng Pháp, xuất bản năm 1991 bởi nhà

sách Grund, Paris.

Như vậy, có hai Cuội. Cuội của bà tôi hiền lành hơn, dối trá thì có, nhưng dối trá vô tội, và bị phạt lên ở suốt đời với một tuyệt sắc gia nhân. Tác động răn trẻ đừng dối trá có đấy, nhưng khi đứa trẻ đó thành niên rồi mơ mộng có một người đẹp muôn đời bên cạnh thì hẳn là tác động đó yếu đi rất nhiều. Cuội theo ông Chi, một học giả, thì quả là bản lãnh hơn nhiều và cuối cùng làm Vua, nghĩa là Cuội thành công mỹ mãn bằng cách lừa lọc dối trá. Cuội đó lại được nhân loại biết đến qua các dịch giả Tiệp và Pháp. Dĩ nhiên, Tây đã công nhận thì Ta phải công nhận : Cuội thế mới là Cuội Ta.

Tôi phải chọn một trong hai Cuội. Lạy hương hồn bà, con xin chọn Cuội của bà kể cho con nghe thuở ấu thơ. Và trong kịch bản này, Cuội nay đã biết bảo nhân gian chớ đừng nói dối. Lý do là có một dị bản truyền khẩu kể rằng ông Trời phán con người trong cõi nhân gian bé xíu này đã lây bệnh Cuội. Rồi truyền chỉ khi nào không còn ai dối trá nữa thì ông mới cho Cuội trở lại trái đất, nơi chúng ta cười có khóc có, nhưng vẫn cứ khẩn khít cho đến phút cuối cùng.

I TUỔI MƠ

Dân tản cư sống tạm tại bang Nghi Dương, quận Kiến Thụy, vào cuối năm 48. Núi Voi lừng lững nhô tấm lưng cong tớn, thỉnh thoảng lại động đậy khi gió thổi cho mây bay ngang. Tối rằm tháng tám, mặt trăng chênh chếch tỏa ánh xanh lạnh trên những mái dạ lặng lờ.

G 1 : Đợi mãi. Chắc còn lâu. Hay là mình chơi gì đi ?

T 2 : Chơi thì chơi ! Nhưng chơi trò gì ?

T 1 : Đánh ô ăn quan ?

G 2 : Không ! Lần nào tao cũng thua !

T 2 : Hay chi chi chành chành, đứa nào bị ù ập thì phải phạt.

G 1 : Phạt thế nào ? Tụt quần chổng mông lên rồi bò một vòng nhà nhé.

T 1 : Sợ gì ? Tụt thì tụt...

G 2 : Không ! Mày con trai mày không biết xấu hổ.

T 2 : Thì thế mới là con trai. Mà xem con gái chúng mày chổng mông lên thì có gì là hay ?

G 1 : Oắt con, bị phạt thì mày cởi truồng ra cho các chị xem con sâu róm nhà mày nhé. Thế mới là con trai...

T 1 : Thôi, xấu hổ lắm. Tao không chơi thế...

T 1 ra ngoài hiên nhà, cả bọn đi theo.

G 1 : Mày phá bĩnh (nhìn trăng). Từ tết Trung Thu, ở Hà Nội chúng tao hát một bài hát hay lắm. Muốn nghe không ? Tao dạy cho mà hát.

Cả bọn gật đầu, mồm há hốc ra đợi.

G 1 : (vừa hát vừa nhịp)

Bóng trăng trắng ngà
có cây đa to
có thằng Cuội già
ôm một mối mơ. Ôm một mối mơ...

Cả bọn hát theo.

G 2 : Hà Nội giỏi thật. Biết cả thằng Cuội !
T 2 : Giỏi đứt đi chứ. Cả chị Hằng nữa. Mày biết là ai không ? (tay chỉ mặt trăng). Chị ấy ở trên kia kìa !
T 1 : Ơ nhà quê chúng tao cũng nghe chuyện ấy rồi. Thằng Cuội nói dối bị phạt, phải lên cung Trăng, đúng chưa ?
G 2 : Nhưng Cuội ôm một mối mơ. Nó mơ gì hả chúng mày ?

Cả bọn nhìn nhau

G 1 : Nó mơ về nhà. Về với cha mẹ nó...
T 2 : Không, nó mơ đeo súng, đi ắc ê... như lính.
T 1 : Sai rồi. Nó mơ được ăn xôi. Ăn no nê. Ăn phình bụng ra. Cả nhà tao mơ có một bữa như thế !
G 1 : Còn tao, tao mơ tao về nhà tao ở Hà Nội.
G 2 : Tao chẳng biết tao mơ gì ? Hay là tao mơ tao không thua ai khi chơi ô ăn quan !
T 2 : (nguýt) Đúng là con gái (nó giả như đứng nghiêm, bồng súng rồi đi vòng vòng, hát) "Một mùa thu năm qua Cách mạng tiến ra, đất Việt rộn ràng tiếng thanh niên tung gươm phá xiềng. Đoàn người trai ra đi miệng hô lớn, quyết chiến..."

Cả bọn xuýt xuýt.

T 1 : Đã bảo đây không hát bài ấy ! Vùng Tề mà...
G 1 : Tề thì chỉ hát cái bài (hát) "Sơn nữ ơi, đời ta như cánh chim chiều phiêu bạt thời gian rồi thương rồi nhớ..."
G 2 : Hay nhất vẫn là cái bài (hát) "Ai có nghe tiếng hát hành quân xa, mà không nhớ thương người mẹ già... chờ con lúc đêm khuya, người con đã ra đi, vì nước"

T 2 : (ngắt) Tao không thích cái bài này. Nghe là tao buồn ngủ !
T 1 : Nhưng hát được, không ai cấm.

Tiếng người lớn : Vào mà lấy đèn, chúng mày ơi !

Cả bọn chạy ùa vào. Đèn tắt. Một lát sau, mỗi đứa cầm một quả bưởi rỗng, vỏ xẻ múi, trong có cắm một cây nến, vừa đi vừa đồng thanh hát

Bóng trăng trắng ngà
có cây đa to
có thằng Cuội già
ôm một mối mơ. Ôm một mối mơ...

T 1 : (hát ngọng nghịu)

Có con dế mèn
hát trong đêm thâu
hát xẩm không tiền
nên nghèo xác xơ. Nên nghèo xác xơ

T 2 : (hát bập bẹ)

Muốn lên đến Trời
ghé thăm cung Trăng
nên hỏi ông Trời
cho mượn cái thang. Cho mượn cái thang

G 2 : (hát)

Cuội ơi, ta nói Cuội nghe.
Ở trên mây trắng làm chi...

G 1 : (quát) Chán chúng mày quá. Đêm Trung Thu này không như ở Hà Nội. Chúng tao đi rước đèn, đèn thật chứ không như thế này (ngồi bệt, tay dằn đèn vỏ bưởi xuống đất). Lại có cả đèn kéo quân, ở nhà quê chúng mày chưa thấy đâu.
T 2 : (ngắt) Tao trước ở Hải Phòng, tao thấy chứ. Lúc còn bé, Trung Thu là tao có đồ chơi. Chúng mày đã thấy bướm làm bằng nhôm chưa ? Cánh nó sơn màu đỏ, có chấm trắng, to...
G 2 : Thế thì làm sao đẹp bằng bướm thật được ! Nó có bay không ?
T 2 : (ngắt) Đẹp hơn chứ. Bướm nhôm biết kêu leng keng. Tao kéo là nó kêu !
G 2 : Nó có bay không ?
T 1 : Nó có biết bay không ?
T 2 : Đồ nhà quê ! Biết bay thì hay hớm gì hả ?
G 1 : Tao mà biết bay (tay chỉ mặt trăng), tao bay lên thăm chị Hằng với chú Cuội.

T 2 : À, cái thằng hay dối ấy à ! Me tao hay mắng ba tao là cứ dối như Cuội.

Thình lình gió bốc lên rồi đâu đó nghe như có tiếng cười. Cả bọn trẻ con ngơ ngác nhìn quanh.

Tiếng Cuội : Ấy là bởi nhiều người thích nghe nói dối.
Tiếng chị Hằng : ... Thích nghe thì không tội, chứ thích nói dối thì phạt ngồi gốc cây đa này đời đời kiếp kiếp. Nhưng cũng vì thế mà chị có bạn đấy, các em ạ !

Cả bọn ồ lên.

G 2 : Nhưng em muốn hỏi chú Cuội, chú ôm một mối mơ thật à ?
Tiếng Cuội : Thật chứ giả à ?

Cả bọn ồ lên : Cuội bảo thật, tức là giả.

Tiếng Cuội : Vậy thì tao bảo giả đấy.
Cả bọn ồ lên : Thế là thật !
Tiếng Cuội : Thế thì chúng mày dưới kia, chúng mày mỗi đứa có ôm một mối mơ không ? Lúc nãy có đứa nói rồi, thử nhắc xem, có hết như thế không ? Đứa nào dối trá thì lên đây làm bạn với tao và chị Hằng nhé !
T 1 : (sợ sệt) Cháu chỉ mơ ăn xôi, ăn một bữa thật no. Bu cháu bảo phải đợi Hòa Bình lập lại đã !
T 2 : (lại làm tác động bồng súng) Còn cháu (nó đứng nghiêm rồi bước), cháu mơ làm lính, có súng thật (miệng hát), ị "đoàn người trai ra đi miệng hô lớn, quyết chiến, quyết thắng...".
Tiếng chị Hằng : Biết rồi. Con trai chúng mày nhẹ dạ lắm.
T 1 : (phân bua) Nhà cháu đói quanh năm, nhẹ chứ có được nặng dạ bao giờ đâu.
Tiếng chị Hằng : Mày thì nhẹ dạ dày. Còn thằng bé kia cơ. Nó nhẹ dạ vì...
T 2 : (khoa tay) Cháu không phải là dân nhà quê nhẹ dạ đâu đấy. Bố cháu có cửa hàng sách ở Hải Phòng, một hôm thì thầm, nông dân vốn nhẹ dạ, bảo cho đúng cách là gì cũng nghe. Cứ hứa cho ăn, cho xây nhà ngói, rồi sai xông vào chỗ chết cũng xông...
Tiếng chị Hằng : Chị biết (chép miệng), thế còn hai đứa gái ?
G 1 : Cháu quả thật chỉ mơ về Hà Nội. Cháu chán ở đây rồi. Chúa nhớ cậu mợ cháu lắm...

G 2 : Còn cháu, cháu mơ sau này lấy thằng này (tay chỉ T 2) làm chồng. Cháu có bà cô bị ế, khổ lắm, cả làng chửi là đoảng !
T 2 : Tao thì tao đếch lấy mày đâu. Tao phải đi lính. Với lại, mày già hơn tao hai tuổi đấy nhá...
G 2 : (ôm mặt khóc rấm rứt, nói đứt quãng) Gái hơn hai, trai hơn một. Bu tao bảo...
G 1 : Ranh con, mày đi lính chết thì vợ mày theo trai ngay. Mợ tao bảo với cậu tao ai dại gì mà góa.
G 2 : (nức nở) Không, tao không theo đứa nào cả...
T 2 : (nhìn T 1) Mày có đi lính với tao không ?
T 1 : Không. Eo ôi !
T 2 : Mày sợ à ?
T 1 : (ưỡn ngực) Tao đéo sợ gì cả...
Tiếng chú Cuội : Có thật không ? Nói dối là phạt...
T 1 : (hốt hoảng) Dạ...dạ, cháu sợ ma.

Đúng lúc đó một đàn đom đóm bay lại, ánh lân tinh chớp rực sáng một góc vườn.

Tiếng chú Cuội : còn mày ?
G 1 : Cháu sợ ma vú dài.
G 2 : Cháu sợ ma không chồng.
T 2 : Cháu... cũng sợ. Sợ ma.
Tiếng chị Hằng : Khi sợ các em hát to lên.

Bọn trẻ con đứng dậy, xách đèn, vừa đi vừa hát :

Bóng trăng trắng ngà
có cây đa to
có thằng Cuội già
ôm một mối mơ. Ôm một mối mơ...

Màn hạ

II THANH XUÂN

Bọn trẻ con lớn lên, vừa thanh xuân thì đình chiến. Và là rồi Hiệp Định Genève, hẹn sẽ hiệp thương và chỉ dăm ba năm nữa sẽ Tổng Tuyển cử. Chúng nó lại gặp lại nhau, cũng ở Nghi Dương, hai họ Vũ - Đặng gần xa họp mặt, không nói ra nhưng ai cũng hiểu là một cuộc chia ly.

Lại một tối trăng tròn.

Chỉ có ba đứa. Chúng ngồi ngoài sân, dưới gốc cây da cổ thụ, tay quạt phành phạch trong độ hè oi ả.

Thược : Chẳng thấy cậu Mống đâu, Lụa nhỉ ?
Lụa : Chắc anh ấy sắp về rồi. Đánh dậm thì cứ xâm xẩm là xong.
Hùng : Lụa này, cô có còn nhớ đêm rằm tháng tám năm xưa không ?
Lụa : (cười) Nhớ mang máng thôi. Anh về Phòng thế là bảy năm liền, có gặp ngoài đường ngoài chợ em cũng chẳng nhận ra.
Hùng : (cợt nhả) Còn tôi, tôi nhận ra cô em ngay...
Thược : Mình thì có đáo về một lần cách đây năm năm. Nếu không, có gặp Lụa thì cũng chỉ ngờ ngợ...
Lụa : (thật thà) Em gặp anh Hùng hay chị Thược thì chịu đấy. Em nói thật, gặp người thành thị chúng em chẳng dám nhận họ nhận hàng ngay đâu. Nhỡ nhầm thì xấu hổ lắm (nhìn Hùng). Thế anh, anh có đi Nam không ? Bu em bảo chỉ có nhà mình là ở lại, chứ trên anh và trên chị Thược, thế nào cũng đi thôi !
Hùng : (cười) Đi hay ở cũng thế. Bây giờ hòa bình, đâu cần đến lính. (Mơ màng) Xưa tôi chỉ muốn đi lính, bồng súng, ấc ê. Nay thì (chép miệng) là thời binh đao xếp lại...
Thược : Thế là may đấy, ai lại mong loạn lạc khói lửa (mơ màng, hát nho nhỏ) ị Ai có nghe tiếng hát hành quân xa...
Tiếng Mống : Cái bài này tôi nghe rồi nhé. Ai hát đấy, chắc chị Thược hả ?

Mống bước vào.

Lụa : Thì còn ai vào đấy mà hát hay thế. Giọng lại đặc Hà Nội, làm sao em hát thế được !
Hùng : (đứng dậy) Anh, bây giờ mới về ?
Mống : (ôm vai lắc) Chào cậu. Chào chị.
Thược : Mẻ hôm nay khá không ?

Mống lắc đầu, tay cầm điếu cày. Anh ta nhồi thuốc, châm lửa, rồi rít thuốc sằng sặc, khói nhả bay um một góc.

Mống : Được chục con bống trứng. Tối nay rán lên đãi người hàng tỉnh đấy (cười).

Thược : Này, nghe bà cụ bảo cậu sắp cưới cái cô Xinh làng dưới. Chỉ khao nhau cá bống thôi à ?
Mống : (giãy nảy) Bu em ép, nhưng em nào có nhận. Em phải lòng với người khác rồi mà !
Lụa : Thế mà em cũng chẳng biết. Người làng người nước với nhau mà giấu nhẹm, ghê thật !
Hùng : Ở Phòng, chúng tớ yêu nhau là đê-cla-rê ngay. Cứ lôi ra vườn hoa con Cóc, rồi a-lê-hấp, là xong. (chép miệng) Thuở chiến chinh nay sống mai chết, phải nói hết, nói ngay. Thằng nào nói chậm, thằng ấy thiệt...
Mống : (ngần ngừ) Chiến tranh thì ở quê chứ Hải Phòng lính Tây đông thế, có ai dám vào đánh đâu mà nay sống mai chết...
Thược : Yêu thì bảo yêu, có làm sao đâu. Thành thị thế thật đấy, cần gì chuyện nay sống mai chết.
Lụa : (cười) Nhà quê có khác, nhưng thật ra muốn biết thì cũng dễ. Thế mà chẳng ai nói gì về anh Mống cả... Giấu kín thế đấy.
Thược : (ngước nhìn, mơ màng) Trăng đêm nay trong nhỉ. Hà Nội không có trăng như thế đâu. Nghe này. Tiếng đế nỉ non. Rồi tiếng ễnh ương bờ ao phụ vào như gõ phách buông nhịp. Có lẽ rồi ta chẳng còn một đêm nào như thế này nữa, Lụa nhỉ (chép miệng). Rồi ta kẻ Nam người Bắc, có nhớ nhau cũng đành chịu...
Mống : (ngẩn ngơ) Thế gia đình trên ấy định di ư ?

Lụa và Hùng đột nhiên biến vào hậu trường. Đèn tắt, ánh trăng sáng dần, mơ hồ buông lơi trên mái tóc Thược.

Thược : (thơ thẩn đi về phía cây đa, nói một mình) Đêm trăng huyền diệu của tuổi thơ chúng ta năm nao còn vướng vất đâu đây, và bài hát ngày nào vẫn văng vẳng. (hát)

Cuội ơi, ta nói Cuội nghe
ở trên mây trắng làm chi...
muốn lên tới trời
ghé thăm cung Trăng
nên hỏi ông Trời
cho mượn cái thang. Cho mượn cái thang...

Mống đi theo Thược, nghe đến đấy, chạy vội đi. Chỉ có ánh trăng và bóng Thược bất động. Rồi tiếng chân. Mống ra, vai vác cái thang, chạy đến đặt ở gốc cây đa. Thược leo lên ba bậc, ngồi nhìn vào khoảng không.

Thược : (chậm rãi, dịu ngọt) Ai đem lửa châm lên đôi cánh con chuồn chuồn bốc màu đỏ tía như ráng hoàng hôn trong buổi thanh xuân của cuộc sống này (nhìn Mống, tay vẫy. *Mống ngẩn ngơ bước lại, quì xuống, áp môi vào đôi chân Thược*).
Mống : (nói như mơ) Tôi phải lòng thế là tám năm rồi. Ăn cũng nhớ, ngủ cũng nhớ, nhớ cái đêm rằm năm nọ... (mặt áp vào chân Thược, tiếp) Nhớ đến tuyệt vọng muốn cào cho chảy máu trái tim này.
Thược : (nhìn xuống, nhẹ nhàng) Mống cởi cái áo ra, đứng lùi lại.

Mống làm theo, ngực trần vai u, da đồng mun, thân hình sừng sững như bức tượng cổ, bất động, im lìm.

Thược : (vẩn vơ) Cứ như anh Vọi trong Trống Mái của Khái Hưng. Lại dây nào.

Mống bước lại, Thược lấy tay vuốt ve ngực, bụng, vai, rồi áp môi hôn lên. Bất ngờ, trăng chao nghiêng.

Tiếng chị Hằng : (khúc khích) Thật lãng mạn !
Tiếng chú Cuội : Thế bây giờ mơ ước gì đây ?

Đèn tắt. Thược và Mống biến ra sau hậu trường.
Tiếng ễnh ương lại vang lên cùng tiếng dế nỉ non. Gió xào xạc thổi qua tàng lá cây đa lung linh ánh trăng. Cạnh bờ ao gần đó, Lụa và Hùng ngồi, lưng xoay lại.

Lụa : Nhanh thật. Bây giờ đằng ấy là con trai rồi, chẳng bé bỏng như xưa.
Hùng : ...là thanh niên (ưỡn ngực), nhưng chắc không đi lính nữa (thở dài). Đình chiến rồi !

Lụa ngồi dựa vào Hùng.

Hùng :(giọng bỡn cợt) Còn đằng ấy. Năm nay lấy chồng được rồi đấy !
Lụa : (cười) Lấy ai ? Ngày còn bé, chú Cuội hỏi, tôi đã nói rồi, nhớ không?
Hùng : (cười) Chuyện trẻ con, nhớ làm gì !

Lụa dựa đầu vào vai Hùng, lim dim, nói như thở

Lụa : Nhớ chứ ! Sợ nhất là ma không chồng.

Hùng vòng tay ôm lấy Lụa. Hai người rúc vào nhau. Tiếng Lụa rên rỉ kêu đừng, đừng làm thế đau. Bỗng gió nổi như bốc trần gian lên trời. Một đàn dom đóm bay ra sáng rực góc ao.
Đèn tắt. Tiếng chân.

Hùng : (thất thanh) Ối giời ơi, có ma !

Tiếng chân chạy.

Lụa : Làm gì có ma ! Đằng ấy ơi !

Vẫn im lặng. Một lát sau, nghe tiếng lõm bõm dưới ao.

Tiếng chị Hằng : Em làm gì thế ! Định tự tử à ?
Tiếng Lụa : Không, nóng quá (tay vuốt ngực). Lội xuống cho nó mát, nóng thế này em chịu không nổi nữa !

Đèn bật.
Bốn người ngồi ngoài sân. Gốc cây đa vẫn còn cái thang. Mống lưng trần, vai u. Lụa ướt nhèm nhẹp, áo bó vào người, ngực nhấp nhô. Thược mơ màng nhìn lên ánh trăng lung linh trên tàn lá. Còn Hùng, Hùng quay nhìn về phía bờ ao.

Tiếng chị Hằng : Bây giờ các em mơ ước gì ?
Tiếng chú Cuội : Không được nói dối nhé. Bị phạt thì đời đời kiếp kiếp lên cung Trăng đây mà nghe nhân gian nói thật.
Thược : (mơ màng) Em mơ làm một nhân vật tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn.
Lụa : (giọng như mơ) Còn em, em vẫn muốn lấy nó (tay chỉ Hùng) làm chồng.
Mống : (ngẩn ngơ) Em thì khác, đói cũng được, chỉ mong sao cái đêm nay dài ra đời đời kiếp kiếp...

Hùng đứng dậy, vẻ trốn tránh.

Tiếng chị Hằng : Còn em ?
Hùng : (Lúng túng, rồi mạnh bạo vừa bước vừa nói) Em vẫn mơ làm lính. Hết đình chiến là lại đánh nhau ngay. A-lê-hấp, một hai, một hai. Đứng lại, nghiêm ! Nghỉ ! Nghiêm ! Đằng trước, quay. Đằng sau, quay ! Bồng súng,

bồng !
Tiếng chú Cuội : Thằng này kiên định, trước sau như một. Được dấy ! Không đổi ý mà lại ngu mới sợ. Thế bây giờ, chúng mày sợ gì ?
Thược : Em sợ nhất là không nhà không cửa.
Mống : Em, em sợ nhất là sống mà xa người em phải lòng (đám đuối nhìn Thược).
Tiếng chú Cuội : Thằng này vẫn nhẹ dạ ! Còn mày, con bé kia ?
Lụa : Em thì sợ làm ma không chồng.

Đến lượt Hùng, Hùng vẫn lúng túng.

Tiếng chú Cuội : Vẫn còn mày ? Lúc nào cũng chậm mồm !
Hùng : (đáp vội) ... sợ ma. Thế thôi !
Tiếng chú Cuội : Thằng bé này quả là trước sau như một !
Tiếng chị Hằng : Nó thế thì chẳng ai phạt để nó lên cung Trăng làm bạn với chúng mình đâu ! Thôi nhé, các em ở lại !
Giọng Thược : (não nề) Ôi, cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy !

Màn hạ.

III TUẾ NGUYỆT

Làn sóng di cư ồ ạt bứng cả triệu người từ Bắc vào Nam. Dĩ nhiên, người thành thị đi nhiều, nhưng không phải không có những chuyện trớ trêu. Chẳng hạn như gia đình Thược ở Hà Nội. Bà mẹ có hai cái nhà, dạm mãi vẫn không bán được, cứ tiếc của chần chừ. Đến ngày tiếp quản Thủ Đô, bà xua lũ con ra đón bộ đội cụ Hồ, lẩm bẩm "Chỉ hai năm là Hiệp Thương, đi làm gì ?". Ông bố chửi " ...cho chúng mày trắng mắt ra, đã bảo mà không nghe !". Phần gia đình Hùng, câu chuyện vui hơn. Bố cậu ta về làng, định tâm lễ lạy các cụ cho trọn chữ nghĩa rồi mới lên đường. Thế là du kích bắt trói gô lại vì cái tội chưa lễ lạy các cụ mà đã lén lút ngay với người tình cũ nay là vợ của một đồng chí đang công tác trên khu IV. Cả nhà Hùng đã khăn khối sẵn sàng, cứ đợi, đợi rồi sốt ruột nhờ người về lấy tin. Vỡ lẽ ra bà mẹ chửi "... Đáng đời ! Không đi đâu nữa. Tao theo Cách Mạng. Thế là công bình lắm...". Phần Lụa, cô con gái đến tuổi bẻ sừng trâu ấy lên Hải Phòng, đến nhà Hùng rấp tâm xin đi cư theo. Nhưng chuyện rối beng, một hôm cô ta bảo ra chợ Sắt, và rồi thế là biệt tăm. Chuyện của Mống thì khác. Mống giao du với một đám bạn trai ở một làng đạo gần Kiến An. Cha xứ bảo "Đức Mẹ vào Nam rồi!". Cả làng lục tục theo Cha, trong đó có cô Xinh.

Xinh bảo Mống "Xin Cha rửa tội, rồi có đi thì mới đi được". Mống tự nhủ, rửa tội thì sạch tội, không rửa không vào Nam thì làm sao tìm được Thược. Mống đâu có ngờ là lúc đó cô Thược ở phố Hàng Đào thút thít giục mẹ " Giời ơi, người ta đi hết mà nhà mình cứ luẩn quẩn thế này!".
Gần ba mươi năm sau làn sóng di cư, Mống về Nghi Dương để chôn mẹ nhưng muộn mất mấy ngày.
Thế là vẫn cảnh sân nhà, gần bờ ao và gốc cây đa cổ thụ. Lại đêm trăng. Lạ nhỉ, sao cứ mãi đêm trăng ? Lần này, tiếng trẻ láo nháo.

Mống : Gọi chúng nó vào đi, trời tối rồi ! (nhìn Thược) Tôi chỉ mang được hai đứa cháu nội về lạy bà cụ, ba đứa kia còn bé quá, chị ạ !
Thược : Anh đông con cháu nhỉ.
Mống : Tôi ba trai, hai gái. Còn cháu nội cháu ngoại tất cả năm đứa rồi. Thằng cả nhà tôi không có lộc chết trận năm 75. Nhà thế là tất cả mười làm miệng ăn đấy...
Hùng : Anh Mống không biết chứ ở miền Bắc sinh đẻ có kế hoạch lắm. Tôi chỉ có một trai, một gái. Chúng nó vẫn chưa vợ chưa chồng, đúng chính sách tam khoan. Chưa yêu thì khoan yêu. Yêu rồi thì khoan lấy. Lấy rồi thì khoan đẻ...
Thược : (mỉa mai) Chú thì lúc nào cũng chính qui cả. Đói thì khoan ăn nhé!
Hùng : (đứng lên, vớ cái nạng, đi ra) Chị bảo, mình đã bỏ cả đời vào. Rồi tặng Tổ Quốc cái chân trái, chấp hành chính sách là yêu nước đã...

Chỉ còn Mống và Thược.

Thược : Chú ấy nói thế thôi. Bây giờ là thư ký công đoàn một cái xí nghiệp thuộc da ở Hải Phòng, chú ấy cũng vất vả lắm... Buồn cười thật. Xưa cứ đòi đi bộ đội, nhưng bị qui thành phần, phải chờ. Đến lúc hết người, cho chú ấy vào, lại bị chỉ định làm anh nuôi lo cơm lo nước cho đơn vị. Đùng một cái giải phóng. Vào thì đâu còn đấm đá gì, thế mà lại dấm vào mìn trong rừng khi đi săn khỉ để "cải thiện" có thêm chất đạm cho chiến sĩ. Toi một cái chân để phục vụ bữa ăn, mà mìn là mìn mình gài, thế có oái oăm không cơ chứ ?
Mống : (lắc đầu, nhìn Thược, ngại ngùng) Còn chị, tôi bấy lâu nay không biết tin tức gì !

Thược : (mắt đỏ hoe, ngập ngừng) Thì cũng như mọi người thôi ! (mơ màng) Xưa tôi chỉ mơ làm một nhân vật tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn. Chuyện đó tưởng nói chơi mà hóa thật, anh ạ. Năm hai mốt tuổi, tôi lấy nhà

tôi. Hồi đó anh ấy công tác ở khâu Văn Nghệ Quân Đội, lo việc in ấn, thỉnh thoảng cũng có viết. Ban đầu, anh ấy bảo nhân vật này của anh là em đấy. Tôi đọc, giãy lên, em dâu mà em ? Em có bao giờ thi đua tát nước mới gánh phân đâu ? Mới lại, em có biết hợp tác xã là gì mà lại dám bảo cụ Tiên Chỉ là thời nay khác, hợp tác là xu thế Cách Mạng, và đòi cả làng họp nhau chia đất, chia công như trong truyện của anh. Anh ấy đáp, thì có vậy, nhưng bởi em chưa biết cái phần hồn của em. Chết chửa ! Nhỡ có thế thật thì làm sao mà đòi lại được cái mình không biết. Tôi quýnh lên, đến cuối năm thì nhà tôi vội vã lên Sơn Tây thăm ông cụ. Bố chồng tôi hiến hết cho Cách Mạng dâu hai ba mẫu ruộng gì đó từ hồi khởi nghĩa, nhưng dẫu không còn gì mà vẫn bị qui là địa chủ bóc lột từ ba đời, kể từ đời ông cố xưa có làm Đốc Đồng dưới triều Tự Đức. Nhà tôi lên đến nơi thì mộ ông mới vùi, chưa có được một ngọn cỏ, đất vẫn còn ướt. Anh ấy về, cơ quan xếp vào thành phần bất mãn...

Tiếng nạng lọc cọc. Thược im bặt khi Hùng đi ra, bỏ nạng xuống, tay châm điếu cày rít mơ màng, Hùng nhả khói bay xanh um một góc sân.

Hùng : (mắt nhìn trăng, tay rót nước) Anh thấy làng có thay đổi nhiều không, anh Mống ?

Mống : (ngần ngừ) Cũng có ! Thêm được ít nóc ngói. Nhưng sao sinh đẻ có kế hoạch mà người đông thế nhỉ...

Hùng : (ngắt) Ấy là để phục vụ yêu cầu của chiến tranh. Đông người thì đoạng chân động tay cũng đông. Nông nghiệp của ta bây giờ là hàng đầu thế giới đấy ! À mà này, anh có tin tức gì của cô Lụa không ?

Mống : Hồi mới di cư, đám cưới cô ấy tôi có đi. Người làng nên rồi cũng như người nhà, qua lại với gia đình tôi như ruột thịt. Số cô ấy thật vất vả. Nhà tôi mối me, cô ấy lấy chồng rồi đẻ đứa con gái đầu lòng là chồng chết. Mấy năm sau, cô ấy ra Đà Nẵng thầu nấu ăn cho trại lính. Bằng đi một thời gian, cô ấy tái giá với một ông Đại úy, đẻ được một đứa con trai. Lại đùng một cái, ông Đại úy chết trận. Sau ngày 30-04, nghe cô ấy đã qua Mỹ...

Hùng : (thở dài) Thế à ! Thôi thế cũng yên. (chắc lưỡi) Đế Quốc nó bắt người mình làm con tin, tội thật...

Thược : (sẵng) Con tin với con ngỡ. Nó bắt làm gì ? Đến hay, quí báu gì mà bắt.

Hùng : (điệu bộ bí mật) Ấy, trên phổ biến nội bộ, bảo là nó giữ người mình để trao đổi với bọn giặc lái mình bắt, chị ạ ! Cứ hai đổi một là nó đổi hết... (quay sang Mống) Từ Mỹ cô ấy có liên lạc gì về không anh Mống. Đi Mỹ thế thì cũng đến mười năm rồi...

Mống : Cô ấy viết thư báo lại tái giá rồi. Nhưng bên Mỹ không có chiến tranh nên lần này chắc là lần cuối. Cô ấy có vẻ ăn nên làm ra lắm, thỉnh thoảng lại gửi về cho các cháu nhà tôi một thùng quà.
Hùng : (ngẩn ngơ) Quí hóa thật !
Thược : (mỉa mai) Con tin mà thế được nhỉ ! Thế bao giờ mình mới gửi được một thùng quà cho cô ấy nào !
Mống : (cười xả lả) Có số cả ! Ai phận nấy, so bì làm gì. Như tôi, con đông thì trước lo cho con. Bây giờ, con không tự lực thì lo đến cháu. Rồi cũng sống (giọng buồn buồn), cơ cực cũng sống.
Hùng : Thế các cháu, chúng nó có công ăn việc làm cả chứ.
Mống : (lắc đầu) Chẳng có gì ổn định cả. Thằng lớn chạy chợ, đông ra đông vào. Con em nó thì đi may thuê. Con cháu bé bán hàng, còn nhà tôi thì cứ sáng sáng là bán bún riêu, bún ốc. Tôi sửa xe đạp đầu ngõ, kiêm cả việc trông cháu nội cháu ngoại.
Thược : Thế còn một cháu trai nữa, nó làm gì ?
Mống : (ngần ngừ) Cháu ở trong trại cải tạo. (nhìn Hùng) Nó dại dột theo chúng bạn vượt biên (Lại nhìn Hùng, xoa tay).
Hùng : (đứng lên) Dại dột thật. Nhưng vào cải tạo thì được giáo dục cũng tốt đấy.

Mống nhìn Thược vẻ chua xót. Thược lẳng lặng cắn môi nhìn Hùng chống nạng đi vào. Một đàn đom đóm lập lòe bên bờ ao, thỉnh thoảng có tiếng ễnh ương kêu rồi nhảy tòm xuống nước.

Mống : (ngần ngừ) Chị nãy kể là anh nhà ta thuộc thành phần bất mãn...
Thược : (giọng chua chát) Vâng. Thế là hạ tầng công tác cho đến năm 62 thì người ta bảo nhà tôi thuộc loại "xét lại chống Đảng". Từ đó đi tù mười năm, chẳng xét xử, chẳng án ung gì. (thở dài) Tôi lúc đó nách hai con, thằng lớn bốn tuổi, thằng bé vừa đúng hai tháng, (bất ngờ nức nở) tôi lại chỉ mới hai tám, hai chín tuổi... ối giời đất ơi !

Mống luống cuống, tay để lên vai Thược đang run rẩy như con giun bị xéo dưới gót giày, miệng lập đi lập lại "Tôi xin chị, chị Thược ! Có ngờ đâu chị cơ cực thế !". Thược nghẹn ngào một lát, vừa thở ra, vừa nói

Thược : Nhà tôi về, ốm đau liên miên được ba năm thì chết. Thế là mẹ góa con côi cho tới nay. Gia đình tư sản, chồng thì phản động "xét lại", tôi làm gì có công ăn việc làm. Thế là còn mỗi cách : bày cái bàn con bán thuốc lá, kẹo lạc, nước chè, cà-phê, nước chanh ở đầu ngõ. Đấy, đời tôi, rốt cuộc

không hơn một con chó, giả ngu giả dại, lúc nào cũng nơm nớp. (bật cười, rồi lạnh lùng) Đúng là một nhân vật tiểu thuyết, nhưng chẳng còn các ông Tự Lực Văn Đoàn nào viết truyện cho...
Mống : (nhỏ nhẹ) Chị cứ một mình nuôi con à !
Thược : (lại bật khóc) Anh bảo, ở cái xã hội đó thì còn ai dám cưu mang một thứ gái góa thành phần xấu như tôi... Còn quá là cùi, là hủi, là thương tật, anh ơi !

Mống luống cuống, tay lại lay lay vai Thược, mồm lẩm bẩm "Tôi xin chị, tôi lạy chị, đừng khóc". Bỗng gió bốc những chiếc lá đa bay tốc lên xào xạc. Trăng sáng hẳn lên đổ bóng người ngã xấp xuống sân.

Tiếng chị Hằng : Thôi em ơi, đừng khóc, vô ích !
Tiếng chú Cuội : Khóc một tí cho hả cũng đỡ !

Tiếng nạng lại lọc cọc gõ trên nền gạch. Hùng ra, tay xách phích nước sôi, lẳng lặng đổ vào bình trà, mắt liếc nhìn Mống và Thược, đầu gật gù.

Tiếng chị Hằng : Dẫu thế nào thì cũng phải giữ cái khả năng mơ ước !
Tiếng chú Cuội : àvà khả năng biết sợ !
Tiếng chị Hằng : Thược, em nói đi.
Thược : (vội vàng) Tôi mơ ? Bây giờ mơ gì được hả chị Hằng ? Hay là, hay là tôi mơ có một kiếp sau để bù cái kiếp này cho công bằng ?

Thược ôm mặt khóc rấm rứt.

Tiếng chú Cuội : (thương hại) Còn chú mày !
Mống : (nghẹn ngào) Tôi sợ làm người lắm rồi. Phải lòng là khổ. Rồi trăm sự lo toan.
Tiếng chị Hằng : Vì thế phải biết ước mơ !
Mống : Tôi mơ, phải, tôi phải biết ước mơ. Tôi mơ cả nhà tôi không lo đói từng ngày!
Tiếng chú Cuội : Nói thật nhé. Dối là ta kéo lên gốc cây đa trên cung Trăng này đấy! Thế, chú mày ?
Hùng : Còn tôi, tôi mơ có lại được cái chân trái. Sợ, thì tôi sợ đi lính lắm rồi!
Tiếng chị Hằng thở dài.
Tiếng chú Cuội : Chúng nó nói thật cả. Thôi ta đi chị ạ ! Cuội này chắc muôn đời lẻ loi với chị.

Giọng Mống, rồi Thược, rồi Hùng :
- Không, chúng tôi nói dối hết. Cho chúng tôi lên cung Trăng với...

Mây bay qua che mặt trăng. Bóng tối phủ xuống.

Màn hạ

IV TÀ TÀ BÓNG NGẢ ...

Vào những năm 90, bỗng nhiên người trong nước liên lạc với quyến thuộc Việt Kiều ở mọi nơi, nhất là ở Mỹ và những nước Tây Âu. Ở làng Nghi Dương, con cháu hai họ Vũ - Đặng bắt chước cả nước để ra cái sự xây lại Tổ Đường, làm theo đúng khẩu hiệu KIÊN QUYẾT GIỮ GÌN TRUYỀN THỐNG VÀ SỐNG NẾP SỐNG VĂN MINH ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC. Họ lập một danh sách, tìm địa chỉ, và gửi thư đến những gia đình hai họ đang sống ở hải ngoại. Oạng Hùng được trao nhiệm vụ viết thư, thảo ra chương trình xây dựng, điều hành mọi việc "để các cụ mát lòng nơi suối vàng". Vốn đã quen với việc tổ chức, nguyên Thư ký Công Đoàn xí nghiệp thuộc da số II ở Hải Phòng bắt tay vào là hội, là họp, nhất trí rồi thông qua, rất có qui củ. Vấn đề đầu phải khắc phục là tìm đâu ra tiền tem. Ông bảo "...coi như là tiền đầu tư. Một vốn bốn mươi nghìn lần lời, còn muốn gì!". Theo đúng nguyên tắc dân chủ tập trung, ông Hùng thu tiền lập công quĩ để mua tem, giấy viết thư và phong bì. Định loại "thu nhập" trên khả năng đóng góp của quyến thuộc ở hải ngoại, ông đề ra số thư phải gửi, gửi cho ai, ai viết, thậm chí viết gì, tất cả đều nhất nhất dựa trên nguyên tắc kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa do Nhà Nước xướng ra. Trong số những người ở California, có bà Lụa, hai đứa con thì một là bác sĩ, một có cửa tiệm bán áo cưới trên Bolsa, ngay thương xá Phúc- Lộc-Thọ. Bà Lụa được xếp vào hạng nhất, và chính ông Hùng tự tay viết cho bà một bức thư, trong đó có một đoạn viết rất cảm động. Thật là thiếu xót nếu không trích lại hầu quí bạn :

"... tôi ngày nào vẫn thế, dĩ nhiên là già đi, nhưng thời gian chẳng xóa nổi cái đêm xưa nơi bờ ao, kỷ niệm không thể nào quên trong một đời người... Ngày nào Lụa về ? Bây giờ Kiều bào ta qua lại, không khí cởi mở, và giờ đoàn viên đã điểm. Không về thì bao giờ mới thấy nhau đây ? Cóc chết ba năm còn quay đầu về núi, nên cái hy vọng ngày được gần nhau tất phải có...".

Quyến thuộc nhận được thư nhà, xem ra cái chương trình ị Để các cụ mát lòng nơi suối vàng <f1>ể cũng không đắt đỏ gì. Thế là họ xúm nhau

vào, kẻ vài ba chục, người năm bảy trăm, một hai ngàn đô đóng góp để mua gạch, quét vôi, sửa sang bàn thờ... Tất cả đều có giấy tờ kết toán minh bạch, và nếu có lời ra tiếng vào, là chỉ với người trong nước trong làng với nhau. Sau khi chụp ảnh đủ kiểu những ngôi mộ Tổ dường được trang điểm lại, người trong nước gửi giấy mời người ngoài nước về lễ lạc. Đó là dịp bà Lụa quay về Nghi Dương sau ngót nghét năm mươi năm xa cách, sau di cư, sau đi tản, rồi vượt biển, H.O, đoàn tụ... Những danh từ đó cõng trên lưng những cái dích thời gian, cái nào cái nấy luôn luôn có một cụm từ "Ôi, cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!" đệm vào như những tiếng đại hồ cầm giữ nhịp cho một bản nhạc nhàm tai.

Những nhân vật ở tuổi mơ gặp lại nhau vào lúc tà tà bóng ngả về Tây. Lại xin nhắc :

Gái 1, tức là bà Thược bây giờ, lưng còng, tóc bạc, đầu nay quấn một cái khăn lụa màu nâu, người gầy gò, đi đã có dáng lẩm chẩm.

Trai 1, tức là ông Mống. Cháu đích tôn ông mới sinh ra một đứa gái nay biết bò. Ông đã lên hàng cụ nhưng trông vẫn khỏe, chỉ tội móm mém, mắt trông gà hóa guốc.

Gái 2, tức là bà Lụa. Bà mới gần sáu mươi, mặc quần tây, áo thun, tóc nhuộm màu đen có chút hung hung đỏ, mặt đánh phấn, môi thoa son đỏ, mắt kẻ chì tím biếc.

Trai 2, tức là ông Hùng. Trái với ước mơ lần cách đây hai mươi năm, ông vẫn mất một cái chân trái. Tuy thế, ông có cây nạng tân trang, dưới có lót cao-su nên tiếng chống trên đất không lọc cọc như xưa. Ông đeo kính lão xị xuống sống mũi, tóc hoa râm, mất răng cửa nên khi nói ông đưa tay lên che miệng.

Trong sân xưa, vầng ánh trăng lung linh mơ hồ phủ lên tàn lá cây đa cổ thụ. Ven bờ ao, họ ngồi trong tiếng dế nỉ non, thỉnh thoảng lại thở dài nhè nhẹ.

Bà Lụa : Mai đi, tối nay mới có thì giờ ngồi chuyện trò với nhau một tí nhỉ...

Ông Hùng : Thì bộn bề mọi việc. Người nhà hai họ về có đến gần trăm, kể cả trẻ con. Có ai ngờ năm mươi năm trước là có người nhà về từ Mỹ...

Bà Lụa : (cười) Nhanh thật. Bác Mống bây giờ có cháu gọi bằng cụ. Cụ Mống (lại cười) chứ không còn là anh con giai mũi thò lò cứ nhấp nhổm chạy theo chị Thược...
Ông Hùng : (bạo dạ, bông lơn) Như tớ chạy theo đằng ấy...
Bà Lụa : ... Cứ đối như Cuội. Ngày xưa tôi lên Hải Phòng dịnh di cư với gia đình ông, ông chẳng nguây nguẩy, ý đuổi tôi đi là gì (buồn buồn). Thế là tôi leo tầu Há Mồm, đi thì đi... Có ai ngờ là cả nhà ông kẹt lại. Vào Nam tôi mò mãi mới ra ông Mống... Từ đó, đúng là thân gái dặm đường, (giọng ấm ức) nghĩ lại mà tủi thân (khóc thút thít).

Ông Hùng đưa tay ra định quàng vai, ngập ngừng rồi thôi, rụt tay lại. Im lặng. Tiếng ếch kêu váng lên. Chó sủa ăng ẳng .

Bà Lụa : Lấy chồng, rồi chôn thế là ba lần. Hai lần đầu chồng chết trạạn. Lần cuối thì chết vì đứng tim. May mà không lấy ông (nhìn ông Hùng), chứ số tôi sát lắm, biết đâu lại chẳng chôn ông đến ba lần...
Ông Hùng : (nghĩ trong bụng, may thật, nhưng mồm lại nói với giọng bất cần) Chết thì thôi. Sợ gì !
Bà Lụa : (cười nhạt) Sợ gì ? Sợ ma chứ sợ gì. Không nhớ à, ngày tôi mới mười sáu, tôi cũng ngồi đây cạnh ông, hệt như thế này. Đom đóm bay làm ông kêu lên là ma rồi ông bỏ ông chạy... (chợt cười ngặt nghẽo) Tôi bảo thật, tôi mới là không sợ gì chứ ông, cái gì ông cũng sợ. Sợ quá nên mơ có súng, cứ tưởng là lính thì hết sợ...
Ông Hùng : (ngượng ngập, nói lảng) Mà này, ông Mống với bà Thược hẹn lâu rồi sao vẫn chưa thấy nhỉ ? Có cả bốn đứa chúng mình thì chỉ còn đêm nay thôi...

Đến lúc đó, tiếng trẻ hát lên:

Bóng trăng trắng ngà.
Có cây đa to.
Có thằng Cuội già.
Ôm một mối mơ. Ôm một mối mơ ...

Tiếng chó sủa rồi tiếng xuỵt chó. Tiếng chân. Mống vào.

Ông Mống : Bà Thược bà ấy dạy hát cho mấy đứa bé. Hôm nay là ngày rằm mà. Bài hát lâu rồi tôi không thuộc nữa, nghe lại làm sao cứ buồn buồn thế nào ấy.

Bà Lụa : Bác bây giờ con cái cháu chắt cả nhà có lẽ đến ba chục mạng. Bác lập ban nhạc hợp xướng được rồi đấy (cười, hát nho nhỏ) "Có con đế mèn. Hát trong đêm thâu. Hát xẩm không tiền. Nên nghèo xác xơ. Nên nghèo xác xơ."

Ông Mống : Ấy, họ nhà tôi đa đinh nhưng nghèo thì cứ nghèo, cô ạ ! (Nửa đùa nửa thật) Đội ơn cô, cô làm sao bốc được một đứa sang Mỹ. Nó có tay có chân thì nó có làm có ăn, gửi tí tiền về là đại gia đình có đồng ra đồng vào, chứ cứ mãi thế này thì cứ bữa sáng xong là lo bữa tối.

Ông Hùng : Đấy là miền Nam. Miền Bắc thì có kế hoạch hơn...

Bà Thược : (đi vào) ...vâng miền Bắc tiến bộ hơn hẳn nửa ngày. Cứ bữa tối thì lo bữa sáng hôm sau. Được cái là "sĩ" lắm, nên lo mà không nói...

Bà Lụa : (làm ra vẻ xuề xòa) Ấy lo thế mà lại có cái hay. Như em, ăn no là chỉ lo béo. Bọn Mỹ nhiều đứa ô-bi-đơ, phì ra trông hãi lắm.

Ông Hùng : (đổi giọng, khẩn khoản) A...a...có mặt hai bác, tôi xin trình bày ngay với cô Lụa. Việc cô giúp xây lại Tổ Đường, ai cũng biết ơn. Nhưng nhân dịp cô về, dân cả làng lại có đề nghị xin cô giúp cho đào cái giếng. Cô về cô thấy, việc nước là việc làng phải lo. Giờ người đông, tiểu tiện đại tiện thành quốc nạn, nước bẩn đến độ không dám giúng tay vào rửa chứ đừng nói là uống, là ăn. Chúng tôi có điều nghiên cái đề án đào giếng gạn đục khơi trong, tốn kém chỉ độ chưa tới nghìn đô. Trên thành giếng gắn một bảng công đức bằng xi-măng, thì thêm năm chục...

Bà Thược : (gắt) Cứ xin mãi thế thì một cô Lụa chứ mười cô Lụa cũng chẳng chịu nổi...

Ông Hùng : (sẵng) Bà chị nay ở hẳn Hà Nội nên không nắm tình hình chứ từ ngày hưu, tôi về đây thì thấy rõ nhu cầu bức thiết của dân làng ruột thịt...

Bà Lụa : (cười) Em cũng thấy. Cái áo sơ mi trắng em giặt, nó hóa ra màu vàng xỉn. Thế là cô cháu xin, cho ngay. Cái quần đin loại vải mềm cũng giặt, nó thành ra cứng như tôi hồ, lại cũng cho. Cho hết, cho từ Nam ra Bắc. Bây giờ em chỉ còn bộ này trên người, bị lột nữa là trần xì...

Ông Hùng : (nhỏ nhẹ) Nói là đóng góp bằng đô, chứ quần áo... thì cô cứ giữ một bộ mà mặc.

Ông Mống : (giọng quan trọng) Tôi là phó thường dân nói không ai nghe, chứ chú, chú nói với "trên", cứ bảo cho một phần ba người nước ta đi Mỹ, thế nào mà chẳng nuôi được hai phần ba người ở lại...

Ông Hùng : (thì thào) Anh không biết, "trên" có tính toán hết. Mỹ cho người Việt mình thông minh, lại chịu khó nên nó kỳ kèo lấy một nửa, không thì thôi. Vì thế nên vẫn điều đình đấy...

Bà Lụa : (cười) Thôi được rồi. Mai em đi, không sẵn tiền nhưng xin có một lời hứa. Chả là em có quen một ông Thượng Nghị Sĩ, rồi cháu trai nhà em

lấy vợ Mỹ lại là con một tay tỷ phú ở Texas, nên chuyện đào giếng là chuyện nhỏ, muốn mấy chục cái cũng được... Còn cái bản công đức thì làm bằng đồng nó mới bền vững với thời gian, nhớ đề tên thì để cả tên thầy bu em với. Không có các cụ, làm gì có em...

Ông Hùng : (xoa tay) Nhất định, nhất định. Thế là truyền thống đấy. Mai tôi điện ngay lên Huyện báo. Thế nào Huyện cũng có xe nhà nước đưa cô ra Hải Phòng. Cánh cán bộ viên chức chúng tôi lúc nào cũng làm ăn tập thể cả...

Ông Mống : Cho tôi đi với. Gớm, hai hôm trước đi xe hàng vào chỉ có năm mươi cây số mà mất nửa ngày. Tôi đi với hai cháu, có chật quá không ?

Bà Thược : (hừ một tiếng) Bác ạ, bác trước sau vậy ! Chật đứt đi chứ sao lại không ? Bác quả là một nhân vật trong tiểu thuyết. Xưa tôi ước mơ tôi sẽ là một nhân vật tiểu thuyết. Trớ trêu sống cho đến ngày nay, tôi mới thấy cái mơ ước của tôi đã thể hiện qua những người bạn tuổi mơ (nhìn Lụa, rồi nhìn Hùng). Mỗi người đây là nhân vật của một cuốn tiểu thuyết ... (ngẫm nghĩ) Thế mà tôi như trên cung Trăng, lúc thì tôi mơ là Loan của Nhất Linh, khi thì tôi lại tưởng đang trong vòng tay anh Vọi của Khái Hưng (nhìn Mống, chặc lưỡi). Trên trái đất này, chỉ nhìn cho kỹ là đầy những nhân vật tiểu thuyết...

Bỗng nhiên, gió ù ù thổi. Ở gốc cây đa, không biết ai đã bắc một cái thang. Mây che, ánh trăng bỗng nhòa đi, xầm xuống.

Tiếng chú Cuội : Đúng là có mặt cả ! May mà có đứa nhắc đến cung Trăng, tôi mấy mắt mới nhìn xuống. Nghe đâu là mai chúng nó lại đi hết, chị muốn chuyện gì thì hỏi ngay...

Tiếng chị Hằng : Lại có đủ bốn em của chị, các em còn nhớ cái buổi tuổi mơ chứ nhỉ ?

Đồng thanh : Dạ nhớ !

Tiếng chú Cuội : Thế là đủ cả chúng mày ! Năm mươi năm qua, chúng mày có đối trá gì không ?

Im lặng.

Tiếng chú Cuội : Trả lời đi ! Có lỡ dối thì chỉ một lần nói thật, Trời Đất cũng tha tội, nghe chưa ? Sao, chúng mày có đối trá gì không ?

Đồng thanh : Dạ không !

Tiếng chú Cuội : Láo ! Láo thật ! *(thở dài) Chúng mày không nói thật thì đến đời nào tao mới về được với nhân gian !* Chẳng lẽ cứ mang mãi cái mối

mơ này đời đời kiếp kiếp ? (gằn giọng) Tao cho nói lại, nói cho thật, chúng mày có đối trá gì không ?

Lụa : (vội vã) Riêng em thì em có đối trá, nhưng chỉ đúng một chuyện. Em năm mươi chín tuổi, em cứ giảm một chục cho chắn, ai không biết hỏi tuổi là em bảo em cũng sắp năm mươi...

Tiếng chị Hằng : ...tội cho em tôi ! Như chị không có tuổi nên chẳng phải nói dối. Với lại, dối thế vô hại... Thôi nhé, xí xóa. Để cái chuyện chú Cuội sang một bên, chú ấy lên đây với chị thì chị cũng dỡ buồn. Bây giờ chúng mình lại gợi chuyện xưa, cái chuyện ước mơ ấy mà...

Tiếng chú Cuội : Với lại chuyện sợ nữa. Cấm nói dối nhé ! Dối là ta đem chúng mày lên đây hết, dời đời kiếp kiếp ngồi gốc cây đa này, trắng mắt ra mà ngó thế nhân...

Tiếng chị Hằng : (giục) Nào, nói đi !

Bà Thược : (lẩm bẩm) Lúc bé ước về nhà ở Hà Nội, thanh xuân thì mơ thành một nhân vật tiểu thuyết, rồi hai mươi năm sau mơ có một kiếp sau. Bây giờ (luống cuống), bây giờ...

Tiếng chị Hằng : Mau lên nào !

Bà Thược : Bây giờ (buột miệng), em mơ lên cung Trăng ! Lên như Phạm Tuân đi tầu vũ trụ ấy, làm thí nghiệm nuôi bèo hoa dâu trong không gian cũng được !

Ông Mống : Tôi cũng thế, cho tôi theo với. Xưa tôi đã nói rồi, tôi ước mơ được sống với người tôi phải lòng mà...

Ông Hùng : (ngẫm nghĩ) Ở trên cung Trăng mà không cần cái chân trái thì tôi cũng đi lên...

Chú Cuội : Không cần ! Vì chỉ ngồi gốc cây đa thôi, mất hai chân cũng chẳng sao. Thế còn mày...

Bà Lụa : Thật khó cho em. Nói ra chỉ sợ các anh, các chị mích lòng. Em sống ở bên Mỹ quen rồi, cứ đi đâu lạ giường lạ chiếu là khó ngủ... Với lại, em thưa thật, hai năm sau ngày chồng em mất, em có quen với một người... tốt bụng và có hứa là...

Ông Hùng : (giọng van vỉ) Thế cái tình xưa thế nào ? Ở tuổi mơ, em bảo em muốn lấy thằng này (vỗ ngực). Đến độ thanh xuân, em cũng bảo em muốn lấy thằng này (vỗ ngực). Bây giờ em định lấy thằng khác thì... khổ cho thằng này (vỗ ngực) quá đi !

Bà Lụa : (thở ra) Tình chỉ đẹp khi tình còn đang dở !

Bà Thược : (reo) A, thế cô Lụa cũng thuộc thơ lãng mạn nhỉ...

Ông Mống : Người làng, lại họ gần họ xa. Thôi cô cùng lên cung Trăng cho vui. Nhất là lên đó thì sống đời đời kiếp kiếp chứ bên Mỹ, sống có thọ thì rồi cũng chết. Mà chết là hết !

Bà Lụa : Ờ nhỉ ! Thế thì được. Em theo các anh các chị vậy... (nhìn Hùng) Đằng ấy xưa chê tớ, bây giờ thì đến lượt tớ chê lại trả thù (cười khanh khách). Nhớ đấy !

Ông Hùng thở dài, mắt nhìn cái chân cụt .

Tiếng chú Cuội : (bực dọc) Chúng nó đòi lên cung Trăng thì làm sao phân biệt được dối trá với thật thà hả chị Hằng. Muốn lên, chúng chỉ việc nói dối. Thế thì bao giờ tôi mới được về với nhân gian hở chị ?
Tiếng chị Hằng : (lẩm bẩm)) Ờ nhỉ ! Nếu chúng thực tình muốn lên cung Trăng thì chúng phải nói chúng muốn ở lại Trái Đất. Ngược lại, khi chúng nó bảo chúng muốn lên cung Trăng thì...Oãi giời ơi, thế là cứu cánh biện minh cho phương tiện. Quen thói, không còn cứu cánh, chỉ có phương tiện...Chú làm ta hóa đa nghi. (chép miệng) Đa nghi mà không có phương pháp suy luận tìm ra đen ra trắng thì khổ lắm, chả biết bám víu vào đâu để biết bất cứ một cái gì cả...
Chú Cuội : (cười khẩy) Đa nghi thế thì chỉ cứ bám vào tư lợi là sống. Chị con gái nhà lành, hẳn chưa biết thói đời dưới trần thế là vậy. Mà thôi, còn cái sự sợ. Bây giờ, đến lượt tao. Chân trước chân sau là về với các cụ dưới suối vàngỳ, chúng mày bây giờ sợ gì...
Bà Lụa : Em vẫn như ngày còn bé. Em sợ ma.
Tiếng đồng thanh : Sợ ma ? (cười ồ) Trẻ con thế à ?
Bà Lụa : (phân bua) Thời thanh xuân, em muốn lấy thằng này (tay chỉ ông Hùng) vì sợ là khi chết làm ma không chồng. Mới lại, nói tình thật thì em muốn ra tỉnh, ở nhà quê lúc đó khổ quá. Thế rồi anh chị biết đấy, số em là cái số vất vả đường chồng. Chết một, lại lấy một. Rồi lại chết, lại lấy. Rồi lại chết vì máu nhồi cơ tim, bất đắc kỳ tử. Cộng lại là ba. Cứ thỉnh thoảng em nằm mơ thấy cả ba ông chồng cùng về. Một đứng ở chân giường, hai đứng hai bên, cứ nhìn em hau háu. Lạ một cái là họ chẳng ghen tuông gì với nhau, ai nấy cứ thò tay vào giường sờ xoạng rủ rê em. Kiểu làm ăn tập thể thế này, sức em thì chỉ đôi ba ngày là rũ ra ngay, nên em hãi lắm...
Tiếng chú Cuội : (cười mũi) Con bé này nói thật. Thế còn chúng mày ?
Tiếng đồng thanh : Sợ thì không sợ ma. Nhưng bây giờ sợ người lắm rồi !
Tiếng chú Cuội : Cho chúng mày nói lại, và phải nói thật. Nói dối thì...
Tiếng đồng thanh : Chúng tôi sợ người lắm rồi !

Bóng trăng bỗng lu đi. Mặt trăng như bị gậm dần.

Tiếng bà Thược: Nguyệt thực ! Nguyệt thực đấy.

Tiếng bà Lụa: Trăng trông như cái Big-Mác cắn dở!
Tiếng ông Hùng: Ông Mác viết Tư Bản Luận thì chết rồi ! Big-Mác là tên ai? Chắc lại cái thằng hứa hẹn gì đấy phải không ?

Tiếng ông Mống: ...Ghen với tuông! Big-Mác là cái bánh hăm-bơ-gơ ăn được thật đấy ! Ở Thành phố Hồ Chí Minh đã có cái cửa hiệu Mác-Đô bán....

Trăng lại sáng và gió lồng lộng thổi bốc lên cao, tiếng ào ào đẩy xuống dưới. Cả bốn người bay lên, bay lên. Chị Hằng bảo Cuội "Chúng nó lên đây thì lại có vấn đề ruộng đất trên cung Trăng đấy !". Chú Cuội thì thào "Chúng nó bay lên có nghĩa là chúng vừa nói nói dối ? Tôi vẫn chưa tin, để xem !"

Gió ù ù thổi ngược. Bốn nhân vật nhỏ bé níu lấy nhau, tóc tai dựng đứng, mắt nhắm tịt. Cứ thế, họ tiếp tục bay lên, áo quần phất phơ trong ánh trăng lúc một chói chang.

Tiếng chú Cuội: (chán chường) Thế có nghĩa là chúng vẫn cứ dối trá ! Cũng chỉ vì chúng tham cái chuyện bất tử ! Chúng có biết đâu thế là không còn thời gian vì không có cái chết. Không bao giờ chết thì bao nhiêu chuyện hóa ra vô nghĩa tuốt. Nào là yêu, là ghét, là hờn ghen, giầu nghèo...
Tiếng chị Hằng : Không có cái chết thì sự sống là cái gì ?
Tiếng chú Cuội : Là thảm kịch ! Không, không phải ! Nó chả là cái gì cả .

Mặt Trăng cứ thế to lên, nay dễ bằng cái nia. Trong cõi hỗn mang hư thực, khán giả nghe tiếng ông Hùng nói "Chết, chưa xin "ủy ban" cái giấy công tác". Tiếng ông Mống "Chẳng biết hai đứa cháu về Sài Gòn thế nào đây ?". Tiếng bà Lụa "...Bay vù vù thế này mà chẳng có chiêu đãi viên hàng không như American Airline !".

Thược : (mở mắt, giọng hoảng hốt) Eo ôi, nhìn xuống mà xem ! Trái đất bay giờ nhỏ như hòn bi ve. Hà Nội chắc to bằng cái chấm.
Hùng : (hát, khàn khàn) Ta đi giữa trời Hà Nội rực rỡ mến thương. Đường ta đi Ba Đình lịch sử ...Đường Cách Mạng...
Lụa : (réo lên) Em chẳng thích bài hát ấy đâu. (cất tiếng hát) Hà Nội ơi, nhớ về thành phố xa xôi, ánh đèn giăng mắc muôn nơi, áo mầu theo gió chơi vơi...

Mống : (lấy tay giụi mắt, thở dài) Chẳng biết hai đứa bé về Sài Gòn bằng cách nào ? Vượt biên vũ trụ chuyến này chậm dăm bữa nửa tháng thì đỡ lo biết mấy ! Mà này, ngộ nhỡ bị công an bắt thì có đi cải tạo không ? Gia đình có liên can trách nhiệm gì không, hả chú Hùng ?

Hùng (quả quyết) Có đi đứt đi chứ ! Cán bộ đảng viên như em thì lại thêm kỷ luật Đảng nữa, eo ôi ! Bác nhắc em mới nhớ ra, làm sao bây giờ hả bác?

Thược : (lạnh lùng) àlàm sao cũng chẳng làm sao. Dẫu có thế nào cũng chẳng làm chi.

Lụa : (cười ngặt nghẽo) Đằng ấy lại sợ rồi hẳn ? Sợ thì cứ nép vào đây (mở rộng hai tay, cười) cho có bầu có bạn nào.

Mống : Làm sao đây ? Chị Thược ơi, chị tính thế nào ?

Thược : (ngập ngừng) Thì về vậy ! Nhưng bây giờ chân dạp vào khoảng không, làm sao lấy đà ? Hãi thật, dúng là hư vô !

Hùng : Về thì tất cả nhất trí cùng về, bỏ rơi đông đội mà không lý do chính đáng là trọng tội với dân, với Đảng ! Chúng ta cùng nhau đặt vấn đề lên cấp trên nhé ?

Lụa : (lại cười) Cấp trên của đàng ấy có phải là Trời đâu ! Nói dối thì lên cung Trăng, bây giờ cứ nói thật thì lại về trái đất, có khó khăn gì !

Rồi tiếng bà Thược rên rỉ như thuở ấu thơ "... Em muốn về nhà, chị Hằng ơi!"

Đáng lẽ ra thì nên để cả bốn bay lên cung Trăng, chỗ còn thưa thớt người trần. Nhưng không được. Khán giả thân yêu của vở kịch không biết ngày nào mới được trình diễn này, đến đây là lúc chúng ta cùng nghe tiếng rú của cả bốn nhân vật :

Cho tôi về ! Cứu tôi với !

Tiếng rú vang vọng trong không gian con người. Không gian đó chỉ có ba chiều nhìn được, và một chiều, chiều thứ tư là thời gian bị che lấp bởi một vòng vô minh vì lòng tham, tham đến độ huyễn hão mơ ước mình bất tử.

Cứu tôi với ! Cứu tôi với !

Hình như tiếng kêu cứu não nùng nào cũng là tiếng kêu thật. Thật được một lần, Trời Đất thôi không bắt lên cung Trăng khiến cả bốn nhân vật của vở kịch này lại rơi tuột xuống trái đất vẫn cứ lừ đừ xoay vòng. Họ lại ngồi lại trong mảnh sân xưa, có cây đa gần bờ ao, dưới vẫn bắc một cái thang. Dưới chân thang, chú Cuội ngồi đó, đã đổi sự bất tử để hình thành mối mơ sống một cuộc sống thế gian, có dối, có thật, với đủ thể loại bi hài rất chi là con người.

Nhắm mình

SỬ MẶC

Củi cành
cọ quẹt
đêm mưa
hèn lâu
gột chút hương thừa
dât dai
bừng
cơn khắc khoải
dông dài
hút đời cô kiệt
vu thai
dinh mờ
nhắm mình còn nặng với thơ
loay hoay cồn, bãi
lập lờ trăng hoa
thắp lên cho với
chan hòa
chút hồn lắt lẻo còn
da thịt ngời.

Trăng vẫn là trăng. Trái đất vẫn là trái đất.
Khi cùng nhau lên cung Trăng thì tất là bốn nhân vật của chúng ta đều nói dối, dối như Cuội. May thay, bốn nhân vật của chúng ta biết kêu cứu đúng lúc. Cứu được hay không, và cứu thế nào đều tùy họ cả. Có lẽ ít nhất không dối mình thì chẳng đến nỗi lúc nào cũng cứ phải sợ người. Từ đó mới có thể thật với nhau. Dầu gì chúng ta cũng phải sống chung, và không thể cứ sống mãi trong dối trá. Đơn giản thế đấy, phải không các bạn! Đơn giản thế thật . Vì nay mới mơ Cuội đã gặp một đoạn kết có hậu: Cuội ở đâu đó trong cái nhân gian đầy oái oăm nhưng sao gần bó đến thế này!

Màn hạ

Nam Dao
Phục Sinh năm 2000

Đọc tác phẩm mới của Ngô Thế Vinh:

Cửu Long cạn dòng, Biển Đông dậy sóng

Nhật Tiến

Tựa đề của tác phẩm, tự nó đã mang hai chủ đề lớn: Cửu Long cạn dòng, Biển Đông dậy sóng. Đây không phải là tựa đề thích hợp cho một cuốn tiểu thuyết, nhưng chỉ khi nào đọc xong tập truyện, gấp sách lại với bao nỗi niềm xúc cảm dâng lên trong lòng, người đọc mới thấy dụng tâm của tác giả. Ông muốn gửi đến người đọc, không chỉ là những tâm tình khắc khoải, thiết tha mà còn là tiếng kêu thất thanh của một loài chim báo bão về một thảm họa kinh hoàng đang tới, sẽ tới, nhưng giữa một khung cảnh ngổn ngang quá nhiều vấn đề phải toan tính hiện nay, nên rõ ràng thảm họa này chưa được mấy ai chú ý tới.

Thực ra, nếu cần xếp loại thì *Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng* nên xếp vào loại tiểu thuyết tư liệu (roman documentaire) giống như bên ngành kịch đã có những vở kịch tư liệu (théâtre documentaire) đã một thời làm sôi động sân khấu thế giới. Thực chất của những tác phẩm văn nghệ có dính dấp nhiều đến vấn đề tư liệu này chính ra chỉ là một thủ pháp chuyển hóa những dữ kiện lịch sử vào nội dung tác phẩm thông qua trí tưởng tượng của tác giả, để minh họa thêm những chi tiết cụ thể cho những vấn đề mà tác giả muốn đề cập. Trong văn học Việt nam, những tác phẩm của Nguyên Triệu Luật như *Ngược Đường Trường Thi*, *Bà Chúa Chè*, *Chúa Trịnh Khải*, *Rắn Báo Oán*..vv.. theo tôi là những tiểu thuyết thể hiện rất rõ nét về thể loại tiểu thuyết này.

Nhưng dù sao thì đấy vẫn chỉ là phần hình thức bên ngoài trong khi nội dung tác phẩm mới là phần đáng kể. Người đọc khi gấp sách lại, hẳn ai cũng chia sẻ với ông về một chuyện chẳng đặng đừng: vấn đề nêu trong tác phẩm không chỉ là những vấn đề tâm tình muôn thuở của con người mà ta thường thấy trong những bộ tiểu thuyết, nhưng ở đây là những

chuyện thiết thân đến đời sống, đến sự sinh tồn của hàng trăm triệu con người thuộc bảy quốc gia trong vùng Đông Nam Á. Mà như vậy thì hà cớ phải gò bó những suy tưởng, những đi, những sống, những vốn hiểu biết đôi dào phong phú của mình vào khuôn khổ của tiểu thuyết thuần túy. Ngô Thế Vinh do đó đã để cho ngòi bút của mình xuôi chảy theo nhu cầu của sự thuyết phục về những điều mà ông muốn gửi gấm đến người đọc. Trên hai mươi ba chương sách đàn trải rất nhiều vấn đề thuộc về thiên nhiên, về con người,về tâm tình thao thức của nhiều nhân vật điển hình, về môi trường sống và cả những mưu toan chính trị, tất cả đã được tác giả dã trình bày khi thì dưới dạng những trang biên khảo cực kỳ phong phú về lịch sử,về phong tục, về tín ngưỡng hay tập quán của nhiều bộ tộc, khi thì là những dữ kiện, những con số, những thống kê khoa học chính xác, và đặc biệt lôi cuốn hơn cả, là những trang du ký sinh động, đầy mầu sắc của nhiều miền đất lạ trên cao nguyên, trên đồng bằng, trong rừng sâu núi thẳm hay ngoài đại dương, những trang ghi chép tuyệt vời đối với những ai chưa có dịp đi và sống.

Tuy nhiên dù đa dạng cách nào thì người đọc vẫn nhìn thấy dụng ý của tác giả, đó là sự tổng hợp của nhiều thủ pháp cần thiết để vừa tăng hiệu lực của cuốn sách, vừa để cho những nhân vật tiểu thuyết của ông dẫn dắt người đọc đi vào những ước mơ, những khao khát và những nguyện vọng của con người về những chuyện thiết thân đến đời sống, đến sự sinh tồn của nhiều dân tộc trong đó, dĩ nhiên có Việt Nam. Bằng một giọng văn hết sức đơn giản nhưng có sức tập trung cao độ, Ngô Thế Vinh đã sử dụng những nhân vật của mình làm hướng dẫn viên đưa người đọc đi qua những cuộc hành trình kỳ thú, từ quá khứ xa xăm đến thực tế hiện tại sinh động, để từ đó, người đọc bỗng thấy nổi bật lên một điều cơ bản: Họ, những nhân vật tiểu thuyết của Ngô Thế Vinh, như ông Khắc, như bác sĩ Duy, như Cao, như Hộ, như Điền, Thuận, Bé Tư..v.v.. những chuyên viên khoa học thuần túy không những chỉ đang hành xử công tác chuyên môn của mình mà chính họ đã trở thành những người lính tiền phong đang xông vào một mặt trận mới. Đó là mặt trận đấu tranh sinh tồn có ảnh hưởng tới tương lai dân tộc trên cả hàng trăm năm trong một cuộc chiến rộng lớn, cuộc chiến về môi sinh, cuộc chiến về chủ quyền đất nước, cuộc chiến giành lại đất sống cho nhiều thế hệ con cháu chúng ta. Với kinh nghiệm già dặn và trình độ chuyên môn phong phú được hấp thụ từ những ngôi trường danh tiếng nhất thế giới, sự lo lắng và thao thức của họ khẳng định không phải là những cái gì xa xôi phù phiếm nhưng chính là những vấn đề nghiêm túc và cấp bách khiến cho người đọc phải quan tâm.

Chẳng hạn như: "Theo tin báo *Tuổi Trẻ* từ trong nước, mười ngày

trước Giáng sinh, ngư phủ Nguyễn văn Chơn và vợ cư ngụ tại huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp đã lưới được một con cá đuối khổng lồ trên sông Tiền, đoạn giữa hai xã Tân Mỹ và Tân Khánh Trung. Con cá đuối có chiều dài hơn 4 mét, ngang 2 mét và nặng tới 270 kí. Cá Đuối hay Selachian, tên khoa học là Chondrichthyes, thuộc loài cá sụn- Cartilaginous fishes gồm các giống cá mập, cá nhám, cá đuối và là ***cá nước mặn***. Đây cũng là lần đầu tiên ngư dân Đồng bằng sông Cửu Long lưới được một con cá nước mặn lớn như vậy rất xa biển và trên một khúc sông nằm sâu trong đất liền.(trang 343). Rồi tác giả viết tiếp: "Nhưng có biết đâu, *niềm vui đã nằm trong thiên tai* như lời thơ Nguyễn Đình Toàn, bởi vì nước sông Cửu Long xuống mức thấp nhất so với 73 năm trở lại đây và có nơi mực nước sông chưa được hai thước gây sạt lở hai bên bờ làm thiệt hại nhà cửa và cả nhân mạng. Nhiều chuyên gia Việt Nam ở ngoại quốc và cả trong nước đã lên tiếng báo động về hiểm họa hạn hán với sông Cửu Long có thể cạn dòng do các công trình xây đập ngăn nước của các quốc gia thượng nguồn Thái, Lào và nhất là chuỗi tám con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam, Trung Hoa mà lâu nay chánh quyền Hà Nội vẫn không hề lên tiếng phản đối. Và khi một con cá đuối nước mặn lớn như vậy có thể vào tới Đồng Tháp thì đó là báo hiệu nạn ngập mặn *salt intrusion* đã vào rất sâu trong vùng châu thổ, nơi vốn là đất của"sữa và mật ngọt" hay đúnghơn vùng đất của "phù sa, lúa gạo, cây trái va ơtôm cá đầy đồng..."(trang 347).

Đối với tôi, đây không chỉ là một trang sinh động nằm trong một cuốn tiểu thuyết giả tưởng vì thực tế còn sừng sững ở đó. Tác giả cho biết:"Từ những năm 70, Trung Hoa đã có kế hoạch xây một chuỗi 8 con đập - Mekong Cascade - trên thượng nguồn nhưng do thiếu ngân sách nên mãi tới năm 80, con đập đầu tiên Manwan cao 99 mét mới được khởi công. Đập chắn ngang khúc sông giữa hai ngọn núi với bức tường thành cao 35 tầng và 13 năm sau mới xây xong (trang 57). Con đập thứ hai Đại Chiếu Sơn -Dachaoshan -cũng đã được khởi công năm 1996, sẽ tới con đập thứ ba Cảnh Hông- Jinghong - chủ yếu xuất cảng điện sang Thái Lan. Con đập thứ tư Xiaowan cao 248 m, được coi là con đập mẹ - mother dam - trong chuỗi 8 con đập bậc thềm dự trù xây xong trước thập niên thứ nhất của thế kỷ 21.(trang 58). Vào năm 1993 do một hiện tượng được coi là bất thường xảy ra khi mực nước con sông Mekong đột ngột tụt thấp xuống mà không vào mùa khô, chỉ lúc đó người ta mới biết là do ảnh hưởng của con đập Manwan. (trang 59)

Sông cạn dòng vốn đã là một thảm họa. Nạn ô nhiễm cũng chẳng kém kinh hoàng hơn. Tác giả cho biết: "Từ Nữu Ước tới California, từ Thái Lan qua Lào, Cam Bốt sang đến Việt Nam - xuống tới mũi Cà Mâu,

đi tới đâu Cao cũng thấy tràn ngập các món hàng Trung Hoa. Có bao nhiêu trong số các món hàng ấy xuất phát từ những khu chế xuất tỉnh Vân Nam dọc hai bờ con sông Mekong? Con sông vốn trinh nguyên trong suốt cả ngàn năm ấy đang có những đổi thay thật mau chóng. Với 28 khu hầm mỏ đang được triệt để khai thác nơi thượng nguồn con sông Mekong, trong đó có cả những mỏ chì, mỏ kẽm là nguồn ô nhiễm nặng nề nhất. (trang 246). Con chim báo bão Ngô Thế Vinh đã đưa ra hình ảnh bi thương của thảm kịch Minamata bên Nhật Bản để minh họa cho tương lai đen tối của đồng bằng Sông Cửu:

"Vào những năm 50 ở Nhật, dân làng Minamata bỗng nhiên chứng kiến một hiện tượng lạ: những con mèo bắt đầu nhảy múa điên cuồng, lên cơn co giật rồi sau đó là chết. Sau mèo tới người, phụ nữ sinh quái thai, trẻ sinh ra sống sót thì cũng bị dị tật bẩm sinh và chết dần.....đó là do công ty hóa chất Chisso đã đổ các chất phế thải kỹ nghệ có thủy ngân xuống vịnh Minamata tạo ra một chu kỳ nhiễm độc trước hết trên các loại rong tảo tôm cá; tiếp theo là các động vật như mèo và dân cư sống trong vùng bị nhiễm độc gián tiếp do ăn phải hải sản có hàm lượng thủy ngân rất cao. Tumoko Uemura như một điển hình, một thiếu niên 17 tuổi tại làng Minamata ngay từ lúc sinh ra đã mù lòa câm điếc co quắp biến dạng không còn là hình người. Tumoko sống như cây cỏ, hoàn toàn trông nhờ vào bà mẹ tâm hồn thì đẹp dễ và vô cùng ẩn nhẫn nhưng cũng rất can trường phấn đấu cho nhân phẩm và sự sống còn của đứa con.....***No more Minamata.*** Nhắc lại tấn thảm kịch ấy như điều tâm niệm của mỗi người dân đang cư ngụ nơi lưu vực sông Mekong, khi mà mỗi ngày chúng ta phải sống với đủ loại nước thải đổ xuống từ các khu kỹ nghệ khổng lồ Vân Nam và cả từ Thái Lan. (trang 513,514).

Từ biên giới phía tây của đất nước với những vấn đề của đồng bằng sông Cửu Long, bước qua biên giới phía đông, không thể không nhắc tới vấn đề chủ quyền và biên giới lãnh hải. Tham vọng tiến chiếm biển Đông là điều Trung Quốc không bao giờ giấu giếm. "Giở tấm bản đồ Asia Pacific mới nhất của National Graphic, một cơ sở mà trước đây Kham (một nhân vật của Ngô Thế Vinh đã từng trải qua hầu hết các biến cố lớn lao trên đất nước) vẫn tin là có uy tín với tính khoa học vô tư, nhưng Kham đã không nén được sự bực bội. Khi vẽ vùng biển Đông, cả khu vực mà họ gọi là South China Sea gần như hoàn toàn giống với ranh giới lịch sử lưỡi Rồng của Trung Hoa với ôm trọn cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Và Kham cũng đã không ngạc nhiên khi thấy cũng trên tấm bản đồ ấy cả ranh giới xứ Tây Tạng bị xóa nhòa trong cái trật tự mênh mông của lục địa nước Trung Hoa (trang 368)....Riêng tại miền Bắc, các

cấp lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam chẳng những không có một tiếng nói đòi chủ quyền, còn tự nguyện dâng cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Bắc Kinh. Bức công hàm ngoại giao 14-09-58 gửi Trung Hoa của chánh phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do thủ tướng Phạm văn Đồng ký với nội dung " tán thành bản tuyên bố ngày 4-9-58 của chính phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc quyết định về hải phận của Trung Quốc". Mười tám năm sau, báo *Sài Gòn Giải Phóng* 05-1976, vẫn tiếp tục bênh vực cho nội dung kỳ quái của bức công hàm ấy:

"Việt Nam Trung Quốc là hai nước anh em, sông liền sông, núi liền núi. Trung Quốc vĩ đại đối với chúng ta không chỉ là người đồng chí mà còn là người thầy tin cẩn, đã cưu mang chúng ta nhiệt tình để chúng ta có được ngày hôm nay, thì chủ quyền Hoàng Sa thuộc Trung Quốc hay thuộc ta cũng vậy thôi. Khi nào chúng ta muốn nhận lại quần đảo này Trung Quốc sẽ sẵn sàng giao lại".

Nhưng chính người đồng chí và người thầy tin cẩn ấy, 14 năm sau (14-03-88) không những đã không trả Hoàng Sa mà còn dùng võ lực cưỡng chiếm luôn các đảo Trường Sa của người đồng chí Việt Nam anh em. Chỉ trong một trận hải chiến ngắn, họ đã bắn chìm tầu hải quân Việt Nam, tàn sát không nương tay ngót 100 thủy thủ Việt trên biển Đông thuộc vùng lãnh hải Việt Nam. (trang 375,376).

Công bằng mà nói, chuyện chấp nhận chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Quốc vào năm1958 là một dữ kiện đen tối của lịch sử, tuy nhiên nó đã nằm trong quá khứ. Trận hải chiến xẩy ra ở Biển Đông trong tháng 3 năm 1988 với sự hy sinh của ngót 100 thủy thủ Việt Nam như tác giả đã trình bầy ở trên, cùng với những tin tức Việt Nam xây cất đồn lũy trên một phần của những hòn đảo này vào thập niên 90 cũng đã chứng tỏ nhà nước Cộng Sản Việt Nam đang cố gắng giữ gìn chủ quyền lãnh thổ khi bị ngoại bang lấn chiếm. Đã có những cuộc thương thảo gay go giữa phái đoàn hai nước về vấn đề chủ quyền Biển Đông, và gần đây nhất theo tin báo chí, cuộc đàm phán lãnh hải từ 8 đến 12 tháng 9-2000 đã đi đến bế tắc, hai bên không đạt được sự thỏa thuận nào dù hứa hẹn sẽ vẫn còn tiếp tục trong tương lai. Nói cho đúng, cuộc đàm phán về lãnh hải này đương nhiên là sẽ phải gay go vì phía Trung Quốc hẳn sẽ dựa trên bức công hàm ngoại giao do Thủ Tướng Phạm văn Đồng đã ký ngày 14-9-1958 để làm lập trường thương thảo. Đây là một hệ lụy của quá khứ mà nhà nước VN hiện nay phải gánh vác. Nhưng tôi mong mỏi rằng sẽ chẳng vì thế mà VN lại phải có những nhượng bộ nào khác để các cuộc thương thuyết sau này có cơ hội thoát ra khỏi được sự bế tắc.

Trong tâm khảm của người Việt Nam thì Hoàng Sa và Trường Sa là

thuộc lãnh thổ Việt Nam. Bất cứ một sự nhượng bộ nào dù lớn hay nhỏ cũng đều sẽ để lại cho thế hệ con cháu chúng ta mai sau những di lụy mà tác hại của nó không biết đâu mà lường trước được. Mọi người Việt Nam dù là ở trong hay ngoài nước, theo tôi nghĩ, do đó cần phải theo dõi chặt chẽ hơn nữa về vấn đề này để biểu dương ý chí cương quyết gìn giữ đến cùng từng tấc đất di sản của tiền nhân.

Biển Đông đã dậy sóng, nhưng đó không phải là lần đầu. Chính phủ và Quân lực VNCH cũng đã từng quyết tâm giữ vững chủ quyền Việt Nam trước tham vọng không ngưng nghỉ của bá quyền Trung Quốc. Nhà văn Ngô Thế Vinh đã ghi lại những dòng tuy ngắn ngủi nhưng vô cùng cảm xúc như sau:

"Kham nguyên là hạm trưởng của một trong 4 chiến hạm cũ kỹ của Mỹ để lại từ thời Thế chiến Thứ Hai, tham dự trận hải chiến tại Hoàng Sa năm 1974 chống một hạm đội đông đảo của Trung Quốc với những phóng pháo hạm Kronstadt có trang bị hỏa tiễn tầm xa lại có cả phản lực cơ Mig 21 yểm trợ trên không. Chính anh là nhân chứng máu và nước mắt của những con tầu Việt Nam chiến đấu đơn độc trên Biển Đông, chứng kiến lòng yêu nước vô hạn, ý chí quyết tử cũng như sự hy sinh dũng cảm vô bờ của các đồng đội, nhất là của thủy thủ đoàn trên con tầu Nhật Tảo ở những giờ phút cuối cùng, ý chí sắt thép không chịu buông tay súng để rời con tầu đắm. Họ đã là những thủy thủ tận trung với nước mà vị quốc vong thân,.....Kham và những người lính dã đánh một trận đánh hết sức mình, với ***nỗi uất hận của cả ngàn năm nô lệ***: họ đã trút hết hỏa lực vào đầu địch, đã bắn đến viên đạn cuối cùng cho tới khi tất cả các dàn đại pháo bất khiển dụng. Họ chỉ còn chờ lệnh cho các con tầu hướng về Hoàng Sa chuẩn bị ủi lên đảo, ***dùng xác tầu và xác mình để làm chứng tích chủ quyền.***" (trang 365).

Như vậy, chặn dòng sông Cửu, lấn chiếm biển Đông, cái khát vọng bành trướng ngàn đời của phương Bắc, không còn chỉ thuần túy mang hình thức của đoàn quân ô ạt Nam tiến như trong quá khứ của lịch sử mà thể hiện trong một trận địa mới, trận địa môi sinh có sức tàn phá mãnh liệt, lâu dài và khủng khiếp hơn. Đó là điều mà người Việt Nam, đặc biệt là giới trẻ, cả trong lẫn ngoài nước phải ghi nhớ nằm lòng. Cụ thể và thiết thực hơn thế nữa, Ngô Thế Vinh đã gửi đến giới trẻ một thông điệp, hay thân ái hơn, một lời kêu gọi, nhấn nhủ qua nhân vật Kham:

"Kham đã động viên lớp người trẻ, không phải là sung vào quân đội chí nguyện cầm súng ra trấn giữ các hải đảo mà là chuẩn bị một đội ngũ trí tuệ trong mọi lãnh vực khoa học, đặc biệt là các ngành hải dương học, địa chất, môi sinh và cả về Luật Biển, Quốc tế Công pháp. Họ sẽ là thành

viên không thể thiếu trên các bàn hội nghị hay trước các Tòa án Quốc tế trong tương lai."(trang 371)..." riêng Kham đã khuyến khích đứa con trai rất xuất sắc của anh, thay vì học Y khoa ở UCSF nay chuyển qua học Luật ở Stanford chuyên về Quốc tế Công pháp và Luật Hàng Hải. Anh có niềm tin sắt đá là cho dù vùng biển, vùng đảo đã bị Trung Cộng dùng võ lực cưỡng chiếm và phải mất bao nhiêu năm nữa thì sớm muộn cũng "Châu về Hiệp Phố " (trang 371).

Trong một lần tiếp xúc, tác giả đã nói với tôi, với sự nhã nhận là khi viết tác phẩm này, ông chỉ coi như một việc làm gợi ý, một tín hiệu chuyển đến nhiều giới, đặc biệt là giới trẻ, mong họ quan tâm hơn đến một vấn đề mà trong bối cảnh chính trị trong nước và ngoài nước hiện nay, vẫn còn đang bị lu mờ. Tôi thì không nghĩ như vậy. Tôi cho rằng ông đã đóng góp hơn thế rất nhiều sau khi đã tận dụng tâm sức vào việc hoàn tất tác phẩm khá đồ sộ này Ông đã cống hiến cho người đọc những trang bút ký cực kỳ đẹp đẽ, đã dàn trải trong tác phẩm một khối lượng thông tin vô cùng phong phú về lịch sử, về nhân văn, về môi sinh, về các vấn đề chính trị quốc tế trong toàn vùng Đông Nam Á. Và trên hết, ông đã gióng lên được một tiếng chuông, tuy có thể vẫn còn là một trong những tiếng chuông đơn lẻ cùng với Nhóm Bạn Cửu Long của ông, nhưng vô cùng kịp thời và cần thiết về những vấn đề vô cùng trọng đại của tương lai đất nước, tương lai của các thế hệ con cháu chúng ta.

Trong cương vị của một người đọc, tôi phải cám ơn tác giả đã mang cho tôi rất nhiều kiến thức về những vấn đề mà tôi không có điều kiện để nghiên cứu hay đào sâu, thêm vào đó là những xúc cảm, những bùi ngùi, những xót xa, những niềm hãnh diện cũng như tủi hổ trên các chặng đường lịch sử đã qua của đấÔt nước cũng như của những thập niên trong tương lai gần gũi sắp tới . Tôi cũng đón nhận được từ nơi ông một mối quan tâm vô cùng sâu xa về tinh thần liên đới trách nhiệm của bất cứ ai còn nhận mình là người Việt Nam, và tôi mong mỏi tất cả mọi người hãy cùng tôi chia sẻ điều ấy bằng cách tìm đọc tác phẩm mới này của nhà văn Ngô Thế Vinh, do nhà Văn Nghệ ở Nam Cali ấn hành.

California tháng 9, năm 2000.
Nhật Tiến

Văn Học số Tết 2001 sẽ phát hành vào 1.1.2001
Bài vở bạn đọc và văn hữu gửi cho số Tết, xin gửi trước ngày 10.12.2000 để tiện việc sắp xếp và trình bày. Trân trọng cảm ơn.

giới thiệu sách mới

THƠ

🕮 Trần Thiện Hiệp, ***Đá mọc rêu xanh,*** tập thơ, Văn Học xuất bản, Tranh bìa Nguyễn Cầm, Phụ bản Đinh Cường, Lê Tài Điển, Phổ nhạc: Huy Tâm, Lê Trung Lộc, Mộng Lan, Ngô Mạnh Thu, Nguyên Nhu, Trần Duy Đức, Trần Thịnh, thơ in trên giấy quí, dày 110 trang. Giá tại Hoa Kỳ và Canada 12 MK. Các nước khác: 14 MK.

Tạp chí Văn Học & tác giả hợp tác xuất bản tập thơ để "đánh dấu 25 năm thơ lưu vong của Trần Thiện Hiệp". Hai mươi lăm năm làm thơ, tác giả chọn lọc kỹ, còn lại 42 bài. Thơ do chính tác giả chọn lọc vào khoảng nửa đời còn lại, nên giọng thơ trầm, lòng thơ rộng. Toàn tập như một bản trầm ca.

Gió động cành quen trưa tháng hạ
ngỡ đâu tiếng vọng cửa rừng xưa
đã qua thế kỷ đường luân lạc
còn đếm phương này bóng lá đưa.

Sách do nhà sách Văn Nghệ phát hành.

KHẢO CỨU, TRUYỆN

🕮 Hoài Mỹ, ***Về với biển cả***, Tập truyện ngắn, Thời Điểm xuất bản, tập truyện đầu tay xuất bản ở hải ngoại của một nhà văn quen biết với bạn đọc Văn Học, lời giới thiệu của Nguyễn Mộng Giác, sách dày 240 trang, giá 12 MK.

Tác phẩm gồm 12 truyện ngắn (một số đã đăng trên Văn Học), mà theo lời người giới thiệu, chia làm hai loại: loại thứ nhất viết về kinh

nghiệm hội nhập của người Việt tại các nước Bắc Âu, đặc biệt là Na Uy, nơi tác giả định cư cùng đông đảo những nhà văn khác như Nguyễn thị Vinh, Nguyễn Hữu Nhật, Dương Kiền, Tâm Thanh, Khánh Hà. Loại thứ hai gồm những truyện nhuốm màu sắc triết lý, đặt những câu hỏi lớn về kiếp người. Nguyễn Mộng Giác nhận xét trong phần cuối bài giới thiệu: "Xăn tay áo lên để can đảm trực diện với những khó khăn trước mắt, hay trầm ngâm băn khoăn với những câu hỏi lớn, Hoài Mỹ đã lựa chọn thế nào? Tôi nghĩ: Anh đã chọn cả hai. Anh thẳng thắn chấp nhận những phiền trọc của đời sống, nhưng đồng thời cũng biết rõ những giới hạn của kiếp người. Như thế là phải!"

Địa chỉ liên lạc: Đào Quang Mỹ
Olsvikasen 138
N-5183 OLSVIK (Norway)

📖 Trần thị NgH, ***Lạc đạn và Mười truyện ngắn***, Thời Mới (Toronto Canada) xuất bản, Tranh bìa của Tưởng An, Bạt của Trần Sa, sách dày 174 trang, giá 10 MK.

Đây là tác phẩm thứ nhì được xuất bản ở hải ngoại của Trần thị NgH, sau tập truyện ngắn do nhà Văn Nghệ xuất bản năm 1999.

Tác phẩm gồm truyện vừa "Lạc Đạn" tác giả viết ở Sài Gòn từ 1969-1973 nhưng chưa xuất bản, còn mười truyện ngắn tiếp theo thì được viết từ 1998-2000.

Nhưng hai phần sáng tác cách nhau gần 30 năm, đối với người đọc, không khác nhau bao nhiêu. Nguyên nhân? Cá tính và văn phong của Trần thị NgH không hề thay đổi dù hoàn cảnh đất nước và đời riêng của tác giả trải qua những thay đổi lớn lao. Có thể xem Trần thị NgH là nhà văn tiêu biểu cho khuynh hướng đòi hỏi nữ quyền (feminism) quyết liệt, triệt để nhất của văn chương Việt Nam hiện đại. Ngoài Bắc chỉ có thể tìm một nhà văn nữ tương tự như Trần thị NgH là Phạm thị Hoài.

Chủ đề của truyện Trần thị NgH là phản ứng, đôi khi hung dữ rốt ráo, của người phụ nữ nạn nhân trong thế giới giả dối, say sưa, bần tiện, điên loạn của nam phái. Người phụ nữ trong truyện Trần thị NgH không nhẫn nhục chịu đựng để được tiếng khen nhu mì hiền thục. Họ ngửng mặt thách đố. Chính thái độ đó, cộng thêm với một lối viết pha trộn cái bộc trực của người Miền Nam và cái tinh tế dịu dàng giấu đằng sau vẻ ngang tàng bên ngoài làm cho truyện Trần thị NgH có một sắc thái riêng, không lẫn vào số đông.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Thời Mới
PO Box 266, Station C, Toronto, ON

M6J 3P4 Canada.
Phone: (416) 461-5538
Email: xbthoimoi_can@yahoo.com

📖 Ngô Thế Vinh, ***Cửu Long cạn dòng, Biển Đông dậy sóng***, tiểu thuyết tư liệu, tranh bìa Nguyên Khai, mẫu bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 646 trang với rất nhiều phụ trang tư liệu hình ảnh, giá tại Hoa Kỳ 25 MK, ngoài Hoa Kỳ 28 MK.

Trong *Phần dẫn nhập*, tác giả viết: "Cuốn sách không phải là một công trình nghiên cứu theo cái nghĩa kinh điển mà được viết dưới dạng tiểu thuyết gồm 23 chương, không có truyện như những tình huống khúc mắc chỉ có những khung cảnh, nên mỗi chương có thể đọc như truyện ngắn với con sông Mekong luôn luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt.

Nhưng đây cũng không thuần túy là một cuốn "tiểu thuyết-fiction" được hiểu như là sản phẩm của tưởng tượng, nhưng là dạng "dữ kiện tiểu thuyết-faction-facts & fiction", với một số ít nhân vật như những hình tượng văn học và phần dự phóng là hư cấu để cùng với người đọc đi tới những vùng đất, nơi có con sông Mekong hùng vĩ chảy qua, cũng là con sông thời gian soi bóng những bình minh và hoàng hôn của các nền văn minh, cả mang theo máu và nước mắt của các cuộc chiến tranh qua những thế kỷ - một con sông lớn đầy ắp tính lịch sử và vô cùng phong phú về tính địa dư nhân văn"

Đọc xong tác phẩm kết quả của nhiều công phu nghiên cứu lẫn sáng tạo của Ngô Thế Vinh, bạn đọc sẽ nhận ra được hai điều hiển hiện: tâm huyết và thiện chí của tác giả đối với tiền đồ dân tộc, và trong tương quan giữa tư liệu với tiểu thuyết, phần đầu lấn át phần sau.

Xin đọc thêm bài Điểm sách của Nhật Tiến ngay trong số báo này.

📖 Lữ Kiều, ***Kẻ phá cầu***, tập kịch, Ý Thức xuất bản dưới dạng bản thảo (in hạn chế 50 bản để tặng bạn bè, không phổ biến rộng rãi), sách dày 220 trang.

Tác giả là thành viên nòng cốt của nhóm Ý Thức ở Sài Gòn trước 1975, đã viết nhiều vở kịch đăng trên tạp chí, nhưng chưa xuất bản. Sau 1975, song song với công việc một bác sĩ y khoa, Lữ Kiều còn vẽ tranh, đã tổ chức thành công nhiều cuộc triển lãm tại Sài Gòn.

"Kẻ Phá Cầu" gồm 6 vở kịch: Kẻ phá cầu, Con sâu trong mắt, Nơi đảo xa kia, Bọn họ bốn người, Kẻ đến muộn, Những người đi một mình.

Kịch Lữ Kiều nhiều chất trí tuệ, đòi hỏi suy tưởng và ít diễn tiến sôi động ly kỳ như những vở kịch tâm lý xã hội bình dân. Có thể kịch ở đây

"để đọc" và thong thả trầm tư hơn là "để diễn" cho công chúng thích những điều hào hứng khác thường.

📖 Nguyễn Hưng Quốc, ***Văn học Việt Nam từ điểm nhìn h(ậu h)iện đại***, tiểu luận và phê bình văn học, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 412 trang, giá tại Hoa Kỳ 17 MK, ngoài Hoa Kỳ 20 MK.

Tác phẩm sưu tập những bài tiểu luận phê bình văn học hầu hết đã được đăng tải trên các tạp chí văn chương hải ngoại như *Việt*, *Văn Học*, *Hợp Lưu*, *Văn*, nay thành sách được xếp đặt thành 5 phần: Phê bình, Đọc, Viết, Về văn học Việt Nam, Bước vào thế kỷ 21. "Điểm nhìn" của Nguyễn Hưng Quốc, như bạn đọc Văn Học đã biết qua những bài đăng trên *Văn Học*, là "điểm nhìn hậu hiện đại" (hay "hiện đại", tác giả chế ra một chữ mới như nhan sách cho thấy), một quan niệm phê bình văn học nghệ thuật mới mẻ của Tây phương ngày nay.

Tác giả tuyên bố thẳng thừng, không quanh co: "Cuốn sách này không những là một sự gây hấn đối với những cái cũ, cái sáo, và cái giả, mà còn là, nếu không muốn nói trước hết là, một sự gây hấn đối với thái độ dị ứng với cái mới. Những cái cũ, cái sáo, và cái giả tuy đều là những hiện tượng đáng tiếc nhưng dù sao cũng tương đối dễ chữa trị. Nan giải nhất là thái độ dị ứng với cái mới."

Trong sinh hoạt văn chương hải ngoại, không có những cuộc tranh luận nghiêm chỉnh về bất cứ vấn đề gì, nên những "gây hấn" Nguyễn Hưng Quốc có lẽ cũng không được những hồi âm mong mỏi; nói chi đến việc gây ra một phong trào, một vận hội mới cho văn học. Nhưng bạn đọc cũng có thể hỏi Nguyễn Hưng Quốc những câu hỏi mới, như: Thế nào là "cũ", thế nào là "mới", cái ta tưởng là "mới" có thật "mới" không, cái "mới" có đồng nghĩa với "chân lý tuyệt đối" để ta yên tâm phủ nhận tất cả những gì ta cho "không phải là mới"? Hy vọng tác giả sẽ giải đáp những thắc mắc đó trong tác phẩm viết sau này.

📖 Trần Độ, ***Đổi mới, niềm vui chưa trọn***, hồi ký, Lời giới thiệu của Nguyễn Minh Cần, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 314 trang, giá 14 MK, ngoài Hoa Kỳ 17 MK.

Đây là tập 2 của hồi ký "Chuyện ngày xưa" của Trung tướng Trần Độ, cả bộ gồm 2 tập, tập 1 nhan đề: "Những năm tháng sôi nổi", tập 2 "Đổi mới, niềm vui chưa trọn".

Vì là người trong cuộc, Trần Độ thuật rõ những diễn biến ở cấp cao trong chính quyền cộng sản Việt Nam đưa tới thời kỳ lịch sử quan trọng bây giờ vẫn gọi là "thời đổi mới", trong văn hóa văn nghệ là "thời cởi

trói".

Theo Nguyễn Minh Cần, "Qua cuốn sách này, bạn đọc sẽ thấy rõ những bước ngoắt ngoéo, những "dzích dzắc", những bước thụt lùi trong chủ trương, chính sách của ban lãnh đạo cộng sản VN đối với văn hóa văn nghệ, và nói chung đối với trí thức VN".

Bạn đọc Miền Nam có thể khó chịu khi đọc một số đoạn trong hồi ký, mà trong cương vị một "công thần, danh tướng" của chế độ, Trần Độ không thể nghĩ khác, viết khác. Chẳng hạn những đoạn tác giả hết lời ca tụng Hồ Chí Minh, và hai cuộc chiến tranh đảng cộng sản VN phát động.

📖 Nguyễn Vy Khanh, ***Văn học và Thời gian***, tiểu luận phê bình văn học, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 330 trang, giá 15 MK.

Tác giả thận trọng báo trước trong "Thay lời tựa" rằng: "Chúng tôi không nghĩ đang làm công tác của một nhà phê bình văn học. Chúng tôi chỉ mạo muội ghi lại một số cảm tưởng về một số hiện tượng văn hóa, văn học, về một số tác giả và tác phẩm, về khuynh hướng của một thời cũng như nhận định cổ võ những cố gắng làm mới văn học và dân tộc, của một số tác giả, của một vài tập thể".

Một số tiểu luận trong tập sách này đã đăng trên Văn Học.

Sách được chia làm ba phần:

Phần 1: Một số vấn đề văn hóa và văn học.

Phần 2: Tưởng niệm (Mai Thảo, Nguyên Sa, Bùi Giáng)

Phần 3: Văn học hôm nay

(đề cập tới tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm thị Hoài, Trần Hoài Thư, Hồ Minh Dũng, Quan Dương, Lâm Chương, Nguyễn văn Sâm

📖 Minh Chánh học sĩ Trần Công Định, ***Truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam trong văn chương đối liễn***, do Văn Mới xuất bản và phát hành, sách dày 406 trang, giá 15 MK.

Đây là một bộ sưu tập khá công phu về những câu đối, liễn viết bằng Hán văn, do một nhà giáo lão thành chuyên về văn học Hán Nôm biên soạn. Sách gồm 9 phần, giới thiệu rạch ròi với xuất xứ và chú thích bình luận các câu đối liễn trong văn học VN qua các thời đại.

Một cuốn sách bổ ích cho các bạn đọc thuộc thế hệ không thông hiểu Hán văn nhưng muốn biết ý nghĩa các câu đối liễn còn ghi ở các di tích đền thờ ở quê hương.

Liên lạc Nhà xuất bản Văn Mới

1528 S. La Cienega Blvd.

Los Angeles CA 90035

Phone: (310) 559-0413.

🕮 Vương văn Đông, ***Binh biến 11-11-1960, Khởi điểm một hành trình...***, hồi ký, Tựa của Luật sư Trần Thanh Hiệp, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 372 trang, giá 18 MK, ngoài Hoa Kỳ 21 MK.

Tập hồi ký chia làm hai phần. Phần 1 gồm 5 chương viết ở Sài Gòn năm 1964, bổ sung và sửa đổi ở Paris năm 1966, phân tích nguyên nhân và tường thuật diễn biến vụ đảo chánh 11.11.60 mà ông là một trong những người chủ xướng. Phần 2 gồm 7 chương được viết 37 năm sau cuộc binh biến gồm đính chính những sai lầm trên báo chí sách vở viết về cuộc binh biến, kể lại cuộc sống lưu vong của mình ở Nam Vang, cuộc hồi hương rồi lại lưu vong của tác giả sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, sau đó là sinh hoạt chính trị của người Việt tị nạn tại Paris.

Theo Trần Thanh Hiệp, tác phẩm này sẽ không làm vừa lòng nhiều người có liên quan trực tiếp đến cuộc binh biến, nhưng người đọc bình thường sẽ "bắt gặp một tư duy chính trị độc đáo và táo bạo trong môi trường Việt Nam."

🕮 Nguyễn Duy Nhiên, ***Lời kinh xưa, buổi sáng này,*** Sinh Thức xuất bản, sách dày 170 trang, Giá 10 MK.

Lời kinh xưa buổi sáng này, như tác giả viết trong Lời Mở, là "một tập sách ghi lại những bài viết nhỏ đã đăng trên báo Sinh Thức trong mấy năm qua. Đây là những chia sẻ về kinh nghiệm thực tập của chúng tôi, cố gắng đem lời Bụt dạy áp dụng vào đời sống của mình".

Kinh nghiệm thực tập Nguyên Duy Nhiên nói tới trong sách là kinh nghiệm thiền quán, thiền hành, dưới sự dẫn dắt của Thiền sư Nhất Hạnh. Cho nên toàn tập rất nhiều thiền vị và thi vị. Điều đó hiển hiện trong lời văn, cách cảm nhận, kể cả cách đặt nhan đề cho từng bài: Trời mây bên ấy, Đóa tường vi vẫn nở, Mùa thu bếp hồng, Buổi sáng ngồi yên, Bóng mây khe núi, Cát bụi muộn phiền...

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Sinh Thức
PO Box 1223 Herdon, VA 20172-1223
Phone: 703-787-3377. Email: sinhthuc@sinhthuc.org

🕮 Vân Phố Hoàng Đống, ***Ngày ấy đợi chờ,*** tiểu thuyết, tác giả xuất bản, sách dày 125 trang, giá 8 MK.

Tuy tác giả xếp tác phẩm của mình vào thể loại "tiểu thuyết", nhưng đúng ra đây là một kịch bản phim. Tác giả tưởng tượng một nhóm thanh

niên trẻ từ Mỹ trở về Việt Nam dùng độc chất ám sát những lãnh tụ lớn của chính quyền, làm một cuộc đảo chánh nhanh gọn, như những điệp viên cỡ James Bond của phim ảnh Tây phương.

Có vẻ Vân Phố Hoàng Đống tin tưởng nhiệt thành vào giải pháp nhanh gọn của mình khi ông viết trong phần mở đầu:

"Ngày Ấy Đợi Chờ là giờ hành động của những người trẻ như Thân, Hồng và Bob quyết đem hết tài trí tiếp tục cuộc đấu tranh của cha ông.

Ngày Ấy Đợi Chờ là đoạn chót dẫn đến khải hoàn môn của dân tộc."

Địa chỉ liên lạc: Hoàng Đống
32 Vista Del Valle
Aliso Viejo, CA 92656
Phone: 949-360-8729

Giải thưởng Dịch Thuật năm 2000 của Chính quyền bang Victoria, Úc Châu (Victoria Premier's Award) về tay Tôn Thất Quỳnh Du với dịch phẩm *The Crystal Messenger*, tức *Thiên Sứ* của Phạm thị Hoài.

Giải thưởng văn học VPA (Victoria Premier's Award) được thiết lập năm 1985, nhân kỷ niệm lần thứ 100 năm sinh của Ông bà Vance và Nettie Palmer. Đây là hai nhà văn và phê bình đã đóng góp rất nhiều vào kho tàng văn chương của bang Victoria và Úc châu. Hàng năm, ủy ban chấm giải chọn lựa tác phẩm xuất sắc nhất được xuất bản ở Úc, tính đến cuối tháng 4, về hai thể loại tiểu thuyết (fiction) và khảo cứu hay nghị luận (non-fiction). Năm nay, ngoài hai thể loại nói trên còn có thêm giải thưởng cho các sáng tác phẩm về kịch nghệ, thi ca, tiểu thuyết thiếu niên và phiên dịch văn chương.

The *Crystal Messenger* tranh giải cùng với hai dịch phẩm khác, *The French Consul's Wife*, do Patricia Clancy và Jeanne Allen dịch, Melbourne University Press xuất bản; và *The Baboon King*, do John Nieuwenhuizen dịch, Allen and Unwin xuất bản. Trị giá của giải thưởng là 12,000 Úc kim. Riêng giải thưởng dịch thuật chỉ được cấp ba năm một lần, cho những dịch phẩm xuất bản hay trình diễn tại Úc châu trong thời gian từ ngày 1 tháng 5 năm 1997 đến ngày 30 tháng 4 năm 2000. Giải thưởng này có tên là The SBS/Dinny O'Hearn Prize for Literary Translation.

Dịch giả Tôn Thất Quỳnh Du sinh năm 1954 tại Huế, Việt Nam, du học tại Úc châu trong khuôn khổ học bổng Colombo về ngành toán học và kỹ thuật tại Đại Học Tasmania. Ông sống ở Tasmania trong 14 năm, Melbourne 12 năm và hiện sống cùng gia đình ở Canberra. Tác giả Phạm thị Hoài là một nhà văn nổi tiếng tại Việt Nam cũng như ở hải ngoại.Các tác phẩm mới của bà gồm *Marie Sến, Lão Phật Di Lặc và nàng Nậm Mây*, xuất bản tại Hoa kỳ. Nhà văn hiện sống với chồng tại Bá Linh, Đức Quốc.

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Tuan Ngo (Silver Spring MA), Nguyễn Trọng Hiền (Altadena CA), Lê Trung Đỉnh (Atascadero CA), Huỳnh thị Tố Linh (Milpitas CA), Phan Anh Tú (Piedmont CA), Tôn Thất Tiết (Paris France), Tôn Nữ Đoan Trang (Switzerland), Trần thị Hà Anh (Phoenix AZ), Chu V. Hai (Alexandria VA), Nguyễn Thanh Sung (Silver Spring MD), Trần Ngọc Toàn (Fairfax VA), Lê Đ. Quý (Cerritos CA), Nguyễn Hữu Tuấn (Allston MA), Nguyễn Thanh Quang (Fairfax VA), Thanh Nguyễn (San Jose CA), Suzy Ngo (Winnetka CA), Nga Tran (Woodinville WA), Hà Nguyên Du (Westminster CA), Ngô Thanh Tùng (Alameda CA), Nguyễn Duy Lân (ngưng mua báo, Orlando FL), Phương Sĩ Đặng (Austin TX), Thái Nguyễn (Chicago IL), Hải Lai Burger (Netherlands), Chi Pham & Dong Tran (Smyrna GA), Phu Thieu or Kim Thieu (Richardson TX), Lê thị May (Amsterdam Holland), Tôn Thất Sơn (Norway), Nguyen An (Rancho Santa Margarita CA), Hung Phan (Tacoma, WA đổi địa chỉ), Thế Dũng (Berlin, Germany), Nguyễn Công Khánh (Denton TX, đổi địa chỉ và gia hạn), Nguyễn H. Lan (Seattle WA, thanh toán tiền báo và đổi địa chỉ), Tô Thùy Yên (Houston TX, đổi địa chỉ)

Bài nhận được qua bưu điện.

"Dạ khúc", Vàng bướm bên ao", "Cố hương", "Trần tình" gửi từ Roslindale MA, "Câu hát đại dương", "Trăng say", "Một ngày chủ nhật", "Mùa thu ra đi không trở lại", "Phong vân" gửi từ Hòa Lan, "Tình yêu mùa thu" gửi từ Chomedey Canada, "Chiều - Đêm - Sáng - Trưa" gửi từ Hawthorne CA, "Bạn ngày xưa" gửi từ Taylors SC, "Gói cỏ Provence", "Cõi khác" gửi từ Rowland Hts. CA, "Nàng Tấm tân thời" gửi từ Fair Oaks CA, Thư Ô. Nguyễn Quảng Tuân, Việt Nam; "Đã ngoài đời nhau" gửi từ Chomedey Canada, "Hết cả", "Ngưng" gửi từ Roxboro PQ Canada, "Lý thuyết tam duy" gửi từ McLean VA.

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện.

Trong tháng Mười 2000, hộp thư e-mail Văn Học đã nhận được một số bài từ xa gửi tới. Trừ trường hợp do trục trặc kỹ thuật các email ấy bị trả lại, những bài khác đều đã tới hộp thư email Văn Học đầy đủ.

Từ tháng Tám, website Văn Học có thêm một địa chỉ mới trên omely.org như thông báo trong Thư Tòa soạn kỳ trước.

RDI PUBLISHING, INC.

P.O. BOX 128
MIDWAY CITY, CA 92655 - USA

Sách mới

VĂN HÓA ẨM THỰC VÀ CÁC MÓN ĂN VIỆT NAM

Xuân Huy sưu tập và giới thiệu
Dày 768 trang, khổ 16x cm, Giá 20.00 Mỹ kim

* Sách tập hợp tương đối có hệ thống về nền văn hóa ẩm thực Việt Nam trên cơ sở gom góp bài viết của nhiều tác giả xưa và nay, có liên quan đến lối ăn uống, triết lý ẩm thực, đồng thời có giới thiệu cụ thể nhiều món ăn Việt Nam truyền thống trên khắp các miền Nam, Trung, Bắc.
* Có những bài viết đã trở thành "kinh điển" như *Phở* của Nguyễn Tuân, *Quà Hà Nội* của Thạch Lam, *Bánh Cuốn* của Vũ Bằng...

TRUYỆN KIỀU TẬP CHÚ

Soạn giả: **Trần Văn Chánh - Trần Phước Thuận - Phạm Văn Hòa**
Dày 1048 trang, khổ 16xcm, Giá 30.00 Mỹ kim.

* Tập hợp đầy đủ chú thích và bình luận của các nhà chú giải *Truyện Kiều* như: Trương Vĩnh Ký, Chiêm Vân Thị, Bùi Khánh Diễn, Phạm Kim Chi, Hồ Đắc Hàm, Tản Đà, Bùi Kỷ-Trần Trọng Kim, Văn Hòe, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Anh...
* Khảo dị đầy đủ và chi tiết.
* Có đối chiếu từ ngữ Truyện Kiều bằng ba ngôn ngữ Hán, Anh, Pháp.
* Bảng tra từ ngữ và điển tích có giá trị như một từ điển về *Truyện Kiều*.
* Có gần 100 hình ảnh minh họa (đen trắng và màu)
* Có phụ lục một bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm thuộc loại xưa nhất.

Độc giả cần thư mục đầy đủ, thư từ xin gửi về địa chỉ trên,
hoặc liên lạc:
Telephone: (714) 531-9844
Fax: (909) 549-3628
E-mail: rdittn@hotmail.com

Du khách nào tới vùng Orange County
cũng đều ghé lại

VĂN KHOA

9200 BOLSA AVE., STE. # 123 ● WESTMINSTER ● CA 92683

(Trong khu Phước Lộc Thọ)

TEL: (714) 892-0801

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD's,
Tự điển, Sách học Anh văn có băng,
Videos, Băng đọc truyện, Poscards

SÁCH MỚI VỀ MÙA THU NĂM 2000

Chuyện Kể Năm 2000 (bộ 2 cuốn, 718 p.)
đã bị tịch thu trong nước, của Bùi Ngọc Tấn $30.00
Ông Trùm Cuối Cùng / The Last Don (634p.)
của tác giả *Bố Già* Mario Puzo $20.00
Hoàn Châu Công Chuá (3 cuốn, 648p..)
Truyện diễm tình mới nhất của Quỳnh Dao $35.00
Từ Bi và Kẻ Thù (212p.)
Những lời dạy vàng ngọc của Đức Đạt Lai Lạt Ma $15.00
Nhìn Quanh Một Mình (48p.)
truyện dài tâm lý xã hội của Nguyễn Ngọc Ngạn $22.00
Tự Học Computer Windows 95 (2 videos)
để học điện toán bằng video cho dễ hiểu dễ nhớ $14.00
Tự Học Computer E-Mail (2 videos)
videos dạy sử dụng e-mail dễ dàng $14.00
Thơ Nguyên Sa Toàn Tập (592p.)
di sản văn học quý giá của cố thi sĩ hàng đầu Nguyên Sa $26.00
Sự Tái Sinh cuả các Lạt Ma Tây Tạng (478 p.)
của đệ tử trung thành Phương Dung $22.00
Em Học Việt Ngữ (4 cuốn, 493p.)
đã dùng trong các chương trình Việt ngữ, Ng. T. Tuyết Long $28.00
Dấu Chân Trên Cát (333p.)
truyện về Ai Cập cổ thời của M. Waltai,Nguyên Phong phóng tác $17.00
Saigon Tuyết Trắng (357p.)
bí mật về chuyến ra đi hỗn loạn 30-4-75 của Vũ Thuỵ Hoàng $18.00
Bên Giòng Sông Hằng (325 p.)
Truyện gợi nhiều suy tư về con người và cuộc đời, V.D. Chu Tác $14.00
Thảm Sát Mậu Thân Tại Huế / The '68 Massacre At Hue (303 p.bilingual)
P.T Giáo Dân $13.00

Ở xa, xin gửi chi phiếu đề cho VĂN KHOA, giá tiền bằng giá ghi trên, miễn cước phí nếu ở Hoa Kỳ.

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____

Quốc gia_____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm,

từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

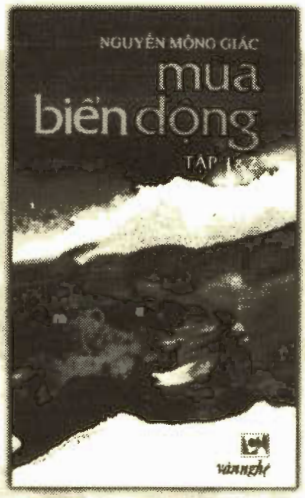

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

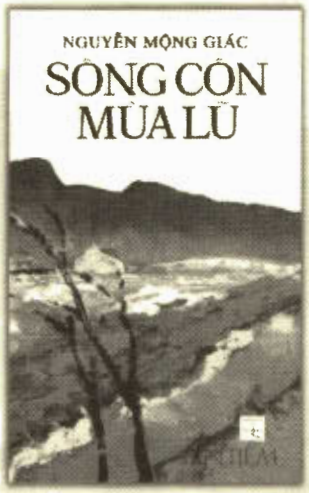

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

SÁCH MỚI, SÁCH MỚI!

NHAN SẮC truyện dài (tái bản) Dương Nghiễm Mậu	10MK
GIAI THOẠI THIỀN SƯ Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch	10MK
BÔNG HỒNG VÀNG Konstantin Paustowsky, Vũ Thư Hiên dịch	15MK
CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG 3 Cuộc chiến Miên Việt, Hoa Việt 1997 biên khảo Hoàng Dung	13MK
NHẬN DIỆN CHÂN DUNG NHÀ VĂN Xuân Sách "vẽ" bằng thơ, Lý Hồng Xuân luận bình	16MK
TRẦM TƯ danh ngôn Võ Hồng	7MK
KHUNG RÊU truyện dài giải thưởng văn chương toàn quốc 1970 Nguyễn Thị Thụy Vũ (tái bản để giúp tác giả còn ở Việt Nam trên rừng Lộc Ninh)	15MK
THE LOVER'S GIFT - Tặng Vật Của Tình Nhân Rabindranath Tagore, bản Việt ngữ Bùi Bảo Trúc	8MK
VĂN HỌC VÀ THỜI GIAN	15MK
BINH BIẾN 11-11-60 hồi ký Vương Văn Đông	18MK
CỬU LONG CẠN DÒNG, BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG tiểu thuyết Ngô Thế Vinh	25MK
VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(ậu h) IỆN ĐẠI phê bình, tiểu luận Nguyễn Hưng Quốc	17MK
ĐỔI MỚI, NIỀM VUI CHƯA TRỌN hồi ký Trần Độ	14MK

Liên lạc
Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
PO.BOX 2301, WESTMINSTER, CA 92683
(714) 934 – 8574.
Email: vannghe@pacbell.net

Giá:$4.00